

# Agatha Christie®

Nhung Nhung dịch

HALLOWEEN PARTY



ÁN MANG  
TRONG TÁC  
BUỔI TIỆC  
HALLOWEEN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Agatha  
Christie

Hercule Poirot #39

ÁN MẠNG  
T IỆ C  
HALLOWE'EN

*Hallowe'en Party (1969)*



Nhung Nhung dịch



## CHƯƠNG 1

Bà Ariadne Oliver đi với người bạn ở cùng, bà Judith Butler, giúp chuẩn bị một bữa tiệc cho các trẻ em trong vùng, diễn ra vào buổi tối hôm ấy.

Khung cảnh hoạt động chuẩn bị lúc này hết sức rộn rịp. Các bà các cô hăng hái đi ra đi vào, người kê bàn, người giúp chuyển những chiếc ghế nhỏ, bê lọ hoa, và rất nhiều quả bí ngô đặt vào những chỗ được định sẵn một cách có chủ ý.

Hôm nay là tiệc Halloween cho các vị khách độ tuổi từ mười đến mười bảy.

Tách ra khỏi đám người hối hả trong phòng, bà Oliver đứng dựa vào bức tường trống, ngắm soi nhìn trái bí ngô khổng lồ trên tay.

“Lần gần đây nhất tôi nhìn thấy bí ngô,” bà nói, tay khẽ vuốt những sợi tóc muối tiêu vương trên vầng trán cao, “là ở Mỹ hồi năm ngoái - cả trăm trái ấy. Bày khắp trong nhà. Đời tôi chưa thấy nhiều bí ngô thế bao giờ. Mà kỳ thực,” bà nói thêm, vẻ trầm ngâm, “tôi chẳng phân biệt nổi đâu là bí ngô và đâu là bí đao. Đây là loại nào nhỉ?”

“Xin lỗi, bồ,” bà Butler vội nói khi vấp phải chân bà bạn.

Bà Oliver càng nép sát vào tường.

“Là lỗi của tôi,” bà nói. “Tại tôi cứ đứng quẩn chân, chần lỗi mọi người đi lại. Nhưng hồi đó họ tổ chức cũng hoành tráng lắm, bao nhiêu là bí ngô, hay bí đao gì đó. Đi đâu cũng thấy, trong cửa hàng cửa hiệu, rồi thì từ nhà ra ngõ, khắp mọi nơi, người ta còn thắp nến hoặc đèn bên trong trái bí, hoặc buộc dây treo chúng lên. Hết sức vui mắt. Nhưng dịp ấy lại không phải trang trí cho tiệc Hallowéen, mà là Lễ Tạ ơn. Tôi thì cứ thấy bí ngô là lại nghĩ đến Hallowéen, tức là cuối tháng 10. Lễ Tạ ơn muộn hơn nhiều chứ nhỉ? Có phải tháng 11 không? Tầm tuần thứ ba của tháng 11 gì đấy? Dẫu sao thì, lại nói, Hallowéen là ngày 31 tháng 10 phải không? Đầu tiên là Hallowéen, rồi sau đó là gì nhỉ? Lễ Các đẳng linh hồn à? Ngày ấy ở Paris người ta đến nghĩa trang và đặt hoa viếng mộ. Cũng không phải ngày lễ buồn thảm gì đâu. Ý là, cả trẻ con cũng đi viếng nữa, và chúng thích thú lắm. Đầu tiên mọi người phải ra chợ hoa và mua thật nhiều nhiều hoa đẹp. Chẳng hoa ở đâu trông đẹp mắt bằng hoa ở Paris bán ở chợ ấy cả.”

Các bà các cô hồi hải qua lại, thi thoảng lại vấp phải bà Oliver, nhưng chẳng ai nghe bà nói. Ai cũng quá bận với công việc đang làm.

Đa số họ là các bà mẹ, có một vài bà cô chưa chồng tháo vát; cũng có những cậu trai mười sáu mười bảy trèo thang hoặc đứng lên ghế để treo đồ trang trí, bí ngô hoặc bí đao, hoặc treo những quả cầu màu sắc sặc sỡ ở ngang tầm mắt; còn các cô bé mười một mười lăm tuổi túm tụm thành nhóm cười khúc khích.

“Rồi sau ngày Các đẳng và viếng mộ ấy,” bà Oliver lại tiếp tục,

khẽ tựa người xuống tay vịn ghế sofa nhỏ, “là đến Lễ Các thánh. Tôi nói có đúng không nhỉ?”

Không ai trả lời bà. Bà Drake, một phụ nữ trung niên quý phái, cũng là gia chủ tổ chức bữa tiệc, cất tiếng tuyên bố:

“Tôi không định gọi đây là tiệc Hallowéen gì cả, dù tất nhiên, nó đúng là như thế. Tôi sẽ gọi đây là bữa tiệc Trên Mười Một Tuổi. Để chỉ độ tuổi người tham dự, hầu hết là những người sắp học hết trường Elms\* và tiếp tục học lên các trường khác.”

“Nhưng gọi thế không chính xác lắm, có đúng không, Rowena?” cô Whittaker nói, tay chỉnh cặp kính không gọng trên mũi, ra vẻ không tán thành.

Cô Whittaker vốn là giáo viên trường làng, rất kỹ tính về chuyện đúng sai trong lời ăn tiếng nói.

“Vì chúng ta đã bãi bỏ chế độ trên mười một tuổi từ lâu rồi mà.”

Bà Oliver đang ngồi tựa vào tay ghế vội đứng dậy, tỏ vẻ hối lỗi. “Nãy giờ tôi chẳng giúp được gì cả, toàn ngồi đây nói chuyện linh tinh về bí ngô với bí đao.” Và cho phép chân mình ngơi nghỉ một lúc, bà nghĩ thầm, lương tâm hơi có chút bứt rứt, nhưng lại chẳng đủ cảm giác tội lỗi để nói to suy nghĩ ấy ra.

“Tiếp theo tôi có thể giúp gì đây?” bà hỏi, rồi chợt thốt lên: “Mấy quả táo này đẹp quá đi mất!”

Ai đó mới bưng một tô lớn đựng táo vào đặt trong phòng. Bà Oliver vốn rất mê táo.

“Táo đỏ đẹp quá,” bà tấm tắc khen.

“Ăn không ngon lắm đâu,” bà Rowenda Drake tiếp lời. “Nhưng

được cái trông đẹp mắt và hợp với buổi tiệc. Chỗ táo này là để cho bọn trẻ chơi trò dùng miệng lấy táo trong thau nước. Chúng khá mềm nên dễ cắn hơn. Bưng tô này vào trong phòng đọc sách được không, Beatrice? Trò cắn táo này lúc nào cũng làm nước bắn tung tóe khắp sàn, nhưng thôi kệ, thăm phòng đọc sách đằng nào cũng cũ rồi. Ôi! Cảm ơn cháu nhé Joyce.”

Joyce, cô bé mười ba tuổi người rắn rỏi, hăng hái bưng tô đựng táo lên. Hai quả bị rơi xuống sàn và lăn tới chân bà Oliver thì ngừng lại, như thể có ai vẫy đũa phép điều khiển chúng vậy.

“Bà thích táo mà, phải không,” Joyce nói. “Cháu có đọc được là bà thích táo, hoặc có khi cháu nghe trên tivi người ta nói thế cũng nên. Bà chính là người hay viết truyện trinh thám đúng không ạ?”

“Đúng vậy,” bà Oliver đáp.

“Chắc phải mời bà làm gì đó liên quan đến mấy vụ án mạng mới được. Bà dựng một vụ án mạng trong buổi tiệc tối nay và cho mọi người phá án đi.”

“Không, cảm ơn cháu,” bà Oliver nói. “Đủ lắm rồi.”

“Là sao ạ? Sao lại đủ lắm rồi?”

“Ờ thì, ta từng làm thế một lần, và kết quả không thành công chút nào,” bà Oliver nói.

“Nhưng bà đã viết rất nhiều sách,” Joyce hào hứng, “bà kiếm được rất nhiều tiền nhờ đó phải không ạ?”

“Ở một chừng mực nào đó,” bà Oliver đáp, tâm trí lang thang trở về Inland Revenue.

“Và bà có một thám tử là người Phần Lan nữa.”

Bà Oliver thừa nhận. Một cậu bé khác trông có vẻ lãnh đạm, bà Oliver đoán hẳn phải hơn mười một tuổi, nói với vẻ nghiêm nghị: “Sao lại là Phần Lan?”

“Ta cũng thường tự hỏi như thế,” bà Oliver thành thực trả lời.

Bà Hargreaves, vợ người đánh đàn ông ở nhà thờ thờ hỗn hển bước vào phòng, tay bê một xô nhựa lớn màu xanh lá cây.

“Cái này thì sao,” bà nói, “để chơi trò cắn táo ấy? Có vẻ màu mè rục rở đấy, tôi nghĩ thế.”

Cô Lee, người bán thuốc theo toa bác sĩ, đáp: “Xô mạ kẽm thì tốt hơn. Thế mới khó lật. Bà định đặt cái này ở đâu đây, bà Drake?”

“Tôi đã nghĩ trò cắn táo nên tổ chức trong phòng đọc sách. Tắm tắm phòng ấy cũng đã cũ rồi, và thể nào cũng có nước vương vãi cho xem.”

“Được rồi. Vậy để chúng tôi bưng xô này theo luôn. Rowena, đây thêm một giỏ táo nữa này.”

“Để tôi giúp,” bà Oliver xăng xái.

Bà nhặt hai quả táo dưới chân lên. Gần như quên bằng mắt mình đang làm gì, bà đưa một quả lên miệng cắn và bắt đầu nhai rau ráu. Bà Drake đưa tay giật lại quả táo thứ hai và đặt trở vào giỏ. Cả phòng dậy lên tiếng nói chuyện ồn ào.

“Vâng, nhưng giờ biết tìm đâu ra hoa mồm sói?”

“Bà phải có hoa mồm sói đặt trong phòng đọc sách chứ, đây chắc là phòng tối nhất nhà rồi.”

“Không, chúng ta phải đặt hoa trong phòng ăn.”

“Ta phải phủ cái gì lên bàn trước đã.”

“Bàn đã bọc một lớp vải len tuyết dài, rồi lại phủ một tấm cao su lên nữa.”

“Thế còn các tấm gương? Chúng ta sẽ nhìn được các ông chồng trong đó chứ?”

Len lén cởi giày và vẫn khế nhai miếng táo trong miệng, bà Oliver lại thả người trở xuống chiếc sofa nhỏ và chăm chú quan sát căn phòng đầy người qua lại. Lúc này bà bắt đầu dùng đầu óc nữ tác giả của mình để suy nghĩ: “Giờ thì, nếu mình định viết một cuốn sách về tất cả những người này, mình nên viết gì nhỉ? Họ đều là những người tử tế, mình nghĩ là vậy, nhưng ai mà biết được?”

Một mặt, bà cảm thấy thật thú vị khi không biết gì về họ. Tất cả đều sống ở Woodleigh Common, vài người bà có biết đôi chút qua lời kể của Judith. Cô Johnson - hình như có liên quan nhà thờ, nhưng không phải là em gái của mục sư. À không, cô ấy là em người đánh đàn ống mới phải, đúng rồi. Rowena Drake, hình như chuyên chỉ đạo các hoạt động chung trong vùng Woodleigh Common này. Và cả người phụ nữ đang thở hổn hển sau khi bùng cái xô nhựa lúc nãy, một cái xô xấu đến phát gớm. Bản thân bà Oliver vốn chẳng bao giờ ưa nổi đồ nhựa. Rồi bọn trẻ con và các cô cậu tuổi choai.

Đến bây giờ tất cả chỉ mới là những cái tên trong đầu bà Oliver. Cô bé Nan này, Beatrice này, Cathie, Diana này và Joyce, một cô bé khoác lác và hay hỏi lung tung. Mình không thích cô bé Joyce này lắm, bà Oliver thầm nghĩ. Cô bé kia tên là Ann, trông cao ráo và kẻ cả. Rồi hai cậu thiếu niên, hình như thích thử các kiểu tóc khác lạ, chỉ có điều kết quả không được tốt đẹp lắm.



Một cậu bé người nhỏ nhắn rụt rè bước vào phòng.

“Mẹ bảo cháu đem những tấm gương này đến xem có dùng được không,” cậu nói, giọng như hụt hơi.

Bà Drake đón lấy các tấm gương: “Cảm ơn cháu nhiều nhé, Eddy.”

“Chỉ là gương cầm tay bình thường thôi mà,” cô gái tên Ann lên tiếng. “Có thật bọn cháu sẽ nhìn thấy mặt chồng tương lai trong đó không?”

“Có đứa sẽ thấy, có đứa không,” Judith Butler đáp, vẻ bí hiểm.

“Bà đã bao giờ thấy mặt chồng mình khi đến một bữa tiệc chưa ạ - ý cháu là những bữa tiệc như thế này này?”

“Tất nhiên là chưa rồi,” Joyce đáp thay.

“Có lẽ bà ấy đã thấy rồi,” Beatrice lên giọng kể cả. “Cái đó người ta gọi là giác quan thứ sáu,” cô bé nói thêm, giọng hài lòng vì mình thông thạo những từ ngữ hợp thời.

“Cháu đã đọc truyện của bà,” Ann nói với bà Oliver, “*The Dying Goldfish*. Cuốn đó hay đấy ạ.” cô bé lịch sự tán dương.

“Cháu lại không thích cuốn đó,” Joyce lên tiếng. “Không đủ máu me. Cháu thích những vụ án đồ máu thật nhiều ấy.”

“Thế thì hơi bần,” bà Oliver nói, “cháu không thấy vậy sao?”

“Nhưng rất ly kỳ,” Joyce đáp.

“Cũng không hẳn,” bà Oliver nói.

“Cháu đã chứng kiến một vụ án mạng đấy,” Joyce la lên.

“Đừng có ăn nói hàm hồ vậy chứ, Joyce,” cô giáo Whittaker lên tiếng.

“Cháu có thấy thật mà,” Joyce khẳng định.

“Thật thế sao?” Cathie hỏi, mắt mở to nhìn Joyce chăm chăm, “án mạng thật luôn à?”

“Tất nhiên là cô bé chưa thấy rồi,” bà Drake xen vào. “Đừng nói linh tinh nữa, Joyce.”

“Cháu có thấy một vụ giết người thật mà,” Joyce khẳng định. “Cháu có thấy. Cháu thấy thật.”

Một cậu trai mười bảy tuổi đứng chênh vênh trên cái thang gần đó nhìn xuống, vẻ thích thú.

“Án mạng kiểu gì?” cậu hỏi.

“Tớ chẳng tin,” Beatrice nói.

“Tất nhiên là không rồi,” mẹ của Cathie lên tiếng. “Con bé chỉ đang bịa chuyện thôi.”

“Cháu không bịa. Cháu đã nhìn thấy thật.”

“Thế tại sao cậu không báo cảnh sát?” Cathie hỏi vặn.

“Bởi vì lúc ấy tớ không biết đó là một vụ giết người. Phải mãi về sau này tớ mới bắt đầu hiểu đó là giết người. Cách đây khoảng một hai tháng khi nghe một người nói chuyện, tớ mới nhận ra: Ôi đúng rồi, đó là một vụ giết người.”

“Các cậu thấy chưa,” Ann cất giọng, “nó đang bịa chuyện mà. Thật vô lý hết sức.”

“Chuyện xảy ra lúc nào vậy?” Beatrice tò mò.

“Mấy năm trước rồi,” Joyce đáp. “Hồi đó tớ còn nhỏ,” cô bé nói thêm.

“Ai giết ai thế?” Beatrice hỏi.

“Tớ chẳng nói ra ở đây đâu,” Joyce nói. “Mọi người sẽ chết khiếp cho mà xem.”

Cô Lee bưng vào một cái xô khác. Cuộc nói chuyện chuyển sang chủ đề so sánh xem xô kẽm hay xô nhựa hợp với trò cắn táo hơn. Những người tình nguyện kéo sang phòng đọc sách để xem xét ngay tại chỗ. Một số thành viên trong nhóm thanh niên, có thể gọi như vậy, hăng hái chứng tỏ mình đúng về ưu nhược điểm của từng xô bằng cách chơi thử trò chơi. Các mái đầu bắt đầu bị ướt, nước vương vãi khắp nơi, mọi người lại chuyền khăn cho nhau để lau sàn. Cuối cùng, quyết định được đưa ra là dùng xô kẽm. Xô nhựa tuy có mã ngoài màu mè nhưng lại dễ lật.

Bà Oliver đặt một tô táo lớn xuống bàn, chỗ táo này vốn để dành cho ngày mai, và một lần nữa bà lại tự nhón một quả ăn.

“Cháu có đọc trên báo là bà rất thích ăn táo,” giọng bắt quả tang của Ann, hay Susan gì đó, bà Oliver không chắc lắm.

“Đó là tật xấu khó chữa của ta,” bà đáp lại.

“Nếu đó là trò cắn dưa gang thì sẽ vui hơn nhiều,” một cậu bé phản đối. “Chúng rất mong nước. Cứ thử nghĩ chơi xong nó be bét thế nào,” cậu ta thích thú tưởng tượng, mắt nhìn xuống thảm.

Bà Oliver thấy có chút tội lỗi khi bị hài tội tham lam giữa chỗ đông người, liền rời đi. Bà nghĩ tới phòng vệ sinh, cũng khá dễ tìm. Khi đi lên cầu thang và rẽ ở chiều nghỉ, bà va phải hai đứa trẻ, một trai và một gái, đang quần quýt lấy nhau, lưng ép chặt vào cánh cửa căn phòng mà bà Oliver đang rất cần vào. Đôi trẻ không hề để tâm đến bà, mãi mê hôn và ôm áp nhau. Bà Oliver thầm nghĩ, không biết chúng bao nhiêu tuổi. Cậu con trai tầm khoảng mười lăm tuổi, còn

cô bé chắc chỉ chừng mười hai, dù nhìn ngực cô bé có thể đoán phải dậy thì rồi.

Căn nhà Vườn Táo này khá rộng rãi. Theo bà cảm nhận, nó có không ít góc khuất và yên tĩnh, không hiểu sao... Có những con người thật ích kỷ, bà Oliver bắt đầu cáu. Chẳng hề nghĩ cho người khác. Cụm từ trừ danh đó lại vọng về từ quá khứ, vắng vắng trong đầu bà. Từ bé đến lớn, đã có bao nhiêu người thay nhau nói với bà câu đó, từ cô giữ trẻ, bảo mẫu, nữ gia sư, bà của bà, hai người bà họ hàng, mẹ của bà, và vài người khác.

“Cảm phiền hai cháu,” bà Oliver nói lớn, giọng rành rọt.

Anh chàng và cô nàng thậm chí càng ôm ghì hơn, đôi môi ép chặt vào nhau.

“Phiền hai cháu,” bà Oliver nhắc lại, “phiền hai cháu cho ta đi qua một chút được không? Ta muốn vào cửa.”

Đôi trẻ miễn cưỡng tách nhau ra, nhìn bà với ánh mắt hết sức bất bình. Bà Oliver bước qua, đóng sập cánh cửa và kéo chốt lại.

Cánh cửa này vốn khép không chặt, nên tiếng nói từ bên ngoài vẫn có thể vọng đến tai bà.

“Sao không tế nhị chút nào vậy?” tiếng người nói vọng vào, giọng vẫn còn chưa vỡ hẳn. “Họ nhìn là phải biết chúng ta không muốn bị làm phiền chứ.”

“Có những người thật ích kỷ,” giọng nữ lạnh lạnh chen vào. “Chỉ biết nghĩ đến bản thân, chẳng để ý gì đến ai khác.”

“Thật chẳng hề suy nghĩ cho người khác,” cậu trai nói.



## CHƯƠNG 2

Chuẩn bị tiệc cho trẻ em thường mất nhiều công sức và phiền phức hơn là tổ chức một hoạt động giải trí nào đó cho những người trưởng thành. Với người lớn, chỉ cần thức ăn vừa đủ ngon kèm chút đồ uống có cồn phù hợp là có một bữa tiệc. Chi phí có thể cao hơn một chút, nhưng sẽ ít phiền phức hơn rất nhiều. Ariadne Oliver và người bạn Judith Butler cùng đồng tình với nhau ở điểm này.

“Thế còn tiệc cho đám trẻ mới lớn?” Judith nói.

“Tuổi đó thì tôi lại không rành,” bà Oliver đáp.

“Ở mức độ nào đó, tôi nghĩ tiệc cho đám trẻ mới lớn lại ít phiền phức nhất,” bà Judith nói. “Thường tụi nó sẽ đuổi hết người lớn chúng ta ra ngoài. Và khăng khăng đòi tự làm tất tần tật.”

“Nhưng tụi nó có tự làm được không?”

“Chắc chắn là không rồi, theo người lớn chúng ta mà nói,” Judith đáp. “Thế nào chúng cũng sẽ quên cái này cái kia, và đặt mua một đồng những thứ chẳng ai thèm. Sau khi đã tổng khur người lớn đi, chúng sẽ lại kêu ca người lớn lẽ ra nên chuẩn bị trước cho chúng. Chúng sẽ làm đổ bể cả đồng ly chén, và nhiều thứ khác, rồi thế nào cũng sẽ có một đĩa chẳng ai ưa xuất hiện, hoặc ai đó rử một đĩa

bạn chẳng ai ưà đến. Bà cũng biết mấy chuyện như vậy rồi đấy. Thêm mấy thứ thuốc phiện kỳ cục và - tụi nó gọi là gì nhỉ? - cần sa hay lá gai tím hay mấy chất gây ảo giác L.S.D gì đó, vậy mà hồi đầu tôi cứ tưởng ý tụi nó ám chỉ tiền; hóa ra không phải.”

“Chắc là đắt tiền lắm,” bà Oliver đoán.

“Cảm giác rất khó chịu, mà lá gai mùi rất ghê.”

“Loại nào nghe cũng thấy ớn quá,” bà Oliver nói.

“Dù sao thì tiệc tối nay sẽ đâu ra đó thôi. Cứ tin vào tay nghề của Rowena Drake. Bà ấy tổ chức thì miễn chê. Bà sẽ thấy.”

“Tôi không hứng thú tham gia tiệc tùng lắm,” bà Oliver thở dài.

“Bà lên lầu nằm nghỉ chừng một tiếng đi. Rồi xem, bà sẽ thích bữa tiệc khi quay lại đây. Tôi ước giá mà Miranda không bị cảm - không đi được con bé buồn lắm, thật tội nghiệp con tôi.”

Bữa tiệc bắt đầu lúc bảy giờ rưỡi. Ariadne Oliver phải thừa nhận là bà bạn của mình đã nói đúng. Khách khứa đến rất đúng giờ. Mọi thứ diễn ra tuyệt vời ngoài mong đợi. Tiệc được lên kế hoạch chu đáo, tổ chức tốt và diễn ra nhịp nhàng như cỗ máy đồng hồ vậy. Đèn màu xanh đỏ được giăng dọc cầu thang, trang hoàng cùng vô số quả bí đỏ. Các cô bé, cậu bé háo hức đến dự tiệc, cầm theo những chiếc cán chổi trang trí cầu kỳ để tham dự một cuộc thi. Sau màn chào hỏi, Rowena Drake công bố chương trình cụ thể của buổi tối.

“Trước tiên sẽ là phần chấm điểm cho cuộc thi trang trí cán chổi,” bà nói, “có ba giải, nhất, nhì và ba. Sau đó là đến trò chơi cắt bánh bột, diễn ra ở bên nhà kính nhỏ. Rồi tiếp đến là cuộc thi dùng miệng gấp táo - trên tường phía đằng kia có treo một tờ danh sách chia đội cho trò chơi này. Cứ mỗi lần đèn tắt là các cháu phải đổi bạn chơi.

Sau đó các cô gái sẽ đến phòng đọc sách nhỏ đằng kia, sẽ có người phát gương cho các cháu. Rồi sẽ vào phần ăn tiệc, chơi trò Rồng tấp\* và trao giải.”

Giống như mọi bữa tiệc, ban đầu mọi thứ hơi lộn xộn. Mọi người chăm điểm trang trí cán chổi trước tiên. Thật ra chúng đều là những chiếc chổi giả thu nhỏ, và phần trang trí thực sự chưa đạt đến mức xuất sắc. “Nhờ thế mà chăm điểm lại dễ,” bà Drake đứng một bên nói với bạn. “Và vậy cũng đỡ, vì trong đám này luôn có những đứa bé tôi biết quá rõ, đến mức chắc chắn tụi nó sẽ chẳng bao giờ thắng nổi giải thưởng gì trên đời này, nên tôi sẽ du di, chăm điểm ăn gian một chút ở đây.”

“Vậy chẳng trung thực gì cả, Rowena à.”

“Đâu có. Tôi chỉ sắp xếp để mọi thứ công bằng và mỗi người đều có phần như nhau thôi. Nói cho cùng ai mà chẳng muốn thắng cái gì đó.”

“Cuộc thi cắt bột là như thế nào?” Ariadne Oliver hỏi.

“À phải rồi, hồi trước chúng tôi tổ chức bà không có mặt ở đây. Thế này, bà đổ bột vào một chiếc ly, nén thật chặt trong ly, sau đó úp cục bột đã đóng khuôn đó ra khay và đặt một đồng xu sáu lên trên. Rồi mỗi người sẽ lần lượt cắt dọc từng lát bột, phải cắt thật khéo để không làm sụp đổ bột và đổ sứt đồng xu xuống. Cứ ai làm đổ đồng xu thì bị loại. Giống như đấu loại vậy. Người trụ lại đến cuối tất nhiên sẽ được sáu xu đó. Giờ thì, chúng ta đi thôi.”

Và thế là cả hai ra khỏi phòng. Tiếng hò hét náo động từ phòng đọc sách vọng ra, trò cắn táo đang vào lúc gay cấn, những đứa trẻ rời khỏi cuộc chơi với đầu tóc ướt nhẹp, người cũng sưng nước.

Một trong những giây phút được các cô gái mong đợi nhất trong bữa tiệc là khi bà phù thủy Hallowéen bước vào. Vai phù thủy đó do bà Goodbody, người phụ nữ làm nghề lau dọn trong vùng, đảm nhận, về tướng mạo bà Goodbody không chỉ có chiếc mũi khoằm gần chạm môi cực kỳ hợp vai, mà còn có khả năng giả giọng thì thào ghê rợn và bí ẩn rất đáng nể. Bà ta thậm chí còn có thể tự phóng tác những câu thơ thần chú vần nhau dễ tẻ.

“Giờ thì, đi với ta nào, Beatrice, con là Beatrice đúng không? À, một cái tên thật thú vị. Giờ con muốn biết chồng tương lai trông như thế nào. Đây, ngồi xuống đi, cưng. Phải, phải, dưới ánh đèn ở đây. Ngồi xuống và cầm chiếc gương nhỏ này, chỉ một chút nữa thôi khi đèn tắt, con sẽ thấy chồng mình hiện ra. Con sẽ thấy anh ta qua vai, đằng sau. Giờ giữ gương cho chắc nha. *Abracadabra*, sẽ là ai đây? Gương mặt của người tôi sẽ lấy. Beatrice, Beatrice, con sẽ thấy, gương mặt của người sẽ làm tâm trí con ngất ngây.”

Một tia sáng bất ngờ chiếu vụt qua căn phòng từ chỗ chiếc thang gấp đặt sau một bức màn. Ánh sáng lọt đúng vào nơi Beatrice ngồi, phản chiếu qua chiếc gương mà cô bé đang hồi hộp cầm trên tay.

“Ôi!” Beatrice kêu lên. “Cháu thấy anh ấy rồi. Cháu đã thấy anh ấy! Cháu thấy anh ấy trong gương của cháu!”

Tia sáng vụt tắt, đèn sáng trở lại và một bức ảnh màu dán lên trên một lá bài lơ lửng bay từ trần nhà rơi xuống. Beatrice thích thú nháy nhót.

“Là anh ấy đấy! Là anh ấy đấy! Cháu đã nhìn thấy anh ấy,” cô bé reo lên. “Ôi, anh ấy có một bộ râu màu hoe cực kỳ duyên.”

Cô bé nhào đến khoe với người đứng gần mình nhất khi ấy là bà



Oliver.

“Cháu nhìn thấy rồi, cháu nhìn thấy rồi. Bà có thấy anh ấy thật tuyệt vời không? Anh ấy giống ca sĩ Edddie Presweight. Bà có nghĩ thế không?”

Đúng là bà Oliver thấy cậu ta giống mấy gương mặt bà đã phát ngán trên báo buổi sáng. Bộ râu, bà thầm nghĩ, là một cách hóa trang thêm hết sức sáng tạo.

“Ở đâu ra tất cả những thứ này vậy?” bà hỏi.

“Ồ, Rowena nhờ Nicky làm đó. Và thêm Desmond bạn cậu ấy giúp một tay nữa. Cậu ta phải làm bao nhiêu tấm ảnh mới được. Cậu ta cùng với mấy người bạn tự hóa trang, đội tóc tai, hoặc gắn râu quai nón hoặc râu chòm đủ kiểu. Rồi sau đó chiếu đèn lên cậu ta, tất nhiên là trò này làm cho các cô nàng mê tí.”

“Tôi phải nói là,” bà Ariadne Oliver ngán ngẩm, “các cô gái trẻ ngày nay thật ngốc nghếch hết sức.”

“Vậy ra bà không thấy trước giờ các cô gái vẫn luôn ngốc nghếch sao?” Rowena Drake hỏi.

Bà Oliver ngẫm nghĩ một hồi, rồi thừa nhận: “Có lẽ bà nói đúng.”

“Giờ thì,” bà Drake hô lớn: “Đến lúc nhập tiệc rồi.”

Bữa ăn diễn ra vui vẻ, với bánh ngọt phủ kem dày, bánh mặn, tôm, phô mai và các loại đậu. Bọn trẻ “trên mười một tuổi” nhào vào ăn ngấu ngiến.

“Và bây giờ,” Rowena cất lời, “đến phần cuối cùng của buổi tối. Trò Rồng táp. Phía đằng kia, qua các bàn thức ăn. Đúng rồi đó. Giờ thì. Công bố các giải thưởng trước.”

Các giải thưởng được xướng lên, và rồi bỗng có một tiếng hét the thé vang lên. Lũ trẻ ùa qua hành lang trở lại phòng ăn.

Thức ăn đã được dọn đi sạch sẽ. Chiếc bàn dài giờ trải dọc một dải len màu xanh lá, và trên đó là một chiếc đĩa lớn đựng nho khô đang cháy bập bùng. Lũ trẻ reo ầm lên thích thú, nhào đến bốc những hạt nho khô nóng rực, miệng không ngừng xuýt xoa: “Ui da, tởn bỏng rồi! Trò này vui nhỉ?” Từ từ, đám nho khô cháy lập lòe rồi tắt lụi. Đèn sáng. Tiệc tàn.

“Hôm nay thành công mỹ mãn,” Rowena hồ hởi.

“Phải thành công chứ, bà đã bỏ biết bao nhiêu công sức mà.”

“Thích quá,” Judith khẽ reo lên. “Thật là tuyệt!”

“Giờ thì,” bà này xiu giọng, “chúng ta sẽ phải dọn dẹp chút đỉnh đây. Mình không thể nào bỏ mặc mọi thứ tới sáng mai cho mấy bà giúp việc tội nghiệp được.”



## CHƯƠNG 3

Điện thoại reo lên trong một căn hộ ở London. Chủ nhà, Hercule Poirot tựa mình trong chiếc ghế bành. Nỗi thất vọng chợt ập đến. Chẳng cần nghe điện thoại ông cũng biết trước nội dung là gì. Hôm nay ông định dành buổi tối ngồi tán gẫu cùng ông bạn Solly, khơi lại cuộc tranh cãi không hồi kết giữa hai người về thủ phạm thực sự trong vụ giết người ở nhà tắm hơi công cộng phố Canning. Nhưng giờ chắc chắn ông ta đang gọi để báo là không tới được. Poirot đã bỏ công thu thập trước kha khá bằng chứng để chứng minh cho giả thuyết có phần xa vời của mình, nên ông không tránh khỏi cảm giác thất vọng tràn trề. Lần này ông không kỳ vọng Solly sẽ đồng tình với những giả định của mình, nhưng ông đoán chắc là khi đến lượt Solly đưa ra những ý tưởng viển vông của ông ta, thì Hercule Poirot này sẽ có thể dễ dàng lật đổ chúng bằng sáng suốt, logic, nguyên tắc và phương pháp. Thật bực mình nếu Solly không đến được hôm nay, đó là nói nhẹ đi rồi. Nhưng đúng là khi hai người gặp nhau hồi sáng, Solly đã ho khù khụ và có triệu chứng chảy nước mũi dễ truyền nhiễm.

“Ông ấy bị cảm nặng,” Hercule Poirot làm bầm, “và chắc chắn dù

ở đây có sẵn bao nhiêu thứ thuốc thì ông ấy cũng đã lây bệnh sang cho mình rồi. Ông ấy không đến thì hơn. *Tout de même*,” ông nói thêm, kèm một tiếng thở dài, “vậy có nghĩa tối nay sẽ là một buổi tối chán ngắt.”

Dạo này các buổi tối thường chán ngắt, Hercule Poirot nghĩ. Trí tuệ siêu việt của ông (điều này Poirot không hề hoài nghi) cần chút kích thích hoạt động từ bên ngoài. Đầu óc ông chưa bao giờ chịu tĩnh lặng để nghiền ngẫm theo kiểu của các triết gia. Đôi khi Poirot cũng có chút tiếc nuối vì ngày xưa đã không theo con đường nghiên cứu thần học mà lại tham gia vào lực lượng cảnh sát. Có bao nhiêu thiên thần có thể khiêu vũ trên mũi kim;\* Poirot tưởng tượng nếu có một vấn đề hết sức quan trọng và sẵn sàng tranh luận nảy lửa với bạn đồng môn chắc sẽ thú vị lắm.

George, gia nhân của ông, bước vào phòng.

“Là ngài Solomon Levy gọi đến, thưa ngài.”

“À phải,” Hercule Poirot đáp.

“Ngài ấy rất tiếc không thể ghé qua tối nay như đã hẹn. Ngài ấy đang phải nằm nghỉ do bị cảm cúm khá nặng.”

“Ông ấy không cúm kiểc gì đâu,” Hercule Poirot nói. “Ông ta chỉ cảm lạnh thôi. Mọi người lúc nào cũng thích nghĩ mình bị cảm cúm. Bệnh đó nghe có vẻ nghiêm trọng hơn. Người bị bệnh cũng dễ được thương cảm hơn. Còn cảm lạnh sổ mũi thì không đủ khiến bè bạn mũi lòng.”

“Vậy tối nay ngài ấy không sang được lại tốt, thưa ngài,” George nói. “Bệnh cảm lạnh nóng đầu thường rất dễ lây. Lỡ ngài bị nhiễm bệnh thì không hay chút nào.”

“Đúng là sẽ cực kỳ kinh khủng,” Poirot đồng tình.

Điện thoại đổ chuông lần nữa.

“Giờ đến lượt ai bị cảm lạnh đây?” ông hỏi. “Tôi có mời thêm ai nữa đâu.”

George định qua phòng khác nghe điện thoại.

“Để tôi nghe máy trong này,” Poirot nói. “Chắc cũng chẳng có gì đặc biệt đâu. Nhưng không chừng...” Ông nhún vai “...nó lại giúp tôi giết thời gian. Ai mà biết được?”

George đáp lại: “Vâng, thưa ngài,” và ra khỏi phòng.

Poirot vươn tay nhắc ống nghe, tiếng reng inh ỏi lập tức ngưng bật.

“Hercule Poirot xin nghe,” ông trình trọng cất lời, ngữ điệu lịch thiệp với đầu dây bên kia.

“Ôi may quá!” một giọng nữ reo lên, có chút hụt hơi. “VẬY mà tôi cứ nghĩ chắc là ông đi vắng, cứ lo ông không có nhà.”

“Sao bà lại nghĩ thế?” Poirot thắc mắc.

“Là vì dạo này tôi có cảm giác tôi gặp chuyện gì cũng sẽ bị cản trở. Đúng lúc có chuyện cấp bách chẳng hạn, cần gặp ai đó ngay lập tức, không thể đợi được nữa, thì thể nào tôi cũng sẽ phải đợi. Tôi có chuyện tìm ông gấp - khẩn cấp lắm rồi.”

“Xin hỏi bà là ai?” Hercule Poirot nói.

Giọng nữ đầu dây bên kia không giấu nổi ngạc nhiên, hỏi lại:

“Chẳng lẽ ông không biết?”

“Có, tôi biết chứ,” Hercule Poirot đáp lại. “Bà là bạn của tôi, Ariadne.”

“Và tôi đang gặp một chuyện cực kỳ khủng khiếp,” Ariadne tiếp lời.

“Có, có, tôi nghe là biết. Bà vừa phải chạy hay sao? Bà có vẻ hụt hơi, phải không?”

“Cũng không hẳn là chạy. Là do tôi cuống quá mà thôi. Liệu tôi có thể đến gặp ông ngay bây giờ được không?”

Poirot ngẫm nghĩ vài giây trước khi trả lời. Bạn của ông, bà Oliver có vẻ đang ở trạng thái cực kỳ kích động. Dù là chuyện gì xảy ra, chắc chắn bà ấy cũng sẽ dành một lúc lâu để ỉ ôi than vãn, trút hết những thống khổ, tuyệt vọng hay bất cứ thứ gì đang đè nặng trong đầu bà ấy. Một khi bà Oliver đã yên vị ở phòng làm việc của Poirot, thì sẽ rất khó đuổi khéo bà ấy về mà không phải bất lịch sự. Các đề tài mà bà Oliver hào hứng thì nhiều vô kể, và thường không ngờ tới, nên phải rất cẩn trọng khi khơi chủ đề bàn luận.

“Bà gặp chuyện không vui à?”

“Vâng. Tất nhiên là tôi gặp chuyện không vui rồi. Tôi không biết phải làm gì. Tôi không biết. Ôi, tôi không biết gì hết. Giờ tôi chỉ nghĩ được là phải đến kể với ông - kể cho ông chuyện mới xảy ra, vì chắc chỉ có ông mới biết nên làm gì. Ông sẽ chỉ tôi nên làm gì. Vậy giờ tôi qua nhà ông được không?”

“Tất nhiên là được chứ, được chứ. Tôi sẽ rất vui được đón tiếp bà.”

Đầu dây bên kia lập tức dập máy thật mạnh. Poirot lập tức gọi George đến, ông ngẫm nghĩ một lát rồi dọn chuẩn bị nước chanh pha barley, chanh đắng và một ly brandy cho mình.

“Khoảng 10 phút nữa bà Oliver sẽ tới,” ông nói.

George lui ra, sau đó quay lại với một ly brandy cho Poirot. Ông đón lấy và gật đầu về hài lòng. George tiếp tục đi chuẩn bị thức uống giải rượu, chắc chắn là dành riêng cho bà Oliver.

Poirot nhấp một ngụm brandy, nhâm nhi trong miệng, chuẩn bị tinh thần cho bão tố sắp ập đến.

“Thật tiếc,” ông lẩm bẩm một mình, “là bà ấy lại có tính lơ đãng. Dẫu sao, bà Oliver cũng có tư duy rất mới lạ. Biết đâu mình sẽ thích thú với chuyện bà ấy sắp kể. Nhưng biết đâu...” Ông ngẫm nghĩ một chút “...lại tốn của mình hết cả buổi tối, rồi hóa ra chỉ là một chuyện cực kỳ ngớ ngẩn. *Eh bien*, trong đời phải liều vài phen.”

Tiếng chuông lại vang lên. Lần này là tiếng chuông cửa. Và không chỉ là một tiếng chuông bấm lịch sự. Tiếng chuông kéo dài réo rắt và gay gắt, vị khách chắc chắn đã giữ chặt nút bấm thật lâu, cố gắng để gây ra tiếng đình tai nhức óc cho đến khi có người mở cửa.

“Rõ rồi, bà ấy hẳn đang cuống lắm,” Poirot nói.

Ông nghe tiếng George bước ra mở cửa, và trước khi ông quản gia kịp nói vài lời trang trọng thì cánh cửa căn phòng Poirot đang ngồi đã bật mở và Ariadne Oliver ủa vào, theo sau là George, trên tay cầm cái gì đó giống như mũ đi mưa lười ngược của ngư dân và áo mưa.

“Bà đang mặc cái gì thế kia?” Hercule Poirot thốt lên. “Để George cầm giúp bà. Ướt sũng rồi kìa.”

“Tất nhiên là ướt rồi,” bà Oliver nói. “Bên ngoài đang mưa tầm tã. Tôi chưa bao giờ để ý đến nước cả. Nghĩ đến thôi cũng khiếp rồi.”

Poirot nhìn bà tò mò.

“Bà có muốn dùng chút nước chanh barley không, hay tôi có thể mời bà dùng thử một ly *eau de vie*.”

“Tôi ghét nước,” bà Oliver đáp.

Poirot không giấu nổi vẻ ngạc nhiên.

“Tôi căm ghét nước. Tôi chưa từng nghĩ đến nó bao giờ. Về những chuyện kinh khủng mà nước có thể gây ra, và mọi thứ.”

“Bạn thân mến của tôi,” Hercule Poirot vội vàng nói, trong khi George nhẹ nhàng đón lấy chiếc áo mưa, tạm giải thoát bà khách ra khỏi những vạt áo sũng nước.

“Đến đây và ngồi xuống nào. Cứ để George giúp bà lo thứ... bà đang mặc đồ gì vậy?”

“Tôi lấy nó ở Cornwall,” bà Oliver đáp. “Áo mưa phủ dầu, không thấm nước. Áo chống thấm chính hiệu của một ông ngư dân.”

“Ông ấy chắc chắn là muốn giúp người, tôi không nghi ngờ ý tốt đó,” Poirot nói, “nhưng tôi thấy hình như cái thứ này không hợp với bà lắm. Mặc lên nặng trĩu. Nhưng thôi, ngồi xuống đây và kể tôi nghe nào.”

“Tôi không biết nói sao nữa,” bà Oliver trả lời, người lún hẳn xuống chiếc ghế. “Thỉnh thoảng, tôi lại thấy nó không có thật. Nhưng chuyện đó đã xảy ra. Thực sự đã xảy ra.”

“Nói tôi nghe xem nào,” Poirot động viên.

“Đó cũng là lý do tôi lặn lội đến đây. Nhưng giờ đã đến đây rồi, thì tôi lại không biết phải nói sao, vì chẳng biết nên bắt đầu từ đâu.”

“Từ đâu?” Poirot gợi ý, “hay như vậy thì lại tầm thường quá?”

“Tôi không biết chuyện bắt đầu từ đâu nữa cơ. Không biết nữa.”



Có thể là từ lâu lắm rồi.”

“Bà cứ bình tĩnh lại,” Poirot nói. “Từ từ sắp xếp những suy nghĩ trong đầu rồi kể cho tôi nghe. Có chuyện gì mà bà lại khổ sở đến bất an thế này?”

“Nếu là ông thì ông cũng sẽ khốn đốn như tôi thôi,” bà Oliver đáp. “Ít nhất là tôi nghĩ vậy.” Bà lập tức sửa lại, vẻ không chắc chắn. “Thật ra chẳng ai biết chuyện gì mới khiến đầu óc ông bối rối. Ông luôn đón nhận mọi thứ hết sức bình thản.”

“Thế thường lại là cách tốt nhất.” Poirot nói.

“Được rồi,” bà Oliver bắt đầu. “Tất cả bắt đầu từ một bữa tiệc.”

“À phải,” Poirot nói, lòng có chút nhẹ nhõm khi câu chuyện được mở màn một cách thông thường và lành mạnh là một bữa tiệc. “Một bữa tiệc. Bà đi dự tiệc và sau đó xảy ra chuyện?”

“Ông có biết một bữa tiệc Halloween như thế nào không?” bà Oliver hỏi lại.

“Tôi biết lễ Halloween,” Poirot đáp. “Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm.” Mắt ánh lên vẻ hào hứng, ông nói tiếp. “Có các phù thủy cưỡi chổi.”

“Họ cũng có chổi trong bữa tiệc đó,” bà Oliver thừa nhận. “Người ta còn trao giải cho chúng nữa kia.”

“Trao giải sao?”

“Phải, cho ai đem đến cây chổi trang trí đẹp nhất.”

Poirot chau mày nhìn bà bạn của mình khó hiểu. Mới ban đầu còn thấy nhẹ nhõm khi bà nhắc đến một bữa tiệc, giờ ông đã thấy có gì đó không ổn. Bà Oliver chắc chắn không say, vì Poirot biết rõ bà

không hề có chút rượu nào trong người, nên lần này ông tạm gác lại giả định quen thuộc đó.

“Là một bữa tiệc cho bọn trẻ,” bà Oliver giải thích. “Hay nói đúng ra, là tiệc trên mười một tuổi.”

“Trên mười một tuổi?”

“Thì, đó là từ người ta vẫn dùng, ông biết đấy, trong các trường học. Tức là họ thường có kỳ thi chuyển cấp dành cho trẻ mười một tuổi trở lên để kiểm tra xem đứa trẻ thông minh đến đâu, nếu đủ thông minh vượt qua được kỳ thi, thì sẽ được vào trường chuyên để học tiếp lên. Nếu không thì đứa bé đó sẽ vào trường trung học hiện đại\*. Cái tên nghe thật tức cười. Mà hình như cũng chẳng có ý nghĩa gì.”

“Thú thực là tôi không hiểu bà đang nói gì,” Poirot nói. Có vẻ như hai người đã rời xa chủ đề tiệc tùng và bắt đầu bước vào lĩnh vực giáo dục.

Bà Oliver hít một hơi thật sâu, và kể lại từ đầu.

“Mọi chuyện bắt đầu từ những quả táo.”

“À, hẳn rồi,” Poirot nói. “Với bà thì luôn có táo liên quan, phải không?”

Trong đầu ông hiện lên cảnh tượng một chiếc xe nhỏ đậu trên một quả đồi và một phụ nữ vóc dáng đồ sộ bước xuống, rồi một túi đựng táo bị rách, và những quả táo rơi ra, lăn tràn xuống chân đồi.

“Phải rồi, những quả táo, \_” giọng ông khích lệ.

“Trò cắn táo,” bà Oliver tiếp lời. “Đó là một trò người ta thường chơi trong tiệc Halloween.”

“À, đúng rồi, hình như tôi có nghe qua, phải.”

“Ông thấy đấy, họ bày đủ trò cho bữa tiệc, cần táo, cắt cục bột quanh đồng xu sáu, và còn trò nhìn qua gương...”

“Để nhìn thấy tình yêu đích thực của đời mình đúng không?” Poirot tỏ vẻ am hiểu.

“À, cuối cùng ông đã bắt đầu hiểu bối cảnh ở đó rồi.”

“Đúng là có rất nhiều trò chơi dân gian, và tiệc của bà đều tổ chức hết.”

“Đúng vậy, một bữa tiệc thành công mỹ mãn, và cuối cùng là trò Ròng táp. Ông biết đấy, đốt nho khô trong một cái đĩa lớn. Tôi đoán...” giọng bà Oliver bắt đầu ngập ngừng “...tôi đoán hẳn đó cũng là lúc xong rồi.”

“Lúc xong cái gì cơ?”

“Một vụ giết người. Sau trò Ròng táp bọn trẻ ra về,” bà Oliver nói. “Đó cũng là lúc họ không tìm thấy cô bé đâu.”

“Không thấy ai?”

“Một bé gái. Tên là Joyce. Mọi người gọi tên nó và tìm khắp nơi và hỏi quanh xem liệu cô bé có về nhà cùng ai không, rồi mẹ Joyce bắt đầu cáu và nói chắc là cô bé đã chơi mệt hay đau ốm gì đó và tự ý bỏ về, và nếu vậy thì thật là vô ý khi về mà không báo với ai một tiếng. Đại để là những lời mà các bà mẹ hay nói khi những chuyện như vậy xảy ra. Nhưng dù sao đi nữa, chúng tôi cũng không tài nào tìm thấy Joyce.”

“Vậy có phải là cô bé tự về nhà một mình không?”

“Không,” bà Oliver đáp. “Cô bé không về nhà...” Giọng bà bắt đầu

lạc đi. “Cuối cùng chúng tôi cũng tìm thấy cô bé... trong phòng đọc sách. Chính là nơi xảy ra chuyện, ông biết đấy. Trò cắn táo diễn ra ở đó. Xô nước còn đó. Một cái xô mạ kẽm to. Họ đã không chịu dùng xô nhựa. Nếu họ dùng xô nhựa thì đã không xảy ra chuyện. Vì xô nhựa thì không đủ nặng. Cái xô có thể lật nghiêng...”

“Đã có chuyện gì?” Poirot mắt kiên nhẫn xen vào, giọng gấp gáp.

“Họ tìm thấy Joyce ở đó,” bà Oliver nói. “Ai đó, ai đó đã dìm đầu cô bé vào xô nước ngập táo. Dìm cho đến khi nó chết ngạt. Chết đuối. Chết đuối. Trong một cái xô nước chỉ đầy ngang miệng mà thôi. Cô bé quỳ gối ở đó, đầu gục xuống như đang cố cắn một trái táo. Tôi căm ghét táo,” bà Oliver kết luận. “Từ nay về sau tôi không muốn nhìn thấy một trái táo nào nữa.”

Poirot nhìn bà bạn. Ông với tay rút ra một ly rượu cognac nhỏ.

“Bà uống cái này đi,” ông nói. “Sẽ thấy tốt hơn.”



## CHƯƠNG 4

Bà Oliver đặt ly rượu xuống và lau miệng.

“Ông nói đúng. Thứ này - thứ này có tác dụng. Khi này tôi đã hơi kích động.”

“Bà mới trải qua một cú sốc lớn, tôi hiểu. Chuyện xảy ra khi nào?”

“Tối hôm qua.”

“Mới chỉ tối hôm qua thôi sao?”

“Phải, phải rồi, chắc chắn thế.”

“Và bà đến tìm tôi.”

Đó không phải là một câu hỏi, mà cho thấy Poirot muốn biết thêm thông tin.

“Bà đến tìm tôi... tại sao vậy?”

“Tôi nghĩ ông sẽ giúp được,” bà Oliver đáp. “Ông thấy đấy, chuyện không... chuyện không hề đơn giản.”

“Có thể có mà cũng có thể không,” Poirot nói. “Còn tùy nhiều thứ. Bà phải cho tôi biết thêm. Tôi đoán cảnh sát đã vào cuộc. Và chắc chắn người ta đã gọi bác sĩ tới. Ông ta nói gì?”

“Sẽ có buổi lấy lời khai,” bà Oliver nói.

“Dĩ nhiên rồi.”

“Vào ngày mai hay ngày kia gì đó.”

“Cô bé Joyce này bao nhiêu tuổi vậy?”

“Tôi không biết chính xác, nhưng chắc tầm mười hai hoặc mười ba thôi.”

“Vóc dáng có nhỏ so với tuổi?”

“Không, không, tôi thấy khá trưởng thành. Đường nét bắt đầu phồng phao.”

“Tức là cơ thể phát triển? Ý bà là theo kiểu bắt đầu có nét quyền rũ?”

“Vâng, đúng thế. Nhưng tôi cảm thấy vụ này không phải dạng tội phạm đó - ý tôi là nếu thế thì nó đã đơn giản hơn nhiều rồi, có phải không?”

“Đây là những tội ác người ta bắt gặp hằng ngày trên báo. Một cô gái bị tấn công, một bé học sinh bị hành hung - phải, ngày nào cũng có. Riêng vụ án này lại xảy ra trong một tư dinh, nên nó có vẻ khác biệt, nhưng biết đâu hóa ra chẳng có gì khác biệt hết. Dẫu sao, tôi chưa dám chắc là bà đã kể hết cho tôi mọi chuyện.”

“Chưa, tôi chưa kể hết,” bà Oliver đáp. “Tôi vẫn chưa nói cho ông biết lý do, ý tôi là, tại sao tôi đến gặp ông.”

“Bà biết cô bé Joyce này, bà thân với cô bé sao?”

“Tôi không hề quen biết cô bé. Thôi để tôi giải thích luôn với ông tại sao tôi lại tới đó.”

“Đó là đâu cơ?”

“À, phải, vùng đó tên là Woodleigh Common.”

“Woodleigh Common,” Poirot nhắc lại, vẻ trầm ngâm, rồi bật hỏi.  
“Gần đây có nơi nào...”

“Chỗ đó không xa London lắm. Chắc chỉ khoảng - ờ, ba mươi đến bốn mươi dặm thôi, tôi áng chừng như vậy. Nó ở gần Medchester. Vùng đó giống như những khu dân cư mới, thường có một vài ngôi nhà xinh xinh bên cạnh rất nhiều tòa nhà mới mọc lên. Gọi là khu chung cư. Trong vùng có trường học, và đủ gần cho mọi người có thể đi đi về về tới các trung tâm như London hoặc Medchester. Một miền quê yên bình, người dân ít ai khá giả, gọi là chỉ kiếm vừa đủ sống.”

“Woodleigh Common,” Poirot nhắc lại, như cố gắng nhớ gì đó.

“Tôi đến thăm nhà người bạn ở đấy. Bà Judith Butler. Bà ấy là một quả phụ. Năm rồi tôi có đi chơi một chuyến du thuyền tới Hy Lạp, gặp Judith ở đó rồi thân thiết và trở thành bạn bè. Bà ấy có một cô con gái, tên là Miranda, tầm mười hai mười ba tuổi gì đó. Dù sao thì, bà ấy đã mời tôi đến thăm nhà và ở lại chơi vài hôm, rồi bà ấy nói đang cùng bạn bè trong vùng tổ chức tiệc cho tụi trẻ con, là tiệc Halloween. Judith rủ tôi tham gia, nói biết đâu tôi lại có ý tưởng hay ho cho hôm đấy.”

“À,” Poirot nói, “bà ấy không đề nghị bà đứng ra dựng trò truy lùng hung thủ giết người đó chứ?”

“Ôi, thật may là không,” bà Oliver đáp. “Ông nghĩ tôi còn muốn làm trò đó nữa sao?”

“Tôi mong là không.”

“Thế mà án mạng vẫn xảy ra, khủng khiếp là ở chỗ đó,” bà Oliver thảng thốt. “Ý tôi là, có lẽ nào vụ giết người ấy là do tôi đã có mặt ở

đó?”

“Tôi tin chắc không phải thế. Ít nhất thì... có ai ở bữa tiệc biết bà là ai không?”

“Có,” bà Oliver trả lời. “Một cậu bé trong đám trẻ đã nhắc đến vài tác phẩm tôi viết và tụi trẻ có vẻ thích các vụ án mạng. Từ đó mới dẫn đến, ờ, từ đó mới dẫn sang một chuyện khác, khiến tôi phải đến đây tìm ông.”

“Bà vẫn chưa kể cho tôi nghe là chuyện gì.”

“Thì, thật ra, ban đầu tôi cũng không để tâm. Ngay lúc ấy thì không. Ý tôi là trẻ con đôi khi hay nói những chuyện kỳ quặc. Có những đứa đầu óc hơi không bình thường. Tôi từng gặp vài đứa mà theo tôi lẽ ra nên ở trong nhà thương điên, nhưng người ta lại cho về nhà và bảo chúng nó hãy sống cuộc sống bình thường đi hay đại loại thế, và thế là chúng nó được thả ra ngoài đời và làm những chuyện kỳ cục vậy.”

“Ở đó có chàng trai trẻ nào không?”

“Có hai cậu con trai, hay là ‘thanh niên’ trên giấy tờ cảnh sát lưu trữ. Tầm khoảng mười sáu mười tám tuổi.”

“Tôi đoán có khả năng một trong hai cậu là hung thủ. Có phải cảnh sát cũng nghĩ thế không?”

“Họ không nói ra họ nghĩ gì đâu,” bà Oliver đáp, “nhưng nhìn mặt thì hình như họ cũng cho là vậy.”

“Cô bé Joyce này bề ngoài có hấp dẫn không?”

“Tôi không thấy thế,” bà Oliver nói. “Ý của ông là thu hút các chàng trai?”



“Không hẳn,” Poirot giải thích. “Ý tôi là... thì là đúng theo nghĩa của từ ‘hấp dẫn’ ấy.”

“Tôi không thấy cô bé xinh xắn lắm,” bà Oliver nhớ lại, “không đến mức người khác muốn bắt chuyện làm quen. Joyce thuộc dạng thích khoe khoang và thể hiện. Tôi nghĩ tâm sinh lý bọn trẻ con ở độ tuổi đó khá là phiền phức. Tôi miêu tả như vậy nghe thật có hơi thất lễ, nhưng thật là...”

“Trong một vụ án mạng thì mô tả nạn nhân không có chuyện thất lễ hay không,” Poirot trấn an. “Chỉ có mô tả chính xác mới thực sự quan trọng. Trong nhiều vụ án, tính cách của nạn nhân chính là nguyên nhân dẫn đến tội ác. Ở thời điểm đó bao nhiêu người có mặt trong ngôi nhà?”

“Ý ông muốn hỏi người tham gia tổ chức bữa tiệc? Xem nào, tôi ước chừng khoảng năm hoặc sáu phụ nữ trẻ, vài bà mẹ, một giáo viên trường làng, một bà vợ bác sĩ, hay là em gái gì đó, tôi không nhớ rõ, đôi ba phụ nữ trung niên đã có chồng, một cô bé mười lăm tuổi, hai hay ba bé gái nhỏ hơn, tầm mười một mười hai - chắc là chừng đó. Tổng cộng lại khoảng hai lăm ba mươi người gì đấy.”

“Có ai là người lạ không?”

“Toàn người trong vùng nên biết nhau cả, tôi nghĩ vậy. Một số thậm chí còn thân thiết với nhau. Theo tôi thấy thì hình như các cô bé đều học chung một trường. Một số bà đem theo cả đồ ăn thức uống đến góp cho bữa tiệc nữa. Khi tiệc kết thúc thì hầu hết các bà mẹ đều ra về cùng con của họ. Tôi nán lại với Judith và một số người khác để giúp gia chủ là bà Rowena Drake dọn dẹp một chút. Hôm sau các chị giúp việc sẽ không phải vất lộn với một đống hỗn

độn để lại. Ông cũng biết đấy, toàn là bột bánh vương vãi, giấy gói bánh quy và các loại rác khác. Vậy nên chúng tôi quét qua một chút, và dọn đến phòng đọc sách cuối cùng. Đó chính là khi... là khi chúng tôi tìm thấy cô bé. Và rồi tôi mới nhớ ra những gì cô bé nói trước đó.”

“Ai đã nói cái gì cơ?”

“Cô bé Joyce ấy!”

“Cô bé đã nói gì? Đến phần đó rồi phải không? Chúng ta đang nói đến lý do bà có mặt ở đây?”

“Vâng. Tôi nghĩ nếu khai ra với... ờ, với bác sĩ hay cảnh sát hay ai khác thì chắc họ chẳng để tâm, nhưng biết đâu ông thấy nó có ý nghĩa quan trọng nào đó.”

“*Eh bien*,” Poirot nói, “bà kể tôi nghe xem nào. Có phải trong bữa tiệc Joyce đã nói gì đó?”

“Không phải trong bữa tiệc, mà trước đó cơ, vào buổi chiều lúc chúng tôi đã sắp xếp trang hoàng xong xuôi. Sau khi mọi người bàn luận về các câu chuyện án mạng tôi viết thì Joyce quay sang nói: ‘Cháu đã từng chứng kiến một vụ giết người’, rồi mẹ cô bé hay ai đó chen vào: ‘Đừng nói năng ngu ngốc, Joyce à’, xong một cô gái lớn hơn nói: ‘Cậu chỉ đang bịa chuyện’, thì Joyce mới cãi lại: ‘Cháu có mà. Cháu đã nhìn thấy án mạng, cháu thề. Cháu có nhìn thấy tận mắt người khác giết người’, nhưng chẳng ai chịu tin cô bé. Họ chỉ cười ầm lên và Joyce đã rất tức giận.”

“Thế bà có tin lời cô bé không?”

“Không, tất nhiên là không rồi!”

“Tôi hiểu rồi,” Poirot lẩm bẩm, “rồi, tôi hiểu rồi.” Và ông im lặng một lúc, ngón tay gõ nhịp nhịp xuống bàn. Bỗng ông lên tiếng: “Cho tôi hỏi, cô bé không nói thêm chi tiết nào sao, tên ai đó chẳng hạn?”

“Không. Cô bé lại tiếp tục ba hoa gì đó và có lúc còn lớn tiếng, về rất tức giận vì bị bạn bè cười nhạo. Còn các bà các mẹ thì tôi nghĩ họ hoàn toàn phớt lờ Joyce. Nhưng những đứa trẻ khác thì cứ thế cười nhạo nó mãi! Tụi nó nói những câu kiểu như: ‘Nói tiếp xem, Joyce, chuyện đó là khi nào? Sao lúc ấy cậu không kể với bọn tớ?’ Và Joyce chỉ đáp: ‘Tớ đã quên mất, chuyện lâu quá rồi’.”

“A! Cô bé có nói là lâu cỡ nào không?”

“‘Từ nhiều năm trước’,” cô bé nói thế. Ông biết đấy, như người lớn nói chuyện với nhau vậy. Một cô bé đã hỏi: ‘Vậy sao lúc đó cậu không đi báo cảnh sát?’ Là cô bé tên Ann, hay Beatrice gì đó. Nó hơi trịch thượng, ra vẻ ta đây.”

“Aha, vậy Joyce đã trả lời thế nào?”

“Cô bé nói: ‘Bởi vì khi ấy tớ không biết đó là giết người’.”

“Một câu nói thật kỳ lạ,” Poirot chột nói, ngồi thẳng người dậy.

“Tôi nghĩ chắc khi đó cô bé bị cuống,” bà Oliver nói, “ông biết đấy, vì phải cố gắng giải thích nhưng lại bị tụi bạn chọc ghẹo đến phát cáu. Bọn trẻ cứ hỏi là sao Joyce không chịu đi báo cảnh sát, và cô bé lại nói là: ‘Bởi vì khi đó tớ không biết đó là một vụ giết người. Phải mãi về sau tớ mới bỗng dưng hiểu ra những gì mình đã chứng kiến’.”

“Nhưng có vẻ chẳng ai tin Joyce cả - ngay cả bà cũng không tin - cho đến khi chứng kiến cái chết của cô bé thì bà mới chột cảm thấy có thể Joyce đã nói sự thật?”

“Phải, chính là thế đấy. Và tôi không biết mình cần phải làm gì, hay có thể làm được gì. Nhưng rồi sau đó, tôi nhớ đến ông.”

Poirot coi đó là một lời khen, khẽ gật đầu đón nhận với vẻ trang trọng. Trầm ngâm một hồi, ông lên tiếng:

“Tôi có một câu hỏi hết sức quan trọng dành cho bà, và xin bà hãy suy nghĩ trước khi trả lời. Bà có tin Joyce đã thực sự nhìn thấy một vụ giết người không? Hay bà nghĩ cô bé chỉ tin là mình nhìn thấy mà thôi?”

“Tôi nghĩ cô bé thực sự đã chứng kiến,” bà Oliver trả lời. “Ban đầu thì tôi không cho là vậy. Tôi chỉ nghĩ chắc cô bé nhớ mang máng chuyện gì đó mà nó nhìn thấy, rồi tự tưởng tượng thêm, biến thành câu chuyện nghiêm trọng và kịch tính. Khi ấy cô bé bỗng dưng nói rất gay gắt: ‘Tớ đã thấy mà, tớ thề. Tớ đã thấy vụ giết người diễn ra’.”

“Và rồi...”

“Và rồi tôi đã đến thẳng đây để tìm ông,” bà Oliver nói, “vì lý do duy nhất cho cái chết của Joyce là đã có một vụ giết người thật sự diễn ra, và cô bé chính là nhân chứng.”

“Như vậy chuyện sẽ còn có một số tình tiết khác nữa. Ví dụ như thủ phạm của vụ giết người đó có lẽ cũng dự bữa tiệc, và có mặt đúng thời điểm chuẩn bị tiệc, nên đã nghe những lời Joyce nói.”

“Ông không cho là tôi đang tưởng tượng quá lên mọi chuyện đúng không?” bà Oliver hỏi. “Ông có thấy tất cả chỉ là trí tưởng tượng xa vời của tôi không?”

“Một cô bé đã bị giết chết,” Poirot nói, “bởi một kẻ đủ khỏe mạnh và tàn nhẫn để dìm đầu cô bé trong xô nước. Một hành vi giết người

đáng kinh tởm. Và kẻ thủ ác đã không dám đợi lâu mà phải vội vàng xuống tay. Hắn đã cảm thấy bị đe dọa, và dù kẻ đó là ai đi chăng nữa, hắn đã không ngần ngại giết người ngay khi có thể.”

“Joyce có lẽ không biết hung thủ vụ giết người mà mình chứng kiến,” bà Oliver suy đoán. “Cô bé sẽ không dại dột nói ra chuyện này nếu biết trong phòng có kẻ chột dạ.”

“Đúng vậy,” Poirot đồng tình, “tôi nghĩ bà đúng ở điểm này. Joyce đã chứng kiến một vụ giết người, nhưng không thấy mặt hung thủ. Chúng ta phải tiếp tục suy đoán xa hơn nữa.”

“Tôi không hiểu chính xác ông đang nói gì.”

“Cũng có khả năng trong số những người tham gia chuẩn bị tiệc và nghe được câu nói của Joyce, có một người biết về vụ giết người, biết ai là hung thủ, có mối quan hệ mật thiết với kẻ đó. Người ấy từng tin rằng mình là người duy nhất biết vợ mình, hoặc mẹ, hoặc con trai, con gái của mình đã làm gì. Hoặc cũng có thể là một phụ nữ biết được tội ác của chồng, hoặc mẹ, hoặc con cái của bà ấy. Người đó đã tưởng rằng ngoài mình ra không còn ai khác biết chuyện. Cho đến khi Joyce bắt đầu kể ra...”

“Và thế là...?”

“Joyce phải chết!”

“Phải... Ông định làm gì?”

“Tôi vừa chợt nhận ra,” Hercule Poirot nói, “vì sao mình thấy cái tên Woodleigh Common nghe cứ quen quen.”



## CHƯƠNG 5

Hercule Poirot nhìn qua cánh cổng nhỏ dẫn lối lên căn nhà có tên Ngọn Thông. Một ngôi nhà nhỏ xinh xắn, giản dị, và được thiết kế rất khéo, Ông khẽ thở dốc, thầm nghĩ cái tên này thật phù hợp. Ngôi nhà nằm trên đỉnh một ngọn đồi, và trên đỉnh đồi có trồng một cây thông tán thưa. Khu vườn của nó cũng nho nhỏ và được cắt tỉa gọn gàng. Giữa vườn, một người đàn ông đứng tuổi, dáng người bệ vệ đang nặng nhọc xách một chiếc xô sắt bước trên con đường.

Mái tóc của thanh tra Spence đã ngả hoa râm, không chỉ bạc ven hai thái dương như trước kia. Nhưng dáng người cao lớn của ông thì gần như vẫn không thay đổi. Spence dừng lại, nheo mắt nhìn vị khách đang đứng ngoài cổng. Hercule Poirot đứng yên chờ đợi.

“Chúa ơi,” thanh tra Spence reo lên. “Có phải là... không lẽ nào... nhưng đúng là ông rồi. Phải, đúng là ông rồi. Hercule Poirot, tôi không làm vào đâu được.”

“Aha,” Hercule Poirot hài lòng đáp, “ông còn nhớ tôi. Thật quý hóa.”

“Bộ ria của ông không bớt rậm chút nào.”

Spence nói, đặt xô nước tưới cây xuống và chạy ra cổng.

“Đám cỏ quái quỷ,” ông nói. “Ngọn gió nào đưa ông đến đây thế này?”

“Cũng là ngọn gió đã đưa tôi đi rất nhiều nơi trong đời,” Hercule Poirot đáp, “và cũng là nguyên do khiến ông đến tìm tôi cách đây nhiều năm. Lại là một vụ án.”

“Tôi phát chán các vụ giết chóc rồi,” Spence ngao ngán. “Trừ khi là giết đám cỏ dại. Giờ tôi chỉ quan tâm đến kiểu vụ án đồ thôi. Thủ tiêu cho được đám cỏ không dễ như ông nghĩ đâu, thế nào cũng sai sót ở đâu đó, thường là do thời tiết. Không được quá ẩm, không được quá khô và còn bao nhiêu thứ linh tinh khác. Sao ông biết đường tìm tôi?” Spence ca thán một tràng, tay vừa mở chốt cổng để Poirot bước vào.

“Ông từng gửi cho tôi một tấm thiệp Giáng sinh. Trên đó có ghi địa chỉ mới của ông.”

“À phải, đúng là tôi có ghi. Tính tôi cứ cổ hủ thế đấy. Tôi vẫn thích gửi thiệp Giáng sinh cho mấy người bạn vong niên.”

“Tôi rất trân trọng điều đó,” Poirot đáp.

“Giờ tôi đã thành ông già rồi,” Spence nói.

“Cả hai chúng ta đều già.”

“Tóc ông đâu có bạc nhiều,” Spence để ý.

“Tôi xử lý nó chỉ bằng một chai thuốc,” Hercule Poirot nói. “Ta đâu nhất thiết phải xuất hiện trước bàn dân thiên hạ với mái tóc đã ngả màu, trừ khi chính ông muốn thế.”

“Tôi thì không nghĩ tóc đen nhánh hợp với mình.”

“Tôi đồng tình, trông ông phong độ nhất với mái tóc hoa râm này.”

“Còn tôi thì lại chưa bao giờ nghĩ mình là người phong độ cả.”

“Tôi luôn thấy ông rất phong độ là đằng khác. Tại sao ông lại chuyển đến sống ở Woodleigh Common?”

“Chuyện là, giờ tôi đến đây chung sức với bà chị. Chị ấy mất chồng, con cái đã lập gia đình và sống ở nước ngoài hết cả, một đứa ở Úc và đứa còn lại ở Nam Phi. Nên tôi chuyển tới đây. Lương hưu thời buổi này chẳng là bao, nhưng chị em tôi sống khá là thoải mái. Nào qua đây ngồi.”

Dứt lời Spence dẫn lối sang một hiên nhỏ lắp khung kính, có kê một chiếc bàn và vài cái ghế ngồi.

Nắng thu đổ màu vàng dịu xuống miền quê yên ả.

“Ông uống gì nhé?” Spence hỏi. “Nhà tôi không có mấy món xa xỉ đâu. Không có sirô lý chua đen hay sirô hoa hồng hay mấy thức uống kỳ lạ mà ông vẫn dùng. Bia nhé? Hay tôi nói Elspeth pha cho ông tách trà? Hay tôi làm cho ông một ly bia chanh hay Coca-Cola, hay một tách ca cao nếu ông muốn. Bà chị Elspeth của tôi nghiện uống ca cao lắm.”

“Ông thật tử tế. Tôi thì chỉ cần một ly bia pha chanh là được rồi.”

“Bia gừng pha cùng bia thường phải không? Chính là nó, đúng không?”

“Tất nhiên rồi.”

Spence vào trong nhà và nhanh chóng trở ra cùng hai ly thủy tinh lớn. “Tôi uống với ông.”

Nói đoạn Spence kéo ghế tới sát cạnh bàn và ngồi xuống, đặt hai chiếc ly trước mặt mình và Poirot.



“Giờ ta uống mừng vì cái gì nhỉ?” Spence hỏi, nâng ly bia. “Chúng ta sẽ không thể nói ‘Nâng ly vì tội ác’ được. Tôi phát ngán tội phạm rồi, và nếu như ông đang nói đến vụ mà tôi nghĩ, mà tôi đoán hẳn là vụ đó thôi, vì tôi nhớ dạo này ở quanh đây đâu còn vụ án mạng nào khác. Tôi đặc biệt không thích những vụ giết người kiểu này chút nào.”

“Phải, tôi cũng đoán ông không thích.”

“Vậy đúng là chúng ta đang nói đến vụ đứa bé bị nhận đầu vào trong xô nước?”

“Phải,” Poirot đáp, “tôi đang nói đến vụ án đó đấy.”

“Ông đến tìm tôi làm gì?” Spence nói. “Tôi giờ chẳng còn dính dáng đến cảnh sát nữa. Bao năm qua là quá đủ rồi.”

“Một lần làm cảnh sát, mãi mãi là cảnh sát.” Hercule Poirot nói. “Câu đó nghĩa là đằng sau lối suy nghĩ của người bình thường, ông sẽ luôn còn giữ con mắt quan sát của một cảnh sát. Tôi biết, chính tôi cũng vậy, cũng bắt đầu từ lực lượng cảnh sát hồi ở Bỉ.”

“Phải, đúng vậy. Giờ ông nhắc tôi mới nhớ. Thì có lẽ đó chỉ là suy nghĩ thiên kiến của cá nhân tôi, nhưng cũng đã lâu rồi tôi chẳng còn giữ liên lạc với lực lượng nữa.”

“Nhưng chắc ông có nghe người ta đồn qua lại chứ,” Poirot nói. “Ông cũng có bạn bè tán gẫu mà. Chắc hẳn ông có nghe người ta suy đoán hoặc nghi ngờ, hoặc kể lại với ông những điều họ biết.”

Spence thở dài.

“Thời buổi bây giờ biết nhiều quá sẽ chỉ gặp nhiều rắc rối mà thôi. Một tội ác đã xảy ra, một tội ác với công thức quen thuộc, và ông

biết đấy, như thế tức là cảnh sát gần như chắc chắn ai có khả năng gây ra tội ác đó rồi. Họ không nói với báo giới nhưng họ hẳn đã thẩm vấn, và họ biết. Nhưng liệu họ có thể đi xa hơn thế hay không thì, phải nói là chuyện gì cũng có cái khó của nó.”

“Ý ông đang nói đến các bà vợ và những cô bạn gái của nạn nhân và những chuyện phức tạp liên quan?”

“Phải, đúng một phần. Tóm lại, có thể ai đó đã gặp phải một kẻ không ra gì. Vài ba năm trôi qua. Poirot ạ, tôi phải nói là, nhìn chung bây giờ càng ngày càng nhiều cô lấy nhầm chồng hơn các bà thời tôi.”

Hercule Poirot ngẫm nghĩ, tay vân vê ria mép.

“Phải, tôi thấy chắc là vậy. Tôi có cảm giác các cô gái trẻ trước nay luôn thích qua lại với những tay không ra gì, như ông nói, nhưng hồi xưa thì họ còn được bảo vệ.”

“Đúng thế. Ngày xưa các cô gái trẻ luôn có người giám sát. Các bà mẹ sẽ canh chừng con gái mình. Các bà các cô các chị cũng để mắt. Rồi lũ em trai em gái luôn nghe ngóng chuyện của họ. Rồi cha họ cũng không ngại tống cổ những tên đều cáng ra khỏi cửa. Tất nhiên đôi khi vẫn có vài cô bỏ nhà theo những gã không ra gì ấy. Nhưng giờ thì các cô thậm chí còn chẳng cần làm thế. Mẹ thì không quan tâm xem con cái họ đang giao du với những kẻ nào, cha thì không được biết con mình đang quen ai, các anh em có biết thì cũng nghĩ ‘tại em mình ngu ngốc’. Nếu cha mẹ không chấp thuận, thì đôi trẻ vẫn có thể tự ra tòa và tìm cách đăng ký kết hôn được như thường, và rồi khi gã trai mà ai cũng biết là đều cáng ấy bắt đầu bội lộ mình đúng là một tên đều cáng với tất cả mọi người, bao gồm cả

cô vợ, thì rắc rối mới thực sự bắt đầu! Nhưng yêu thì vẫn là yêu, cô gái không muốn tin rằng chàng Henry của mình lại có những thói quen kinh khủng, những suy nghĩ tội ác, và những điều đáng sợ khác. Cô gái ấy sẵn sàng nói dối bao che cho anh ta, sẵn sàng thề độc vì anh ta và mọi thứ. Phải, thật khó khăn. Khó khăn cho chúng ta ấy. Mà, cũng chẳng hay ho gì nếu cứ nói ngày xưa mọi thứ tốt đẹp hơn. Có lẽ là chúng ta tưởng thế thôi. Dù sao thì, Poirot, sao ông lại vướng vào vụ này? Đây đâu phải địa hạt của ông, phải không? Cứ tưởng ông sống ở London mà. Hồi mới gặp tôi ông sống ở đó.”

“Tôi vẫn sống ở London mà. Tôi tham gia vụ này vì lời thỉnh cầu của một người bạn, bà Oliver, ông có nhớ bà Oliver?”

Spence ngẩng đầu lên, nhắm mắt lại, vẻ ngẫm nghĩ.

“Bà Oliver à? Chẳng biết tôi có nhớ không nữa.”

“Bà ấy viết sách. Truyện trinh thám, ông đã gặp bà ấy rồi, nếu ông còn nhớ hồi ông thuyết phục tôi điều tra vụ ám sát bà McGinty, ông không quên bà McGinty đấy chứ?”

“Ôi trời, tất nhiên là không. Nhưng cũng đã lâu rồi. Vụ đó ông đã giáng cho tôi một cú đấm người, Poirot ạ, hết sức kinh ngạc. Tôi đã nhờ ông giúp và ông đã không làm tôi thất vọng.”

“Tôi rất vinh dự - và hãnh diện - khi ông đến tìm tôi nhờ cố vấn,” Poirot đáp.

“Cũng phải nói là trong vụ đó đôi lúc tôi tưởng chừng vô vọng. Người đàn ông chúng ta cần phải giúp đỡ - hình như là cứu mạng ông ấy thì phải, cũng lâu rồi tôi không nhớ rõ - lại là người cực kỳ khó giúp đỡ. Ông ta là ví dụ điển hình cho cách sống không biết điều

gì có lợi cho bản thân.”

“Ông ta cưới cô gái trẻ đó phải không nhỉ? Cô nàng điệu dàng ấy. Không phải cô gái thông minh có mái tóc bạch kim. Không biết hai người đó sau khi cưới nhau ra sao rồi. Ông có nghe ngóng được gì không?”

“Không,” Poirot đáp. “Tôi đoán có lẽ mọi thứ suôn sẻ với họ.”

“Chẳng hiểu cô ta thấy gì ở một người như vậy.”

“Khó mà biết được,” Poirot đáp, “nhưng cặp đôi đó đúng là sự sắp đặt tài tình của tạo hóa, khi một người đàn ông dù có kém hấp dẫn ra sao vẫn có nét lôi cuốn trong mắt một phụ nữ nào đó. Ta chỉ có thể mong họ kết hôn và sống hạnh phúc về sau thôi.”

“Chẳng biết có sống hạnh phúc nổi không nếu như họ phải ở cùng bà mẹ.”

“Không, quả thực là không,” Poirot nói thêm. “Hoặc với ông bố dượng.”

“Ồi chà, chúng ta lại ngồi đây nói chuyện cũ nữa rồi.” Spence nói. “Cái gì qua thì cũng qua cả rồi. Tôi cứ nghĩ gã đàn ông đó, giờ không nhớ tên gã, nên kinh doanh dịch vụ tang lễ. Mặt mũi và điệu bộ rất hợp với cái nghề đó. Có khi đúng là hắn làm nghề đó cũng nên. Còn cô gái cũng có chút tiền, phải không nhỉ? Đúng rồi, gã ấy mà làm dịch vụ tang lễ thì hợp lắm. Tôi có thể tưởng tượng hắn, mặc nguyên bộ đồ đen, nhận đặt dịch vụ tổ chức tang lễ. Biết đâu hắn còn say mê cả việc chọn gỗ cây du hay cây tếch hay đại loại mấy cây mà họ vẫn dùng để đóng quan tài. Dẫu sao nếu làm mấy nghề bán bảo hiểm hay bất động sản thì ông ta sẽ không bao giờ khá nổi. Mà thôi, đừng cà kê chuyện cũ nữa.” Bỗng nhiên Spence

reo lên. “Bà Oliver. Ariadne Oliver. Táo. Có phải vì thế mà bà ấy bị vướng vào vụ này không? Cô bé tội nghiệp đó chết vì bị dìm đầu vào trong một xô nước đầy táo đúng không nhỉ, tại một bữa tiệc? Có phải vì thế nên bà Oliver mới chú ý đến vụ này không?”

“Tôi không nghĩ bà ấy quan tâm đến vụ án chỉ vì đám táo đó,” Poirot đáp, “mà là do bà ấy đã có mặt tại bữa tiệc.”

“Ý ông là bà ấy sống ở đây sao?”

“Không, bà Oliver không sống ở đây. Bà ấy ghé ở chơi nhà bạn, một phụ nữ tên Butler.”

“Butler sao? Có, tôi có biết bà ấy. Nhà ở phía dưới chân đồi kia, gần nhà thờ. Góa bụa. Ông chồng trước làm phi công. Có một cô con gái. Cũng khá xinh xắn. Nói năng cư xử lễ độ. Bà Butler trông cũng vẫn còn khá lôi cuốn, ông có thấy thế không?”

“Tôi vẫn chưa có dịp gặp được bà ấy, nhưng có lẽ đúng vậy, tôi đoán hẳn bà ấy phải rất đẹp.”

“Mà sao ông lại quan tâm đến vụ này, Poirot? Ông đâu có ở đây lúc nó xảy ra, đúng không?”

“Không. Bà Oliver đến tìm tôi ở London. Bà ấy bị hoảng loạn, hết sức hoảng loạn. Bà ấy muốn tôi làm gì đó.”

Một nụ cười thoáng hiện trên gương mặt của thanh tra Spence.

“Tôi hiểu rồi, vẫn kịch bản cũ. Hồi xưa tôi cũng tìm đến ông khi muốn nhờ ông giúp.”

“Và giờ tôi đang làm ngược lại,” Poirot đáp. “Lần này là tôi đến tìm ông.”

“Vì ông muốn nhờ tôi làm điều gì đó sao? Tôi xin nói trước, tôi

chẳng giúp gì được đâu.”

“Ồ, có đấy. Ông có thể cho tôi biết về tất cả mọi người. Những người sinh sống ở đây. Những người đã đến tham gia tiệc hôm ấy. Rồi cha mẹ của những cô bé cậu bé tham dự tiệc. Trường học, thầy cô, luật sư, bác sĩ. Ai đó trong buổi tiệc đã dụ dỗ một đứa bé quý xuống, và có lẽ còn cười lớn nữa khi nói: ‘Ta sẽ chỉ cho con cách cắn táo dễ nhất. Ta có mảnh chơi trò này’. Và thế là kẻ đó - dù là đàn ông hay phụ nữ - đã đặt một tay lên đầu cô bé và nhấn xuống xô nước. Chắc cũng không phải vật lộn ồn ào gì nhiều với kiểu đó.”

“Một tội ác đáng kinh tởm,” Spence thốt lên. “Tôi đã nghĩ thế khi nghe chuyện, ông muốn biết gì nào? Tôi mới ở đây một năm thôi. Bà chị tôi thì lâu hơn - cỡ chừng hai ba năm. Dân cư khu này cũng không nhiều lắm, mà cũng không định cư lâu dài. Người đến rồi đi cũng nhiều. Chẳng hạn người chồng tìm được công việc ở Medchester hay Great Canning, hoặc một chỗ nào đó quanh đây, thì con cái họ sẽ học ở vùng này. Sau đó có thể người chồng thay đổi công việc và thế là cả gia đình sẽ chuyển đi theo. Dân cư ở đây không cố định. Cũng có vài người đã sinh sống lâu năm, như bà cô Emlyn, cô giáo dạy ở trường, bác sĩ Ferguson nữa. Nhưng nhìn chung thì hàng xóm quanh đây thường hay thay đổi.”

“Tôi cũng đồng ý với ông,” Poirot lên tiếng, “đây là một tội ác đáng kinh tởm. Tôi đoán ông cũng biết vài người không được tốt đẹp lắm ở đây.”

“Phải rồi,” Spence trả lời. “Ai cũng nghĩ đến khả năng này đầu tiên, phải không? Và sau đó người ta sẽ đi tìm hiểu về một thiếu niên xấu tính nào đó, đại loại vậy. Ai lại muốn bóp cổ hay dìm đầu

hoặc hạ sát một cô bé mới mười ba tuổi đầu cơ chứ? Hình như không có bằng chứng cho thấy dấu hiệu tấn công tình dục, thường là khả năng đầu tiên người ta xem xét. Thời buổi bây giờ những tội ác dạng ấy tràn lan khắp mọi làng xóm thị trấn. Lại nói, tôi thấy những chuyện như thế thời tôi còn trẻ đâu có nhiều. Chúng ta ngày xưa cũng có những kẻ đầu óc không bình thường vậy, hay là bất cứ từ gì người ta gọi, nhưng không nhiều như bây giờ. Theo tôi thấy, ngày càng nhiều tội phạm được thả ra ngoài xã hội, trong khi lẽ ra chúng nên bị giam lại một chỗ. Tất cả những nhà thương điên đều đã kín; quá tải, cho nên mấy tay bác sĩ sẽ nghĩ ‘Thôi thả cho hần ta hoặc cô ta ra ngoài đời vậy. Trả về sống cùng với bà con họ hàng’, hay đại loại thế. Và rồi một ngày phần xấu xa trong con người ấy trỗi dậy, hoặc kẻ mắc bệnh đáng thương đó tái phát bệnh cũ, tùy theo cách ông nhìn nhận, và thế là thêm một cô gái trẻ nữa bị tìm thấy xác trong một mỏ đá sau khi ra ngoài đi dạo, hoặc ngốc nghếch leo lên xe đi nhờ. Trẻ con thì không về nhà sau giờ tan học vì chúng đã lên xe đi nhờ một người lạ, dù người lớn đã dặn dò không được làm vậy. Phải, những chuyện như thế ngày nay đầy rẫy.”

“Vụ án này có khớp với dạng tội ác ông mới kể không?”

“Thì, thường người ta hay nghĩ đến khả năng như vậy trước tiên,” Spence nói. “Ví dụ như có ai đó ở bữa tiệc bỗng nổi tà tâm chẳng hạn. Có thể kẻ đó trước đây từng làm chuyện ác như vậy, cũng có thể hần chỉ bỗng dưng muốn làm vậy. Theo tôi phán đoán thì hần trong quá khứ đã từng có vụ tấn công một đứa trẻ ở đâu đó gần đây. Như tôi được biết thì đến giờ vẫn chưa có ai khớp với mô tả ấy cả. Ý tôi là theo hồ sơ chính thức thì không. Có hai người ở đúng độ

tuổi đó trong bữa tiệc. Nicholas Ransom, một cậu khá điển trai, tầm mười bảy mười tám tuổi, đúng độ trẻ khỏe. Nghe đâu là chuyển đến từ Bờ Đông hay đại loại vậy. Tính tình có vẻ cũng được. Nhìn bình thường, nhưng ai mà biết? Rồi còn Desmond, từng được trả về với bệnh án tâm thần, nhưng cụ thể như thế nào tôi không rõ. Chắc hẳn kẻ gây án là người trong bữa tiệc, dù tất nhiên người ngoài cũng có thể đã đột nhập vào. Nhà tổ chức tiệc thì chẳng mấy khi khóa cửa cả. Thường thì sẽ mở cửa phụ, hoặc cửa sổ. Biết đâu lại có kẻ đầu óc điên cuồng nào đó bám theo đám trẻ để xem tiệc tùng thế nào, rồi lẻn vào. Nhưng cũng chưa biết chừng. Liệu một đứa trẻ đi dự tiệc sẽ chịu ra chơi trò cắn táo với một người cô bé không hề biết không? Dù sao thì, ông vẫn chưa giải thích tại sao ông lại tới đây, Poirot. Ông có nói là do bà Oliver. Bà ấy có ý tưởng quái lạ nào về vụ này không?”

“Cũng không quái lạ lắm đâu,” Poirot nói. “Đúng là nhà văn thì đầu óc hay có những ý tưởng điên rồ. Những ý tưởng có khả năng là sự thật, dù hơi xa vời. Nhưng điểm đáng chú ý là bà ấy đã nghe cô bé nói một điều.”

“Sao, cô bé Joyce ấy à?”

“Phải.”

Spence chồm hẳn người về phía Poirot, mắt chăm chú đầy tò mò.

“Tôi sẽ kể cho ông nghe,” Poirot nói.

Hạ nhỏ giọng, ông thuật lại ngắn gọn câu chuyện mà bà Oliver đã kể với mình.

“Tôi hiểu rồi,” Spence nói sau khi ông bạn thám tử dứt lời. Tay vân vê hàng ria mép, Spence tỏ vẻ nghĩ ngợi. “Cô bé nói vậy sao?”



Là nó đã từng chứng kiến một vụ giết người. Có nói là khi nào và như thế nào không?”

“Không,” Poirot đáp.

“Mà sao cô bé lại kể chuyện đó?”

“Khi ấy đang bàn luận về các vụ án trong truyện của bà Oliver thì phải. Ai đó nói với bà Oliver, một đứa trẻ thì phải, nếu tôi không nhầm, đại ý chê là truyện của bà ấy không đủ máu me và xác chết. Rồi Joyce mới lên tiếng và nói chính cô bé đã có lần tận mắt chứng kiến một vụ giết người.”

“Cô bé chỉ nói khoác? Theo lời ông kể thì tôi cảm thấy như thế.”

“Bà Oliver cũng nghĩ vậy. Phải, cô bé ba hoa về chuyện này.”

“Đó có thể không phải là sự thật.”

“Đúng vậy, khả năng chuyện ấy hoàn toàn không có thật.” Poirot đồng tình.

“Bọn trẻ con hay có trò nói quá lên khi muốn gây chú ý cho bản thân hoặc muốn làm màu với những đứa khác hoặc muốn gây ấn tượng. Nhưng ngược lại, đó cũng có thể là sự thật. Có phải ông nghĩ thế không?”

“Tôi không biết nữa.” Poirot đáp. “Một đứa trẻ ba hoa là mình từng chứng kiến một vụ giết người. Chỉ vài giờ sau, cô bé bị giết chết. Hẳn ông cũng thấy chúng ta có cơ sở để tin điều cô bé nói là thật, dù khả năng ấy xa vời - nhưng biết đâu có mối liên hệ nhân quả ở đây. Nếu đúng là vậy thì kẻ đó đã xuống tay mà không chờ đợi.”

“Chắc chắn rồi,” Spence đáp lại. “Có bao nhiêu người ở đó lúc cô

bé kể chuyện vụ giết người, ông có nắm được chính xác không?”

“Bà Oliver chỉ áng chừng tầm mười bốn, mười lăm người, có thể hơn. Năm sáu đứa trẻ con, năm sáu người lớn đứng quanh đó chuẩn bị cho bữa tiệc. Nhưng về thông tin chính xác thì tôi phải nhờ ông rồi.”

“Chà, chuyện đó thì không khó gì,” Spence nói. “Tôi không dám nói là mình có thể xác nhận ngay cho ông, nhưng hỏi vòng vòng dân trong làng thì dễ ra lắm. Còn về buổi tiệc hôm ấy thì tôi cũng đã biết kha khá rồi. Nhìn chung đa phần là phụ nữ tham gia. Các ông bố thường không mấy khi xuất hiện ở các bữa tiệc cho trẻ con. Nhưng thỉnh thoảng họ cũng tham gia một lát, hoặc ghé qua để đón con về. Bác sĩ Ferguson ở đó, mục sư cũng có đó. Còn lại toàn các bà các mẹ, rồi thì nhân viên xã hội, hai giáo viên từ trường làng. Ồ, phải, để tôi làm cho ông một danh sách - với tầm khoảng mười bốn đứa trẻ. Nhỏ nhất không quá mười tuổi, cho đến các cô cậu thiếu niên.”

“Vậy tôi tin ông có danh sách những người đáng nghi trong đó?” Poirot hỏi.

“Chà, chuyện đó giờ không dễ thế đâu, nếu như suy đoán của ông là đúng.”

“Tức là ông không còn đi theo hướng truy lùng một kẻ biến thái nữa. Thay vào đó, ông đang tìm một kẻ từng ra tay giết người mà không ai biết, một kẻ tưởng rằng tội ác của mình sẽ không bao giờ bị phát hiện, và vì thế đã rất kinh ngạc khi nghe Joyce nói.”

“Giá mà tôi biết được đó là ai,” Spence nói. “Dù sao đi nữa, tôi không dám chắc ở quanh đây có người đủ khả năng là kẻ sát nhân. Và chắc chắn chẳng có vụ án mạng chấn động nào cả.”

“Có thể kẻ đó đã gây án ở vùng khác,” Poirot nói, “tôi nghĩ, có những người tưởng như vô hại rồi cuộc vẫn là sát nhân. Vì họ thường ít bị nghi ngờ. Chứng cứ chống lại họ có thể sẽ không nhiều, và do đó, tên sát nhân đội lốt người vô tội này đã rất sốc khi biết hóa ra có nhân chứng tận mắt nhìn thấy tội ác của hắn.”

“Tại sao Joyce không lên tiếng tố cáo lúc đó? Đây là điểm khiến tôi tò mò. Có phải cô bé bị mua chuộc để đổi lấy sự im lặng, ông có nghĩ thế không? Tất nhiên thế là quá liều lĩnh.”

“Không,” Poirot đáp. “Theo tôi nghe từ bà Oliver, thì cô bé đã không nhận ra những gì nó thấy thực sự là một vụ giết người.”

“Ôi, làm gì có chuyện đó,” Spence phản đối.

“Cũng không hẳn. Đó là một cô bé mới chỉ mười ba tuổi. Cô bé đang nhớ lại những gì mình chứng kiến trong quá khứ. Chúng ta không biết chính xác khi nào. Có thể là ba hay thậm chí bốn năm trước. Cô bé đã nhìn thấy chuyện gì đó nhưng không hiểu được bản chất thực sự của nó. Những chuyện như vậy đâu hiếm gặp, *mon cher*. Nhất là với tai nạn ô tô chẳng hạn. Một chiếc xe lao thẳng vào nạn nhân nào đó, khiến anh ta bị thương hoặc thậm chí tử vong. Một đứa trẻ có thể đã không nhận ra đó là hành động cố tình ngay lúc ấy. Nhưng vài năm sau có ai đó nói điều gì, hoặc cô bé ấy thấy hoặc nghe điều gì đó gợi nhắc chuyện cũ và có thể đã nghĩ: ‘Thì ra A hay B hay X đã cố tình làm vậy.’ Biết đâu đó là hành động giết người chứ không phải là một tai nạn. Ở đây có nhiều khả năng lắm. Cũng xin thừa nhận một số khả năng là do bà bạn của tôi, bà Oliver đưa ra. Bà ấy có thể dễ dàng nghĩ ra mười mấy đáp án một lúc cho mọi vấn đề, đa số đều không khả thi lắm nhưng tất cả đều có xác

suất đúng. Chút thuốc bỏ vào tách trà được pha riêng cho ai đó chẳng hạn. Đại loại như vậy. Hay một cú đẩy nhẹ khi nạn nhân đang đứng chỗ cheo leo nguy hiểm. Nhưng vùng này lại không có vách núi nào cả nên đành loại, hơi đáng tiếc vì nó khá khả thi. Phải, tôi đã nghĩ đến rất nhiều khả năng. Có thể cô bé đã đọc được một câu chuyện giết người nào đó, và nó gợi nhắc về vụ việc trước kia. Bản thân Joyce có thể đã bắn khoăn từ lâu, và khi đọc truyện, cô bé mới nhận ra: ‘À, hẳn là thế này và thế kia. Không biết có phải ông ấy hay bà ấy cố ý làm vậy không?’ Phải, ở đây chúng ta có rất nhiều khả năng.”

“Vậy nên ông đến tận đây để tìm hiểu?”

“Tôi nghĩ biết đâu sẽ giúp ích cho người dân nơi đây, ông không thấy thế sao?” Poirot hỏi.

“À, chúng ta lại sắp theo tinh thần vì nhân dân phải không, tôi với ông ấy?”

“Ông ít ra có thể cho tôi biết thông tin ở địa phương, ông biết mọi người ở đây mà.” Poirot nói.

“Tôi sẽ làm hết sức mình,” Spence nhận lời. “Và sẽ lôi cả bà chị Elspeth vào nữa. Gần như chẳng có gì về người làng này mà chị ấy không biết cả.”



## CHƯƠNG 6

Thu xếp mọi việc xong xuôi, Poirot hài lòng ra về.

Ông sắp có được những thông tin mình muốn - riêng điều này thì ông không nghi ngờ gì. Ông đã thuyết phục được Spence tham gia. Và Spence, một khi đã bắt đầu lần theo cái gì, thì sẽ không bao giờ bỏ cuộc. Với danh tiếng một quan chức cấp cao về hưu của Cục điều tra hình sự Anh Quốc, chắc chắn ông thanh tra này đã làm thân được với vài người bạn trong Sở cảnh sát địa phương.

Và tiếp theo - Poirot nhìn đồng hồ - ông có lịch hẹn gặp bà Oliver trong đúng 10 phút nữa ở ngôi nhà tên có Vườn Táo. Quả tình, cái tên này cũng cực kỳ phù hợp.

Poirot nghĩ, đúng là người ta khó mà tránh được táo. Chẳng ai có thể từ chối một quả táo Anh chín mọng - thế mà ở đây là táo lại vương vào mớ cán chổi, phù thủy, bữa tiệc Halloween, và một đứa trẻ bị sát hại

Đi theo con đường bà Oliver đã chỉ, đúng giờ hẹn Poirot đến trước một ngôi nhà gạch đỏ theo kiến trúc Georgia, bao quanh là một hàng cây sồi thấp được cắt tỉa gọn gàng, và bên trong hàng rào ấy là một khu vườn nhỏ xinh xắn.

Ông đưa tay nhắc thanh chốt, mở cánh cổng sắt có treo biển “Vườn Táo”. Poirot bước vào con đường nhỏ dẫn tới cửa chính. Cánh cửa lập tức mở và bà Oliver lao ra bậc thềm, chính xác như hình nhân nho nhỏ tự động ló ra từ ô cửa trang trí trên đỉnh chiếc đồng hồ Thụy Sĩ.

“Ông hết sức đúng giờ,” bà thốt lên, hụt hơi. “Tôi đứng ngóng ông từ cửa sổ này giờ.”

Poirot quay lại khép cổng cẩn thận. Lần nào gặp bà Oliver, dù hẹn trước hay do tình cờ, Poirot đều nhìn thấy táo hầu như lập tức. Khi thì bà ấy đang ăn táo, hoặc mới ăn táo xong - nhìn vụn táo vẫn vương trên ngực của bà là biết - hoặc bà ấy đang xách theo một giỏ táo. Nhưng hôm nay thì khác, không có bóng dáng quả táo nào trong tầm mắt. Phải rồi, Poirot trầm đồng tình. Ai mà gặm táo ở đây lúc này thì thật vô ý, ngay tại nơi không chỉ là hiện trường vụ án, mà là một thảm kịch. Đúng là một thảm kịch. Poirot nghĩ. Một đứa trẻ mới mười ba tuổi đầu bị giết hại. Ông không thích nghĩ về chuyện này chút nào, nhưng chính vì không thích, ông càng quyết tâm phải dồn hết tâm trí cho vụ án, cho đến khi bằng cách nào đó, có ánh sáng soi rọi qua bức màn bóng tối mịt mù, và cho ông thấy rõ chân tướng của vụ việc khiến mình đã vất công đến đây tìm hiểu.

“Tôi không hiểu tại sao ông không chịu lưu tại nhà bà Judith Butler,” bà Oliver ca cẩm. “Cứ nhất định phải ở cái nhà khách bình dân hạng quèn ấy.”

“Vì sẽ khách quan hơn khi tôi đứng ngoài quan sát,” Poirot giải thích. “Không nên quá thân thiết với bên nào, mong bà hiểu cho.”

“Tôi không hiểu ông làm sao tránh được việc đó,” bà Oliver nói.

“Chắc ông đã gặp gỡ mọi người và nói chuyện với họ, phải không?”

“Chắc chắn rồi,” Poirot đáp.

“Vậy ông đã gặp những ai?”

“Bạn tôi, thanh tra Spence.”

“Ông ấy dạo này thế nào?” bà Oliver hỏi.

“Trông già hơn hẳn so với trước.” Poirot đáp.

“Hiển nhiên rồi,” bà Oliver nói, “ông trông đợi gì nữa? Ông ấy có lãng tai, mờ mắt, chậm chân hay béo lên gầy đi gì không?”

Poirot nghĩ ngợi một chút rồi đáp: “thanh tra Spence hơi sút ký. Phải đeo kính để đọc báo. Tôi không nghĩ ông ấy bị lãng tai, ít nhất thì cũng không có dấu hiệu ấy.”

“Về vụ này ông ấy nghĩ sao?”

“Bà chuyển chủ đề nhanh quá,” Poirot nói.

“Và chính xác thì ông và ông ấy định làm gì?”

“Tôi đã lên kế hoạch của mình,” Poirot đáp. “Trước tiên, tôi đã gặp và hỏi ý kiến ông bạn cũ. Tôi nhờ Spence, nếu có thể, giúp tôi thu thập một số thông tin người khác khó tiếp cận được.”

“Ý ông là ông Spence có nhiều bạn bè trong giới cảnh sát địa phương, nên sẽ moi được nhiều thông tin?”

“Thật ra thì, tôi sẽ không diễn đạt như vậy, nhưng đúng, đó chính là những tính toán ban đầu của tôi.”

“Và sau đó?”

“Tôi đến gặp bà ở đây, thưa bà. Tôi cần phải xem tận mắt hiện trường vụ án.”

Bà Oliver ngẩng đầu lên và đưa mắt nhìn căn nhà một lượt, nói:

“Căn nhà này không có vẻ giống một nơi có thể xảy ra án mạng, đúng không?”

Một lần nữa Poirot trầm thán phục: Bản năng phán xét của bà ấy thật chuẩn xác!

“Đúng vậy,” ông lên tiếng, “đúng là nó không giống một nơi có thể xảy ra án mạng. Sau khi đã biết được hiện trường ở đâu, tôi sẽ cùng bà đến gặp mẹ cô bé, xem bà ấy có cung cấp được gì không. Chiều nay, ông bạn Spence của tôi sẽ thu xếp cho tôi gặp mặt cảnh sát điều tra ở địa phương khi nào tiện. Tôi cũng muốn trao đổi với bác sĩ ở đây, và cả với bà hiệu trưởng trường học nếu được. Đến sáu giờ tối tôi sẽ uống trà và dùng bữa tối có món lạ xướng cùng ông bạn Spence và chị gái ông ấy ở nhà họ và chúng tôi sẽ thảo luận.”

“Ông định hỏi thêm ông Spence gì nữa?”

“Tôi muốn gặp chị của Spence. Bà ấy sống ở đây lâu hơn ông bạn của tôi. Ông ấy mới chuyển về sống cùng từ khi anh rể mất thôi. Biết đâu bà ấy lại biết rõ những người ở đây.”

“Ông có biết, nghe ông nói khiến tôi liên tưởng đến gì không?” bà Oliver nhận xét. “Một cái máy tính. Kiểu như ông đang tự lập trình bản thân mình vậy. Từ ‘lập trình’ có đúng không nhỉ? Ý tôi là, cả ngày ông thu nạp mọi thứ vào đầu mình, và rồi sau đó sẽ xem xét kết quả xuất ra là gì.”

“Bà có cách liên tưởng thật thú vị,” Poirot nói, vẻ hào hứng. “Phải, phải, tôi đóng vai chiếc máy tính, thu nạp thông tin và...”

“...và ông sẽ cho ra tất cả các đáp án sai?” bà Oliver hỏi chậm chọc.

“Không có khả năng đó đâu,” Hercule Poirot đáp. “Máy tính không



bao giờ sai.”

“Máy tính thì không,” bà Oliver nói, “nhưng trên đời đôi khi vẫn có những chuyện không ngờ xảy ra. Ví dụ như hóa đơn tiền điện tháng vừa rồi của tôi chẳng hạn. Tôi có nghe câu thành ngữ ‘Con người ai cũng mắc sai lầm’, nhưng lỗi lầm của con người thì chẳng là gì nếu so với lỗi của máy tính nếu nó thử làm sai. Thôi ông hãy vào nhà gặp bà Drake.”

Bà Drake quả thực không phải một người tầm thường, Poirot nghĩ thầm. Một phụ nữ ngoại tứ tuần, dong dỏng cao, gương mặt đẹp, mái tóc vàng xen vài sợi xám, cùng đôi mắt xanh đặc biệt sáng rạng rỡ. Người bà toát lên vẻ nhanh nhẹn và tháo vát. Bất cứ bữa tiệc nào đến tay bà thu xếp chắc hẳn đều rất thành công. Trong phòng khách, một khay bánh quy đường và cà phê sáng đang đợi sẵn hai người.

Vườn Táo, theo Poirot thấy, là một tư dinh được chăm chút hết sức chu đáo. Nội thất bài trí rất hợp lý, sàn trải thảm thượng hạng, mọi thứ được lau chùi đánh bóng kỹ lưỡng, và đặc biệt nếu nhìn qua, khó nhận ra rằng trong nhà thật sự không có vật dụng nào quá sáng giá, mà tất cả đều rất hài hòa. Màu sắc của rèm cửa và khăn trải bàn đều là những màu dễ chịu nhưng cũng rất truyền thống. Nếu để cho thuê, chắc chắn căn nhà sẽ lập tức tìm được người sẵn sàng trả giá cao, và họ cũng không phải thêm vào bớt ra bất cứ đồ đạc quý nào, hay không cần xê dịch nội thất bài trí.

Bà Drake chào đón bà Oliver và Poirot, rõ ràng che giấu gần như hoàn toàn cảm giác mà theo phỏng đoán của Poirot hẳn là bức bối vô cùng. Bởi lẽ ban đầu bà chỉ muốn đứng ra tổ chức một bữa tiệc

đồng vui cho cộng đồng mà cuối cùng lại xảy ra một vụ án mạng mang tính chất phản cộng đồng như vậy. Bà Drake còn là người được trọng vọng trong vùng Woodleigh Common, nên Poirot đoán bà chắc chắn không vui về gì khi bị coi là yếu kém để xảy ra vụ việc như vậy. Án mạng lẽ ra không nên xảy ra ở đây mới phải. Với người khác và ở một ngôi nhà khác thì được. Nhưng đây là một bữa tiệc cho trẻ nhỏ, do bà khởi xướng, do bà chủ trì, do bà sắp xếp, lẽ ra những chuyện thế này không được phép xảy ra mới đúng. Hẳn có lúc bà đã nghĩ nó không xảy ra. Và Poirot đoán rằng chắc bà Drake đã suy đi nghĩ lại trong đầu để tìm lấy một nguyên nhân. Có lẽ không phải là nguyên nhân xảy ra vụ án mạng, Poirot nghĩ, mà bà Drake chắc đã rà soát lại để ghi nhận những thiếu sót của vài cá nhân giúp bà tổ chức bữa tiệc, vì vụng về và lơ đãng mà họ đã không thể nhìn ra được thảm kịch này có thể xảy ra.

“*Me-xừ* Poirot,” bà Drake cất lời chào bằng giọng nói hết sức êm ái, Poirot tưởng tượng sẽ rất hợp nếu nó được vang lên trong một giảng đường hoặc trong một hội trường nào đó. “Tôi rất mừng vì ông đã dành thời gian xuống đây. Bà Oliver đã cho tôi biết sự giúp đỡ vô giá của ông trong tình cảnh khủng khiếp này.”

“Xin hãy yên tâm, *Ma-đam*, tôi xin làm hết sức có thể, nhưng như bà biết đấy, có lẽ bà cũng hiểu đây sẽ là một vụ khó khăn.”

“Khó khăn ư?” bà Drake nói. “Tất nhiên sẽ không hề dễ dàng. Thật không thể tưởng tượng, thực sự không thể tưởng tượng nổi là một sự việc kinh khủng như vậy lại có thể xảy ra.” Bà nói thêm, “tôi đoán cảnh sát có lẽ đã nắm được manh mối nào đó rồi? Điều tra viên Raglan cũng rất có tiếng tăm trong vùng. Dẫu sao, họ chắc

cũng phải nhờ đến Scotland Yard tham gia thôi, tôi cũng không rõ lắm. Giờ theo báo chí thì cái chết của cô bé đáng thương này là chuyện động trời trong vùng. Tôi cũng không cần phải kể với ngài, *Me-xù* Poirot - chắc chắn ông cũng đọc báo thường xuyên như tôi, nên hẳn cũng biết là từ trước đến nay có rất nhiều cái chết thương tâm của trẻ nhỏ ở khắp các vùng quê. Có vẻ càng ngày càng nhiều. Tôi cảm thấy căn bệnh thần kinh bất ổn đang xuất hiện phổ biến hơn trước kia. Nhưng tôi cũng phải nói thêm là các bà mẹ và các gia đình hiện nay nhìn chung không quan tâm đến con cái chu đáo như trước nữa. Bọn trẻ bây giờ tự về nhà một mình khi trời đã tối, hay đi một mình khi mới mờ sáng. Và trẻ con mà, dù ông có dặn dò cảnh báo thế nào đi chăng nữa, chúng vẫn hết sức ngây ngô theo người lạ mời lên xe đi nhờ, nhất là với những chiếc xe bóng bẩy một chút. Ai bảo gì chúng tin nấy. Theo tôi thấy thì không ai có thể giúp gì được.”

“Nhưng sự việc lần này, *Ma-đam*, lại có tính chất hoàn toàn khác.”

“Ồ, tôi biết chứ, tôi biết. Thế nên tôi mới nói là không thể tin được. Đến giờ tôi vẫn không thể tin chuyện đã xảy ra,” bà Drake nói. “Mọi việc khi ấy đều hoàn toàn trong tầm kiểm soát. Tất cả mọi thứ đều đã được sắp xếp đâu vào đấy. Bữa tiệc diễn ra hết sức suôn sẻ và hoàn hảo. Chuyện này quả thực ngoài sức tưởng tượng. Riêng tôi nghĩ chắc chắn phải có một thứ mà tôi gọi là tác động từ bên ngoài. Ai đó đã vào nhà - cũng chẳng khó khăn lắm với tình hình khi ấy — kẻ đó hẳn thần kinh rất không bình thường, tôi tin thế, như là bệnh nhân được thả ra khỏi mấy nhà thương điên chỉ vì không còn chỗ cho họ ấy, tôi có thể đoán được. Thời buổi bây giờ người ta toàn

phải để dành phòng cho bệnh nhân mới. Bất cứ ai đi ngang chỉ cần liếc qua cửa sổ là có thể thấy được chúng tôi đang tổ chức một bữa tiệc cho bọn trẻ trong nhà, và tên bệnh hoạn đáng thương này - đó là nếu có ai thấy thương hại được cho loại người ấy, chứ riêng tôi thấy khó mà dung thứ - hẳn đã dụ dỗ cô bé bằng cách nào đó và giết con bé. Ông khó có thể tin được chuyện như thế có thể xảy ra, nhưng đúng là nó đã xảy ra.”

“Không biết bà có thể chỉ cho tôi nơi...”

“Tất nhiên rồi. Ông không dùng thêm cà phê sao?”

“Không, xin cảm ơn bà.”

Bà Drake đứng dậy. “Có vẻ cảnh sát cho rằng chuyện xảy ra khi mọi người đang chơi trò Rồng táp trong phòng ăn.”

Bà bước qua hành lang, mở cửa, và với điệu bộ trịnh trọng của một người có vinh hạnh đón tiếp một đoàn khách tham quan phương xa, bà chỉ tay về phía chiếc bàn ăn lớn và rèm cửa sổ bằng nhung nặng trĩu.

“Lúc đó trong phòng rất tối, tất nhiên rồi, trừ chiếc đĩa Rồng táp là phát sáng. Và giờ...”

Bà dẫn hai vị khách qua hành lang và mở cửa căn phòng nhỏ hơn, trong phòng kê ghế bành, tường treo mấy bức tranh vẽ người cưỡi ngựa và các giá sách.

“Phòng đọc sách,” bà Drake giới thiệu, giọng thoáng run. “Xô nước đã được đặt ở đây. Bên dưới có lót một tấm nhựa, tất nhiên rồi.”

Bà Oliver không theo họ vào phòng mà đứng ngoài hành lang.

“Tôi không dám vào,” bà nói với Poirot. “Nó lại làm tôi liên tưởng quá nhiều.”

“Giờ trong này chẳng còn gì đâu,” bà Drake trấn an. “Tôi chỉ đang cho ông ấy xem nơi xảy ra chuyện, theo ý ông muốn.”

“Tôi đoán,” Poirot nói, “khi ấy chắc phải có nước - rất nhiều nước.”

“Có nước trong xô chứ, tất nhiên rồi,” bà Drake đáp.

Bà nhìn Poirot như thể trong đầu bà đang nghĩ ông vẫn chưa hiểu ra.

“Và nước lênh láng cả trên tấm nhựa nữa.” Poirot nói. “Ý tôi là nếu một đứa trẻ bị nhấn đầu xuống nước, thì phải có nhiều nước bắn tung tóe ra ngoài.”

“Ồ, phải. Lúc mọi người chơi trò cắn táo, thì chúng tôi cũng đã phải tiếp nước vào thùng một hai lần rồi.”

“Cả kẻ đã làm chuyện đó nữa phải không? Hẳn chắc cũng phải bị ướt người, tôi có thể tưởng tượng được như vậy.”

“Đúng, đúng thế, tôi tin thế.”

“Không ai chú ý đến chi tiết đó sao?”

“Không, không, cảnh sát điều tra đã có hỏi tôi về chuyện này. Ông thấy đấy, khi đó đã là cuối buổi tiệc rồi, tất cả những người tham dự đều trông nhếch nhác, hoặc ướt lướt thướt, hoặc dính đầy bột. Nên chi tiết ấy có vẻ không phải là manh mối hữu ích lắm. Ý tôi là phía cảnh sát thấy vậy.”

“Đúng vậy,” Poirot đáp. “Tôi nghĩ manh mối duy nhất là chính cô bé nạn nhân. Tôi hy vọng bà có thể nói cho tôi mọi điều bà biết về cô

bé ấy.”

“Về Joyce ư?”

Bà Drake hơi lùì lại. Như thể Joyce trong tâm trí bà lúc này đã lùì về nơi xa xôi lắm khiến bà rất ngạc nhiên khi có người gọi nhắc đến cô bé.

“Nạn nhân luôn rất quan trọng,” Poirot giải thích. “Bà thấy đấy, nạn nhân thường chính là nguyên nhân của vụ án mạng.”

“À, tôi cũng nghĩ thế, phải, tôi hiểu ý ông rồi,” bà Drake vội đáp, dù rõ là không hiểu. “Vậy ta quay lại phòng khách chứ?”

“Và sau đó bà sẽ kể cho tôi về Joyce,” Poirot nhắc.

Họ trở lại phòng khách ngồi.

Bà Drake có vẻ không được thoải mái lắm.

“Tôi không biết thực tình ông muốn tôi nói gì, *Me-xừ* Poirot. Chắc hẳn mọi thông tin cần thiết ông có thể dễ dàng lấy được từ phía cảnh sát hoặc từ mẹ của Joyce. Khổ thân, bà ấy hẳn là đau đớn lắm, rõ là thế, nhưng mà...”

“Nhưng điều tôi muốn,” Poirot giải thích lần nữa, “không phải là lời đánh giá của một người mẹ về đứa con gái đã mất. Mà là quan điểm tỉnh táo, không thiên vị từ một người có hiểu biết về bản chất con người. Tôi phải nói, *Ma-đam*, bản thân bà là một người năng nổ tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội. Tôi cam đoan không ai có thể nắm được tính cách và đặc điểm của mọi người ở đây chính xác hơn bà.”

“Chà - hơi khó. Ý tôi là trẻ con lứa tuổi đó - khoảng mười hai mười ba gì đó, tôi không nhớ rõ - tính tình giống nhau cả.”

“À, chắc chắn là không rồi,” Poirot nói. “Bản tính và đặc điểm của con người thì có nhiều khác biệt lớn lắm chứ. Bà có quý mến cô bé không?”

Dường như bà Drake thấy câu hỏi có phần châm chọc.

“Thì tất nhiên là tôi... tôi có quý mến cô bé rồi. Ý tôi là, thì, trẻ con đứa nào tôi cũng yêu quý. Hầu như ai cũng vậy.”

“À, riêng điểm này thì tôi không đồng tình với bà,” Poirot đáp lại. “Có những đứa trẻ con tôi thấy thật không thể ưa nổi.”

“Thế thì, tôi cũng đồng tình, thời buổi bây giờ có những đứa trẻ không được nuôi dạy cẩn thận lắm. Giờ hình như người ta cứ phó mặc cho nhà trường, và thế là bọn trẻ lớn lên sẽ sống buông thả dễ dãi. Tự chọn bạn bè và - à, ờ, thật đấy, *Me-xừ* Poirot.”

“Vậy cô bé ấy có phải là một đứa trẻ đáng mến hay không?” Poirot nhắc lại, cương quyết tìm câu trả lời.

Bà Drake nhìn ông vẻ không hài lòng.

“Ông phải hiểu, *Me-xừ* Poirot ạ, rằng đứa bé đáng thương ấy đã chết.”

“Đã chết hay còn sống thì điều này cũng đều quan trọng. Biết đâu nếu cô bé ấy là người đáng mến thì đã chẳng có ai muốn giết, nhưng nếu ngược lại, thì...”

“Chà, tôi thấy - chắc chắn vấn đề ở đây không phải là tính tình hay phẩm chất rồi, có phải không?”

“Biết đâu đấy. Tôi cũng nghe là cô bé từng tuyên bố mình đã chứng kiến một vụ giết người.”

“Ồ, là chuyện đó,” bà Drake thốt lên, vẻ khinh khỉnh.

“Bà không tin lời của cô bé là thật?”

“Thì, tất nhiên là không rồi. Chuyện ấy rõ là vớ vẩn.”

“Vậy từ đâu mà cô bé lại nói là những lời ấy?”

“Thì, tôi cho là bọn trẻ đùa nào cũng khá hào hứng khi thấy bà Oliver ở đây. Bà là một người rất nổi tiếng, bà hãy nhớ như thế, bạn yêu dấu ạ,” bà Drake quay sang bà Oliver nói.

Từ “bạn yêu dấu” được cất lên ở cuối câu dường như không đi kèm “yêu dấu” nào cả.

“Tôi nghĩ nếu không thì chẳng ai lại nhắc đến chủ đề kinh khủng ấy, nhưng vì bọn trẻ đã tỏ ra rất phấn khích khi được gặp nữ tác giả nổi tiếng nên...”

“Nên Joyce mới nói là cô bé đã từng chứng kiến một vụ giết người diễn ra,” Poirot nói về suy nghĩ.

“Đúng thế, cô bé có nói gì đó đại loại như vậy. Lúc ấy tôi không để tâm nghe lắm.”

“Nhưng bà có nhớ cô bé nói như vậy không?”

“Có chứ, cô bé đã nói như thế. Nhưng tôi đã không tin,” bà Drake đáp. “Chị của Joyce suýt nó liền, rất phải phép.”

“Vậy là cô bé đã rất bức bối khi bị phản ứng như thế, có phải không?”

“Phải, nó lại càng khẳng định đó là sự thật.”

“Có vẻ đúng là cô bé đã ba hoa.”

“Nếu ông đã nói thế, thì đúng, tôi cho là vậy.”

“Tôi vẫn nghĩ biết đâu lời cô bé lại là sự thật,” Poirot nói.

“Chẳng có lý nào! Tôi chẳng tin dù chỉ một giây,” bà Drake đáp



ngay. “Joyce hay nói những chuyện ngu ngốc như thế lắm!”

“Vậy ra đó là một cô bé ngốc ngếch?”

“Thì, con bé thuộc kiểu thích khoe khoang gây chú ý,” bà Drake đáp. “Ông biết đấy, con bé lúc nào cũng thích tỏ ra mình thấy nhiều, làm được nhiều thứ hơn những đứa con gái khác.”

“Không phải là người có tính cách đáng mến rồi,” Poirot kết luận.

“Đúng là không thật,” bà Drake nói. “Là kiểu người ông cứ phải luôn luôn nhắc im miệng thì đúng hơn.”

“Thế những đứa trẻ khác có mặt khi ấy nói sao? Bọn chúng có tỏ ra hào hứng không?”

“Bọn chúng cười nhạo con bé,” bà Drake nhớ lại. “Và tất nhiên con bé càng bực mình hơn.”

“Vậy thì,” Poirot đứng lên, “tôi mừng là đã có thêm khẳng định từ phía bà ở chi tiết này,” ông lịch sự cúi chào. “Tôi xin cáo từ, *Ma-dam*, cảm ơn bà rất nhiều vì đã cho tôi xem hiện trường xảy ra sự việc đáng tiếc. Tôi hy vọng đã không khơi gợi lại cho bà những ký ức không mấy dễ chịu.”

“Tất nhiên rồi, thật đau đớn khi phải nhớ lại những chuyện kiểu này,” bà Drake đáp. “Khi ấy tôi chỉ mong bữa tiệc nho nhỏ của mình diễn ra suôn sẻ. Mà đúng là nó đã rất thành công và mọi người đã rất vui vẻ cho đến khi chuyện khủng khiếp này xảy ra. Dẫu sao thì bây giờ chúng ta chỉ có thể cố gắng quên đi. Tất nhiên, thật không may là Joyce đã nói những lời ngốc ngếch về chuyện nhìn thấy một vụ giết người.”

“Ở Woodleigh Common chưa từng có vụ án mạng nào hết sao?”

“Theo tôi nhớ thì không,” bà Drake đáp.

“Trong thời đại tội phạm gia tăng như hiện nay,” Poirot trầm ngâm, “như thế chẳng phải hơi bất thường sao?”

“Thì, tôi nhớ mang máng hình như có một tài xế xe tải từng giết bạn hân, hay đại loại thế, và người ta từng phát hiện xác một bé gái chôn ở mỏ đá cách đây khoảng mười lăm dặm, nhưng từ lâu lắm rồi. Cả hai vụ đều là những tội ác hèn hạ và không đáng chú ý lắm. Chủ yếu là do rượu cả, tôi cho là thế.”

“Đúng là với những án mạng ấy thì một cô bé mười một mười hai tuổi khó mà chứng kiến được.”

“Tôi thấy gần như là không. Và tôi có thể cam đoan với ông, *Mexur* Poirot, tuyên bố của cô bé hôm ấy chắc chắn chỉ là để lấy le trước mặt đám bạn, và có thể còn để thu hút sự chú ý của nhân vật nổi tiếng là bà nhà văn của chúng ta đây.” Bà Drake nhìn sang bà Oliver vẻ hơi lạnh lùng.

“Đúng là lỗi của tôi, là do tôi có mặt tại bữa tiệc hôm ấy,” bà Oliver nói.

“Ôi, tất nhiên là không rồi, bạn yêu dấu, tất nhiên, tôi đâu có ý đó.”

Rời khỏi ngôi nhà cùng bà Oliver, Poirot thở dài:

“Một nơi hoàn toàn không phù hợp để ra tay giết người,” ông lên tiếng khi hai người bước ra đến cổng. “Hoàn cảnh không hợp, không có cảm giác bị kích quá khứ nào ám ảnh quanh đây, không có nhân vật nào đáng bị giết, dù đôi khi tôi không kiềm chế được cái suy nghĩ chắc thỉnh thoảng cũng có người muốn giết bà Drake.”

“Tôi hiểu ý ông. Đôi khi bà ấy làm người khác phát bực. Tự cao

tự đại thái quá.”

“Chồng bà ấy là người thế nào?”

“Ồ, bà Drake bạn tôi là góa phụ. Chồng bà ấy mất đã được một hai năm nay rồi. Bị viêm tủy và nằm liệt mấy năm trời. Hồi trước hình như ông ấy làm ngân hàng, ông chồng bà ấy thích vận động và chơi thể thao lắm, lúc thành phé nhân như vậy ông ấy rất chán ghét khi phải từ bỏ tất cả và nằm một chỗ.”

“Chắc chắn rồi.” Poirot đồng tình, rồi lái chủ đề về lại cô bé Joyce. “Nói tôi nghe, trong số những người nghe được cô bé Joyce kể chứng kiến vụ án mạng, có ai tỏ ra tin là thật không?”

“Tôi cũng không rõ nữa. Tôi cho là không.”

“Ví dụ như những đứa trẻ khác chẳng hạn?”

“Thì tôi đang nghĩ đến bọn trẻ đấy. Không, tôi không nghĩ là chúng tin lời Joyce nói. Bọn trẻ đều nghĩ nó dựng chuyện.”

“Bà cũng nghĩ thế à?”

“Thì, đúng là tôi cũng không tin,” bà Oliver đáp, nói thêm: “Tất nhiên bà Drake muốn coi như vụ giết người này chưa từng xảy ra, nhưng bà ấy đâu có chứng minh được gì, có phải không?”

“Tôi có thể hiểu sự việc này với bà ấy chắc là đau đớn lắm.”

“Tôi cũng cho là thế,” bà Oliver đồng tình, “nhưng tôi có cảm giác bây giờ bà ấy đang dần dễ chịu hơn khi nhắc tới chuyện này. Tôi tin bà ấy không thích phải giữ trong lòng.”

“Bà có quý mến bà ấy không?” Poirot hỏi. “Bà thấy bà Drake có đáng mến không?”

“Ông toàn hỏi đúng những câu khó nhất. Toàn chạm những vấn

đề khó nói,” bà Oliver nhận xét. “Có cảm giác như ông chỉ để ý chuyện người ta có phải là người đáng mến hay không vậy. Rowena Drake là kiểu người hống hách, thích nắm đầu chỉ đạo người khác và mọi thứ. Có lúc bà ta đi chỉ đạo cả vùng này ấy chứ. Nhưng lại làm rất tốt. Còn tùy xem ông có thích dạng phụ nữ khoái chỉ huy người khác hay không. Tôi thì không hứng lắm...”

“Thế còn mẹ cô bé Joyce mà chúng ta sắp gặp đây?”

“Bà ấy thì đúng là người đáng mến. Có phần ngờ nghệch, tôi thấy vậy. Thật tội nghiệp. Còn gì kinh khủng hơn khi con gái mình bị giết, có phải không? Đã thế mọi người ở đây còn nghĩ vụ này liên quan đến cường hiếp.”

“Nhưng đâu có bằng chứng cho thấy nạn nhân bị tấn công tình dục, tôi hiểu là vậy, phải không?”

“Không có, nhưng mọi người thích nghĩ có những thứ tồi tệ như thế xảy ra. Sẽ khiến câu chuyện thêm phần gay cấn. Ông hiểu người đời thế nào mà.”

“Ta những tưởng là ta hiểu, nhưng đôi khi, hóa ra chúng ta chẳng biết gì.”

“Để cô bạn Judith Butler của tôi đưa ông đến gặp bà Reynolds thì có phải là tốt hơn không? Hai người ấy khá thân nhau, chứ tôi thì lại là người lạ.”

“Thôi, chúng ta cứ làm như đã sắp xếp đi.”

“Chương trình máy tính tiếp tục hoạt động,” bà Oliver làm bầm chống đối.



## CHƯƠNG 7

Hoàn toàn trái ngược với bà Drake, bà Reynolds không toát lên chút gì gọi là tự tin đỉnh đạc. Thậm chí xem ra bà chưa từng bao giờ có được cái thần thái ấy.

Khi tiếp Poirot, bà mặc bộ váy tang đen truyền thống, tay cầm chặt chiếc khăn mùi xoa ẩm, và rõ ràng luôn có thể khóc òa bất cứ lúc nào.

“Bà thật tử tế,” người phụ nữ khốn khổ nói với bà Oliver, “khi đã mời bạn về đây để giúp chúng tôi.” Bà đặt bàn tay còn ẩm ướt vào tay của Poirot, mắt nhìn ông nghi ngại. “Và nếu như ông có thể giúp được chút gì, tôi chắc chắn sẽ rất biết ơn, dù bây giờ thì tất cả đều đã muộn. Chẳng có gì có thể đem con bé trở lại, tội nghiệp nó. Cứ nghĩ đến thôi đã thấy kinh khủng rồi. Ai lại nỡ xuống tay giết hại một đứa bé ở tuổi ấy? Giá mà con tôi có thể kêu cứu được - dù tôi tin là hẳn đã dìm đầu con bé xuống nước ngay tức khắc và ghì thật chặt. Ôi, nghĩ đến thôi là tôi chịu không nổi rồi. Tôi thật không chịu được.”

“Quả thực là vậy, *Ma-dam*, tôi cũng không muốn làm bà thêm đau buồn. Xin hãy tạm không nghĩ đến chuyện này nữa. Tôi chỉ muốn hỏi bà một số câu hỏi để giúp... giúp cho việc tìm kiếm kẻ đã giết

con gái bà. Tôi cho là chính bà cũng không nghĩ ra được là ai có thể làm việc này?”

“Làm sao mà tôi biết được chứ? Tôi chẳng nghĩ được ai cả, ý tôi là, trong số những người sống ở vùng này. Đây là một nơi yên bình. Hàng xóm láng giềng ở đây đều là những người tử tế. Tôi đồ là kẻ nào đó, một gã khốn kiếp nào đó đã lén vào qua đường cửa sổ. Có lẽ hắn mới dùng ma túy hay gì đó cũng nên. Hắn ta thấy ánh đèn và nhận ra có một bữa tiệc, vậy là hắn lén vào.”

“Bà có chắc hung thủ là nam giới?”

“Ồ, phải là đàn ông rồi.” Bà Reynolds đáp, có phần ngạc nhiên. “Tôi chắc chắn đó là nam giới. Chứ làm sao có thể là phụ nữ được, phải không?”

“Một phụ nữ thì vẫn đủ sức.”

“Thì, tôi nghĩ là tôi hiểu ý ông muốn nói. Ý ông là nữ giới ngày nay khỏe mạnh hơn trước kia. Nhưng họ sẽ không làm một chuyện tồi tệ như thế này đâu. Tôi chắc chắn đấy. Joyce chỉ là một đứa bé, mới mười ba tuổi đầu.”

“Tôi không muốn ở đây lâu để làm bà thêm đau buồn, *Ma-đam*, cũng không muốn hỏi quá nhiều câu hỏi. Riêng việc ấy tôi tin là cảnh sát đã làm cả rồi, và tôi cũng không muốn đào sâu thêm vào những ký ức đau thương. Chỉ là tôi muốn hỏi về lời nói của cô bé tại bữa tiệc. Tôi không nhầm thì bà không có mặt khi ấy?”

“À, không. Dạo gần đây sức khỏe của tôi không được tốt, mà chuẩn bị tiệc cho trẻ con thì đau đầu lắm. Tôi lái xe đưa chúng đến, sau đó quay lại đón. Cả ba đứa đi cùng nhau, ông biết đấy. Ann, con gái lớn của tôi, năm nay nó mười sáu, và cả Leopold gần mười một

tuổi. Vậy Joyce đã nói những gì?”

“Bà Oliver có mặt ở đó sẽ kể lại cho bà nghe chính xác. Tôi tin là cô bé đã nói mình từng chứng kiến một vụ giết người.”

“Joyce sao? Ôi, không có chuyện con bé nói những lời ấy đâu. Nó thì có thể chứng kiến được vụ án mạng nào chứ?”

“Thì, có vẻ mọi người khác cũng nghĩ chuyện ấy là không thể,” Poirot tiếp lời. “Tôi chỉ thắc mắc liệu bà có tin điều ấy không. Cô bé có bao giờ kể cho bà nghe chuyện nào như thế không?”

“Chứng kiến một vụ giết người à? Joyce sao?”

Poirot giải thích: “Bà chắc cũng hiểu là những đứa trẻ ở tầm tuổi ấy thích phóng đại khi dùng từ giết người. Có thể chỉ là ai đó bị xe đâm, hoặc là bọn trẻ đánh nhau và một đứa trong đám đẩy bạn xuống dòng nước hay rơi qua cầu. Thường bọn chúng nói vậy mà không có ý gì, nhưng lại dẫn đến hệ quả không may.”

“Tôi thì không nghĩ những tai nạn như thế có thể xảy ra quanh đây khiến cho Joyce nhìn thấy, và con bé tuyệt đối chưa hề nhắc đến chuyện này với tôi. Hẳn là nó nói đùa.”

“Cô bé có vẻ chắc chắn lắm,” bà Oliver xen vào. “Joyce khẳng định là chuyện đó có thật và cô bé đã chứng kiến.”

“Có ai ở đó tin lời nó không?” bà Reynolds hỏi.

“Tôi không biết.” Poirot đáp.

“Theo tôi thấy thì không,” bà Oliver nói, “hoặc có thể mọi người không muốn nói họ tin để, à, thì, khuyến khích cô bé.”

“Mọi người nghiêng theo hướng chế giễu Joyce và nói cô bé bịa chuyện,” Poirot nói thẳng, không nhẹ nhàng như bà Oliver.

“Chà, họ như vậy thật là không tử tế,” bà Reynolds nói. “Chẳng lẽ họ nghĩ Joyce có thể nói dối về chuyện nghiêm trọng như vậy.” Mặt bà đỏ lên vì tức giận.

“Tôi biết. Khó mà có chuyện đó.” Poirot nói. “Khả năng cao hơn là, biết đâu cô bé đã nhầm lẫn khi chứng kiến một sự việc nào đó mà cô bé nghĩ có thể gọi là một vụ giết người. Một vụ tai nạn chẳng hạn.”

“Nếu thế thì con bé hẳn đã kể với tôi rồi chứ, đúng không?” bà Reynolds nói, vẫn chưa nguôi giận.

“Cũng có thể,” Poirot trả lời. “Vậy là Joyce chưa từng đề cập đến chuyện nào như vậy trong quá khứ? Bà có thể quên mất. Nhất là nếu chuyện chẳng có gì quan trọng.”

“Ý ông là khi nào?”

“Chúng tôi không rõ,” Poirot đáp. “Vướng mắc là ở chỗ này. Có thể là ba tuần trước - hoặc ba năm trước. Cô bé đã nói mình còn ‘khá nhỏ’ vào thời điểm đó. Theo một cô bé mười ba tuổi thì khi nào là ‘khá nhỏ’? Chẳng lẽ không có vụ việc chấn động nào xảy ra quanh đây mà bà nhớ được sao?”

“Ồ, tôi nghĩ là không. Ý tôi là, tôi có nghe người ta bàn tán, hoặc là đọc trên báo. Ông biết đấy, mấy vụ chị em phụ nữ bị tấn công, hoặc giữa một cô gái trẻ với anh người yêu. Những chuyện đại loại như thế. Nhưng như tôi nhớ thì chẳng có vụ nào nghiêm trọng cả, không đến mức để Joyce chú ý đặc biệt hay đại loại như thế.”

“Nhưng nếu Joyce cả quyết là đã chứng kiến một vụ án mạng, thì bà có tin cô bé không?”

“Con bé sẽ không nói ra những lời đó nếu nó không thực sự tin là



vậy, phải không nào?” bà Reynolds kiên quyết. “Theo tôi con bé hẳn đã nhầm lẫn đâu đó.”

“Phải, cũng có thể.” Poirot đồng tình, rồi hỏi, “Không biết tôi có thể nói chuyện với hai người con của bà, hai đứa trẻ có mặt ở bữa tiệc ấy?”

“À, tất nhiên rồi, nhưng tôi không hiểu ông muốn biết gì từ hai đứa nó. Ann đang ôn thi cho kỳ thi trình độ A trên lầu, còn Leopold thì ở ngoài vườn lắp ghép mô hình máy bay.”

Cậu bé Leopold khá mập, gương mặt phúng phính. Cậu nhóc dường như hoàn toàn tập trung vào việc lắp ráp và chẳng mấy để tâm đến sự có mặt của Poirot. Phải mất một lúc cậu bé mới tỏ ra lắng nghe những câu hỏi.

“Cháu có mặt ở đó, đúng không, Leopold? Cháu có nghe lời chị gái mình nói. Cô bé đã nói những gì?”

“À, ý bác là về vụ án mạng đó hả?” Leopold hỏi lại, giọng ngao ngán.

“Phải, chính là nó,” Poirot trả lời. “Chị cháu nói từng nhìn thấy một vụ án mạng. Có thật là Joyce từng nhìn thấy chuyện như vậy không?”

“Không, tất nhiên là không rồi,” Leopold đáp. “Làm quái gì có ai bị giết để cho chị ấy thấy? Đúng kiểu của Joyce, kiểu đó đó.”

“Ý cháu là sao? Đúng kiểu của Joyce?”

“Khoe khoang khoác lác,” Leopold nói, cầm cúi cột một sợi dây, mũi thở mạnh. “Chị ấy là kiểu con gái hết sức ngu ngốc. Kiểu chuyện gì cũng dám nói để gây chú ý ấy.”

“Vậy là cháu tin chị mình dựng chuyện?”

Leopold chuyển hướng ánh mắt về phía bà Oliver.

“Cháu đoán là chị ấy đã cố tình gây chú ý với bà một chút. Bà viết truyện trinh thám mà, đúng không ạ? Theo cháu thì chị ấy đã bịa ra chuyện như thế để bà chú ý tới chị ấy hơn những đứa khác.”

“Nghe cũng có vẻ giống Joyce đúng không?” Poirot nói.

“Ôi, chị ấy chuyện gì mà chẳng dám nói,” Leopold chán chường đáp. “Cơ mà cháu cá là chẳng có ai thêm tin chị đâu.”

“Lúc đó cháu có nghe không? Chính cháu có nghĩ là sẽ có người tin lời Joyce không?”

“Thì cháu có nghe chị ấy nói, nhưng cháu chẳng để tâm. Beatrice cười nhạo chị ấy, cả Cathie nữa. Họ nói cái gì mà ‘Chuyện thật khó tin’ hay đại loại vậy.”

Thấy có vẻ chẳng khai thác thêm được gì từ Leopold, hai người lên lầu gặp Ann. Cô bé trông có vẻ già dặn hơn tuổi mười sáu, đang cầm cúi trên bàn giữa những chồng sách vở.

“Vâng, đúng, cháu có đến bữa tiệc,” cô bé nói.

“Vậy cháu có nghe em gái nói gì liên quan đến một vụ án mạng không?”

“Ồ, có chứ, cháu có nghe nó nói. Cơ mà cháu chẳng để ý.”

“Cháu không tin đó là sự thật?”

“Tất nhiên là không thật rồi. Ở vùng này lâu nay có vụ giết người

nào đâu. Cháu nhớ là nhiều năm nay chẳng có vụ án mạng thực sự nào cả.”

“Vậy theo cháu tại sao cô bé lại nói vậy?”

“Ôi, con bé ấy thích thể hiện lắm. Ý cháu là hồi còn sống nó thích thể hiện. Nó từng kể cả một câu chuyện ly kỳ là nó đi du lịch Ấn Độ ra sao. Nhà cháu có một chú đi tàu sang đó và thế là con bé nói dối là nó được đi cùng. Rất nhiều đứa con gái ở trường đã tin lời nó.”

“Vậy cháu không nhớ được bất cứ vụ án mạng nào xảy ra trong vùng khoảng ba bốn năm trở lại đây sao?”

“Không ạ, chỉ có những chuyện bình thường,” Ann nói. “Ý cháu là những vụ mà mọi người vẫn hay đọc trên báo tin tức hàng ngày ấy, và cũng không xảy ra ở Woodleigh Common này đâu. Các vụ phạm tội đa phần là ở Medchester, nếu cháu không lầm.”

“Ann, bản thân cháu nghi ngờ ai đã giết em gái? Cháu chắc có biết bạn bè cô bé, thì có lẽ cũng biết cả những người không ưa em cháu chứ?”

“Cháu không thể tưởng tượng nổi lại có người muốn giết con bé. Cháu đoán hẳn phải là một kẻ tâm thần điên dại nào đó. Chứ ai lại nỡ làm vậy, đúng không ạ?”

“Vậy là không có ai, ví dụ như từng cãi nhau với cô bé, hoặc là không chịu nổi cô bé chẳng hạn?”

“Ý bác là con bé có kẻ thù không á? Thật xuẩn ngốc. Thật ra đâu có ai có kẻ thù. Chỉ là vài người mà mình không ưa thôi.”

Khi hai vị khách chuẩn bị rời khỏi phòng, Ann cất lời:

“Cháu không muốn nói xấu về Joyce, vì dẫu sao con bé cũng đã

chết, và như thế thì không được hay cho lắm, nhưng thực sự con bé là đứa chuyên nói dối, bác biết đấy. Ý cháu là, cháu cũng không vui về gì khi phải nói như vậy về em gái mình, nhưng đúng thế đấy ạ.”

“Chúng ta có tìm thêm được gì không?” bà Oliver hỏi Poirot khi hai người rời khỏi căn nhà của cô bé xấu số.

“Không hề,” Hercule Poirot đáp. “Thế này quả thật thú vị,” vị thám tử trầm ngâm.

Bà Oliver nhìn ông vẻ không đồng tình.



## CHƯƠNG 8

Sáu giờ tối ở ngôi nhà Ngọn Thông. Hercule Poirot cắn miếng xúc xích, sau đó nhấp tiếp một ngụm trà. Trà quá đậm, và với Poirot mà nói, thực sự không nuốt nổi. Xúc xích thì lại khác, cực kỳ ngon, được chế biến hoàn hảo. Ông nhìn về phía cuối bàn, sau bình trà nâu là gia chủ, bà McKay đang ngồi, vẻ đầy cảm kích.

Elsbeth McKay trái ngược hoàn toàn với cậu em Spence. Trong khi ông thanh tra dáng người cao lớn bệ vệ, thì bà lại gầy nhẳng. Gương mặt thon nhọn của bà toát lên vẻ lạnh lợi. Người bà mảnh như một sợi chỉ, thế nhưng giữa hai người vẫn có những điểm tương đồng. Rõ nhất là đôi mắt và khuôn hàm bạnh đặc trưng. Cả hai người này, Poirot thầm nghĩ, đều có đầu óc và khả năng phán đoán đáng tin cậy. Họ có thể có cách thể hiện khác nhau. Là người suy nghĩ thấu đáo và thận trọng, thanh tra Spence thường chậm rãi và cẩn thận. Bà McKay thì khác, luôn vồ vập, nhanh và nhạy, như một con mèo khi bắt chuột vậy.

“Tính cách của cô bé,” Poirot lên tiếng, “có thể giúp tôi làm sáng tỏ nhiều điều. Joyce Reynolds ấy. Cho nên đây chính là điểm khiến tôi thắc mắc nhất.”

Dứt lời, ông nhìn Spence tò mò.

“Ông hỏi tôi thì tôi chịu rồi,” Spence trả lời. “Tôi sống ở đây chưa lâu. Tốt nhất nên hỏi Elspeth.”

Poirot lại nhìn sang phía cuối bàn, nhướn mày chờ đợi. Bà McKay trả lời sắc sảo như mọi khi:

“Theo tôi, cô bé đúng kiểu đứa trẻ hay nói dối.”

“Không thuộc dạng bà có thể tin cậy khi cô bé kể chuyện?”

Elspeth lắc đầu quả quyết.

“Không đâu. Joyce dám bịa chuyện để nói, và nói trôi chảy như thật là đáng khác. Tôi chắc chắn không bao giờ tin lời con bé đó đâu.”

“Ví dụ như nói dối với để ra oai với người khác sao?”

“Đúng như thế đấy. Họ có kể cho ông nghe chuyện Ấn Độ đúng không? Rất nhiều người đã tin. Gia đình ấy có đi chơi xa dịp lễ. Đi du lịch nước nào đó. Tôi không rõ là ông bố hay bà mẹ, hay cô chú gì đó, nhưng có người đã sang Ấn Độ và cô bé trở về từ mấy đợt nghỉ lễ đó với cả đồng chuyện, kể lẽ là nó đã được đưa đi chơi đến xứ ấy cùng người thân ra sao. Nó bịa ra được cả một câu chuyện ly kỳ. Có hẳn một Maharajah với một cuộc săn hổ và bày voi các thứ - ái chà, nghe cũng hấp dẫn lọt lỗ tai lắm, nên rất nhiều người quen Hoàng tử Ấn Độ của cô bé ở đây tin lời nó. Nhưng tôi có thể nói ngay là nó dựng chuyện. Mới đầu tôi chỉ cho là nó phóng đại thôi. Nhưng mỗi lần nó kể là câu chuyện lại được thêm thắt một chút. Càng ngày càng nhiều hổ, nếu ông hiểu ý tôi. Nhiều hơn rất nhiều với số lượng có thể có ngoài đời. Và nó thêm cả voi nữa. Tôi cũng đã biết từ trước là con bé đó vốn hay đi ba hoa những chuyện không

thật ấy.”

“Luôn chỉ để thu hút chú ý?”

“À, ông nói đúng rồi đây. Cô bé này là chúa thích thu hút sự chú ý.”

“Nếu chỉ vì một đứa trẻ từng kể về một chuyến du lịch mà nó chưa bao giờ đi,” thanh tra Spence xen vào, “thì chị không thể kết luận là tất cả những chuyện khó tin nó từng kể đều là nói dối hết.”

“Có thể là không,” Elspeth nói, “nhưng tôi dám cá đa số là nói dối.”

“Vậy theo bà, nếu Joyce Reynolds nói với mọi người chuyện nó từng chứng kiến một vụ giết người, thì bà có nghĩ cô bé đang bịa chuyện và sẽ không tin lời của nó?”

“Tôi sẽ nghĩ vậy đây,” bà cô McKay đáp.

“Biết đâu trong trường hợp này chị lầm,” em trai bà phản bác.

“Phải, ai cũng có thể sai lầm.” Bà McKay nói tiếp. “Giống như ngày xưa có chuyện cậu bé hay tri hô ‘Có sói, có sói’, và vì lừa mọi người quá nhiều lần nên đến khi có sói thật thì không ai chịu tin cậu ta nữa, thế là con sói bắt cậu ta.”

“Vậy bà sẽ kết luận là...”

“Tôi vẫn tin là cô bé Joyce ấy có thể đã không nói sự thật. Nhưng tôi là người công tâm. Biết đâu lần này nó nói thật. Cũng có thể nó đã nhìn thấy gì đó. Không đến mức như lời kể cho mọi người, nhưng có thể là chuyện gì đó.”

“Thêm nữa là cô bé bị giết,” thanh tra Spence nói. “Chị phải nhớ điều này nữa, Elspeth ạ. Cô bé đã khiến mình bị giết.”

“Đúng vậy,” bà McKay thừa nhận. “Thế nên tôi mới nói là có thể tôi đã phán xét sai về cô bé. Và nếu đúng vậy, thì cho tôi xin lỗi. Nhưng hãy thử hỏi bất cứ ai biết Joyce, họ đều sẽ nói với các vị là cô bé ấy nói dối thành bản tính. Khi ấy nó đang ở một bữa tiệc mà, nhớ không? Và nó phẫn khích, có thể muốn gây ấn tượng chẳng hạn.”

“Quả thực, đã không ai tin lời cô bé,” Poirot nói.

Elsbeth McKay lắc đầu về tất nhiên.

“Liệu cô bé có thể thấy ai bị giết đây?” Poirot hỏi, hết nhìn từ người chị đến cậu em.

“Làm gì có ai cơ chứ,” bà McKay quả quyết.

“Ở đây chắc chắn phải có người chết chứ,” Poirot nói. “Thí dụ như tám ba năm trở lại chẳng hạn.”

“Ồ, cái đó thì đương nhiên rồi,” Spence nói. “Nhưng toàn những người mất vì tuổi cao, hoặc những người khuyết tật, hoặc những người ông biết là không sống lâu được - hay có thể là một vụ đâm xe chết người rồi bỏ chạy...”

“Không có ai chết bất thường hoặc đột ngột sao?”

“Thì...” Elsbeth ngập ngừng. “Thì cũng...”

Spence tiếp lời: “Tôi đã ghi ra được vài cái tên rồi đây.” Ông đẩy mảnh giấy về phía Poirot. “Tránh cho ông một chút rắc rối, đỡ phải đi hỏi lung tung.”

“Đây đều là những người ông cho là nạn nhân?”

“Cũng chưa đến mức ấy. Kiểu như có khả năng là vậy.”

Poirot đọc lớn: “Bà Llewellyn-Smythe. Charlotte Benfield. Janet



White. Lesley Ferrier...” Ông chợt khựng lại, nhìn về phía cuối bàn, và đọc lại cái tên đầu tiên. Bà Llewellyn-Smythe.

”Có thể đấy,” bà McKay nói. “Phải rồi, biết đâu ông lại nắm được gì từ đó.” Bà nói thêm một từ gì đó nghe như “opera.”

“Opera? Nhạc kịch sao?” Poirot nhìn khó hiểu, ông chưa nghe ai nhắc đến vở nhạc kịch nào cả.

“Tự dưng một buổi tối biến đâu mất,” Elspeth nói, “rồi biệt tăm tích luôn.”

“Bà Llewellyn-Smythe mất tích sao?”

“Không, không. Cô gái opera ấy. Cô ta có thể cho gì đó vào thuốc, cũng không khó lắm. Rồi được thừa hưởng hết khoản tiền kếch sù, có phải không nhỉ - hoặc ít nhất lúc đó cô ta đã tin thế?”

Poirot nhìn sang phía Spence, chờ đợi một lời giải thích.

“Và rồi chẳng ai nghe tung tích gì của cô ta nữa,” bà McKay vẫn tiếp tục. “Các cô gái ngoại quốc ai cũng vậy cả.”

Đến đây Poirot chợt mới hiểu từ “opera” là từ đâu mà ra.

“Một cô ô-pe\*,” ông nói.

“Đúng vậy. Cô ta sống cùng một bà lớn tuổi, và sau khi bà ấy chết chừng một hai tuần, cô ô-pe cũng biệt tăm.”

“Tôi đoán là bỏ nhà theo một gã nào đó,” Spence nói.

“Nếu vậy sao chẳng ai biết hẳn ta là ai,” Elspeth tiếp. “Mà thường thì mấy chuyện này ở đây người ta hay bàn ra tán vào lắm, ai hẹn hò yêu đương ai họ đều biết cả.”

“Có ai ở đây nghi ngờ cái chết của bà Llewellyn-Smythe không?” Poirot thắc mắc.

“Không. Bà ấy bị bệnh tim. Bác sĩ đến thăm bệnh bà ấy thường xuyên.”

“Nhưng sao ông lại để tên bà ấy đầu tiên trong danh sách nạn nhân vậy bạn hiền?”

“Thì, bà ấy là một phụ nữ giàu có, rất giàu là đẳng khác. Cái chết của bà ấy không bất ngờ, mà là đột ngột. Nói không chừng, đến cả bác sĩ Ferguson cũng ngạc nhiên, dù có thể là chỉ đôi chút thôi. Tôi đoán ông bác sĩ vẫn nghĩ bà ấy sẽ sống lâu hơn được một chút. Nhưng nghề bác sĩ thì hay gặp những chuyện ngạc nhiên kiểu này lắm. Bà ấy cũng không phải dạng bệnh nhân chịu nghe lời bác sĩ. Đã được dặn là không được làm việc quá sức, nhưng bà ấy cứ một mực làm những gì mình thích. Ví dụ, bà ấy mê làm vườn, mà việc nặng nhọc đó thì lại chẳng có lợi cho bệnh tim.”

Elsbeth McKay tiếp tục câu chuyện.

“Bà Llewellyn-Smythe dọn đến đây khi sức khỏe đã xuống dốc. Trước đó bà ấy sống ở nước ngoài, sau chuyển về đây cho gần gũi cháu trai cháu gái, là ông bà Drake ấy, và mua khu biệt thự tên là Mỏ Đá. Một tòa nhà rộng thời Victoria, trong vườn có một mỏ đá bỏ hoang, thế nên bà ấy mới thích, do có khả năng sửa sang lại cái mỏ đá đó. Bà ấy chi vài ngàn bảng để sửa mỏ đá thành một khu vườn chìm\*, hoặc đại để vậy. Thuê hẳn một thợ xây vườn cảnh từ Wisley hay đâu đó ở xa về tận đây để thiết kế. Ôi, tôi phải nói là, khu vườn cảnh ấy đáng chiêm ngưỡng lắm.”

“Tôi sẽ đến thăm khu vườn,” Poirot nói. “Biết đâu đấy, không chừng nó lại gợi ý cho tôi điều gì.”

“Phải rồi, tôi mà là ông tôi sẽ đi ngay. Rất đáng để nhìn ngắm.”

“Và khi này bà nói bà ấy rất giàu?” Poirot hỏi.

“Góa phụ của một nhà đóng tàu. Bà ấy có cả núi tiền chứ chẳng chơi.”

“Bà lão chết thì không bất ngờ, nhưng hết sức đột ngột.” Spence nhắc lại. “Không ai nghi ngờ nguyên nhân nào khác ngoài lý do bệnh tình tự nhiên. Bị trụy tim, hay cái tên dài thòng gì đó mà bác sĩ hay dùng. Động mạch vành gì đó.”

“Và không ai yêu cầu điều tra?”

Spence lắc đầu.

“Chuyện như thế này cũng không có gì là mới,” Poirot nói. “Một phụ nữ lớn tuổi được dặn dò là phải cẩn thận, không nên chạy lên chạy xuống cầu thang, không nên làm vườn cực nhọc, vân vân và vân vân. Nhưng nếu ông gặp đúng phải một bà thích vận động, cả đời say mê làm vườn và luôn làm những thứ mình thích, thì thường bà ấy không chịu nghe lời dặn của bác sĩ đâu.”

“Đúng đấy, bà lão Llewellyn-Smythe đã sửa sang lại mỏ đá rất tuyệt vời, mà đúng hơn là nghệ nhân cảnh quan kia làm. Mất đến ba bốn năm đấy, anh ta và bà chủ. Bà ấy từng nhìn thấy khu vườn, ở Ireland thì phải, khi đi một chuyến tham quan các khu vườn do National Trust\* tổ chức. Học hỏi từ đó nên họ đã hô biến cho miếng đất trở thành một nơi tuyệt đẹp. Ôi, ông phải nhìn tận mắt thì mới tin được.”

“Thế thì đây là cái chết tự nhiên,” Poirot nói, “có bác sĩ địa phương xác nhận. Có phải là vị bác sĩ mà ông có nhắc ở đây phải không? Mà tôi sắp sửa gặp đây?”

“Bác sĩ Ferguson, phải, ông ấy tầm sáu mươi tuổi, một bác sĩ giỏi

và ở đây ai cũng quý mến.”

“Nhưng hai vị nghi ngờ cái chết của bà ấy có khả năng là bị sát hại? Còn lý do nào khác ngoài nguyên nhân chết tự nhiên chúng ta đã bàn tới không?”

“Ví dụ như do cô gái opera đó,” Elspeth nói.

“Tại sao?”

“Thì, cô ta chắc hẳn đã làm giả di chúc. Chứ không thì còn ai vào đây nữa?”

“Xin bà nói rõ tôi biết,” Poirot nói. “Vụ làm giả di chúc là như thế nào?”

“Ờ thì, lúc làm thủ tục chứng thực di chúc, hay gì gì đó đại loại thế, đã nảy sinh chút ồn ào.”

“Có một di chúc mới sao?”

“Họ gọi là gì ấy nhỉ, bổ gì đấy, một bản di chúc bổ sung.”

Elspeth nhìn về phía Poirot, không chắc chắn lắm. Ông khẽ gật đầu.

“Trước đó bà ấy đã lập vài bản di chúc,” Spence nói thêm. “Tất cả nội dung đều gần như nhau. Gồm các khoản để lại cho quỹ từ thiện, chút tài sản cho những người giúp việc lâu năm, nhưng phần lớn gia tài đều để lại hết cho ông cháu và bà vợ. Họ là họ hàng thân thích với bà ấy.”

“Thế còn bản bổ sung này?”

“Để lại toàn bộ cho cô gái opera đó,” Elspeth nói, “Vì tấm lòng và sự chăm sóc tận tình của cô ấy. Hay đại để thế.”

“Vậy xin hãy cho tôi biết thêm về cô *ô-pe* này.”

“Cô ta đến từ nước nào đó ở Trung Âu. Nước gì đó có tên dài dài.”

“Cô ấy tới ở cùng bà Llewellyn-Smythe được bao lâu?”

“Chỉ khoảng hơn một năm thôi.”

“Hai vị luôn gọi bà ấy là bà lão. Chính xác thì bà ấy bao nhiêu tuổi?”

“Tầm hơn sáu mươi. Chắc sáu mươi lăm, sáu mươi sáu.”

“Thế cũng đâu già lắm,” Poirot nói, hơi chạnh lòng.

“Bà ấy làm vài bản di chúc rồi, người ta đồn thế,” Elspeth nói. “Spence mới nói rồi đấy, đa số đều như nhau cả. Tặng chút tiền cho một vài quỹ từ thiện, có lẽ bà ấy chỉ thay đổi quỹ nào với quỹ nào thôi, hoặc sửa lại vài gia sản cho những người giúp việc lâu năm là cùng. Nhưng phần lớn gia tài đều để lại hết cho người cháu ruột và cháu dâu, và tôi không nhằm có cả một anh em họ lớn tuổi nào đó, nhưng cũng đã mất trước bà ấy. Bà ấy để lại căn nhà gỗ bà ấy xây cho anh thợ làm vườn kia, để anh ta muốn sống ở đó bao lâu tùy ý, cùng một khoản chu cấp để anh ấy tiếp tục chăm sóc khu vườn mở đá, và mở cửa vườn cho công chúng tham quan. Đại loại như thế.”

“Tôi đoán gia đình đã cho rằng bà ấy đầu óc không được minh mẫn lắm, bị uy hiếp hay chịu tác động từ bên ngoài mà viết chẳng hạn?”

“Theo tôi cũng có thể họ đã tin thế,” Spence nói. “Nhưng các luật sư, như tôi nói, đã chứng minh được ngay là có sự giả mạo. Rõ ràng là bản bổ sung đó làm giả không khéo lắm. Họ đã chỉ ra được gần như ngay lập tức.”

“Từ đó mới lộ ra là cô gái opera ấy làm giả giấy tờ khá dễ,” Elspeth tiếp lời. “Ông thấy đấy, cô ấy đã thay bà Llewellyn-Smythe viết rất nhiều thư từ và hình như bà Llewellyn-Smythe cực kỳ ghét gửi thư đánh máy cho bạn bè hay đại loại vậy. Nếu không phải là công việc làm ăn, thì bà ấy luôn nói: ‘Hãy viết thư tay và bắt chước chữ của ta cho thật giống, rồi ký tên ta vào đó.’ Bà Minden quét dọn trong nhà từng nghe bà chủ nói như thế, nên tôi đoán cô gái đã quen với việc bắt chước nét chữ viết tay của gia chủ, có thể một ngày cô ta chợt nhận ra là mình có thể làm trò giả mạo kia và lừa được mọi người. Và thế là chuyện mới xảy ra. Nhưng như tôi đã nói, các luật sư đã rất nhạy bén và phát hiện ngay lập tức.”

“Là các luật sư riêng của bà Llewellyn-Smythe?”

“Phải, Fullerton, Harrison và Leadbetter. Một hãng luật rất được nể trọng ở Medchester. Từ trước đến nay họ luôn làm mọi công việc pháp lý cho bà ấy. Họ đã mời chuyên gia vào cuộc và nghi vấn đã dấy lên, rồi họ bắt đầu đặt câu hỏi cho cô gái, và thế là cô ta có tật giật mình. Một ngày bỗng bỏ đi, để lại rất nhiều tư trang đồ đạc. Họ đã chuẩn bị các thủ tục để đưa cô ta ra tòa, nhưng cô gái ấy đã không đợi đến lúc đó. Cứ thế bỏ đi. Thật ra rời khỏi nước này cũng không khó lắm, nếu như người ta biết chọn thời điểm. Giờ ông có thể đi các chuyến du lịch nhiều ngày ở châu Âu mà không cần thị thực, và nếu ông đã có người thu xếp phía bên đó, thì coi như mọi chuyện đã được dọn đường cho ông từ rất lâu trước khi có lệnh truy nã hay cấm xuất cảnh.”

“Nhưng mọi người đều tin bà Llewellyn-Smythe chết vì lý do tự nhiên mà?” Poirot hỏi.

“Phải, riêng chuyện đó thì tôi không thấy ai có ý kiến gì. Ý tôi là biết đâu đấy, vì trước nay vẫn hay có những vụ giết người qua mặt được bác sĩ. Giả sử cô bé Joyce ấy đã nghe được chuyện gì đó, như là cô ô-pe ấy đưa thuốc cho bà Llewellyn-Smythe, và bà lão ấy nói ‘thuốc này vị là lạ, không giống như mọi khi’. Hoặc ‘thuốc này vị đắng thật’ hoặc ‘thật kỳ lạ’ chẳng hạn.”

“Chị nói cứ như là chị cũng có mặt ở đó và nghe được hết vậy, Elspeth,” thanh tra Spence xen vào. “Chị toàn tự tưởng tượng ra.”

“Bà ấy chết khi nào vậy?” Poirot hỏi. “Buổi sáng hay ban đêm? Trong nhà hay ngoài trời? Tại gia hay là ở nơi khác?”

“Ờ, ngay tại nhà. Bà ấy vào nhà sau khi đã làm vài ba việc gì đó trong vườn, thở khá nặng nhọc. Rồi bà ấy nói là rất mệt và về giường nằm nghỉ. Sau đó, nói một cách ngắn gọn thì bà ấy đã không dậy nữa. Nghe có vẻ hết sức tự nhiên, xét về mặt y học mà nói.”

Poirot lôi ra một cuốn sổ tay nhỏ, lật một trang đã ghi sẵn chữ “Các nạn nhân” trên đầu. Bên dưới đó, ông viết tiếp: “Số 1, theo gợi ý, bà Llewellyn-Smythe.” Trong những trang tiếp theo, ông chép lại những cái tên khác mà Spence đã đưa. Đoạn, ông ngừng lên tò mò: “Charlotte Benfield?”

Spence lập tức trả lời một tràng: “Mười sáu tuổi, làm phụ tá cửa hàng. Đầu nhiều vết thương. Được tìm thấy trên một con đường đất gần Vườn Mỏ Đá. Hai người đàn ông bị đưa vào dạng tình nghi. Cả hai đều thỉnh thoảng ra ngoài cùng cô ấy. Không có bằng chứng.”

“Họ có hợp tác với cảnh sát khi lấy lời khai không?” Poirot hỏi.

“Có, như ông nói đấy. Đây là cách nói thông thường. Nhưng họ không khai được gì nhiều. Cả hai đều hoảng sợ. Nói dối vài câu, lời

khai tự mâu thuẫn nhau. Không ai từng mang tiền án tình nghi sát nhân. Nhưng một trong hai người có thể đã từng phạm tội đó.”

“Họ như thế nào?”

“Peter Gordon, hai mươi một tuổi. Thất nghiệp. Từng làm qua vài ba công việc nhưng đều bỏ. Lười biếng. Ngoại hình khá được. Từng chịu án tù treo một hai lần vì tội ăn cắp vặt, kiểu như vậy. Không có tiền án bạo lực. Giao du khá nhiều với các thành phần du thủ du thực, nhưng luôn biết cách tránh xa những loại tội nặng.”

“Thế người còn lại?”

“Thomas Hudd. Hai mươi tuổi. Bị tật nói lắp. Nhút nhát. Mắc chứng loạn chức năng thần kinh, nên dễ kích động. Mơ ước làm giáo viên, nhưng lại không đủ điểm. Mẹ góa. Dạng thương con thái quá ấy. Không khuyến khích chuyện yêu đương bạn gái. Lúc nào cũng thích giữ con khư khư. Cậu ta có công việc ở chỗ một người bán văn phòng phẩm. Chưa ghi nhận tiền án tiền sự nào, nhưng có vấn đề tâm lý, nên cũng có khả năng. Cô gái cũng khiến cậu ta khổ sở lắm. Động cơ có thể là ghen tuông, nhưng không có bằng chứng để chúng tôi khởi tố. Cả hai đều có bằng chứng ngoại phạm. Của Hudd thì là bà mẹ. Bà ấy sẵn sàng thề độc để bảo đảm là con trai ở trong nhà cùng mình cả buổi tối hôm đó, và không có ai thấy cậu ấy lờn vờn bên ngoài hoặc quanh quanh hiện trường vụ án. Cậu Gordon kia thì có chứng cứ ngoại phạm từ mấy cậu bạn không đáng tin cậy lắm. Dù không đáng, nhưng người ta cũng không thể phủ nhận bằng chứng đó.”

“Xảy ra khi nào?”

“Mười tám tháng trước.”



“Ở đâu vậy?”

“Trên một con đường đất ở cánh đồng cách Woodleigh Common không xa lắm.”

“Ba phần tư dặm,” Elspeth thêm vào.

“Gần nhà Joyce - nhà Reynolds sao?”

“Không, nó ở phía bên kia làng.”

“Có vẻ đây không phải là vụ án mạng mà Joyce nói đến,” Poirot nói, vẻ ngẫm nghĩ. “Nếu các vị thấy một cô gái trẻ bị một gã đập mạnh vào đầu thì các vị sẽ hiểu ngay đó là một vụ giết người, chứ không phải đợi cả năm trời mới nhận ra.”

Poirot đọc một cái tên khác: “Lesley Ferrier.”

Spence tiếp tục: “Thư ký luật, hai mươi tám tuổi, làm việc tại văn phòng luật Messrs Fullerton, Harrison và Leadbetter, ở Phố Market, Medchester.”

“Họ là luật sư riêng của bà Llewellyn-Smythe, nếu tôi không nhầm.”

“Phải. Cũng là họ.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra với Lesley Ferrier?”

“Cậu ta bị đâm dao vào lưng. Cách quán rượu Thiên Nga Xanh không xa. Người ta đồn cậu ta tăng tịu với vợ của chủ quán, Harry Griffin. Từng là một phụ nữ có nhan sắc, giờ vẫn còn đẹp. Hình như hơi già dặn, hơn cậu ta chừng năm sáu tuổi, nhưng bà ta thích những cậu trai trẻ.”

“Còn hung khí?”

“Người ta không tìm thấy con dao. Nghe đồn Lesley đã bỏ tình

già và qua lại với các cô gái khác, nhưng cô nào thì chưa ai thực sự phát hiện được.”

“À, vậy ai là đối tượng tình nghi trong vụ này? Hoặc ông chủ quán hoặc bà vợ?”

“Không sai,” Spence nói. “Có thể là một trong hai. Bà vợ có khả năng hơn. Bà ta lai dân di gan và tính tình đồng bóng thất thường. Nhưng còn có những khả năng khác nữa. Cậu Lesley này cũng không phải dạng đứng đắn. Từng vướng vào rắc rối hồi mới hai mươi, làm giả hồ sơ ở đâu đó. Từng một lần dính tội giả mạo giấy tờ. Nghe đồn sinh ra trong gia đình tan vỡ các thứ. Ông chủ của anh ta đứng ra bênh vực, nên chỉ bị tù một thời gian ngắn, và sau đó được nhận vào làm ở hãng luật Fullerton, Harrison và Leadbetter khi mãn hạn tù.”

“Và sau đó cậu ta chịu sống ngay thẳng?”

“Chuyện đó thì không có gì chứng minh. Theo như các cấp trên của cậu ấy thì là vậy, nhưng cậu ta từng dính vào vài vụ giao dịch đáng ngờ với bạn bè. Người như cậu ta, có thể gọi là hay ăn vụng nhưng biết cẩn thận chùi mép.”

“Vậy còn khả năng khác?”

“Là nạn nhân có thể bị một người trong đám bạn không được thanh sạch kia đâm chết. Một khi ông đã vướng vào một đám hư hỏng như vậy thì coi như ông tự chuốc lấy nhát dao ấy nếu dám từ chối họ.”

“Còn gì nữa không?”

“Còn, cậu ta có một khoản khá trong tài khoản ngân hàng. Được gửi vào bằng tiền mặt. Không có đầu mối nguồn tiền. Riêng ở điểm

này cũng khả nghi.”

“Liệu có thể là biển thủ từ hãng luật Fullerton, Harrison và Leadbetter hay không?” Poirot gợi ý.

“Họ nói là không. Họ đã cử một tay kế toán có nghề để kiểm tra lại và xem xét mọi thứ.”

“Cảnh sát không tìm được bất cứ khả năng nào về nguồn gốc của khoản tiền đó hay sao?”

“Không.”

“Vụ này theo tôi,” Poirot nói, “cũng không phải là vụ giết người Joyce nhắc đến.”

Rồi ông đọc cái tên cuối cùng: “Janet White.”

“Được tìm thấy ở một con đường đất, chính là đường tắt từ trường làng về nhà. Bị bóp cổ. Cô ta sống chung nhà với một giáo viên khác, Nora Ambrose. Theo như lời của Nora Ambrose thì Janet White thỉnh thoảng có kể là mình cảm thấy bất an về một gã bạn trai cũ nào đó đã chia tay được một năm. Hắn ta thường gửi thư đe dọa. Chẳng ai tìm được manh mối gì về gã này. Nora Ambrose không biết tên hắn, cũng không biết chính xác nơi hắn ở.”

“Aha,” Poirot reo lên, “tôi thích vụ này hơn.”

Rồi ông thám tử đánh dấu thật đậm vào tên Janet White trên giấy.

“Vì sao?” Spence thắc mắc.

“Vì một cô bé tầm tuổi Joyce dễ chứng kiến một vụ giết người như thế này hơn. Cô bé có thể nhận dạng được nạn nhân, là một giáo viên mình quen và có thể từng dạy cô bé nữa. Có khả năng Joyce không biết kẻ tấn công, mà chỉ nhìn thấy vụ giằng co, nghe

phong thanh đôi lời cãi vã giữa cô gái mình quen và một kẻ lạ mặt. Nhưng khi đó Joyce không nghĩ ngợi gì nhiều. Janet bị giết khi nào vậy?”

“Cách đây hai năm rưỡi.”

“Thời điểm đó cũng khớp.” Poirot nói. “Có lẽ Joyce đã không nhận ra khi gã lạ mặt ấy đặt tay lên cổ Janet không chỉ đơn thuần là ôm ấp, mà thật ra là đang bóp chết cô ấy. Nhưng sau đó khi lớn lên và đã biết suy nghĩ hơn, thì cô bé mới hiểu ra ý nghĩa chính xác của hành động ấy.” Dứt lời ông nhìn sang Elspeth: “Bà có đồng tình với lập luận của tôi?”

“Tôi hiểu ý ông,” Elspeth nói. “Nhưng hình như ông đang đi sai hướng thì phải? Sao lại đi tìm kiếm nạn nhân của một vụ giết người trong quá khứ mà không tìm kẻ đã gây ra cái chết của một đứa bé ở ngay Woodleigh Common cách đây mới hơn ba ngày?”

“Chúng ta đi từ quá khứ đến tương lai,” Poirot trả lời. “Có thể nói chúng ta đã đi từ hai năm rưỡi cho đến ba ngày trước. Và vì thế, chúng ta phải cân nhắc chuyện mà bà chắc chắn đã suy nghĩ tới, đó là ai ở Woodleigh Common này có mặt ở bữa tiệc hôm đó, và từng liên quan đến một tội ác trong quá khứ?”

“Giờ thì ta có thể khoanh vùng tình nghi hẹp hơn rồi,” Spence nói. “Đó là nếu chúng ta chấp nhận suy đoán của ông là đúng, về việc Joyce bị giết vì tuyên bố từng chứng kiến một vụ giết người. Cô bé đã nói như vậy trong thời gian chuẩn bị tiệc. Xin hãy lưu ý là chúng ta cũng có thể sai lầm khi tin đó chính là động cơ giết người, nhưng tôi có cảm giác chúng ta không đi sai đường. Vậy có thể nói, Joyce tuyên bố đã từng nhìn thấy một vụ giết người, và kẻ nào có mặt

trong lúc chuẩn bị tiệc chiều hôm đó đã nghe thấy và nhanh chóng ra tay.”

“Những ai có mặt?” Poirot nói. “Tôi đoán chắc ông cũng biết.”

“Tôi có nắm được, và đã lên danh sách cho ông đây.”

“Ông đã kiểm tra danh sách kỹ càng?”

“Phải, tôi đã kiểm tra đi kiểm tra lại, nhưng khá vất vả. Đây là danh sách mười tám cái tên cả thầy.”

Danh sách những người có mặt khi chuẩn bị bữa tiệc Halloween:

Bà Drake (gia chủ)

Bà Butler

Bà Oliver

Cô Whittaker (giáo viên)

Mục sư Charles Cotrerell (mục sư sở tại)

Simon Lampton (phó tế)

Cô Lee (người bào chế thuốc cho bác sĩ Ferguson)

Ann Reynolds

Joyce Reynolds

Leopold Reynolds

Nicholas Ransom

Desmond Holland

Beatrice Ardley

Cathie Grant

Diana Brent

Bà Garlton (giúp việc chủ nhà)

Bà Minden (dọn dẹp)

Bà Goodbody (giúp việc)

“Ông chắc chắn đây là toàn bộ những người ở đó?”

“Không,” Spence đáp. “Không chắc chắn lắm. Tôi cũng không thể kiểm tra chắc chắn được. Chẳng ai có thể đảm bảo danh sách này đúng tuyệt đối. Ông hãy hiểu cho, nhiều người ra vào lẻ tẻ để đem

đồ đến góp cho bữa tiệc. Người thì đem bóng đèn màu đến. Người thì cầm tới vài cái gương. Rồi người thì đem thêm đĩa. Vài người khác lại cho mượn xô nhựa. Có những người đem đồ đến, nói với nhau vài ba câu rồi lại đi. Họ không ở lại giúp. Vì thế có thể còn sót ai đó mà mọi người không nhớ là đã có mặt khi ấy. Nhưng chính kẻ đó, kẻ cả chỉ là đến cửa nhà để đưa một cái xô thôi, cũng có thể đã nghe được lời Joyce nói trong phòng khách vọng ra. Khi ấy cô bé nói oang oang như hét, ông biết đấy. Không thể giới hạn được số người trong danh sách này, nhưng chúng tôi đã nỗ lực hết sức. Đây ông xem đi. Tôi có viết một tóm tắt ngắn về mỗi người bên cạnh tên của họ.”

“Tôi xin cảm ơn. Tôi muốn hỏi một câu. Ông hẳn đã thẩm vấn vài người trong đây, ví dụ như những người cùng đến dự tiệc. Liệu có ai, bất cứ ai, nhắc đến chuyện Joyce nói về việc từng nhìn thấy một vụ giết người?”

“Tôi nghĩ là không. Trong hồ sơ chính thức của vụ án cũng không ghi chép gì về chuyện này. Lúc ông kể ra cũng là lần đầu tiên tôi được nghe.”

“Thật là lạ,” Poirot nói. “Hẳn cũng phải có người nhớ chứ.”

“Rõ ràng chẳng ai để tâm đến câu nói ấy,” Spence nói.

Poirot gật đầu, ngẫm nghĩ, rồi nói:

“Giờ tôi phải đi gặp bác sĩ Ferguson như đã hẹn, sau ca mổ của ông ấy.”

Ông gập tờ danh sách Spence đưa cho và nhét vào túi.



## CHƯƠNG 9

Bác sĩ Ferguson tầm sáu mươi tuổi, gốc Scotland và vẫn giữ cách hành xử hơi thô lỗ của người xứ ấy. Ông nhìn Poirot từ đầu đến chân bằng đôi mắt soi mói dưới cặp lông mày rậm, rồi cất tiếng: “Rồi, chuyện gì nữa đây? Ngồi xuống. Coi chừng cái chân ghế đấy. Bánh xe lỏng rồi.”

“Có lẽ tôi phải nói trước,” bác sĩ Ferguson tiếp tục. “Ở một chốn như thế này thì không có chuyện gì mà mọi người không biết. Bà tiểu thuyết gia gì gì đó đưa ông xuống đây đóng vai vị thám tử vĩ đại nhất mà Chúa ban xuống, để làm cảnh sát ở đây phải rối tinh rối mù lên. Tôi nói đúng ít nhiều, phải không?”

“Phần nào đó.” Poirot đáp. “Tôi xuống đây để thăm một người bạn cũ, cựu thanh tra Spence. Ông ấy sống ở đây cùng chị gái.”

“Spence à? Hừm. Tốt tính đấy, cái gã Spence ấy. Dạng cảnh sát thanh liêm trung thực hồi xưa. Không nhận đút lót. Không dùng vũ lực. Cũng không phải dạng ngu ngốc. Thẳng như ruột ngựa.”

“Lời khen của ông hoàn toàn chính xác.”

“Thế,” Ferguson tiếp, “ông đã nói với ông ấy những gì và ông ấy kể lại những gì?”

“Cả ông ấy và điều tra viên Raglan đều hết sức tử tế với tôi. Tôi cũng mong sẽ được ông giúp đỡ như vậy.”

“Tôi chẳng có gì mà phải tử tế cả,” Ferguson đáp. “Tôi không biết chuyện xảy ra như nào. Một đứa bé bị ghì đầu vào xô nước và chết ngạt giữa một bữa tiệc. Một trò khốn nạn. Cũng phải nói luôn, giờ người ta làm trò đấy với trẻ con nhiều quá rồi, đến mức chẳng có gì để ngạc nhiên nữa. Tôi đã bị gọi đến vô số vụ giết trẻ em trong tầm bảy đến mười năm qua, không biết bao nhiêu mà kể. Quá nhiều người lẽ ra phải chịu lệnh quản thúc vì bệnh tâm thần thì lại không bị quản thúc. Nhà thương điên không còn chỗ. Thế là những kẻ đó được thả ra ngoài, biết ăn nói tử tế, cư xử lễ độ và trông không khác gì người bình thường, rồi họ tìm kiếm nạn nhân để giết chết. Rồi hả hê với bản thân. Dẫu sao, những kẻ đó thường không ra tay ở một bữa tiệc. Tôi cho là do ở đó dễ bị phát hiện, nhưng cảm giác mới lạ cũng có thể kích thích những tên sát nhân thần kinh không ổn định.”

“Ông có nghĩ ra là ai giết cô bé không?”

“Chẳng lẽ ông nghĩ câu hỏi đấy tôi trả lời ngay được sao? Tôi phải có bằng chứng chứ, phải không? Tôi cần phải chắc chắn.”

“Ông có thể đoán mà,” Poirot vẫn tiếp tục.

“Đoán thì ai mà chẳng làm được. Mỗi lần có ca bệnh gọi tôi tới khám, tôi đều phải đoán xem liệu đứa bé đó mắc bệnh sởi hay là dị ứng hải sản có vỏ hoặc với gối lông vũ. Tôi phải hỏi những câu kiểu như bọn chúng đã ăn gì, uống gì, ngủ với cái gì, hoặc đã tiếp xúc với bạn bè nào. Liệu có phải trước đó nó có bị chen chúc trong xe buýt chật chội cùng với con bà Smith hay con bà Robinson hay không, mấy đứa đó đều mắc bệnh sởi cả, và còn hỏi thêm vài thứ



khác nữa. Rồi tôi mới có thể kết luận sơ bộ là bệnh nào trong hàng loạt các khả năng nêu ra, và đó, xin thưa với ông, là chấn bệnh. Ông không thể phỏng đoán hấp tấp, mà ông phải chắc chắn.”

“Trước đó ông có biết cô bé không?”

“Tất nhiên rồi. Cô bé nằm trong sổ bệnh nhân tôi chăm sóc. Ở đây chỉ có hai bác sĩ thôi. Là tôi và Worrall. Tôi tình cờ lại là bác sĩ của nhà Reynolds. Joyce khá khỏe mạnh. Lâu lâu đau ốm vặt một lần, trẻ con đưa nào chẳng vậy. Không có gì đặc biệt hay bất thường cả. Ăn khỏe, nói nhiều. Nói nhiều thì chưa bao giờ gây hại gì cho cô bé cả. Riêng ăn nhiều quá thì thỉnh thoảng gây chướng bụng. Cô bé từng bị quai bị và thủy đậu. Chỉ có thể thôi.”

“Nhưng theo lời ông thì hẳn là Joyce đã có lần nói nhiều quá?”

“Hóa ra ông đang đi theo hướng đó sao? Tôi cũng có nghe người ta đồn. Mấy tin tức người ta nghe lỏm, tọc mạch được thôi - họ chỉ toàn tò mò những bi kịch chứ chẳng để ý gì đến chuyện vui. Có phải không?”

“Cũng có thể dẫn đến một động cơ, hoặc một nguyên nhân nào đó.”

“Ồ, vâng. Đồng ý với ông. Nhưng vẫn có những lý do khác cơ mà. Đạo gần đây thì có vẻ thường là do bệnh tâm thần. Dù sao đi nữa, nguyên nhân này vẫn thường được đưa ra ở các phiên tòa địa phương. Chẳng ai có lợi gì từ cái chết của Joyce, chẳng ai căm ghét cô bé. Nhưng theo tôi thấy thời buổi bây giờ hình như dính đến trẻ con thì người ta không cần tìm lý do. Lý do ở chỗ khác cơ. Lý do ở trong đầu kẻ giết người ấy. Nó nằm trong cái đầu bệnh hoạn, tàn độc và quái dị của hắn. Ông muốn gọi là sao cũng được. Tôi không

phải chuyên gia tâm thần. Nhiều lúc tôi phát mệt khi cứ phải nghe cái câu: ‘Được tạm tha về do có giám định pháp y tâm thần của bác sĩ’, sau khi có một gã nào đó đột nhập vào nhà người ta, đập bể kính, nốc vài chai whisky, chôm vàng bạc rồi đập đầu một bà lão nào đó. Giờ người ta không quan tâm đó là tội ác gì nữa. Cứ có giám định của bác sĩ tâm thần là họ tha.”

“Nếu vậy thì theo ông trong trường hợp này ai có thể được tha về do có bệnh án tâm thần?”

“Ý ông là trong số những người có mặt ở chỗ ‘thực hiện’ tối hôm đó?”

“Phải.”

“Tên sát nhân thì chắc chắn phải có mặt ở đó rồi, đúng không? Không thì đã không có án mạng. Phải không? Hắn ta nằm trong số khách tham dự, hoặc trong số những người giúp chuẩn bị tiệc, hay cũng có thể đã lén vào bằng đường cửa sổ với dã tâm ngay từ đầu. Có thể hắn biết cách mở các khóa chốt trong ngôi nhà ấy. Có thể hắn đã từng đến đó, dò tìm quanh quất. Giả sử là một gã đàn ông hoặc một cậu thanh niên. Hắn ta muốn giết ai đó. Chuyện chẳng có gì lạ. Ở bên Manchester chúng tôi từng có một vụ như thế. Cuối cùng sau chừng sáu bảy năm mới lộ ra. Thằng bé mười ba tuổi. Muốn giết một ai đó, nên nó giết một bé gái mới chín tuổi, chôm một chiếc ô tô, lái đi xa khoảng bảy tám dặm đến một bãi hoang rậm rạp, đốt xác cô bé ở đó, rồi bỏ về, và sau đó như chúng tôi biết, nó tiếp tục sống nhớn nhơ cho đến hai mươi một hai mươi hai tuổi. Mà cũng nói ông hay, chúng tôi chỉ biết được qua lời nó kể, không chừng nó đã giết tiếp vài người khác. Mà có lẽ đã giết thêm thật

cũng nên. Hóa ra hẳn ta thích giết chóc. Mà có lẽ hẳn cũng không giết quá nhiều người, bằng không cảnh sát đã nghi ngờ hẳn từ lâu. Nhưng cứ thỉnh thoảng hẳn lại cảm thấy bản năng thôi thúc. Hẳn có giám định của bác sĩ tâm thần. Tự tử trong lúc lên cơn.

“Tôi nghĩ tối hôm trước cũng vậy. Hoặc đại loại thế. Tôi thì không phải bác sĩ tâm thần gì cả, tạ ơn Chúa. Tôi có bạn bè làm nghề này. Vài ông bình thường. Nhưng cũng có một số thì, thôi, tôi chỉ có thể nói là chính mấy ông bác sĩ đó có lẽ cũng phải cần giám định tâm thần để được tại ngoại. Kẻ giết Joyce biết đâu cũng có cha mẹ tử tế, cư xử bình thường, hình thức ưa nhìn. Chẳng ai nghi ngờ hẳn bị làm sao.

“Ông đã bao giờ cắn một miếng táo chín mọng, rồi nhìn thấy ngay trong lõi táo có cái gì đó góm ghiếc ngoe nguẩy trước mắt ông chưa? Con người cũng có nhiều kẻ như loại táo ấy. Bây giờ nhiều hơn ngày xưa.”

“Thế ông không có nghi ngờ ai sao?”

“Tôi không thể liệu phán ai là kẻ sát nhân mà không có bằng chứng được.”

“Nhưng ông đã công nhận chắc phải là ai đó ở bữa tiệc mà. Ta không thể có án mạng mà không có hung thủ được.”

“Trong mấy câu chuyện trinh thám thì có thể không có đấy. Không chừng bà nhà văn yêu quý của ông cũng từng sáng tác mấy truyện kiểu đó cũng nên. Nhưng trong trường hợp này thì tôi đồng tình với ông. Kẻ giết người chắc chắn đã ở đó. Một vị khách, một người trong ban tổ chức, hay ai đó đã len vào bằng đường cửa sổ. Việc đột nhập không khó nếu ông đã có nghiên cứu chốt cửa sổ trước

đó. Có thể một cái đầu bệnh hoạn nào đó đã nảy ra ý nghĩ rằng giết người trong một bữa tiệc Halloween chắc vui lắm. Người ta chỉ cần bắt đầu như thế thôi, có phải không? Chắc chắn là một kẻ nào đó trong bữa tiệc.”

Dưới cặp lông mày rậm, một đôi mắt sáng quắc nhìn Poirot.

“Tôi cũng có mặt hôm ấy,” vị bác sĩ tiếp tục. “Tối trễ, chỉ định coi có trò gì không.”

Rồi ông ta gật đầu quả quyết.

“Phải rồi, vấn đề là ở chỗ đó, có phải không? Giống như công bố trên mấy tờ báo vậy: ‘Trong số những người ở đó... có một kẻ giết người’.”



## CHƯƠNG 10

Poirot ngược nhìn ngôi trường Elms, thăm hải lòng.

Ông được mời vào trong, và một nhân viên, Poirot đoán là thư ký, nhanh chóng đưa ông đến phòng làm việc của hiệu trưởng. Cô Emlyn đứng dậy chào ông.

“Tôi rất vui mừng khi được gặp ông, ông Poirot. Tôi đã nghe danh ông từ lâu.”

“Cô thật tử tế,” Poirot đáp.

“Qua lời một người bạn lâu năm của tôi kể, cô Bulstrode. Cựu hiệu trưởng ở Meadowbank, ông hẳn còn nhớ cô Bulstrode?”

“Ai có thể quên được cô ấy chứ. Một con người có tính cách hết sức tuyệt vời.”

“Vâng,” cô Emlyn đồng tình. “Trường Meadowbank được như bây giờ là nhờ cô ấy.” Rồi cô khẽ thở dài, nói tiếp, “Ngày nay trường có chút thay đổi. Mục đích khác, phương pháp khác, nhưng nó vẫn giữ được danh tiếng là một trường xuất sắc, tiến bộ mà cũng rất truyền thống. À, mà thôi, chúng ta cũng không nên sống mãi trong quá khứ. Ông đến đây gặp tôi, chắc chắn là để hỏi về cái chết của trò Joyce Reynolds. Tôi không biết ông có mối liên hệ gì đặc biệt đến vụ án

của trò ấy. Vì nếu tôi không nhầm, thì hình như đây không phải nơi ông hay lui tới. Ông có quen biết riêng với trò ấy, hoặc gia đình của trò ấy sao?”

“Không,” Poirot đáp. “Tôi đến theo lời thỉnh cầu của một người bạn thân, bà Ariadne Oliver. Bà ấy lưu lại đây chơi và cũng tham dự bữa tiệc hôm đó.”

“Truyện bà ấy viết rất hay,” cô Emlyn nói. “Tôi đã gặp bà ấy một hai lần. Chà, vậy thì dễ nói chuyện rồi. Chỉ cần không vướng vào tình cảm cá nhân, thì chúng ta dễ dàng trao đổi thẳng thắn với nhau. Chuyện xảy ra thật là kinh khủng. Theo ý tôi, chuyện như vậy không thể nào xảy ra mới đúng. Những đứa trẻ bị vướng vào dù không còn quá nhỏ nhưng cũng chưa đủ trưởng thành để rơi vào dạng trường hợp cá biệt. Người ta nghi ngờ đây là một tội phạm tâm thần. Ông có thấy vậy không?”

“Không,” Poirot đáp. “Tôi nghĩ đây là một vụ giết người cũng giống như đa số các vụ khác, do một động cơ nào đó, có thể là một động cơ hèn hạ.”

“Quả đúng vậy. Và nguyên nhân là từ đâu?”

“Nguyên nhân là từ câu nói của Joyce; theo tôi biết thì không phải trong bữa tiệc, mà là trước đó khi một số thanh thiếu niên và các bà các cô đang chuẩn bị. Cô bé tuyên bố đã từng nhìn thấy một vụ án mạng.”

“Có ai tin trò ấy không?”

“Nhìn chung, tôi thấy không ai tin cô bé cả.”

“Hoàn toàn dễ hiểu. Trò Joyce - tôi xin được nói chuyện thẳng thắn với ông, *Me-xừ* Poirot, vì chúng ta đều không muốn những cảm

xúc không cần thiết che mờ lý trí - trò ấy là một đứa trẻ tầm thường, không kém cỏi nhưng cũng không đến mức thông minh. Nhưng trò ấy, thành thật mà nói, lại mắc tật nói dối vô tội vạ. Tôi nói vậy không có ý bảo rằng trò ấy chuyên lừa lọc hay dối trá. Joyce không biết tìm cách tránh bị phát hiện hay bị trừng phạt vì những chi tiết vô lý nhỏ nhặt trong câu chuyện mà trò ấy dựng lên. Nói đúng hơn là trò ấy hay ba hoa khoác lác. Ba hoa về những chuyện không hề xảy ra, để lấy le với bạn bè và những ai lắng nghe trò ấy nói. Tất nhiên, kết cục là chẳng ai buồn tin vào những chuyện không có thật mà trò ấy kể.”

“Vậy là cô nghĩ Joyce đã ba hoa về việc từng chứng kiến một vụ giết người để khiến mình trở nên đặc biệt, để thu hút sự chú ý của người khác...?”

“Vâng. Và tôi dám nói bà Ariadne Oliver chắc chắn chính là người mà trò ấy muốn gây ấn tượng...”

“Vậy cô không hề tin Joyce từng nhìn thấy một vụ giết người?”

“Không, tôi hết sức nghi ngờ câu chuyện ấy.”

“Cô nghiêng về quan điểm cho rằng toàn bộ những gì Joyce nói là bịa đặt?”

“Tôi không có ý như vậy. Có thể trò ấy từng chứng kiến một vụ đụng xe chẳng hạn, hoặc thấy ai đó bị trúng một trái bóng trên sân golf và bị thương - những chuyện đại loại như vậy và trò ấy thêm thắt thành một câu chuyện giật gân, và sau đó biến nó thành chuyện một hành vi giết người cố ý.”

“Vậy chúng ta chỉ có thể chắc chắn được một điều, đó là kẻ sát nhân đã có mặt ở tiệc Halloween hôm ấy.”

“Chắc chắn là vậy,” cô Emlyn nói ngay, không chút suy nghĩ.

“Chắc chắn rồi. Theo logic là vậy, có phải không?”

“Cô có nghi ngờ ai không?”

“Tôi có thể hiểu được tại sao ông lại hỏi như vậy,” cô Emlyn đáp. “Xét cho cùng thì đa số các em đến dự tiệc đều từ tám chín đến mười lăm tuổi, và tôi đoán chắc hầu hết đều từng là hoặc đang là học sinh ở trường tôi. Tôi có thể biết chút gì đó về các em. Và cả về gia đình và xuất thân của các trò ấy nữa.”

“Tôi không nhằm thì hình như cách đây một hai năm, một giáo viên của cô bị một kẻ không rõ danh tính bóp cổ chết.”

“Ông đang nhắc đến Janet White? Khoảng hai mươi tư tuổi. Đa sầu đa cảm. Mọi người chỉ biết là cô ấy đang đi bộ một mình, hình như đã hẹn gặp anh chàng nào đó. Cô ấy thuộc dạng khá thu hút với cánh đàn ông, theo kiểu giản dị nhưng có duyên. Kẻ giết Janet White vẫn chưa tìm ra được. Cảnh sát đã thẩm vấn hoặc mời nhiều chàng trai trẻ về làm việc. Dù đã dùng nhiều nghiệp vụ điều tra, nhưng họ vẫn không thể tìm đủ bằng chứng để kết tội ai cả. Một kết quả không thỏa mãn, về phía họ mà nói. Và đối với tôi cũng vậy.”

“Cô và tôi, chúng ta có chung một nguyên tắc. Đó là không thể dung thứ cho hành động giết người.”

Cô Emlyn nhìn Poirot một hồi. Biểu hiện gương mặt cô không thay đổi, nhưng ông có cảm giác là trong đầu cô đang cẩn thận đánh giá con người ông.

“Tôi thích cách ông đặt vấn đề,” cô Emlyn lên tiếng. “Hiện nay mỗi khi nghe tin và đọc báo, tôi lại có cảm giác ở phương diện nào đó hành vi giết người đang dần được đại bộ phận xã hội chấp nhận, dù rất chậm nhưng chắc chắn.”



Rồi cô im lặng hồi lâu, và Poirot cũng không nói thêm gì nữa. Ông nghĩ, có lẽ cô nhằm tính một kế hoạch hành động nào đó.

Chợt cô Emlyn đứng lên và bấm chuông gọi thư ký.

“Tôi nghĩ ông nên nói chuyện với cô Whittaker.”

Cô Emlyn rời đi, một lúc lâu sau cánh cửa phòng lại bật mở. Một phụ nữ ở độ tuổi tứ tuần bước vào. Tóc màu nâu hạt dẻ được cắt ngắn gọn gàng, cô bước tới, dáng đi nhanh nhẹn.

“*Me-xê* Poirot?” cô mở lời. “Tôi giúp gì được cho ông đây? Cô Emlyn nói tôi có thể giúp được gì đó cho ông.”

“Nếu cô Emlyn đã nghĩ vậy, thì chắc hẳn cô có thể giúp tôi rồi. Tôi tin cô ấy.”

“Ông quen biết cô Emlyn sao?”

“Hôm nay mới là lần đầu tôi gặp cô hiệu trưởng.”

“Vậy mà ông đã tin tưởng cô ấy ngay.”

“Tôi mong cô sẽ chứng minh nhận định của tôi là đúng.”

Elizabeth Whittaker khẽ thở hắt.

“À vâng, ông đã đúng. Theo tôi hiểu việc này liên quan đến cái chết của Joyce Reynolds. Tôi cũng không rõ chính xác từ đâu ông lại tham gia vào. Phía cảnh sát nhờ ông sao?” Cô Whittaker khẽ lắc đầu, vẻ không hiểu nổi.

“Không, không phải qua cảnh sát. Qua mối quan hệ cá nhân của tôi, là do một người bạn.”

Cô khẽ kéo một chiếc ghế ra và ngồi xuống đối diện với Poirot.

“Vâng. Ông muốn biết gì nào?”

“Tôi nghĩ tôi không cần phải thuật lại với cô từ đầu. Chúng ta

không cần mất thì giờ để hỏi những câu hỏi không quan trọng. Tại bữa tiệc tối hôm ấy đã xảy ra chuyện gì đó mà có lẽ tôi nên biết. Có phải vậy không?”

“Vâng.”

“Cô có đến dự tiệc hôm ấy?”

“Tôi có đến đó.” Cô dừng một chút để nhớ lại. “Bữa tiệc rất tuyệt vời. Được tổ chức rất tốt, sắp xếp cũng tốt. Khoảng trên dưới ba mươi người đến dự, đó là tính cả những người giúp tổ chức. Trẻ con, thanh niên, người lớn, và cả một vài người dọn dẹp và giúp việc quanh quẩn ở phía sau nữa.”

“Cô có tham gia sắp xếp và chuẩn bị tiệc không? Vào buổi chiều hoặc buổi sáng hôm đó, nếu tôi nhớ không nhầm.”

“Thật ra chẳng có gì nhiều để làm. Bà Drake thừa sức xử lý hết các công việc chuẩn bị tiệc chỉ với vài người giúp. Nấu nướng mới cần nhiều người phụ việc hơn cả.”

“Tôi hiểu rồi. Nhưng cô đến đó với tư cách là khách phải không?”

“Đúng vậy.”

“Và chuyện gì đã xảy ra?”

“Diễn biến của bữa tiệc tôi chắc ông cũng đã nắm được. Ông muốn hỏi tôi về những sự việc bất thường mà tôi chú ý hôm đó, hoặc bất cứ chi tiết nào tôi cảm thấy đặc biệt, có phải không? Tôi hỏi lại vì không muốn ông mất thì giờ vào những chuyện không đáng, mong ông hiểu cho.”

“Tôi chắc chắn cô không làm mất thời gian của tôi. Vâng, cô Whittaker, vậy xin cô thuật lại cho tôi biết.”

“Các phần của bữa tiệc diễn ra đúng như sắp xếp. Trò chơi cuối cùng thật ra giống dành cho dịp lễ Giáng sinh hơn là tiệc Halloween. Đó là trò Rồng táp, gồm một chiếc đĩa đựng nho khô cháy lập lòe trên lớp rượu brandy. Bọn trẻ nhào vào chộp lấy đám nho khô, vài em còn cười phá lên thích thú. Nhưng không khí trong phòng bắt đầu nóng lên và hơi ngọt ngạt, phần vì đông người quá và phần vì chiếc đĩa rượu đang cháy nữa, nên tôi ra ngoài hành lang đứng. Đúng lúc đó tôi thấy bà Drake từ nhà vệ sinh đầu cầu thang tầng bước ra, và bê một bình cắm đầy hoa lá mùa thu. Bà ấy đứng ở góc cầu thang, dừng lại một chút trước khi bước tiếp xuống. Bà mãi nhìn xuống phía dưới lòng cầu thang. Không phải về phía tôi. Mắt bà ấy chăm chú hướng về phía cuối hành lang bên kia, ở đó có một cánh cửa dẫn vào phòng đọc sách. Nó nằm ở đầu bên kia hành lang nếu đi từ cửa phòng ăn. Như tôi đã nói, bà Drake đang nhìn về phía ấy thì bỗng dừng lại một chút trước khi đi xuống cầu thang. Bà ấy khẽ xoay chiếc bình hoa lớn để bê nó lên, vì nó khá cồng kềnh, còn nặng nữa, tôi đoán vậy vì nó đựng đầy nước. Bà Drake cẩn thận xoay chiếc bình để có thể ôm nó bằng một tay, còn tay kia vịn lan can, có tránh góc xoay cầu thang. Bà ấy đứng lại một chút, nhưng mắt không nhìn vào chiếc bình trên tay mà lại dán chặt về phía cuối hành lang bên dưới. Và bỗng dưng, bà ấy chợt run người, nói đúng hơn là giật mình. Phải, chắc chắn đã có cái gì làm bà ấy giật mình, đến mức khiến bà Drake buông tay đang ôm bình hoa, nó rơi ụp xuống, đổ ập hết nước lên người bà ấy, và rơi tiếp xuống sàn hành lang bên dưới vỡ tan tành.”

“Tôi hiểu rồi,” Poirot nói. Ông dừng lại một chút, chăm chú nhìn

người phụ nữ ngồi trước mặt. Đôi mắt của cô Whittaker, theo ông quan sát, ánh lên vẻ hiểu biết và sáng suốt. Chúng như đang hỏi ông nghĩ gì về câu chuyện ông vừa nghe. “Theo cô thì điều gì đã khiến bà Drake giết mình?”

“Sau này nghĩ lại, tôi đoán bà ấy hẳn đã nhìn thấy điều gì đó.”

“Cô đoán bà ấy đã nhìn thấy điều gì đó,” Poirot lặp lại. “Ví dụ như?”

“Theo hướng mắt bà ấy nhìn, như tôi đã nói, thì là về phía cửa phòng đọc sách. Nó khiến tôi nghĩ có khả năng bà ấy đã nhìn thấy cánh cửa mở ra, hoặc tay nắm cửa xoay, hoặc thậm chí có thể bà ấy còn nhìn thấy nhiều hơn thế. Bà Drake có thể đã nhìn thấy người mở cửa và chuẩn bị bước ra. Bà ấy hẳn đã nhìn thấy một người mà bà không ngờ tới.”

“Vậy cô có nhìn về phía cánh cửa đó không?”

“Không, tôi đang nhìn theo hướng ngược lại, về phía trên cầu thang có bà Drake đang đứng.”

“Và theo cô chắc chắn đã có thứ gì đó làm bà ấy giết mình?”

“Phải, có lẽ chỉ có vậy. Ví dụ như hành động mở cửa. Một người nào đó, hẳn phải là một người không ngờ tới, bước ra. Đủ để bà ấy buông bình hoa đầy nước nặng nề trên tay, và làm rơi nó.”

“Bản thân cô có nhìn thấy ai bước ra từ cánh cửa đó?”

“Không. Tôi không nhìn về phía đó. Tôi không nghĩ là có người bước hẳn ra đến hành lang đâu. Có lẽ dù đó là ai, thì người ấy cũng đã rút lui trở vào trong phòng.”

“Rồi sau đó bà Drake làm gì?”

“Bà ấy la lên rất bức bối, rồi đi xuống cầu thang và nói với tôi: ‘Nhìn xem tôi đã làm gì đây này! Bung bét cả ra rồi.’ Bà ấy đá nhẹ vài miếng thủy tinh vỡ. Tôi giúp bà Drake dọn sơ qua các mảnh thủy tinh, quét tùm vào một góc tường. Lúc đó khó mà dọn sạch sẽ hết được. Lũ trẻ bắt đầu ủa ra khỏi phòng sau trò Rồng táp. Tôi đi lấy khăn lau và dọn dẹp một chút, rồi chỉ lát sau thì tiệc tàn.”

“Bà Drake không nói đến chuyện bà ấy giết mình, hay nhắc qua đến điều gì khiến bà ấy giết mình sao?”

“Không. Không hề.”

“Nhưng cô có nhìn thấy bà ấy đã giết mình thật.”

“Có thể lắm, *Me-xù* Poirot, ông nghĩ là tôi đang nói quá lên một chuyện vụn vặt sao?”

“Không, không hề,” Poirot nói. “Tôi không hề nghĩ vậy. Tôi chỉ mới gặp bà Drake một lần,” ông nói thêm, vẻ suy ngẫm, “tôi đi cùng với một người bạn, bà Oliver, đến thăm nhà bà ấy, hay nói như trong sách vở phim ảnh là ‘hiện trường vụ án’. Khi tiếp xúc, theo cảm nhận cá nhân tôi, có vẻ bà Drake không phải là kiểu phụ nữ dễ bị giết mình. Cô có nghĩ thế không?”

“Chắc chắn là thế. Nên đến giờ chính tôi vẫn thắc mắc không hiểu.”

“Khi đó cô không hỏi thêm gì sao?”

“Tôi làm sao có lý do để hỏi. Nếu như gia chủ không may làm rơi chiếc bình quý trong nhà, khiến nó vỡ tan tành trên sàn, thì chẳng có vị khách nào lại đứng ra nói ‘Sao bà lại để rơi vậy?’; khác nào trách bà ấy vụng về. Mà tôi xin cam đoan với ông, ‘vụng về’ không phải là tính cách của bà Drake.”

“Và sau đó, như cô nói, bữa tiệc kết thúc. Các vị khách nhí cùng các bà mẹ và bạn bè ra về, còn Joyce thì không thấy đâu cả. Giờ thì chúng ta đều biết là Joyce đã ở trong phòng đọc sách, và cô bé bị giết chết. Vậy ai là người sắp sửa bước ra khỏi căn phòng đọc sách khi ấy, và rồi, ta cứ cho là kẻ đó nghe có tiếng nói trong hành lang và đóng cánh cửa lại, và sau đó tìm cách thoát đi khi mọi người ủa ra hành lang để chào tạm biệt, mặc áo khoác và ra về? Cô Whittaker, tôi đoán có lẽ sau khi thi thể nạn nhân được tìm thấy, cô mới có thời gian để nhớ lại những gì mình đã thấy?”

“Chỉ có vậy mà thôi.” Cô Whittaker đứng dậy. “Tôi e mình không biết gì hơn để giúp cho ông nữa. Mà có thể chuyện này cũng chỉ là một chuyện vụn vặt ngớ ngẩn hôm đó thôi.”

“Nhưng nó lại khác lạ. Tất cả những chuyện bất thường, khác lạ đều đáng lưu tâm. Mà nhân tiện, tôi cũng có một câu cần hỏi cô. Mà chính xác là hai câu.”

Elizabeth Whittaker ngồi trở xuống. “Ông hỏi đi, ông cứ hỏi nếu cần.”

“Cô có thể nhớ chính xác trình tự bữa tiệc diễn ra thế nào không?”

“Tôi nghĩ là có.” Elizabeth Whittaker mất một hai giây cố gắng nhớ lại. “Tiệc mở màn bằng cuộc thi chổi. Xem chiếc chổi nào được trang trí đẹp nhất. Có khoảng ba hay bốn giải thưởng cho cuộc thi ấy. Rồi đến phần thi bóng bay, là dùng tay hoặc vợt để tâng cho chúng bay quanh ấy. Sau đó là trò nhìn qua gương, các cô gái sẽ vào một căn phòng nhỏ và cầm một chiếc gương để thấy mặt một cậu bé hoặc một chàng trai phản chiếu trong đó.”

“Làm thế nào dàn dựng được như vậy?”

“Ôi, dễ lắm. Nan chớp được gỡ ra, và các gương mặt khác nhau bên kia cửa có thể phản chiếu vào tấm gương mà cô gái đang cầm.”

“Các cô gái có biết được người mình nhìn thấy trong gương không?”

“Tôi đoán chắc là có người nhận ra, có người không. Họ hóa trang cho các chàng trai, ông biết đấy, như là đeo mặt nạ hoặc tóc giả, hay dính tóc mai dài hai bên, gắn râu, hay dặm chút phấn, vì hầu hết các chàng trai đều quen biết các cô gái từ trước, có lẽ chỉ thêm một hai người lạ tham gia. Dẫu sao thì các cô chơi trò này đều cười rúc rích thích thú,” cô Whittaker kể, giọng pha chút khinh khỉnh của một người có học thức đối với kiểu trò vui nhàm chán. “Sau đó là đến trò đua vượt chướng ngại vật, rồi người ta bày ra một ly bột nén chặt và úp ngược nó ra đĩa, đặt một đồng xu sáu lên đỉnh cục bột và bọn trẻ cố gắng cắt dần từng lát một. Cứ ai làm cho cục bột sụp xuống thì bị loại khỏi cuộc thi, những người còn lại sẽ tiếp tục chơi cho đến khi có người giành được đồng xu sáu ấy. Tiếp đến là khiêu vũ và ăn tiệc. Sau cùng, tiết mục đỉnh của buổi tối hôm đó là trò Ròng rập.”

“Lần cuối cô nhìn thấy Joyce là khi nào?”

“Tôi cũng không nhớ nữa,” Elizabeth Whittaker đáp. “Tôi không biết rõ cô bé ấy lắm, vì Joyce không phải học sinh lớp tôi. Trò ấy cũng không thuộc dạng nổi trội để tôi chú ý. Nhưng tôi có nhớ đã thấy Joyce chơi cắt bột, vì trò ấy cắt rất vụng, làm cho cục bột đổ gần như ngay tức thì. Vậy là đến lúc đó Joyce vẫn còn sống, nhưng khi ấy vẫn còn khá sớm.”

“Cô không nhìn thấy cô bé đi vào phòng đọc sách với ai sao?”

“Chắc chắn là không. Nếu nhìn thấy thì tôi đã kể ngay từ đầu rồi. Đó mới là chuyện quan trọng và đáng quan tâm mà.”

“Còn giờ, xin cho tôi hỏi nốt câu thứ hai, hoặc có thể thêm vài câu nữa,” Poirot nói. “Cô dạy ở trường này được bao lâu rồi?”

“Đến mùa thu này là tròn sáu năm.”

“Và cô dạy môn...?”

“Toán và tiếng Latinh.”

“Cô có nhớ một cô giáo từng dạy ở đây hai năm trước, tên là Janet White không?”

Elizabeth Whittaker thoáng giật mình, toan đứng dậy rồi lại ngồi xuống.

“Nhưng chuyện đó - chuyện đó chắc chắn đâu có liên quan đến vụ này, phải không?”

“Có thể có,” Poirot đáp.

“Nhưng liên quan thế nào mới được chứ?”

Giới trí thức ở đây rõ ràng nắm bắt thông tin kém hơn so với nhóm ngồi lê đôi mách trong làng, Poirot thầm nghĩ.

“Trước bữa tiệc Joyce có nói với mọi người là mình từng chứng kiến một vụ giết người vài năm trước. Đó có thể chính là vụ án giết Janet White, cô có thấy vậy không? Janet White đã chết như thế nào?”

“Cô ấy bị bóp cổ khi đi bộ từ trường về nhà vào buổi tối.”

“Một mình sao?”

“Có thể là không.”



“Nhưng không phải là đi cùng với Nora Ambrose?”

“Ông đã nắm được gì về Nora Ambrose?”

“Đến giờ thì chưa,” Poirot đáp, “nhưng tôi muốn tìm hiểu thêm. Họ như thế nào, Janet White và Nora Ambrose ấy?”

“Cả hai đều ham muốn tình dục quá mức,” Elizabeth Whittaker nói, “nhưng theo cách khác nhau. Làm sao mà Joyce nhìn thấy vụ việc đó, hoặc có thể biết chuyện được? Vụ án xảy ra ở trên một con đường gần Vườn Mỏ Đá mà. Trò ấy hồi đó cũng chỉ mười hoặc mười một tuổi là cùng.”

“Trong hai người, ai đã quen cậu bạn trai kia?” Poirot hỏi. “Là Nora hay Janet?”

“Tất cả đều đã là chuyện quá khứ.”

“Tôi lỗi xưa thường đổ bóng dài.” Poirot trích dẫn. “Càng trưởng thành, chúng ta càng thấm câu nói ấy. Nora Ambrose hiện nay đang ở đâu?”

“Cô ấy đã rời trường và đảm nhận một công việc khác ở Bắc England - cô ấy dĩ nhiên rất đau lòng. Họ là... bạn thân thiết.”

“Cảnh sát vẫn chưa phá được vụ án?”

Cô Whittaker lắc đầu, rồi đứng dậy và nhìn đồng hồ.

“Tôi phải đi bây giờ.”

“Cảm ơn cô đã cho tôi biết chuyện này.”



## CHƯƠNG 11

Hercule Poirot ngược nhìn mặt tiền Biệt thự Mỏ Đá. Một ngôi nhà bề thế, được xây cầu kỳ theo đúng lối kiến trúc giữa thời Victoria, ông tưởng tượng nội thất trong nhà sẽ như thế nào - một tủ buffet bằng gỗ gụ nặng trĩu, một chiếc bàn hình chữ nhật đặt giữa phòng cũng bằng gỗ gụ nặng, một phòng chơi billiard, có thể là vậy, một phòng bếp rộng với phòng rửa bát liền kề, nền lát đá, và một bộ bếp than chắc chắn đã được thay chất đốt sang gas hoặc điện.

Poirot để ý thấy hầu hết các cửa sổ tầng trên vẫn đang đóng rèm im lìm. Trả lời tiếng chuông cửa của ngài thám tử là một phụ nữ gầy gò, tóc hoa râm. Bà thông báo với ông rằng đại tá Weston và vợ đang ở London đến tuần sau mới về.

Khi Poirot hỏi về khu Vườn Mỏ Đá, người phụ nữ nói nó được mở cho công chúng tham quan miễn phí. Lối vào cách con đường này chỉ năm phút đi bộ, và ông sẽ nhìn thấy tám biển báo treo trên một cánh cổng sắt.

Ông dễ dàng tìm được lối dẫn đến khu vườn, bước qua cánh cổng và bắt đầu đi xuống con đường dốc chạy băng qua các tán cây cao và bụi thấp.

Chẳng mấy chốc Poirot đến một điểm nghỉ chân, đứng lại hồi lâu, đắm chìm trong suy nghĩ. Tâm trí ông không hoàn toàn chỉ có cảnh vật trước mắt hay xung quanh, mà thực sự ông đang bận suy nghĩ về vài câu nói mình đã nghe trong ngày, nhớ lại những câu chuyện được kể, mà theo ông chỉ nghĩ đến thôi cũng đã thấy kinh khủng. Một bản di chúc giả, một bản di chúc giả và một cô gái. Một cô gái biến mất, bản di chúc giả kia có lợi cho cô ấy. Một nghệ nhân trẻ đã đến đây vì công việc, dùng tài nghệ để xây tạo và biến mỏ đá bỏ hoang lờm chờm thành một khu vườn, đúng hơn là một khu vườn chìm. Nghĩ đến đây, Poirot ngẩng lên nhìn quanh một lần nữa, gạt gù tỏ ý tán phục. Vườn Mỏ Đá là một cái tên xấu xí so với cảnh vật nơi đây. Nó gợi lên liên tưởng tiếng đập đá chát chúa, hình ảnh những chiếc xe đẩy lặc lè vận chuyển những tảng đá lớn để làm đường. Cái tên đó khiến người ta nghĩ tới nhu cầu sản xuất công nghiệp. Nhưng Vườn Chìm lại hoàn toàn khác. Cái tên này cũng gợi nhắc trong đầu Poirot những ký ức xa xôi ngày xưa. Vậy là bà Llewellyn-Smythe đã từng tham gia một chuyến tham quan đến các khu vườn ở Ireland của National Trust. Bản thân Poirot cũng đã có dịp đến Ireland năm, sáu năm về trước. Ông còn nhớ mình đến đó để điều tra vụ trộm món gia bảo bằng bạc. Vụ án đó có một số điểm hết sức thú vị, khơi dậy tính tò mò của ông, và sau khi ngài thám tử hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phá án (như thường lệ) - dấu ngoặc này là tự Poirot thêm vào trong suy nghĩ của mình - ông đã dành vài ngày để du ngoạn và ngắm thắng cảnh ở đó.

Giờ ông lại không tài nào nhớ nổi một khu vườn cụ thể mà mình đã từng tham quan hồi đó. Hình như ở đâu không xa Cork là mấy,

ông cố đánh thức trí nhớ. Killarney phải không nhỉ? Không, không phải Killarney. Đâu đó cách không xa Vịnh Bantry là bao. Poirot vẫn không quên khu vườn ấy bởi nó khá khác biệt so với những khu vườn của các lâu đài tại Pháp, vốn là biểu tượng về đẹp của xứ Versailles - những thắng cảnh ông vẫn thầm ca ngợi là tuyệt tác của thời đại này. Ông còn nhớ mình bắt đầu đi cùng một nhóm nhỏ trên một con thuyền. Leo lên con thuyền ấy khá khó và quả thực Poirot đã phải nhờ đến hai người chèo thuyền lành nghề khỏe mạnh đỡ ông xuống. Họ đưa đoàn tham quan đến một hòn đảo nhỏ, bề ngoài không có gì nổi trội, Poirot bắt đầu hồi tiếc vì đã tham gia chuyến đi. Bàn chân ông ngấm nước lạnh buốt, và gió còn thổi rít qua các khe nếp áo mưa ông mặc. Tuyệt tác nào, Poirot thầm nghĩ, công trình kiến trúc nào, thiết kế cân đối tuyệt mỹ nào có thể mọc nổi trên hòn đảo lờm chờm đá, cây cối thưa thớt như thế kia? Sai lầm, thật là quá sai lầm.

Thuyền cập vào một cầu tàu. Các thủy thủ lại khéo léo và thuần thục đỡ ông xuống như đã đỡ ông lên tàu. Những thành viên trong đoàn đã lên bờ, đi trước và không ngừng nói cười. Poirot sau khi dừng lại chỉnh trang bộ áo mưa trên người và cúi xuống thắt lại dây giày, lảng lảng theo sau họ trên con đường tẻ nhạt với vài bụi cây mọc thưa thớt hai bên. Đây hẳn là công viên nhạt nhẽo nhất trần đời, ông nghĩ.

Và rồi, từ phía sau những bụi cây họ bước qua bỗng dựng hiện lên một bậc thềm, có các bậc thang dẫn xuống phía dưới. Từ bên trên nhìn xuống, Poirot kinh ngạc ngấm nhìn cảnh tượng diệu kỳ trước mắt. Giống như đáng tạo hóa thường được nhắc đến trong

các bài thơ Ireland đã bước ra khỏi những hang tối trên đồi để đến đây, và không phải bằng chân tay và sức lao động cực nhọc, mà là bằng cách vẫy nhẹ cây đũa thần, họ tạo ra một khu vườn dưới chân. Ngắm nhìn từ trên cao, ta có thể chiêm ngưỡng toàn bộ vẻ đẹp của khu vườn, những bụi cây, những bông hoa, dòng nước nhân tạo chảy dưới đài phun nước, con đường uốn quanh co. Tất cả đều tuyệt mỹ, mê hoặc và hiện ra từ nơi không ngờ tới nhất. Poirot thắc mắc không biết cảnh tượng nguyên thủy của nơi đây như thế nào. Khó có thể là một mỏ đá vì khu vườn quá gọn gàng và cân xứng. Giữa hòn đảo là một hồ sâu thẳm, nhưng bên trên nó, người ta vẫn có thể thấy biển ở vịnh và những rặng đồi trập trùng phía xa trên bờ, sương phủ các đỉnh đồi tạo nên một cảnh tượng mơ mộng huyền ảo. Poirot đoán đó có lẽ chính nó đã khơi dậy cảm hứng cho bà Llewellyn-Smythe xây dựng một khu vườn tương tự cho bản thân, để được tận hưởng cảm giác thỏa mãn khi sắp đặt và biến một mỏ đá hoang tàn thành khung cảnh miền quê nước Anh tiêu biểu, mộc mạc và duyên dáng này.

Và rồi bà ấy đi tìm một người phù hợp, sẵn sàng làm việc cật lực như nô lệ, và trả lương thật hậu hĩ để hiện thực hóa mệnh lệnh của mình. Và bà ấy đã tìm được anh chàng thợ trẻ đủ năng lực tên là Michael Garfield và đưa anh ta về đây, trả cho anh ta một khoản chắc chắn không hề nhỏ, và đồng thời xây cho anh một căn nhà. Michael Garfield, Poirot nghĩ, đã không làm bà chủ của mình thất vọng.

Ông thám tử bước đến ngồi xuống băng ghế, chiếc ghế này được tính toán đặt ở vị trí thật phù hợp. Ông thử tưởng tượng cảnh vật

trong khu vườn chìm này vào mùa xuân. Thân những cây sồi non và cây bulo loang lổ bạc. Những bụi gai và bụi hoa hồng trắng, xen lẫn những cây bách xù nhỏ nhỏ. Nhưng giờ đang là mùa thu, và khu vườn cũng không thiếu những cây khoe sắc vào mùa thu. Những cây tán lá đỏ vàng, một vài cây kim lữ mai, một con đường uốn lượn dẫn lối vào giữa khung cảnh rực rỡ ấy. Trong vườn trồng những bụi kim tước đang trổ hoa, hoặc cũng có thể là cây đậu chổi Tây Ban Nha - Poirot vốn không phải là chuyên gia về tên các loài hoa và cây bụi - chỉ có hoa hồng và tulip là ông dám tự tin mình nhận diện được.

Nhưng mọi cây cối xuất hiện trong khu vườn theo một cách rất tự nhiên, giống như chúng tự mọc lên hơn là có bàn tay sắp xếp hay ép buộc chúng lớn lên ở đây vậy. Tuy nhiên, Poirot nghĩ, sự thật không phải vậy. Tất cả đều được sắp đặt, tất cả đều do bàn tay con người trồng nên, từ khóm cây nhỏ nhỏ mọc lên ở góc này cho đến bụi cây cao lớn đang xòe rộng tán lá đỏ vàng đằng kia. Phải rồi. Tất cả mọi thứ xuất hiện ở đây đều có tính toán và sắp đặt. Và thêm nữa, tất cả cây cối đều có vẻ ngoan ngoãn phục tùng bàn tay ấy.

Poirot lại nghĩ, vậy chúng phục tùng ai. Bà Llewellyn-Smythe hay Michael Garfield? Giữa hai người có sự khác biệt, phải, rất khác biệt. Bà Llewellyn-Smythe là người am hiểu, ông tin chắc như vậy. Bà đã có kinh nghiệm làm vườn lâu năm, chắc chắn cũng là thành viên của Hiệp hội Làm vườn Hoàng gia Anh, bà còn từng đi các buổi triển lãm, tham khảo các catalogue mẫu vườn, và từng tận mục sở thị thăm thú các vườn cảnh. Bà Llewellyn-Smythe đã từng đi tham quan các nước, hẳn trong hành trình có ghé các vườn bách thảo. Bà

chắc chắn biết mình muốn gì và cũng chắc chắn sẽ nói rõ những gì mình muốn. Như vậy đã đủ chưa? Poirot nghĩ có lẽ là chưa. Bà có thể còn đưa ra những ý tưởng của riêng mình cho người làm vườn và bắt họ phải thực thi chúng. Nhưng liệu bà có biết, đúng hơn là thực sự mừng tượng được chính xác những yêu cầu của mình sẽ như thế nào khi được hiện thực hóa? Không chỉ ở ngay năm đầu tiên khi cây bắt đầu được trồng, thậm chí không chỉ đến năm thứ hai, mà là những hình dung về khu vườn của bà sau hai, ba năm, và thậm chí đến sáu bảy năm sau đó. Về phía Michael Garfield, Poirot nghĩ chắc anh ta biết bà chủ của mình muốn gì vì bà đã mô tả rõ ý nguyện của mình với anh, và anh ta cũng biết cách biến mỏ đá hoang sơ như sa mạc này đâm chồi nảy lộc thành một vườn cây tươi tốt. Khi phác thảo kế hoạch và bắt tay thực hiện nó, hẳn Michael Garfield cũng cảm thấy cực kỳ hào hứng như mọi nghệ nhân gặp được một khách hàng hầu bao rộng rãi. Trên mảnh đất này anh bắt đầu hình dung về một miền tiên cảnh ẩn mình giữa vùng đồi núi tẻ nhạt tầm thường, và trên mảnh đất này miền tiên cảnh ấy trở thành sự thật. Những cây bụi đất đỏ kia hẳn đã phải cần đến các tấm séc trị giá khổng lồ, và vài giống cây quý hiếm ở đây có lẽ chỉ có thể tìm được dựa trên thịnh tình của một mối thân quen nào đó, và cả đây nữa, những tiểu tiết cây cỏ vụn vặt nhưng cần thiết cho khu vườn, tốn kém biết bao. Vào mùa xuân bên bờ suối ngay bên tay trái Poirot sẽ là những cây anh thảo nở hoa khoe sắc, ông đoán được nhờ những chiếc lá xanh nho nhỏ của chúng mọc chụm lại ven suối.

“Ở Anh,” Poirot làm bầm, “người ta sẵn sàng dẫn khách thăm

những luống hoa nhà họ, đưa đi ngắm từng bụi hồng, hay được dịp kể lể bất tận về vườn hoa diên vĩ họ trồng. Để chứng minh cho khách thấy họ trân trọng vẻ đẹp của nước Anh thế nào, họ sẽ chọn ngày đẹp trời để đưa ta đi, những ngày nắng đẹp khi sồi đang trổ lá, và bên dưới gốc sẽ là hoa chuông nở. Phải, khung cảnh ấy quả thực rất đẹp, nhưng ta nghĩ mình đã bị dẫn đi ngắm quá nhiều rồi. Giờ ta chỉ mong..." dòng suy tư của Poirot chợt đứt quãng khi ông nhớ về cảnh trí trong mơ của mình.

Đó là khi ông được lái xe chạy trên những con đường ở Devon. Con đường uốn lượn quanh co, hai bên cây mọc thành bụi cao ngang mắt người, và ngay bên lề đường là thảm cây anh thảo khoe sắc. Những bông hoa vàng nhạt, đẹp tinh khôi và e ấp, tỏa ra một mùi hương ngòn ngọt, dịu nhẹ và phảng phất trong không khí. Những nơi hoa anh thảo nở bạt ngàn sẽ sức lên thứ mùi hương đặc trưng ấy của mùa xuân mà không hoa nào bì kịp. Ở Devon cũng không có những bụi cây giống quý hiếm như ở đây. Xuân qua thu tới, ở đó chỉ có những khóm tiên khách lai mọc đại cho mùa xuân và hoa nghệ tây vào mùa thu. Một nơi tuyệt đẹp.

Poirot tò mò về những chủ nhân đang sinh sống trong Biệt thự Mỏ Đá bây giờ. Ông biết tên họ, một đại tá đã về hưu sống cùng vợ, nhưng lẽ ra Spence nên cho ông biết nhiều hơn thế. Poirot có cảm giác những người đang sinh sống ở đây không dành nhiều tình yêu cho khu vườn này như bà Llewellyn-Smythe quá cố. Nghĩ đến đó ông đứng dậy và tiếp tục dạo bước trên con đường nhỏ trong vườn. Con đường thoai thoải dễ đi, được san đồ cẩn thận, và theo Poirot là được thiết kế riêng biệt cho một người lớn tuổi có thể dạo khắp



nơi theo ý thích mà không phải bước lên quá nhiều bậc thang dốc đứng. Và vừa đúng lúc người đi dạo cần dừng chân nghỉ ngơi, một chiếc ghế cũng xuất hiện ở bên đường, kê theo hướng cũng hết sức phù hợp. Băng ghế trông có vẻ han gỉ, nhưng rõ ràng vẫn chắc chắn hơn vẻ ngoài của nó. Thậm chí, Poirot nhận ra góc giữa lưng tựa và chân người ngồi trên ghế được nghiêng rất vừa vặn, tạo cảm giác hết sức dễ chịu. Ông thầm nghĩ, mình nhất định phải tìm gặp anh chàng Michael Garfield này mới được. Anh ta đã thiết kế một khu vườn tuyệt vời. Một thợ làm vườn biết rõ công việc của mình và một kiến trúc sư thiết kế tài năng. Anh ta còn phải có một đội nhân công lành nghề để hiện thực hóa những thiết kế ấy, và Poirot nghĩ, anh ta đã khéo sắp xếp lại ý tưởng của gia chủ tài tình đến nỗi bà ấy hẳn đã nghĩ tất cả kiến trúc trong khu vườn này là do chính bà nghĩ ra. Nhưng Poirot chắc chắn khu vườn này không phải là sáng tạo của riêng bà ấy, mà đa phần là của chàng trai trẻ. Phải, ông muốn gặp anh ta. Nếu anh chàng vẫn còn ở trong căn nhà nhỏ kia, không nhầm thì được xây riêng cho người làm vườn tài năng này ở. Poirot nghĩ mình có thể... ông thám tử chợt khựng lại.

Poirot nhìn chằm chằm về phía trước. Ngay dưới chân ông là khu vườn trũng thấp hẳn so với mặt đất, nhưng ông không để tâm. Ông nhìn xoáy qua bờ bên kia của khu vườn, nơi con đường dẫn lối vòng qua. Ánh mắt ông đổ dồn vào một bụi cây lá đỏ vàng mọc tua tủa ôm quanh một vật gì đó, mà Poirot không chắc chắn liệu nó có phải là một vật hay không, hay chỉ là do ánh sáng và bóng cây và lá.

Cái gì thế nhỉ? Poirot thầm hỏi. Hay do mình quá say sưa với cảnh vật mà nhìn lầm chẳng? Cũng có thể lắm. Ở một nơi um tùm

như thế này cũng rất dễ nhìn lầm. Kia là bóng người hay là... là gì được nhỉ? Suy nghĩ của Poirot chợt trở về những cuộc phiêu lưu nhiều năm trước, mà tự ông đã đặt tên là “Những chiến công của chàng Hercules”\*. Đôi khi, ông có cảm giác nơi đây không phải là một khu vườn Anh Quốc. Cảm giác kỳ bí bao trùm bầu không khí. Ông cố gắng định nghĩa nó. Khu vườn này như có phép thuật, có bùa mê, tất nhiên là có cả vẻ đẹp, một vẻ đẹp e lệ, nhưng cũng đầy hoang dại. Nếu nơi đây được dùng làm sân khấu cho một vở kịch, hẳn nó sẽ là hoạt cảnh xuất hiện của những tiên nữ, những vị thần điển dã nửa người nửa dê, một khung cảnh mang vẻ đẹp đậm chất Hy Lạp, và mang cả trong đó nỗi sợ hãi. Đúng vậy, Poirot nghĩ, cảm giác sợ hãi lần lượt quanh đây trong khu vườn chìm này. Chị của Spence đã kể gì nhỉ? Chuyện gì đó có liên quan đến một vụ giết người trong chính mỏ đá nguyên thủy từ nhiều năm trước. Máu đã thấm lên những hòn đá ở đây, nhưng sau đó, cái chết ấy đã chìm vào quên lãng, mọi dấu tích đều đã bị chôn lấp và xóa nhòa, và rồi Michael Garfield đến, từ đây thiết kế và xây tạo nên một khu vườn tuyệt mỹ, và một bà tuổi gần đất xa trời sẵn sàng bỏ tiền chi trả cho nó.

Đến lúc này thì Poirot đã nhận ra cái bóng mình nhìn thấy là một chàng trai trẻ đang đứng ở bờ bên kia phần vườn chìm. Vây quanh anh ta là những tán lá đỏ tua tủa, và bản thân chàng trai, lúc này Poirot mới nhìn rõ, cũng mang một vẻ đẹp khác thường. Ngày nay không mấy ai mô tả vẻ đẹp của các chàng trai trẻ là khác thường. Người ta có thể nói một anh chàng nào đó là hấp dẫn hay quyến rũ chết người, và những lời tán dương kiểu ấy thường cũng khá xác

đáng. Anh ta có thể sở hữu gương mặt góc cạnh, mái tóc mượt bồng bênh, hay mang những đường nét nổi bật hơn người khác. Nhưng thông thường không ai gọi một chàng trai là tuyệt mỹ. Nên khi đã phải dùng đến từ ấy, người ta hẳn đang tán tụng phẩm chất hay vẻ đẹp nào đó đã biến mất từ lâu, và kèm theo là chút nuối tiếc. Những cô nàng quyến rũ đã không còn hâm mộ chàng Orpheus và cây đàn luyến của chàng,\* giờ đây họ chỉ phát cuồng những ca sĩ nhạc pop với chất giọng khàn khàn, sở hữu đôi mắt đa tình cùng mái tóc rối bù xù.

Poirot đứng dậy và bước theo con đường vòng qua khoảng đất trống. Khi ông vừa đặt chân đến bờ bên kia, chàng trai trẻ đã bước ra khỏi bụi cây để chào. Ấn tượng rõ ràng nhất về anh chàng này chính là sự trẻ trung, nhưng theo quan sát của Poirot, tuổi anh ta có lẽ không còn trẻ, áng chừng đã phải trên ba mươi, gần bốn mươi. Nụ cười trên gương mặt anh ta rất nhẹ, không phải nụ cười chào đón, mà giống như kiểu cười chiếu lệ, ghi nhận sự có mặt của Poirot. Một chàng trai cao ráo, mảnh dẻ, với những đường nét đẹp như tạc tượng. Đôi mắt sẫm, mái tóc đen xõa ôm lấy gương mặt anh. Trong khoảnh khắc, Poirot đã ngỡ mình và anh chàng này đang gặp nhau trong buổi tổng duyệt của một cuộc thi sắc đẹp nào đó. Nếu đúng là vậy, Poirot nhìn xuống đôi ủng cao su đi mưa dưới chân mình, trầm nghĩ, hời ôi, có lẽ ông nên đi gặp nhân viên phục trang để được chuẩn bị tốt hơn mới phải.

Ông mở lời, “Hình như tôi đã đi dạo hơi xa. Nếu tôi có thất lễ làm phiền anh, xin anh thứ lỗi. Tôi mới đến xứ này lần đầu nên còn lạ lẫm. Tôi vừa đến hôm qua thôi.”

“Tôi không nghĩ ai lại bảo thế này là thất lễ.” Chàng trai trả lời bằng một giọng nhỏ nhẹ, lịch sự nhưng hờ hững khó hiểu, như thể tâm trí của anh ta đang lang thang ở một nơi nào đó rất xa xôi. “Vườn không hẳn là mở cho công chúng, nhưng rất nhiều người thích đến đây đi dạo. Đại tá Weston và phu nhân không phiền đâu. Họ chỉ để tâm nếu có hư hại, mà chuyện đó hiếm khi xảy ra.”

“Không có hành động phá hoại nào,” Poirot nhận xét, ngoảnh đầu nhìn quanh một lượt. “Không một mảnh rác. Thậm chí còn không có cả thùng rác. Thật kỳ lạ, không phải sao? Nơi đây có chút vắng vẻ - lạ thật. Những chỗ đẹp như thế này đáng lẽ sẽ có nhiều cặp tình nhân lui tới mới phải.”

“Các cặp đôi thường không đến đây,” chàng trai trả lời. “Vì lý do nào đó, họ coi nơi này xui xẻo.”

“Xin phép được hỏi, anh có phải chính là người thiết kế khu vườn? Cũng có thể tôi đoán lầm.”

“Tôi tên là Michael Garfield,” anh đáp.

“Tôi cũng đã ngờ ngợ.” Poirot nói. Ông khoát tay xung quanh. “Anh làm nên cả công trình này sao?”

“Vâng,” Michael Garfield đáp.

“Đẹp quá,” Poirot ca tụng. “Tôi hơi lầy lăm lăm khi một thắng cảnh đẹp thế này được dựng lên giữa một nơi, thành thật mà nói, có cảnh vật nhàm chán như ở đây. Tôi xin chúc mừng anh.” Ông thăm tử nói tiếp, “Anh hẳn rất hài lòng với tác phẩm mình đã xây dựng được ở đây.”

“Con người có bao giờ thực sự hài lòng không? Tôi có chút thắc mắc.”

“Tôi không nhầm thì anh xây dựng khu vườn này cho bà Llewellyn-Smythe. Bà ấy hiện không còn nữa, như tôi được biết. Còn vị đại tá và bà Weston, giờ họ là chủ khu vườn này phải không?”

“Phải. Họ mua lại giá hời. Một ngôi nhà đồ sộ đến mức kênh cang - quản căn nhà ấy không dễ đâu - đa số mọi người đều không thích nó lắm. Bà ấy di chúc để lại nó cho tôi.”

“Và anh đã bán nó.”

“Tôi bán căn nhà.”

“Và không bán khu Vườn Mỏ Đá?”

“Ồ, có chứ. Vườn Mỏ Đá đi cùng theo căn nhà, nói đúng ra, giống như một món tặng kèm.”

“Tại sao vậy?” Poirot hỏi. “Chuyện này khá là thú vị. Anh không phiền nếu tôi tò mò chứ?”

“Các câu hỏi của ông không giống những người khác,” Michael Garfield nhận xét.

“Tôi thường không tò mò nhiều về sự việc, mà hay hiếu kỳ về nguyên nhân hơn. Tại sao anh A lại làm thế này và sao anh B lại hành xử thế kia? Hay vì sao thái độ của cậu C lại khác của cậu A và B?”

“Ông nên nói chuyện với một nhà khoa học mới đúng,” Michael nói. “Đây là vấn đề do di truyền hoặc nhiễm sắc thể, như bây giờ chúng ta hay nói vậy. Do sắp xếp hay cấu trúc gì đó.”

“Khi nãy anh có nói là mình không hoàn toàn hài lòng với khu vườn này, vì chẳng ai trên đời thực sự thỏa mãn về điều gì cả. Thế

còn bà chủ, khách hàng của anh, hay anh gọi là gì cũng được, thì sao - bà ấy hài lòng chứ? Với khu vườn tuyệt đẹp này?”

“Ở một chừng mực nào đó thì có,” Michael đáp. “Là tôi thấy thế. Bà ấy cũng không phải người khó tính.”

“Chuyện này có vẻ khó tin,” Hercule Poirot nói. “Bà ấy như tôi được biết cũng đã hơn sáu mươi tuổi rồi. Ít nhất là sáu mươi lăm. Những người già ở tuổi đó đâu có dễ tính?”

“Tôi đã thuyết phục bà tin là những gì tôi làm đều theo đúng như yêu cầu, ý tưởng và hình dung của bà ấy về khu vườn.”

“Có đúng là vậy không?”

“Ông hỏi thật đấy à?”

“Không,” Poirot đáp. “Thực tình mà nói là không.”

“Để đạt được thành công trong cuộc sống,” Michael Garfield tiếp lời, “người ta phải quyết tâm theo đuổi những gì mình mong muốn, vừa phải vẫy vùng cho thật thỏa những đam mê nghệ thuật bên trong, nhưng cũng phải biết cách làm ăn. Ông phải thuyết phục người khác mua những gì mình có trong tay. Nếu không thì cả đời này ông sẽ chỉ làm theo ý tưởng của người khác mà không thể làm theo đúng những gì mình muốn. Tôi làm mọi thứ chủ yếu theo ý của mình, sau đó thuyết phục, hay dùng ngôn từ đẹp đẽ hơn là quảng bá, để khách hàng thuê tôi sẵn sàng trả tiền cho nó và nghĩ rằng đó là từ những ý tưởng và kế hoạch của họ mà thành. Nghệ thuật thuyết phục ấy cũng không khó học lắm. Dễ như dụ một đứa trẻ mua trứng nâu thay vì trứng trắng vậy. Khách hàng phải tin rằng trứng nâu là những quả trứng tốt nhất, ngon nhất, là tinh túy của miền quê. Ví dụ như ta có thể nói đó là đến gà mái cũng ưa ái chúng

hơn? Những quả trứng nâu, từ trang trại, từ miền quê thật. Chẳng ai có thể bán chúng nếu chỉ nói ‘Trứng nào mà chẳng là trứng, chỉ khác nhau ở chỗ quả nào tươi hơn thôi’.”

“Anh quả thật suy nghĩ không giống người bình thường,” Poirot nói, vẻ suy ngẫm. “Và có phần ngạo mạn.”

“Cũng có thể.”

“Anh đã xây dựng một công trình tuyệt đẹp. Anh đã rót khả năng sáng tạo và tài năng kiến trúc của mình vào một mỏ đá lởm chởm, từng bị bòn rút vô tội vạ cho mục đích công nghiệp, ngỡ như không thể tìm lại được vẻ đẹp đã mất. Anh đã dùng đến trí tưởng tượng, phác thảo trong đầu khung cảnh khu vườn khi hoàn thiện, và tìm cách gom đủ tiền để hiện thực hóa nó. Tôi xin chúc mừng anh và cũng xin bày tỏ sự ngưỡng mộ của mình. Sự ngưỡng mộ của một ông già sắp hết thời.”

“Nhưng lúc này ông vẫn còn tiếp tục làm việc đấy thôi?”

“VẬY anh đã biết tôi là ai rồi?”

Poirot không giấu vẻ hài lòng. Ông vốn thích những người biết danh tiếng của mình, thời nay e là không còn nhiều người như vậy.

“Ông lần theo vết máu, những tội ác... chuyện đó ở đây mọi người đều biết cả. Vùng này nhỏ, ít người, tin tức lan nhanh. Một nhân vật tiếng tăm đã đưa ông đến đây.”

“À, ý anh là bà Oliver.”

“Ariadne Oliver. Tác giả ăn khách. Nhiều người rất muốn phỏng vấn, xin ý kiến bà ấy về mấy chủ đề như bạo lực học đường, chủ nghĩa xã hội, cách ăn vận của các cô gái, tự do tình dục, rồi rất

nhiều thứ chẳng liên quan đến bà ấy nữa.”

“Phải, phải,” Poirot đáp, “thật tệ hại, theo tôi nghĩ. Theo tôi họ không thực sự học hỏi nhiều từ bà ấy. Họ chỉ biết bà Oliver thích táo. Mà sở thích này ai cũng rõ cả hai mươi năm qua là ít, nhưng bà ấy vẫn cười hài lòng khi nhắc lại. Nhưng giờ thì tôi e bà ấy không thích táo nữa rồi.”

“Có phải vì mấy trái táo mà ông đến đây không?”

“Mấy trái táo trong bữa tiệc Halloween,” Poirot đáp. “Anh có đến dự hôm đó không?”

“Không.”

“Vậy là anh may mắn đấy.”

“May mắn sao?” Michael Garfield nhắc lại, giọng thoáng chút ngạc nhiên.

“Làm khách trong một bữa tiệc có xảy ra giết người thì chắc chắn không phải là trải nghiệm dễ chịu rồi. Có lẽ anh chưa rơi vào hoàn cảnh ấy bao giờ, nhưng để tôi nói anh nghe, anh may mắn là bởi...” Poirot chuyển sang tiếng Pháp “...il y a des ennuis, vous comprenez? Anh sẽ bị lôi vào các cuộc thẩm vấn về thời gian, ngày tháng, ở đâu, và các câu hỏi riêng tư khác không nể nang ấy.” Rồi ông nói tiếp, “Anh biết cô bé ấy không?”

“Ồ, có chứ. Ở đây ai cũng biết nhà Reynolds. Dân trong vùng này tôi quen biết gần hết. Sống ở Woodleigh Common thì ai cũng biết nhau cả, ít hay nhiều thôi. Người thì thân thiết, người thì chỗ bạn bè, người thì đơn thuần là biết mặt nhau, đại loại thế.”

“Cô bé Joyce ấy là người như thế nào?”



“Cô bé - nói sao nhỉ? - không nổi bật lắm. Giọng nói khá là khó nghe. Kiểu chói tai. Đấy, tôi chỉ nhớ được có vậy. Tôi không quan tâm đến trẻ con lắm. Đa phần chúng làm tôi phát chán. Cô bé Joyce ấy cũng làm tôi phát chán. Cứ mỗi lần nó mở miệng là y như rằng chỉ ba hoa về bản thân thôi.”

“Cô bé không được thú vị lắm sao?”

Michael Garfield thoáng ngạc nhiên.

“Tôi không cho là vậy. Cô bé có nhất thiết phải là người thú vị không?”

“Theo quan điểm của tôi thì những người tính tình nhạt nhòa thường khó có thể bị sát hại. Thông thường người ta bị giết vì vụ lợi, vì sợ hãi, hoặc vì tình yêu. Mỗi kẻ giết người đều có động cơ riêng, nhưng luôn phải có một điểm khởi đầu nào đó...”

Đến đây Poirot chợt dừng lại và nhìn đồng hồ.

“Tôi phải đi rồi. Tôi có cuộc hẹn. Một lần nữa, xin có lời khen dành cho anh.”

Dứt lời ông thám tử bước xuôi theo con đường, trong đầu cẩn thận suy tính phương hướng, ông mừng thầm là mình đã không đi đôi giày da bóng lộn chật ních.

Michael Garfield không phải là người duy nhất Poirot định gặp ở khu vườn chìm ngày hôm ấy. Khi vừa bước xuống phần vườn chìm, ông thấy con đường tách làm ba nhánh trước mắt, dẫn đi ba hướng

khác nhau. Và ngay lối vào nhánh đường chính giữa, trên một khúc cây đổ, một đứa trẻ đang ngồi đợi ông. Lập tức cô bé cất giọng rành rọt:

“Cháu không nhầm ông là ông Hercule Poirot, có phải không ạ?”

Giọng cô bé rất trong trẻo, âm điệu cao vút như tiếng chuông ngân. Cô bé trông như một sinh vật mỏng manh, có nét nào đó rất hợp với khung cảnh ở khu vườn chìm này. Giống như một thần rừng hay một yêu tinh tí hon.

“Đúng là tên của ta,” Poirot đáp.

“Cháu đến đây để gặp ông,” cô bé nói. “Ông sắp đến dùng trà ở nhà cháu có đúng không ạ?”

“Với bà Butler và bà Oliver sao? Đúng vậy đấy.”

“Vâng, đúng rồi. Đó là mẹ cháu và cô Ariadne.” Cô bé chuyển giọng trách móc. “Ông hơi trễ rồi đấy ạ.”

“Ta xin lỗi. Ta ghé qua nói chuyện với một người.”

“Vâng, cháu có nhìn thấy ông. Ông đã trò chuyện với Michael có phải không ạ?”

“Cháu biết anh ta?”

“Tất nhiên rồi ạ. Nhà cháu dọn đến đây cũng lâu rồi. Cháu biết mọi người trong vùng.”

Poirot hỏi cô bé bao nhiêu tuổi.

“Cháu mười một tuổi ạ. Năm sau cháu sẽ vào trường nội trú.”

“Cháu thấy buồn hay vui khi sắp vào trường?”

“Cháu cũng không biết chắc nữa, phải đến đó đã. Cháu cũng không thấy thích nơi này lắm, ít nhất là không nhiều như trước.” Rồi

cô bé nói thêm: “Cháu nghĩ ông nên đi cùng cháu bây giờ, ta đi thôi ạ.”

“Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi. Xin lỗi ta đến muộn.”

“Ồ, không sao đâu ạ.”

“Cháu tên là gì nhỉ?”

“Miranda ạ.”

“Ta thấy cái tên ấy hợp với cháu đấy.” Poirot nhận xét.

“Ông đã nghĩ đến Shakespeare đúng không ạ?”\*

“Phải. Cháu có học vở kịch đó ở trường không?”

“Có ạ. Cô Emlyn có đọc vài vở kịch cho tụi cháu. Cháu cũng nhờ mẹ đọc cho cháu nghe thêm vài tác phẩm khác nữa. Cháu thích vở kịch ấy. Giai điệu rất tuyệt vời. *Một thế giới mới lộng lẫy*.\* Kỳ thực chẳng có thứ gì như vậy, có đúng không ạ?”

“Cháu không tin sao?”

“Ông có tin không?”

“Luôn có một thế giới mới lộng lẫy tồn tại,” Poirot nói, “nhưng nó chỉ dành cho, cháu biết đấy, những người cực kỳ đặc biệt. Những ai may mắn. Những ai sẵn sàng xây dựng nên một thế giới như vậy trong chính bản thân mình.”

“À, cháu hiểu rồi,” Miranda đáp, vẻ hết sức nhẹ nhõm thanh thản, dù Poirot không rõ cô bé thực sự đã hiểu gì.

Cô bé quay lưng và bắt đầu dẫn đường cho Poirot.

“Chúng ta hãy đi lối này. Cũng không xa lắm đâu ạ. Ông có thể đi tắt qua hàng rào vườn nhà cháu.” Rồi cô bé chỉ tay về phía xa, quay mặt lại nói với Poirot: “Ở ngay giữa chỗ kia từng có một vòi phun

nước.”

“Một vòi phun nước sao?”

“À, từ mấy năm trước rồi ạ. Cháu đoán nó giờ vẫn ở đó, lấp dưới mấy bụi cây và cành khô các thứ. Nó cũng bị vỡ rồi. Người ta dọn mấy mảnh vỡ đi nhưng không ai chịu xây lại nó cả.”

“Tiếc thật đấy.”

“Cháu cũng chẳng biết nữa. Ông thích vòi phun nước lắm ạ?”

“*Ca dépend*,” Poirot đáp.

“Cháu biết chút tiếng Pháp,” Miranda nói. “Câu đó có nghĩa là ‘còn tùy’, có phải không ạ?”

“Đúng rồi. Cháu có vẻ được dạy dỗ ở trường rất tốt.”

“Ai cũng nói cô Emlyn là một giáo viên xuất sắc. Cô ấy là hiệu trưởng của tụi cháu. Cô nghiêm khắc thấy sợ, và nhiều khi hơi cứng rắn, nhưng thỉnh thoảng cô kể chuyện cực kỳ hay cho bọn cháu nghe.”

“Thế thì cô ấy rõ ràng là một giáo viên giỏi rồi,” Hercule Poirot kết luận. “Cháu biết khu vườn này rõ nhỉ, hình như là thuộc hết mọi nẻo ở đây. Cháu có hay đến đây không?”

“Ồ, có chứ ạ, khu vườn này là một trong những chỗ dạo chơi ưa thích của cháu. Cháu mà đến đây thì chẳng ai biết được, ông biết đấy. Cháu trèo lên cây ngò - trên các cành ấy, và quan sát. Cháu thích trò đó. Quan sát mọi thứ diễn ra.”

“Ví dụ như những gì?”

“Chủ yếu là lũ sóc và chim thôi ạ. Chim là loài hay gây gổ với nhau, đúng không ạ? Không giống như trong câu thơ ‘Chim trong tổ

nhỏ đồng lòng'. Bọn chúng thật ra chẳng được như vậy, có đúng không ạ? Cháu còn ngấm lũ sóc nữa."

"Vậy cháu có thấy người không?"

"Thỉnh thoảng. Nhưng chỗ này thường chẳng có mấy ai lui tới."

"Ta không hiểu, tại sao vậy?"

"Cháu đoán là họ sợ."

"Nhưng họ sợ gì mới được?"

"Vì ngày xưa chỗ này có người bị giết. Ý cháu là trước khi nó thành khu vườn ấy. Từ hồi nó là mỏ đá, toàn là đồng sỏi đồng cát, và người ta tìm thấy cô ấy ở đó. Trong chỗ đó. Ông có nghĩ câu tục ngữ ngày xưa là đúng không - về chuyện mà người ta sinh ra nếu không chết treo thì cũng chết chìm ấy ạ?"\*

"Giờ chẳng ai bị treo cổ cả. Nước Anh không còn án treo cổ nữa rồi."

"Nhưng một vài nước khác thì vẫn còn. Họ treo cổ người ta trên đường phố luôn ấy. Cháu đọc trên báo như vậy."

"À, thế cháu nghĩ chuyện đó là tốt hay xấu?"

Cô bé Miranda trả lời, nhưng không hoàn toàn là cho câu hỏi ấy, và Poirot hiểu được vì sao.

"Joyce bị dìm chết đuối," cô bé nói. "Mẹ không muốn nói cháu biết, nhưng thế thật hơi ngốc, cháu nghĩ vậy, ông thấy sao? Ý cháu là, cháu đã mười một tuổi rồi."

"Cháu có chơi với Joyce không?"

"Có ạ. Nói đúng ra bạn ấy là một người bạn tốt. Đôi khi bạn ấy kể cháu nghe nhiều chuyện hay ho lắm. Về mấy con voi và Hoàng tử

Ấn Độ ấy ạ. Bạn ấy từng đi chơi Ấn Độ một lần. Ước gì cháu cũng được đến đó. Cháu với Joyce kể mọi bí mật cho nhau nghe. Cháu chẳng có nhiều chuyện để kể như mẹ cháu. Mẹ có đi Hy Lạp, ông biết đấy. Mẹ cháu gặp cô Ariadne ở đó, nhưng mẹ đã không đưa cháu đi cùng.”

“Vậy ai nói cho cháu biết về Joyce?”

“Bà Perring, đầu bếp nhà cháu. Cháu nghe bà ấy nói chuyện với bà Minden khi bà Minden đến dọn dẹp nhà. Kể nào đó đã dìm đầu bạn ấy vào xô nước.”

“Cháu có đoán là ai không?”

“Cháu chịu thôi. Hai người đó hình như cũng không biết, nhưng dù sao bình thường họ cũng chẳng thông minh gì.”

“Thế cháu có đoán được không, Miranda?”

“Hôm ấy cháu không đến. Cháu bị viêm họng và sốt nhẹ nên mẹ không cho cháu đi dự tiệc. Nhưng cháu nghĩ có thể cháu biết. Thế nên cháu mới hỏi là ông có tin con người sinh ra sẽ bị chết đuối không. Chúng ta đi qua hàng rào đằng này. Ông cẩn thận quần áo đấy ạ.”

Poirot theo chân Miranda dẫn đường. Lối đi tắt từ Vườn Mỏ Đá qua hàng rào này hợp với vóc dáng bé nhỏ của cô nhóc dẫn đường tinh nghịch của ông hơn - cô bé lách qua êm ru. Tuy vậy, Miranda cũng tỏ ra lo lắng cho Poirot, quay lại dặn ông chú ý những bụi gai tua tủa đâm sát bên, và còn cẩn thận nâng những đầu nhọn hàng rào lên cho ông đi qua. Hai người chui vào một góc vườn, Poirot để ý thấy ngay gần nơi ông bước vào là một đồng phân bón. Cả hai rẽ vào một góc có giàn dưa leo bỏ hoang, đi qua hai thùng rác dựng

trong vườn. Sau đó một mảnh vườn được cắt tỉa gọn gàng và trồng toàn hoa hồng hiện ra, dẫn lối vào ngôi nhà gỗ nhỏ xinh. Vẫn dẫn đường, Miranda đưa Poirot vào nhà bằng lối cửa sổ cao kiểu Pháp, và giống như một nhà sưu tầm mới vận chuyển nguyên vẹn và lành lặn một mẫu bộ cánh cứng quý hiếm, cô bé đồng dục tuyên bố:

“Con đã đưa ông ấy về đây an toàn rồi ạ.”

“Miranda, không phải là con đưa khách của chúng ta qua lối hàng rào đó chứ? Con phải đi đường cổng bên chứ.”

“Lối này tốt hơn mà,” Miranda đáp. “Nhanh hơn và gần hơn.”

“Và mệt hơn nữa.”

“Tôi quên mất,” bà Oliver cất tiếng. “Tôi đã giới thiệu ông với bà Butler bạn của tôi chưa nhỉ?”

“Tất nhiên là rồi. Khi ở bưu điện.”

Poirot nhắc đến cuộc giới thiệu nhanh gọn khi ba người đứng xếp hàng trước quầy bưu điện. Nhưng bây giờ Poirot mới có dịp quan sát người bạn của bà Oliver ở khoảng cách gần. Trước đó ông chỉ có ấn tượng về một phụ nữ có vóc dáng gầy với chiếc khăn choàng che mặt và khoác áo mưa. Judith Butler khoảng ba mươi lăm tuổi, và nếu cô con gái mang vẻ ngoài giống một nữ thần rừng thì bà Judith lại có nhiều nét đẹp của một nữ thần nước. Bà như nàng tiên cá canh giữ kho báu sông Rhine bước ra từ vở opera *Chiếc nhẫn của người Nibelung* vậy. Mái tóc vàng óng buông rủ xuống vai, xương gò má gầy của bà vẽ thành hai nét nhạt trên khuôn mặt thon dài tinh tế, nổi bật trên đó là đôi mắt to màu xanh ngọc biếc, và che dưới cặp lông mi dài cong vút.

“Tôi rất vui vì có dịp được cảm ơn ông như thế này, *Me-xù*

Poirot,” bà Butler mở lời. “Ông thật tử tế, sẵn sàng xuống tận đây để giúp đỡ chúng tôi khi Ariadne nhờ cậy.”

“Một khi bà bạn Oliver đây đã nhờ tôi chuyện gì, thì tôi buộc phải làm cho bằng được,” Poirot đáp.

“Bây nào,” bà Oliver nói.

“Bà Oliver tin chắc rằng ông sẽ tìm ra lời giải cho câu chuyện kinh khủng này. Miranda, con yêu, con vào bếp được không? Mẹ để bánh nướng trên khay lưới trên lò đáy.”

Miranda lập tức mất dạng. Trước khi ra khỏi phòng, cô bé trao cho mẹ mình một nụ cười đầy ẩn ý, như thể thay lời muốn nói rằng: “Mẹ cháu đang muốn tống khứ cháu ra chỗ khác một lúc.”

Mẹ Miranda nói: “Tôi cố gắng không để con bé biết về chuyện này, về những thứ kinh khủng đã xảy ra. Nhưng tôi đoán ngay từ đầu là không thể.”

“Quả thực là vậy,” Poirot nói. “Chuyện xấu thường dễ lan truyền nhanh, nhất là khi đó lại là một bi kịch kinh hoàng. Hơn nữa,” ông nói thêm, “chẳng ai có thể sống cả đời mà không biết chuyện gì diễn ra xung quanh mình. Và với trẻ con thì chúng lại càng nhạy cảm với thế giới xung quanh.”

“Tôi nhớ có câu thơ ‘Giữa chúng ta luôn có kẻ tọc mạch để ý mọi thứ’,” bà Oliver nói, “không biết của Burns hay Sir Walter Scott nhưng ông ta nói phải lắm.”

“Joyce Reynolds rõ ràng đã nhìn thấy một sự việc nghiêm trọng nào đó cỡ như một vụ giết người,” bà Butler nói. “Thật khó mà tin được.”



“Bà tin là Joyce đã trông thấy sự việc ấy?”

“Ý tôi là tôi tin rằng cô bé đã nhìn thấy một chuyện khủng khiếp như vậy mà trước đó lại không hề hé răng kể về nó. Kiểu này có vẻ không giống Joyce cho lắm.”

“Điều đầu tiên tất cả mọi người ở đây đều muốn tôi biết,” Poirot nói, giọng nhẹ nhàng, “là cô bé Joyce Reynolds là một đứa trẻ chuyên nói dối.”

“Nhưng tôi nghĩ cũng có khả năng,” Judith Butler nói, “một đứa trẻ bịa ra chuyện gì đó, rồi hóa ra nó là sự thực?”

“Dĩ nhiên ngay từ khi bắt đầu, giả thuyết này đã là điểm mấu chốt quan trọng của chúng ta,” Poirot đáp. “Vì có một thực tế không thể chối cãi, đó là Joyce Reynolds đã bị giết hại.”

“Vậy là ông đã bắt đầu tìm hiểu. Có khi đến giờ ông biết hết rồi cũng nên,” bà Oliver nói.

“*Ma-dam*, xin đừng đòi hỏi ở tôi những điều bất khả thi. Bà lúc nào cũng thật vội vàng.”

“Sao lại không chứ?” bà Oliver đáp. “Bây giờ ai không nhanh chân nhanh tay sẽ chẳng làm được trò trống gì.”

Đúng lúc này Miranda quay trở lại với một đĩa xếp đầy bánh nướng.

“Con để xuống đây nhé?” Cô bé hỏi. “Con đoán mọi người cũng nói chuyện xong rồi, có đúng không ạ? Hay mẹ lại muốn con vào bếp lấy thêm gì đó?”

Giọng cô bé giễu cợt đầy ẩn ý. Bà Butler hạ chiếc ấm trà bạc kiểu Georgia xuống bệ lò sưởi, cầm cái ấm điện trước đó bà đã tắt đi

ngay khi nó vừa sôi, đổ nước nóng vừa đầy bình và bắt đầu rót trà ra tách mời hai vị khách. Bằng phong thái hết sức tao nhã, Miranda gấp bánh nóng và sandwich dưa leo cho từng người.

“Tôi và Ariadne gặp nhau ở Hy Lạp,” bà Judith kể.

“Tôi ngã xuống biển,” bà Oliver tiếp lời, “khi chúng tôi đang lên tàu từ đảo trở về bờ. Biển động khá mạnh và các thủy thủ cứ luôn miệng hô ‘nhảy’ và, tất nhiên là họ luôn luôn hô khi thuyền đã trôi ra xa, để ngay lúc đó nó sẽ trôi trở lại gần bờ, nhưng tôi cứ lo là mình không nhảy được. Nếu là ông, ông cũng sẽ bắt đầu lập cập, lóng ngóng và hoảng hốt, và rồi ông nhảy khi thấy thuyền trôi lại gần, và tất nhiên, đúng lúc đó thì nó lại trôi ra xa.” Bà dừng lại lấy hơi. “Judith giúp kéo tôi lên và nhờ vậy mà chúng tôi bắt đầu thân nhau, có phải không nhỉ?”

“Phải, đúng là vậy,” bà Butler nói. “Vội lại, tôi đã rất thích tên thánh của bà. Có vẻ rất hợp.”

“Vâng, tôi nghĩ nó có gốc Hy Lạp,” bà Oliver đáp. “Đó là tên tôi, bà biết đấy. Tôi không nghĩ ra cái tên đó cho mục đích văn chương hay gì cả. Nhưng tôi vẫn chưa gặp chuyện gì kiểu nhân vật Ariadne. Tôi chưa từng bị tình yêu đích thực của mình bỏ rơi trên một hòn đảo Hy Lạp nào hết.”\*

Poirot đưa tay vuốt vuốt ria mép, cố che nụ cười ông không thể kìm nổi khi tưởng tượng cảnh bà Oliver trong vai một tiên nữ Hy Lạp bị bỏ rơi.

“Chúng ta đâu có ai sống giống như tên đâu,” bà Butler nói.

“Đúng là không thật. Tôi không thể mừng tượng nổi cô trong vai một người dám xuống tay cắt cổ người tình. Có phải như thế không

nhỉ, ý tôi là giống như chuyện giữa Judith và Holofernes ấy?”\*

“Vì lòng yêu nước mà cô ấy phải làm thôi,” bà Butler trả lời, “nhờ hành động này, nếu tôi nhớ không nhầm, mà cô ấy được tán dương là anh hùng và tặng thưởng.”

“Tôi không rành tích Judith và Holofernes lắm. Đó là Kinh Ngụy tác, có phải không? Dẫu sao nghĩ lại, đúng là người ta hay đặt cho con mình những cái tên thật kỳ lạ, có phải không? Nhân vật nào đóng đinh vào đầu người khác ấy nhỉ? Jael hay Sisera gì đó. Tôi cũng chẳng nhớ đâu là tên người đàn ông, đâu là tên người phụ nữ nữa. Hình như là Jael. Tôi nhớ không nhầm, có lẽ chưa có đứa trẻ nào được đặt tên thánh là Jael.”

“Bà ấy dâng món bơ trước mặt ông ta trên một chiếc đĩa quý tộc,”\* Miranda bất ngờ đọc lớn câu trích, rồi lại im bặt và ngoan ngoãn dọn khay trà.

“Đừng nhìn tôi,” Judith Butler nói với bạn, “tôi đâu có giới thiệu Kinh Ngụy tác cho con bé. Là chương trình học trên trường của con bé đấy.”

“Nội dung như vậy mà được dạy ở trường học hiện đại thì có hơi bất thường không nhỉ?” bà Oliver nói. “Họ thường dạy những tư tưởng luân thường đạo lý chứ, phải không?”

“Với cô Emlyn thì không đâu ạ,” Miranda góp vào. “Cô ấy hay nói nếu thời bây giờ tụi con đi nhà thờ sẽ chỉ được nghe giảng các phiên bản hiện đại của Kinh thánh thôi, và như vậy thì chẳng còn giá trị văn học gì nữa cả. Tụi con ít nhất nên biết đến bản văn điển xuôi và cả bài thơ không vần của Bản dịch ủy quyền\*. Con thích tích về Jael và Sisera lắm,” cô bé nói thêm, rồi tỏ vẻ suy nghĩ mông lung.

“Tất nhiên làm chuyện khủng khiếp như vậy thì con không bao giờ nghĩ đến. Ý con là đóng đinh vào đầu người khác khi họ đang ngủ ấy.”

“Mẹ cũng mong là không,” mẹ cô bé nói.

“Vậy nếu là cháu thì cháu định đánh bại kẻ thù bằng cách nào, Miranda?” Poirot hỏi.

“Cháu sẽ chọn cách nhẹ nhàng hơn nhiều,” Miranda nói, vẻ suy tư. “Sẽ khó hơn, nhưng con thà làm vậy, vì con không thích phải để ai hay vật gì chịu đau đớn cả. Con sẽ dùng thuốc nào đó giúp người ta chết không đau đớn ấy. Họ sẽ đi ngủ và mơ một giấc mơ thật đẹp, họ chỉ không thức dậy mà thôi.” Cô bé dọn các tách trà, đĩa bánh mì và bơ. “Để con rửa cho, mẹ ạ, mẹ cứ đưa *Me-xù* Poirot ra ngắm vườn nhà mình một chút. Bây giờ vẫn còn hoa hồng Nữ hoàng Elizabeth nở ở vườn sau đấy ạ.”

Dứt lời, cô bé cẩn thận bưng khay trà ra khỏi phòng.

“Thật là một đứa trẻ đặc biệt đến kỳ lạ, Miranda ấy,” bà Oliver nhận xét.

“Bà có cô con gái rất xinh đẹp, *Ma-đam*,” Poirot nói thêm.

“Vâng, bây giờ thì nhìn nó xinh xắn vậy thôi. Ai biết đến khi lớn lên thì tụi nó trông như thế nào chứ. Có nhiều đứa trưởng thành lại bị béo phúng phính, trông như mấy con heo được vỗ béo ấy. Nhưng giờ, giờ thì trông con bé vẫn còn đáng yêu như bé tiên rừng vậy.”

“Cũng không ngạc nhiên khi cô bé thích vườn chím cạnh nhà bà.”

“Đôi khi tôi lại mong con bé đừng có thích chơi ở khu vườn ấy đến thế. Nó cứ lang thang ở mấy nơi hẻo lánh như vậy làm tôi lo, kể

cả khi những chỗ đó gần người hoặc khu dân cư. Ôi, bây giờ người ta lo sợ mọi thứ. Thế nên ông phải sớm tìm ra tại sao chuyện khủng khiếp kia lại xảy đến với Joyce, *Me-xừ* Poirot ạ. Vì chừng nào còn chưa tìm ra được hung thủ tàn ác ấy, thì chúng tôi vẫn không thể an tâm được dù chỉ một phút - ý tôi là ai cũng nơm nớp lo cho con cái của mình. Giờ bà đưa *Me-xừ* Poirot ra thăm vườn trước được không, Ariadne? Tôi sẽ theo ra ngay thôi.”

Đoạn bà chủ nhà dọn hai cái tách và chiếc đĩa còn lại trên bàn vào nhà bếp.

Poirot và bà Oliver ra khỏi căn nhà theo lối cửa sổ cao kiểu Pháp. Giống như bao khu vườn đang độ vào thu, vườn nhà bà Butler vẫn còn giữ lại vài khóm cúc vàng và cúc tây nở rục trên hàng rào, và vài bông hoa hồng Nữ hoàng Elizabeth vẫn còn vươn mình khoe sắc đẹp lộng lẫy. Bà Oliver bước nhanh đến một chiếc ghế đá kê trong vườn, ngồi xuống và ra hiệu Poirot đến ngồi bên cạnh mình.

“Ông nói ông thấy Miranda giống như nữ thần rừng,” bà nói. “Còn Judith thế nào?”

“Tôi thấy tên của Judith phải là Undine mới đúng,” Poirot đáp.

“Một nàng tiên nước, đúng rồi. Phải, trông bà ấy như vừa mới bước lên từ sông Rhine, từ biển cả hoặc một ao nước trong rừng vậy. Mái tóc bà ấy nhìn như vẫn còn ướt nước. Mà trông bà ấy lúc nào cũng rất gọn gàng và chẵn chu, có phải không?”

“Bà Judith còn là một phụ nữ kiêu diễm,” Poirot nhận xét.

“Ông nghĩ sao về con người bà ấy?”

“Tôi chưa có thời gian để suy nghĩ nữa, chỉ mới thấy bà Judith rất xinh đẹp và lời cuốn, và bà ấy đang có chuyện lo lắng trong lòng.”

“Thì, tất nhiên là vậy rồi, có phải không?”

“*Ma-đam*, tôi lại muốn được nghe ý kiến của bà, bà biết hoặc nghĩ gì về bà ấy.”

“Thì, tôi bắt đầu thân thiết với Judith từ lúc trên tàu. Ông biết đấy, ai cũng có vài người bạn thân. Chỉ một hai người thôi. Số còn lại thì, ý tôi là, dù cũng có quý mến nhau các thứ, nhưng không đến mức sẵn sàng cất công vất vả để gặp lại nhau. Chỉ với một hai người mình thực sự quý mến. Judith chính là một trong số ít những người tôi rất muốn gặp lại.”

“Bà không quen bà ấy trước lúc lên tàu?”

“Không.”

“Nhưng hẳn bà có biết bà ấy phần nào?”

“Thì, cũng chỉ những chuyện cơ bản. Bà ấy là góa phụ,” bà Oliver nói. “Chồng mất cũng lâu rồi - anh ta là phi công. Chết trong một tai nạn xe hơi. Một vụ tông xe hàng loạt, tôi không nhầm là vậy, trượt xuống con đường nào đó gần đây tên có chữ M vào một buổi tối, hay đại loại vậy. Cậu ấy mất khiến Judith suy sụp lắm, tôi có thể tưởng tượng được. Hẳn là đau đớn lắm, đến mức không muốn nhắc đến chồng mình.”

“Miranda là con một?”

“Phải. Judith làm thư ký bán thời gian trong vùng, nhưng cô ấy vẫn chưa có công việc cố định.”

“Cô ấy có biết những người sống ở Biệt thự Mỏ Đá không?”

“Ý ông là ông đại tá Colonel già và vợ?”

“Ý tôi là chủ cũ, bà Llewellyn-Smythe có phải không nhỉ?”

“Hình như đúng là vậy. Không nhầm thì tôi có nghe nhắc đến cái tên đó rồi. Nhưng bà ấy mất hai ba năm trước, thế nên tôi không nghe nhiều về bà ấy. Mà những người còn sống vẫn chưa đủ với ông sao?” bà Oliver hỏi, giọng pha chút bực bội.

“Tất nhiên là không,” Poirot đáp. “Tôi còn phải tìm hiểu thêm về những người đã chết và cả mất tích ở trong vùng nữa.”

“Ai mất tích?”

“Một cô *ô-pe*,” Poirot trả lời.

“Ôi thì, mấy cô giúp việc ngoại quốc ấy rất hay bỏ đi biệt tăm, phải không? Ý tôi là, họ tìm cách sang đây, được bao chi phí đi lại, rồi họ đến thẳng bệnh viện luôn vì đang có bầu hoặc để sinh con, rồi thì đặt tên August, hay Hans hay Boris gì gì đó. Hoặc họ sang đây để kết hôn, hay để bám theo một gã người tình nào đó. Tôi đã nghe bạn bè kể nhiều chuyện mà chắc ông không tin nổi! Mấy cô nàng *ô-pe* này, nếu ông may mắn thì sẽ gặp được người giúp việc tuyệt vời, như một món quà trời ban tặng cho những bà mẹ đang phải vật lộn với việc nhà vậy, và gia chủ sẽ không bao giờ muốn họ rời đi, còn không may thì sẽ gặp người ăn trộm đến cả bút tất của ông - hoặc họ bị giết...” Bà dứt lời, rồi chột thốt lên, “ôi!”

“Hãy bình tĩnh lại, *Ma-đam*,” Poirot nói. “Đến giờ vẫn chưa có bằng chứng cho thấy đã có cô *ô-pe* nào bị giết hại cả - thậm chí còn hơi ngược lại.”

“Ý ông ngược lại là sao? Nghe chẳng có lý gì cả.”

“Có thể là có đấy. Cũng như...”

Poirot lôi cuốn sổ của mình ra và ghi chép lại vài dòng.

“Ông đang viết gì vậy?”

“Vài chuyện nho nhỏ trong quá khứ.”

“Ông có vẻ lúc nào cũng rất quan tâm đến quá khứ.”

“Quá khứ là cha của thực tại,” Poirot lên giọng triết lý. Rồi ông đưa cho bà Oliver cuốn sổ.

“Bà có muốn đọc những gì tôi viết không?”

“Tất nhiên là có rồi. Tôi dám cá toàn những thứ vô nghĩa với tôi. Những chuyện mà ông cho là quan trọng đến mức phải ghi chép lại thì tôi lại thường chẳng để tâm.”

Ông mở cuốn sổ nhỏ bìa đen.

“Chết: ví dụ bà Llewellyn-Smythe (giàu có). Janet White (giáo viên). Viên thư ký luật - bị đâm bằng dao, từng bị truy tố tội giả mạo. Bên dưới đó ghi: Cô gái opera mất tích.”

“Cô gái opera là sao?”

“Đó là từ mà bà bạn tôi, chị gái của Spence, dùng để chỉ cô ô-pe mà tôi với bà vẫn nói ấy.”

“Tại sao cô ta lại biến mất?”

“Vì có thể cô ta đang gặp rắc rối với pháp luật.”

Ngón tay của Poirot chỉ xuống dòng tiếp theo, chỉ có đúng chữ “giả mạo”, kèm theo hai dấu chấm hỏi đằng sau.

“Giả mạo?” bà Oliver thắc mắc. “Tại sao lại là giả mạo?”

“Đó chính là câu hỏi mà tôi đã hỏi. Tại sao lại là giả mạo?”

“Giả mạo cái gì mới được?”

“Giả mạo một bản di chúc, hay chính xác hơn là một bản di chúc bổ sung. Một bản bổ sung có lợi cho cô ô-pe ấy.”



“Dùng thủ đoạn uy hiếp?” bà Oliver hỏi.

“Giả mạo là tội nghiêm trọng hơn tội đó một chút,” Poirot đáp.

“Tôi chẳng thấy nó có liên quan gì đến cái chết của cô bé Joyce tội nghiệp cả.”

“Tôi cũng không thấy vậy,” Poirot nói. “Nhưng, thế nên nó mới thú vị.”

“Từ tiếp theo là gì vậy? Tôi đọc không được.”

“Đàn voi.”

“Tôi cũng thấy từ này chẳng liên quan gì cả.”

“Có thể là có,” Poirot trả lời, “tin tôi đi, biết đâu là có.”

Rồi ông đứng dậy.

“Giờ tôi phải đi rồi. Xin cho tôi gửi lời cáo lỗi tới bà chủ nhà vì không chào tạm biệt. Tôi rất vui được gặp bà ấy cùng cô con gái đáng yêu và cá tính nữa. Xin nhắc bà ấy hãy để mắt đến cô bé.”

“Mẹ tôi đã dặn không bao giờ được phép chơi với đám trẻ trong rừng,” bà Oliver dẫn một câu thơ thiếu nhi. “Vậy xin tạm biệt ông. Nếu ông muốn tỏ ra bí ẩn, thì cứ bí ẩn đi. Ông còn chẳng cho tôi biết ông đi những đâu tiếp theo.”

“Tôi đã có hẹn sáng ngày mai gặp Messrs Fullerton, Harrison và Leadbetter ở Medchester.”

“Để làm gì?”

“Để nói về vụ giả mạo và những vấn đề khác.”

“Rồi sau đó?”

“Tôi muốn nói chuyện với một số người cũng có mặt ở đó.”

“Ở bữa tiệc?”

“Không - lúc chuẩn bị bữa tiệc.”



## CHƯƠNG 12

Văn phòng của Fullerton, Harrison và Leadbetter là tòa nhà kiểu mẫu của một hãng luật truyền thống đáng kính. Bàn tay thời gian đã để lại ít nhiều thay đổi. Không còn người nhà Harrison và Leadbetter trong đội ngũ lãnh đạo, thay vào đó là một người tên Atkinson và một anh chàng tên Cole trẻ tuổi, và thành viên sáng lập nay chỉ còn Jeremy Fullerton.

Dáng người mảnh khảnh, gương mặt không cảm xúc, vị luật sư lớn tuổi Fullerton sở hữu giọng nói đều đều lạnh lùng và đặc biệt đôi mắt sáng tinh anh. Bên dưới bàn tay ông là một tờ thư nhắn mà ông mới lướt qua vài chữ. Rồi ông đọc lại lần nữa, đánh giá chính xác ý nghĩa của từng câu từng chữ, đoạn ngẩng lên nhìn người đàn ông mới đưa cho mình tờ giấy đó.

“*Me-xi* Hercule Poirot?” Fullerton hỏi, lạnh lẽo quan sát và đánh giá vị khách. Một người đàn ông lớn tuổi, người nước ngoài. Phục trang rất bảnh bao, nhưng có vẻ không hợp lắm với đôi giày da bóng lộn mà theo con mắt tinh tường của ông Fullerton, hình như hơi chật với chân chủ nhân. Phía đuôi mắt của vị khách ánh lên vài tia đau đớn khó chịu, dù rất kín đáo. Một gã ngoại quốc đĩnh đạc, ăn vận

bánh chọe, nhưng lại được chính điều tra viên Raglan từ Cục điều tra hình sự Anh Quốc giới thiệu, chưa kể còn do đích thân thanh tra Spence (đã về hưu), từng làm việc ở Scotland Yard đứng ra bảo lãnh.

“Thanh tra Spence cơ à?” ông Fullerton hỏi.

Fullerton biết Spence. Một vị thanh tra từng lập được nhiều chiến công khi còn tại chức và được cấp trên coi trọng. Những kỷ ỨC cũ đã phai nhạt chột dọi về. Một vụ án nổi tiếng, thực sự xuất sắc hơn về ngoài, một vụ án tưởng như đã giải quyết xong xuôi. Tất nhiên rồi! Rồi ông nhớ ra là cháu trai của mình, Robert có liên quan đến nó, với tư cách luật sư tư vấn hỗ trợ. Một kẻ giết người điên loạn, khi ấy có vẻ là vậy, hấn còn không thềm cố gắng thanh minh bảo vệ bản thân, khiến cho người khác tưởng hấn rất muốn được treo cổ (bởi mức hình phạt cho tội danh đó chắc chắn sẽ là treo cổ). Không phải là thụ án mười lăm năm hay chung thân. Không. Kẻ thủ ác phải trả giá đúng với tội ác hấn gây ra, thật tiếc bây giờ người ta đã bỏ mức án này, ông Fullerton lạnh lùng nghĩ. Thế nên những tay côn đồ trẻ tuổi ngày nay nghĩ rằng chúng chẳng chịu mấy rủi ro khi hành hung người khác đến mức gây chết người. Một khi nạn nhân đã chết rồi, thì sẽ chẳng còn nhân chứng nào nhận diện chúng.

Spence đã nhận thụ lý vụ án, một tay làm lì ít nói và hết sức cứng đầu, luôn khẳng khẳng rằng cảnh sát đã bắt sai thủ phạm. Hóa ra đúng là họ bắt nhầm người thật, và người có công tìm ra chứng cứ bắt sai người là một gã ngoại quốc tay mơ nào đó. Một gã thám tử nghỉ hưu từ lực lượng cảnh sát Bỉ. Đó là một thời kỳ huy hoàng đã qua. Và giờ đây - tuy đầu óc không còn minh mẫn, Fullerton nghĩ,

nhưng mình vẫn sẽ phải cân nhắc hết sức thận trọng. Thông tin, người ta muốn ông cung cấp thông tin. Nhưng xét cho cùng, ông không thể nào cung cấp chúng bừa bãi được, nhất là ông không thể hình dung mình có bất cứ thông tin gì hữu dụng trong trường hợp đặc biệt này. Vụ hạ sát một đứa trẻ.

Ông Fullerton tin rằng mình có thể đoán khá chính xác kẻ xuống tay hạ sát nạn nhân, nhưng không chắc chắn hoàn toàn, vì ít nhất có ba người trong diện tình nghi. Cả ba người trẻ sống lười biếng và buông thả này đều có thể là thủ phạm. Các cụm từ hiện lên trước mắt ông. *Thần kinh chậm phát triển*. Bản giám định của chuyên gia tâm thần. Và thế là cả vụ án sẽ kết thúc ở đó, chắc chắn rồi. Dù sao đi chăng nữa, hành động dìm chết một đứa trẻ giữa một bữa tiệc hoàn toàn khác với những trường hợp thường gặp, như một học sinh không trở về nhà giờ tan học sau khi đi nhờ xe người lạ, dù chúng luôn được căn dặn là không được phép làm vậy, hay như vụ một nạn nhân được tìm thấy ở gần một bãi trồng cây hay mỏ đá gì đó. À, là mỏ đá. Chuyện đó xảy ra là khi nào nhỉ? Đã nhiều năm trước rồi.

Sau vài phút suy nghĩ, ông Fullerton mới lớn tiếng hắng giọng như người bị bệnh hen, và mở lời:

“*Me-xê* Hercule Poirot, tôi có thể giúp gì cho ông đây? Tôi đoán là việc có liên quan đến cô bé Joyce Reynolds. Một chuyện thật khủng khiếp, hết sức khủng khiếp. Tôi không hiểu mình có thể giúp gì cho ông. Thực tình tôi không rành lắm về vụ việc này.”

“Nhưng tôi không nhầm thì ông là luật sư cố vấn pháp lý cho nhà Drake?”

“À, phải, đúng vậy. Hugo Drake, ông bạn tội nghiệp. Một người tử tế. Tôi quen biết gia đình họ nhiều năm rồi, kể từ khi họ mua ngôi nhà Vườn Táo và chuyển đến sống ở đây. Đáng buồn là sau đó ông ấy bị bệnh viêm tủy, mắc phải khi đi nghỉ mát ở nước ngoài một năm. Nó khiến tinh thần ông ấy suy sụp, tất nhiên, còn thể chất thì vẫn bình thường. Đáng tiếc ở chỗ căn bệnh này lại xảy đến với một người vốn là vận động viên cừ khôi, một nhà thể thao, chơi các môn rất giỏi. Đúng vậy. Thật khủng khiếp khi biết rằng mình sẽ tụt nguyên cả đời.”

“Tôi không nhằm ông cũng phụ trách công việc pháp lý của bà Llewellyn-Smythe?”

“Bà, cô, vâng. Quả thực là một phụ nữ tuyệt vời. Bà ấy chuyển đến đây sống khi sức khỏe suy yếu, để gần gũi cháu trai và cháu dâu. Mua hẳn miếng đất to bự làm Biệt thự Mỏ Đá. Thậm chí còn trả giá cao hơn cả giá thực của nó - nhưng tiền không phải là vấn đề với bà ấy. Bà Llewellyn-Smythe rất giàu có. Lẽ ra bà ấy có thể mua một căn nhà lộng lẫy hơn thế, nhưng bà lại thích thú với cái mỏ đá. Từ đó xây nên một khu vườn cảnh quan rộng lớn, anh chàng làm vườn có vẻ rất có nghề, tôi thấy thế. Một anh chàng điển trai, tóc lãng tử, nhưng tay nghề của anh ta cũng khá lắm. Khu vườn mỏ đá anh ta xây rất đẹp. Nhờ vậy mà anh ta có chút tiếng tăm, được ca ngợi trên báo *Nhà và Vườn* và các tạp chí lĩnh vực ấy. Phải, bà Llewellyn-Smythe rất biết chọn mặt gửi vàng. Chứ không phải là kiểu bao nuôi trai trẻ của các quý bà. Giờ có nhiều bà tuy lớn tuổi mà ngốc nghếch như vậy lắm, nhưng anh chàng này là người có đầu óc và là thợ làm vườn tài hoa bậc nhất. Tôi lại nói linh tinh lạc

đề rồi. Bà Llewellyn-Smythe mất đã được gần hai năm.”

“Mất khá đường đột.”

Fullerton nhìn xoáy vào Poirot:

“Chuyện đó thì, không, tôi không cho là thế. Bà ấy đã gặp vấn đề về tim và các bác sĩ đã cố gắng khuyên can bà đừng làm việc quá sức, nhưng bà Llewellyn-Smythe không phải là người chịu nghe lời. Bà ấy không phải kiểu người hay lo lắng cho sức khỏe bản thân,” ông luật sư ho một tràng rồi nói tiếp. “Nhưng hình như chúng ta đang đi xa dần khỏi chủ đề ban đầu đã đưa ông đến đây tìm tôi.”

“Không hẳn vậy,” Poirot đáp, “dẫu sao thì, nếu được, tôi cũng xin hỏi ông vài câu hỏi về một chủ đề hoàn toàn khác. Một vài thông tin về một trong các nhân viên của ông, tên là Lesley Ferrier.”

Ông Fullerton tỏ vẻ ngạc nhiên, hỏi lại: “Lesley Ferrier sao? Lesley Ferrier. Để tôi xem nào. Thành thực mà nói, tôi đã gần quên tên cậu ta rồi đấy. Phải, phải rồi, tất nhiên. Bị đâm chết bằng dao, có phải không?”

“Đó chính là người tôi muốn hỏi.”

“Thì, tôi không biết mình có thể kể gì với ông về cậu ta. Chuyện xảy ra cũng đã vài năm rồi. Bị đâm chết bằng dao gần quán Thiên Nga Xanh vào ban đêm. Không ai bị bắt cả. Tôi dám cá cảnh sát đã đoán ra ai là thủ phạm, nhưng tôi nghĩ vấn đề chủ yếu là bằng chứng.”

“Động cơ là do tình cảm?” Poirot hỏi.

“Ồ, phải, tôi tin chắc là vậy. Ghen tuông, ông biết đấy. Cậu ta khi ấy qua lại với một phụ nữ đã có chồng. Chồng bà ta sở hữu một

quán rượu. Quán Thiên Nga Xanh ở Woodleigh Common. Một quán cũng khá lắm. Thế rồi hình như chàng trai trẻ Lesley bắt đầu dính dáng đến một phụ nữ trẻ khác - mà thậm chí người ta đồn không chỉ một người. Cậu ta cũng thuộc dạng sát gái. Thỉnh thoảng cũng gây ra vài vụ lùm xùm.”

“Ông có hài lòng với cậu ta trong công việc không?”

“Tôi chỉ có thể đánh giá là không đến mức không hài lòng. Cậu Lesley đó cũng có những điểm mạnh. Chăm sóc khách hàng tốt và đang học hỏi thêm về các hợp đồng, và giá như cậu ta chịu chú tâm hơn vào sự nghiệp và tiếp tục giữ thái độ làm việc tích cực, thì có lẽ đã tốt hơn, thay vì đi vương vào rắc rối với hết cô này đến cô khác. Mà đa số các cô gái này, theo tiêu chuẩn hơi cổ hủ một chút của tôi, thì đều dưới tầm của Lesley cả. Đêm đó ở Thiên Nga Xanh có xảy ra cãi vã, và Lesley Ferrier bị đâm chết trên đường về nhà.”

“Vậy theo ông, là do một trong các cô người tình, hay do bà chủ Thiên Nga Xanh?”

“Thú thực, trong vụ này chẳng có gì là chắc chắn cả. Tôi thấy cảnh sát rõ ràng đã coi đây là một vụ do ghen tuông - nhưng...” Ông Fullerton nhún vai.

“Nhưng ông không chắc chắn?”

“Ồ, chuyện như thế này xảy ra suốt. Có câu ‘Không gì nguy hiểm hơn một người đàn bà bị ruồng rẫy’. Câu đó rất hay được trích dẫn ở tòa. Và nó đúng trong một số trường hợp.”

“Nhưng theo tôi thấy thì bản thân ông không tin nó đúng trong vụ này.”

“À, nếu là tôi thì tôi sẽ tìm thêm bằng chứng. Cảnh sát họ cũng



muốn thu thập thêm bằng chứng để xác minh. Nhưng tôi đoán ủy viên công tố đã gạt phắt.”

“Vụ án cũng có thể có nguyên do khác?”

“Ồ, tất nhiên. Có thể có nhiều giả thiết khác nhau. Cậu Ferrier đó cũng không phải kiểu người hiền lành thích yên ổn. Được nuôi nấng cẩn thận. Có một bà mẹ tử tế, một góa phụ. Nhưng người cha lại hay sinh sự. Suốt ngày gây rối, nhưng may mắn mấy lần thoát nạn trong gang tấc. Cũng tội cho bà vợ. Người ta nói con trai lớn lên thế nào cũng giống cha. Cậu ta từng một vài lần giao du với đám bạn đáng ngờ. Nhưng lúc ấy tôi vẫn muốn cho cậu ta cơ hội. Cậu ta còn trẻ người non dạ. Dù sao tôi đã vài lần cảnh báo Ferrier, rằng cậu ta đang tự chui đầu vào những chuyện rắc rối không hay. Dính líu quá sâu với những giao dịch phi pháp vụn vặt. Thành thực mà nói, nếu không vì bà mẹ thì tôi đã chẳng giữ cậu ta. Ferrier còn trẻ, có năng lực; tôi từng cảnh cáo cậu ta một hai lần, hy vọng có thể khiến cậu ta tỉnh ngộ. Nhưng con người ngày nay có quá nhiều thói hư tật xấu. Mười năm nay càng ngày càng nhiều.”

“Ông nghĩ hẳn ai đó đã tiêm nhiễm những thói xấu cho cậu ta?”

“Cũng có thể lắm. Mấy mối quen biết đó, nếu gọi là băng nhóm thì hơi cường điệu, nhưng nếu ai có dính dáng tới họ thì khó tránh khỏi gặp nguy hiểm. Chỉ cần họ nghi ngờ mình bán đứng họ thì bị lãnh một nhát dao giữa ngực cũng chẳng có gì lạ.”

“Không ai chứng kiến chuyện đã xảy ra sao?”

“Không. Không có nhân chứng nào cả. Tất nhiên họ sẽ không để ai nhìn thấy. Kẻ nào xuống tay chắc chắn cũng đã được thu xếp chạy tội sạch sẽ. Được tạo chứng cứ ngoại phạm đúng nơi đúng

lúc, vân vân và vân vân.”

“Nhưng lỡ đâu có ai đó đã chứng kiến thì sao. Một người không ai ngờ đến. Một đứa trẻ chẳng hạn.”

“Vào đêm muộn sao? Ở quanh khu quán Thiên Nga Xanh? Khả năng đó khó lắm, *Me-xù* Poirot ạ.”

“Một đứa trẻ,” Poirot vẫn kiên quyết, “có thể vẫn còn nhớ. Một đứa trẻ đang từ nhà bạn về chẳng hạn. Hoặc có thể ở ngay gần nhà. Cô bé có thể vô tình đi qua con đường mòn và nhìn thấy mọi chuyện qua hàng rào.”

“Quả thực, *Me-xù* Poirot à, ông có trí tưởng tượng rất phong phú. Ông toàn đưa ra những khả năng tôi thấy khó xảy ra nhất.”

“Tôi lại không thấy khó xảy ra,” Poirot đáp. “Trẻ con thường hay vô tình nhìn thấy nhiều chuyện, ông thấy đấy, chúng rất hay có mặt ở những nơi không ai ngờ tới.”

“Nhưng ông có chắc khi về nhà, chúng có thể hiểu những gì mình chứng kiến không?”

“Có thể là không,” Poirot nói. “Ông thấy đấy, chúng có thể không hiểu mình vừa nhìn thấy gì. Nhất là nếu như chuyện đó hơi đáng sợ trong mắt chúng. Trẻ con chẳng mấy khi kể những tai nạn chúng gặp trên đường, các vụ đụng độ bất ngờ khi chúng về nhà cả. Bọn trẻ giữ bí mật rất tốt. Đôi khi chúng lại thích cảm giác mình biết một bí mật nào đó, một bí mật giữ riêng cho mình.”

“Chúng phải kể với mẹ chúng chứ,” ông Fullerton nói.

“Tôi không chắc lắm. Theo kinh nghiệm cá nhân, trẻ con giấu mẹ chúng rất nhiều chuyện đấy.”

“Tôi có thể hỏi điều gì khiến ông lại quan tâm đến vụ Lesley Ferrier này đến vậy không? Cái chết đáng tiếc của một chàng trai trẻ do hành vi bạo lực đang trở nên phổ biến trong xã hội ngày nay sao?”

“Tôi không quen biết Lesley Ferrier. Nhưng tôi muốn tìm hiểu, vì cái chết của cậu ta là vụ bạo lực nghiêm trọng xảy ra trong vài năm gần đây. Biết đâu nó lại là chi tiết quan trọng cho tôi.”

“Ông Poirot ạ,” ông Fullerton nói, giọng hơi gay gắt. “Tôi thực sự vẫn không hiểu tại sao ông lại tìm đến tôi, và cũng không biết ông muốn gì. Chẳng lẽ ông lại nghi ngờ có mối liên hệ giữa hai cái chết của Joyce Reynolds và của một chàng trai trẻ triển vọng nhưng lại có dính líu đến các hoạt động phạm pháp cách đây vài năm?”

“Tôi nghi ngờ mọi thứ,” Poirot đáp. “Tôi phải đào sâu hơn nữa.”

“Xin thứ lỗi, nhưng điều quan trọng nhất khi giải quyết các vụ tội phạm là chứng cứ.”

“Chắc ông đã nghe chuyện một vài nhân chứng kể lại cô bé Joyce xấu số từng nói rằng cô bé đã tận mắt chứng kiến một vụ giết người.”

“Ở một nơi như thế này,” ông Fullerton nói, “thì người ta có thể nghe nhiều tin đồn qua lại. Nhưng cũng xin được nói thêm, là những chuyện đồn đại thời phòng như vậy thường không đáng tin cậy.”

“Điều ông nói,” Poirot trả lời, “cũng không sai. Dẫu sao, như tôi tìm hiểu, Joyce chỉ mới 13 tuổi. Một đứa trẻ chín tuổi có thể ghi nhớ những gì mình thấy - ví như một vụ đâm xe chết người rồi bỏ chạy, một vụ ẩu đả bằng dao trong đêm tối, hoặc một giáo viên bị siết cổ - tất cả những sự vụ này đều có thể để lại ấn tượng trong đầu óc

một đứa trẻ, đến nỗi cô bé không thể nói ra, không dám tin vào những gì mình đã chứng kiến, và cứ nghĩ đi nghĩ lại trong đầu. Rồi sau đó, cũng có khả năng cô bé dần quên lãng cho đến khi có một chuyện khác xảy ra và gợi nhắc lại chuyện cũ cho cô bé. Ông nghĩ có khả năng như vậy không?”

“Ồ vâng, phải, nhưng tôi không... tôi nghĩ khả năng đó cực kỳ khó xảy ra.”

“Tôi không nhầm thì ở đây cũng từng xảy ra vụ mất tích của một cô gái ngoại quốc. Tên cô ấy hình như là Olga hay Sonia gì đó - tôi không chắc lắm họ gì.”

“Olga Seminoff. Phải, đúng vậy.”

“Tôi e rằng cô ấy không phải là người đáng tin cậy?”

“Không.”

“Cô ấy là người chăm sóc hay phục vụ cho bà Llewellyn-Smythe, có phải không? Cô của bà Drake...?”

“Phải. Bà Llewellyn-Smythe đã từng thuê vài cô gái cho vị trí chăm sóc ấy - còn có hai cô khác cũng là người nước ngoài, nếu tôi không nhầm, một cô thì không hòa hợp với bà ấy ngay từ đầu, cô còn lại thì rất hiền lành tử tế, nhưng khờ khạo đến mức không thể chấp nhận được. Bà Llewellyn-Smythe lại không phải là người chịu đựng được những người ngu ngốc. Olga là cô gái cuối cùng bà ấy quyết định thuê. Cô gái ấy nếu tôi nhớ chính xác thì cũng không phải là người nhan sắc nổi trội,” ông Fullerton nói. “Cô ta thấp, dáng người hơi đậm, cử chỉ cứng nhắc, và hàng xóm láng giềng cũng không ưa cô ta cho lắm.”

“Nhưng bà Llewellyn-Smythe quý mến cô gái,” Poirot gợi chuyện.

“Bà ấy rất quẩn quýt cô ta - đến mức có vẻ không tỉnh táo cho lắm khi đó.”

“À, quả thực là vậy.”

“Tôi tin là,” ông Fullerton nói, “những gì tôi đang nói đây ông đều đã nghe qua rồi. Những chuyện kiểu này ở đây, như tôi đã nói đấy, lan nhanh như đám cháy vậy.”

“Tôi được biết bà Llewellyn-Smythe đã để lại một khoản tiền lớn cho cô gái ấy.”

“Một quyết định hết sức bất ngờ,” ông Fullerton nhận xét. “Bà Llewellyn-Smythe trong nhiều năm trước đó chưa từng thay đổi nội dung cơ bản của tờ di chúc, ngoại trừ bổ sung thêm một số điều khoản hoặc sửa lại một số tài sản để lại sau khi chết. Có lẽ chuyện tôi nói đây ông cũng đã biết rồi, nếu đúng là ông có quan tâm đến nó. Tiền của bà Llewellyn-Smythe từ lâu luôn được chỉ định thành một khoản thừa kế chung cho người cháu trai, Hugo Drake, và vợ, cũng là chị họ của ông ta, và là cháu gái của bà Llewellyn-Smythe. Nếu một trong hai người qua đời, thì số tiền ấy sẽ dành cả cho người còn lại. Cũng có rất nhiều vật dụng được chia cho các quỹ từ thiện và những người giúp việc lâu năm. Nhưng trước khi bà ấy chết ba tuần bỗng việc chia tài sản bị điều chỉnh lần cuối cùng, và không như từ trước đến nay, lần này không do hăng luật của chúng tôi soạn thảo. Bản di chúc được bổ sung thêm một điều khoản do bà ấy viết tay, trong đó chỉ bao gồm một hai quỹ từ thiện - chứ không còn là nhiều quỹ như trước - các gia nhân lâu năm không được hưởng bất cứ thứ gì, và toàn bộ phần còn lại của gia tài khổng lồ ấy được trao cho Olga Seminoff, để tri ân công sức phụng sự tận tụy và tình

cảm cô ta dành cho bà Llewellyn-Smythe. Một quyết định thay đổi hết sức bất ngờ, không hề giống những gì bà Llewellyn-Smythe từng làm trước đó.”

“Và sau đó?” Poirot hỏi.

“Ông hẳn đã nghe ít nhiều về câu chuyện diễn ra sau đó. Từ kết quả giám định của các chuyên gia về chữ viết tay, vụ việc trở nên sáng tỏ, bản đồ sung đó hoàn toàn là giả mạo. Nó chỉ có vài điểm tương đồng với chữ viết tay của bà Llewellyn-Smythe, chỉ vậy thôi. Bà Smythe vốn không thích máy đánh chữ nên thường xuyên nhờ Olga viết thư có nội dung riêng tư cho mình, và không chỉ bắt chước chữ viết của gia chủ, cô ta đôi khi thậm chí còn ký thay cho bà ấy nữa. Cô gái đó đã có nhiều cơ hội thực hành. Có vẻ khi bà Llewellyn-Smythe chết, cô ta đã quyết định đi xa hơn thế và nghĩ rằng mình đủ khả năng ngụy tạo chữ viết tay của chủ mà không ai nhận ra. Nhưng hành vi ấy không qua mắt được các chuyên gia chữ viết tay. Không, tất nhiên là không.”

“Các thủ tục pháp lý chống lại bản di chúc đó đã bắt đầu được chuẩn bị?”

“Đúng vậy. Tất nhiên luôn có một khoảng thời gian chậm trễ nhất định trước khi hồ sơ vụ án ra được đến tòa. Trong khoảng thời gian đó, cô gái trẻ đã quá sợ hãi và, thì như ông nói, cô ta biến mất.”



## CHƯƠNG 13

Sau khi Hercule Poirot chào tạm biệt và rời đi, Jeremy Fullerton ngồi lại bên bàn làm việc của mình, nhip nhip ngón tay. Đôi mắt ông nhìn xa xăm, tâm trí chìm đắm trong suy nghĩ.

Ông lấy ra một hồ sơ đặt trước mặt, nhìn qua một lượt, nhưng ánh mắt không tập trung vào chữ viết trên giấy. Điện thoại đồ chuông dè dặt, Jeremy Fullerton nhắc máy.

“Tôi nghe đây, cô Miles?”

“Ông Holden đang ở đây, thưa ngài.”

“À phải. Phải rồi, cuộc hẹn với ông ấy, tôi không nhầm thì nó phải từ bốn lăm phút trước chứ. Ông ấy có nói lý do tại sao đến muộn vậy không?... Rồi, được rồi. Tôi hiểu rồi. Cũng y như những lý do lần trước của ông ấy. Cô hãy nói với ông Holden là tôi đã gặp một khách hàng khác, và giờ tôi không còn nhiều thời gian. Hãy đặt lịch hẹn với ông ta vào tuần sau, được không? Chúng ta không thể chấp nhận hành vi như vậy cứ tái diễn suốt được.”

“Vâng, thưa ông Fullerton.”

Đặt ống nghe xuống, vị luật sư nhìn chăm chăm vào hồ sơ trước mặt. Nhưng ông vẫn không hề đọc một chữ nào trong ấy. Tâm trí

ông bắt đầu trở về quá khứ. Chuyện từ hai năm trước - gần hai năm trước mới đúng - và rồi gã đàn ông nhỏ thó kỳ lạ tới gặp ông sáng nay, cặp ria mép lớn trên khuôn mặt và chân đi đôi giày da sơn bóng, lôi lại những chuyện cũ ngày xưa, và hỏi ông cả tá câu hỏi.

Giờ tâm trí lại đưa ông về cuộc trò chuyện gần hai năm trước.

Ngồi trên ghế đối diện với ông là một cô gái, dáng người thấp đậm - làn da nâu rám nắng, đôi môi dày đỏ sậm, xương gò má nhô cao và đặc biệt là cái nhìn mãnh liệt của đôi mắt xanh dưới cặp lông mày thẫm chiều thẳng vào mắt ông. Một gương mặt dữ dội, nồng nhiệt, gương mặt của một người đã nếm mùi đau khổ - có lẽ cả đời chỉ biết đến đau khổ - nhưng không chịu khuất phục. Một phụ nữ sẵn sàng chiến đấu và sẽ tiếp tục đấu tranh cho đến cùng. Không biết cô gái ấy giờ này ở đâu, ông thắc mắc? Bằng cách nào cô ta đã làm được chuyện đó... nhưng chính xác là làm được gì? Ai đã giúp cô ta? Liệu có ai giúp cô ta không? Hẳn phải có người giúp.

Ông đoán giờ này cô ta đã quay về xó xỉnh ngập tràn tệ nạn nào đó ở Trung Âu, nơi cô sinh ra, đó mới là chỗ của cô, chẳng còn con đường nào khác cho một cô gái như vậy, trừ khi cô chấp nhận đánh mất tự do.

Là người luôn một lòng bảo vệ luật pháp, Jeremy Fullerton tin tưởng tuyệt đối vào luật pháp. Ông luôn khinh bỉ những quan tòa chỉ dám đưa ra những bản án yếu ớt, khinh bỉ khi họ tin rằng con người chỉ cần được giáo dục ý thức tốt. Từ cậu học sinh ăn trộm sách, những cô gái trẻ đã có chồng chôm đồ ở siêu thị, các cô gái ăn cắp tiền của ông bà chủ, hay những anh chàng phá bót điện thoại, tất cả đều không túng quẫn, tất cả đều không tuyệt vọng đến mức đó. Mà



ngược lại, đa số họ là những người từ bé đến lớn quen được chiều chuộng quá đà, và quen thói tin rằng mọi thứ họ muốn nếu không đủ sức mua về thì có thể lấy cắp. Tuy nhiên, ông Fullerton không chỉ có niềm tin vào việc quản lý xã hội bằng luật pháp một cách công bằng, ông cũng là người có lòng trắc ẩn. Đôi khi ông cũng thấy động lòng trước hoàn cảnh của người khác. Ông đã thực sự thương cảm cho Olga Seminoff, dù ông không mấy lung lay trước những lý lẽ hùng hồn mà cô ta đưa ra.

“Tôi tìm đến ông xin giúp đỡ. Tôi nghĩ ông sẽ giúp tôi. Năm ngoái ông đã rất tử tế. Ông đã giúp tôi làm giấy tờ để tôi có thể ở lại nước Anh thêm một năm nữa. Và họ nói với tôi: ‘Cô không cần phải trả lời bất cứ câu hỏi nào mà cô không muốn. Cô có thể được đại diện bởi một luật sư’. Vậy nên tôi tìm đến ông.”

“Các lý lẽ cô vừa nêu...” Ông Fullerton vẫn nhớ mình đã cố gắng lạnh nhạt trả lời, để che giấu cảm giác thương hại trong lòng, “không phù hợp trong trường hợp này. Ở đây tôi không được phép đứng ra đại diện cho cô về mặt pháp lý. Tôi đã là luật sư đại diện cho gia đình nhà Drake rồi. Như cô đã biết, tôi là luật sư riêng của bà Llewellyn-Smythe.”

“Nhưng bà ấy đã mất rồi. Bà ấy đâu cần một luật sư khi đã qua đời.”

“Bà ấy đã rất quý mến cô,” ông Fullerton nói.

“Đúng vậy, bà ấy rất mến tôi. Chính là điều tôi muốn nói với ông đấy. Chính vì thế nên bà ấy mới muốn để lại gia tài cho tôi.”

“Toàn bộ gia tài ư?”

“Tại sao lại không? Tại sao lại không chứ? Bà ấy đâu có thích

những người họ hàng kia.”

“Cô làm rồi. Bà Llewellyn-Smythe cũng rất quý mến cháu trai và cháu dâu.”

“Nếu ông đã nói vậy, thì đúng, có lẽ bà ấy thương ông Drake, nhưng không hề thích bà Drake. Bà ấy thấy cháu dâu rất khó chịu. Bà Drake luôn can thiệp vào mọi thứ, và không để cho bà Llewellyn-Smythe làm những gì bà ấy muốn, thậm chí còn không cho bà ấy ăn những món ưa thích.”

“Bà Drake là người hết sức chu đáo, bà ấy chỉ cố gắng giữ cho cô của mình ăn uống đúng như lời dặn của bác sĩ và không làm việc nặng quá nhiều, cùng nhiều chỉ định khác nữa.”

“Không phải ai cũng muốn làm theo lời dặn của bác sĩ. Họ cũng không muốn bị họ hàng xen vào việc của mình. Họ muốn sống cuộc sống riêng, làm những gì mình thích và sở hữu những thứ mình thích. Bà Llewellyn-Smythe có rất nhiều tiền. Lẽ ra bà ấy có thể có mọi thứ bà muốn chứ! Lẽ ra bà ấy muốn bao nhiêu thì có bấy nhiêu chứ. Bà ấy rất giàu - rất giàu, nên lẽ ra bà ấy có thể dùng tiền để làm những gì mình muốn. Hai người đó cũng có cuộc sống đầy đủ rồi, ông bà Drake ấy. Họ đã có một ngôi nhà đẹp, quần áo lượt là và hai chiếc xe hơi. Họ sống rất sung túc ấy chứ. Tại sao họ lại muốn có thêm nữa?”

“Ông bà Drake là những người họ hàng còn sống duy nhất của bà Llewellyn-Smythe,” luật sư Fullerton nhắc.

“Nhưng bà ấy muốn trao tài sản cho tôi. Bà ấy thương tôi, biết tôi đã trải qua những gì. Bà ấy biết cha tôi bị cảnh sát bắt và đưa đi. Mẹ tôi và tôi chưa từng được gặp lại ông ấy. Và rồi cả chuyện mẹ tôi

chết như thế nào nữa. Gia đình tôi đều đã chết hết. Tôi đã phải trải qua những điều kinh khủng ấy. Ông không biết cuộc sống trong một đất nước do cảnh sát kiểm soát thì như thế nào đâu, và tôi đã từng phải nếm trải nó. À không, không, ông về phe cảnh sát mà. Ông đâu có ở phía của tôi.”

“Không,” ông Fullerton đáp, “tôi không đứng về phía cô. Tôi lấy làm tiếc vì những gì đã xảy đến với cô, nhưng rắc rối lần này là do cô tự chuốc lấy.”

“Không hề! Tôi không hề làm điều gì sai trái cả. Tôi đã làm gì nào? Tôi đã đối xử rất tốt với bà ấy, tôi đã rất tử tế với bà ấy. Tôi đã đem cho bà ấy rất nhiều thứ mà bà ấy không được ăn. Sôcôla và bơ. Bà Llewellyn-Smythe toàn phải ăn bơ thực vật. Mà bà ấy thì không thích chút nào. Bà ấy muốn ăn bơ sữa. Bà ấy muốn ăn rất nhiều bơ.”

“Vấn đề ở đây không chỉ là món bơ,” ông Fullerton đáp.

“Tôi đã chăm sóc cho bà ấy, tôi đã đối đãi rất tốt! Vậy nên bà ấy biết ơn tôi. Và rồi khi bà mất, tôi phát hiện ra bà chủ vì tình cảm quý mến tôi và tấm lòng nhân hậu của bà, đã ký một tờ giấy trao lại toàn bộ tài sản cho tôi, thế rồi vợ chồng nhà Drake xuất hiện và nói rằng tôi đừng mơ có được nó. Họ dùng đủ lời lẽ, nói tôi đã dụ dỗ bà chủ, rồi còn lăng mạ tôi kinh khủng hơn thế nữa. Kinh khủng hơn rất nhiều. Họ nói là tôi tự viết tờ di chúc ấy. Thật hết sức vô lý. Chính bà ấy đã viết nó. Chính bà ấy đã tự tay viết. Rồi bà ấy bảo tôi ra ngoài, và cho gọi bà quét dọn và anh Jim làm vườn. Bà bảo họ phải ký vào tờ giấy, không phải tôi. Vì tôi sẽ được nhận số tiền ấy. Tại sao lại không chứ? Chẳng lẽ tôi không được phép có được chút may mắn,

hạnh phúc nào trong cuộc đời sao? Mọi thứ tưởng như hết sức tuyệt vời. Khi biết tin tôi đã nghĩ ra bao nhiêu dự định với món tiền.”

“Điều đó thì tôi không nghi ngờ, vâng, hẳn là thế.”

“Chẳng lẽ tôi không được phép có kế hoạch dùng tiền sao? Chẳng lẽ tôi không được vui mừng? Tôi sắp được sống hạnh phúc, giàu có và có mọi thứ tôi muốn. Tôi đã làm sai điều gì sao? Không hề. Tôi không làm điều gì sai trái cả, tôi nói để ông hay. Không hề.”

“Tôi đã cố gắng giải thích cho cô hiểu,” ông Fullerton nói.

“Toàn là những lời nói dối. Ông nói rằng tôi nói dối. Ông nói tôi tự viết bản di chúc ấy. Tôi không hề viết nó. Là bà ấy viết. Không ai có thể nói gì khác”

“Có một số người đã lên tiếng đấy,” ông Fullerton đáp. “Giờ cô nghe cho rõ đây. Hãy ngưng tranh cãi và nghe kỹ lời tôi nói. Trong những lần cô viết thư giúp bà Llewellyn-Smythe, bà ấy thường yêu cầu cô bắt chước chữ viết tay của bà giống nhất có thể, đúng không? Bởi vì bà ấy vẫn giữ suy nghĩ cổ hủ rằng gửi thư đánh máy cho bạn bè hay người thân quen là một hành động thiếu quan tâm và thô lỗ. Đó là cách nghĩ lạc hậu từ thời Victoria. Ngày nay chẳng ai buồn bận tâm họ nhận được thư viết tay hay thư đánh máy nữa. Nhưng với bà Llewellyn-Smythe thì như thế là bất lịch sự. Cô có hiểu ý tôi nói không?”

“Có, tôi hiểu. Và đúng là bà ấy có yêu cầu tôi như vậy. Bà ấy nói: ‘Này, Olga, đây là bốn bức thư mà tôi đã dặn cô trả lời giúp tôi, cô cũng đã ghi tắt lại ý tôi muốn nói. Nhưng cô sẽ phải viết tay, và cô sẽ phải viết cho giống nét chữ của tôi nhất.’ Và thế là bà ấy bảo tôi tập bắt chước chữ viết tay của bà, để ý cách viết chữ a, và chữ b, và

chữ I, và tất cả những chữ khác. Bà nói: ‘Miễn là các chữ ấy giống như nét tôi viết là được, rồi cô có thể ký tên thay tôi vào đó. Tôi không muốn mọi người nghĩ tôi không thể tự viết thư được nữa. Mặc dù bệnh thấp khớp ở cổ tay tôi càng ngày càng tệ, khiến cho tôi khó cầm bút, nhưng tôi không muốn đánh máy thư gửi cho những người thân thiết.’”

“Lẽ ra, như bình thường, cô nên viết các bức thư ấy bằng nét chữ của mình,” ông Fullerton nói, “và rồi ghi chú thêm một dòng ở cuối là do thư ký viết, hoặc theo tên họ viết tắt của cô nếu cô muốn.”

“Bà chủ không muốn tôi làm vậy. Bà muốn các bức thư phải như chính tay bà ấy viết.”

Điều này có thể là sự thật, ông Fullerton nghĩ. Nghe có vẻ rất giống phong cách của Louise Llewellyn-Smythe. Bà ấy vốn đặc biệt căm ghét việc mình không còn tự làm lấy được như trước, ví như không còn có thể đi bộ quãng đường dài, hay lên dốc nhanh nhẹn như trước, hay tự tay làm những việc nặng, nhất là bằng tay phải. Bà ấy luôn muốn tỏ ra ‘Tôi hoàn toàn bình thường, hết sức khỏe mạnh và một khi tôi đã muốn thì không có gì là tôi không thể làm được’. Phải, những gì Olga đang nói với ông hoàn toàn đúng, và đây cũng chính là một trong những lý do tại sao ban đầu mọi người đều chấp nhận điều khoản bổ sung vào tờ di chúc cuối cùng do bà Louise Llewellyn-Smythe thảo và ký, không mấy may nghi ngờ. Cho đến khi, ông Fullerton nhớ lại, ngay tại căn phòng này, nghi ngờ phát sinh khi cả ông và cộng sự trẻ đều biết rõ nét chữ viết tay của bà Llewellyn-Smythe. Chính cậu luật sư cộng sự Cole đã lên tiếng trước. Ông biết không, tôi thực sự không tin bà Louise Llewellyn-

Smythe đã viết bản bổ sung ấy. Tôi biết trước khi mất bà ấy bị viêm khớp, nhưng hãy nhìn những mẫu chữ bà ấy tự viết trong các văn bản khác tôi mang theo đây mà xem. Bản bổ sung đó có cái gì đó không ổn.”

Ông Fullerton đồng tình, và đã quyết định thử tham khảo ý kiến chuyên gia đối với nghi vấn chữ viết tay này. Câu trả lời sau đó đã rõ. Các chuyên gia được hỏi riêng rẽ đều đưa ra cùng một kết luận: Nét chữ viết tay trong bản bổ sung di chúc đó chắc chắn không phải là của Louise Llewellyn-Smythe. Nếu Olga không tham lam đến vậy, ông Fullerton nghĩ, nếu như cô ta biết điều hơn một chút, thì sau đoạn mở đầu: *Vì cô ấy đã chăm sóc và phục vụ tôi hết sức tận tụy và chu đáo, cùng với tình cảm yêu mến và tấm lòng nhân hậu cô ấy dành cho tôi, tôi xin để lại...* cô ta tiếp tục ghi thêm một khoản hậu hĩnh nào đó để lại cho cô ô-pe, thì những người họ hàng có lẽ đã chấp nhận, dù họ sẽ coi số tiền ấy là hơi quá đà, nhưng ít nhất sẽ không nghi ngờ. Nhưng loại bỏ tất cả họ hàng, gồm cả người cháu trai luôn đứng tên người thừa kế tài sản chính trong bốn bản di chúc trước đó trong suốt hai mươi năm ròng, và để lại toàn bộ của cải cho một người xa lạ như Olga Seminoff - không hề giống tính cách của bà Llewellyn-Smythe. Chưa kể, chỉ cần một bản khiếu nại tờ di chúc bị sửa vì chủ nhân chịu uy hiếp tinh thần cũng có thể khiến nó khó được chấp nhận. Không. Cô gái nóng vội này đã quá tham lam. Có thể bà Llewellyn-Smythe đã kể rằng bà ấy sẽ để lại một khoản nho nhỏ cho cô giúp việc vì chứng kiến lòng tốt và sự chăm sóc tận tâm của cô ta. Có lẽ bà ấy quý mến cô gái trẻ vì cô luôn đáp ứng tất cả những ý thích bất chợt của bà và làm mọi thứ bà yêu cầu. Và lời

hứa hẹn ấy có thể đã khiến cho Olga bắt đầu ôm ảo tưởng về một viễn cảnh tươi đẹp. Cô sẽ có tất cả mọi thứ. Bà chủ nên để lại cho cô mọi thứ, và cô sẽ có toàn bộ số tài sản đó. Toàn bộ tiền của và căn nhà và quần áo và trang sức. Tất cả. Một cô gái tham lam. Và giờ đây sự trừng phạt đã bắt đầu ập lên đầu cô ta.

Vậy mà ông Fullerton, bất chấp lý trí và bản năng nghề nghiệp của mình, lại cảm thấy thương hại cho cô gái. Thật đáng thương. Từ nhỏ cô ta chỉ biết đến đau khổ, và luôn phải sống trong kìm kẹp của một quốc gia do cảnh sát kiểm soát. Một đứa trẻ mồ côi mất cả cha lẫn mẹ, mất cả một người anh và một người chị, và phải nếm mùi bất công và sợ hãi, hoàn cảnh khắc nghiệt đó chắc chắn đã hình thành trong con người cô gái ấy một bản tính mà cô ta chưa bao giờ có thể thỏa mãn, đó là thói tham lam trẻ con không thể kiểm soát.

“Tất cả mọi người đều chống lại tôi,” Olga nói. “Tất cả. Các người ai cũng chống lại tôi. Các ông đối xử với tôi không công bằng, chỉ vì tôi là người nước ngoài, vì tôi không thuộc về đất nước này, bởi vì tôi không biết nên nói gì và làm gì. Tôi biết làm gì đây? Tại sao các ông không chỉ cho tôi biết tôi có thể làm gì?”

“Bởi vì tôi nghĩ cô chẳng thể làm gì được nữa,” ông Fullerton đáp. “Cơ hội duy nhất còn lại cho cô là thú nhận tất cả những gì cô đã làm để được nhẹ tội.”

“Nếu tôi buộc phải nói những điều ông muốn, thì hóa ra là tôi nói dối. Chính bà ấy đã viết tờ di chúc ấy. Chính tay bà ấy đã viết nó. Bà chủ đã yêu cầu tôi ra khỏi phòng trong khi những người khác ký vào đó.”

“Chúng tôi có bằng chứng chống lại cô, cô biết đấy. Có những

nhân chứng sẽ nói rằng bà Llewellyn-Smythe thường không nhận thức được bà ấy đang ký vào cái gì. Bà ấy có rất nhiều giấy tờ công việc khác nhau phải giải quyết, và không phải lúc nào cũng đọc lại những thứ được trình lên.”

“Thế thì nhân chứng đó không biết họ đang nói gì rồi.”

“Con gái ơi,” ông Fullerton thốt lên. “Chi tiết giảm nhẹ duy nhất cho cô trong vụ này là cô lần đầu phạm tội, và cô là người nước ngoài, và trình độ hiểu tiếng Anh của cô chỉ là sơ đẳng. Nếu may mắn, cô có thể chỉ bị ngồi tù thời gian ngắn, hoặc thậm chí cô có thể xin hưởng án treo.”

“Ôi, lại hứa hẹn. Chẳng có gì ngoài những lời hứa hẹn rỗng tuếch. Tôi sẽ bị tống vào tù và không bao giờ được thả ra.”

“Giờ cô lại nói lung tung rồi,” ông Fullerton đáp.

“Tốt hơn hết là tôi nên bỏ trốn, nếu tôi bỏ trốn, không ai có thể tìm thấy tôi được nữa.”

“Một khi cảnh sát ra lệnh truy nã cô, cô sẽ không thể thoát được.”

“Không có chuyện đó đâu nếu tôi nhanh chân. Chỉ cần tôi bỏ đi ngay bây giờ. Và có thêm người giúp tôi. Tôi có thể trốn thoát. Ra khỏi nước Anh. Bằng thuyền hoặc máy bay. Tôi có thể tìm được người làm giả thị thực hoặc visa gì đó, hay bất kể giấy tờ gì người ta cần. Sẽ có người giúp tôi. Tôi có bạn bè. Tôi có những người quý mến tôi. Sẽ có người giúp tôi biến mất. Tôi chỉ cần như vậy. Tôi sẽ đội tóc giả. Tôi có thể giả vờ chống nạng đi lại.”

“Nghe này,” ông Fullerton cất tiếng, và lần này có quyền uy trong giọng nói. “Tôi rất tiếc cho cô, tôi sẽ giới thiệu cho cô một luật sư, cậu ta sẽ làm hết sức để giúp cô. Cô không nên nghĩ đến chuyện



mình có thể biến mất khỏi đây. Cô đang nói năng như một đứa con nít.”

“Tôi có tiền. Tôi đã tiết kiệm đủ tiền.” Và Olga tiếp, “Ông thật tử tế khi cố gắng giúp. Vâng, tôi tin là vậy. Nhưng ông sẽ không thể giúp được gì đâu, bởi vì đây là vấn đề luật pháp - luật pháp. Nhưng sẽ có người giúp tôi. Sẽ có người giúp. Và tôi sẽ trốn đến một nơi không ai có thể tìm thấy.”

Và vậy là không một ai, ông Fullerton nhớ lại, có thể tìm thấy cô gái ấy nữa. Ông tự hỏi - phải; ông đã rất tò mò - không biết giờ cô ta ở đâu, hoặc có thể ở đâu.



## CHƯƠNG 14

Gia nhân mở cửa cho Hercule Poirot vào Biệt thự Vườn Táo, dẫn ông vào phòng tiếp khách và thông báo bà Drake sẽ ra gặp ông ngay.

Khi đi qua sảnh, Poirot nghe thấy tiếng phụ nữ trò chuyện rì rầm sau cánh cửa một căn phòng mà ông đoán là phòng ăn.

Poirot bước đến cửa sổ phòng khách, mắt lướt nhìn khu vườn đẹp được cắt tỉa gọn gàng bên ngoài. Khu vườn được thiết kế trồng cây rất đẹp và có vẻ được chăm sóc thường xuyên. Những khóm cúc tây của mùa thu vẫn còn nở rực rỡ, được cột chặt vào cọc; hoa chỉ cúc vẫn chưa tàn. Vài đóa hồng vẫn bừng bình nở rực rỡ, như thách thức mùa đông đang tới gần.

Nhưng Poirot nhận thấy dường như khu vườn không có bàn tay thiết kế của thợ xây vườn cảnh chuyên nghiệp. Toàn bộ đều là cắt tỉa và chăm sóc thông thường, ông tự hỏi liệu bà Drake có phải là người mà Michael Garfield phải bó tay không. Anh ta hẳn đã ra sức thuyết phục nhưng vô ích. Nơi đây vẫn giữ được nguyên vẹn vẻ đẹp của khu vườn ngoại ô được chăm sóc tỉ mỉ.

Cánh cửa bật mở.

“Xin lỗi đã để ông đợi lâu, *Me-xù* Poirot,” bà Drake cất lời.

Ngoài sảnh vọng vào tiếng rì rầm nhỏ dần, các vị khách hình như đang ra về.

“Là cho lễ Giáng sinh ở nhà thờ,” bà Drake giải thích. “Chúng tôi đang họp hội đồng để bàn kế hoạch cho ngày hôm đó và mọi thứ. Những cuộc họp thế này thường tốn nhiều thời gian hơn bình thường, tất nhiên. Mọi người cứ thay phiên phản đối ý tưởng của nhau, hoặc đưa ra những ý tưởng họ cho là hay - mà ý tưởng hay thường là bất khả thi.”

Giọng bà pha chút gay gắt. Poirot có thể tưởng tượng được cảnh Rowena Drake quyết liệt và thẳng tay bác bỏ các ý kiến ngớ ngẩn như thế nào. Từ lời nhận xét của chị gái thanh tra Spence và từ thái độ của mọi người khi nhắc đến bà, cộng thêm nhiều nguồn khác xác nhận, ông Poirot đủ hiểu rằng Rowena Drake thuộc dạng người có cá tính lấn át và hay áp đặt người khác. Ai cũng muốn dựa vào bà để điều hành công việc, nhưng không mấy ai ưa bà khi bắt tay vào làm. Ông cũng đoán được là người cô cao tuổi Llewellyn-Smythe có lẽ không ưa sự tận tâm của cô cháu dâu Drake này, dù hai người có cùng tính cách. Bà Llewellyn-Smythe, như ông được biết, đã chuyển đến đây để sống gần cháu trai và cháu dâu, và bà Drake cũng sẵn sàng đảm đương việc chăm sóc và trông nom bà cô, miễn là không phải trực tiếp xuất hiện trong căn nhà. Bà Llewellyn-Smythe trong thâm tâm có lẽ cũng biết mình nợ Rowena rất nhiều, nhưng đồng thời chắc chắn bà ấy cũng căm ghét kiểu làm việc thích ra lệnh và áp đặt của cô cháu dâu.

“Giờ thì, khách đã về cả rồi,” Rowena Drake nói sau khi nghe

tiếng cánh cửa đóng cuối hành lang. “Tôi có thể giúp gì cho ông đây? Ông muốn biết thêm thông tin về bữa tiệc kinh khủng đó? Giá mà từ đầu tôi không chọn tổ chức tiệc ở đây. Nhưng cũng chẳng còn nhà nào hợp hơn cả. Bà Oliver vẫn lưu lại nhà Judith Butler chứ?”

“Vâng. Theo tôi biết thì trong một hai ngày tới bà ấy sẽ quay về London. Hai người trước đó chưa từng gặp nhau sao?”

“Chưa. Nhưng tôi rất thích các tác phẩm của bà ấy.”

“Theo tôi biết thì bà Oliver được coi là một cây bút xuất sắc.”

“À, bà ấy thực sự là một nhà văn xuất sắc. Chuyện đó thì không ai nghi ngờ. Bà ấy cũng là người hết sức hài hước. Không biết bà Oliver có đoán được, ý tôi là nghi ngờ ai đó có thể dính líu đến vụ này hay không.”

“Tôi nghĩ là không. Thế còn bà thì sao, *Ma-đam*?”

“Tôi đã nói với ông rồi. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ ai cả.”

“Vâng, bà nói vậy tôi không thắc mắc. Tuy nhiên biết đâu trong đầu bà cũng lơ mơ có những hình dung về một giả thuyết nào đó, một ý nghĩ chẳng hạn. Một ý nghĩ vẫn còn trong trứng nước. Một ý nghĩ khả dĩ nào đó.”

“Tại sao ông lại nghĩ vậy?”

Bà nhìn ông tò mò.

“Có thể bà đã nhìn thấy gì đó - một chi tiết nho nhỏ và tưởng như vô nghĩa, nhưng càng ngẫm lại thì bà càng thấy nó đáng ngờ và có thể là quan trọng hơn bà tưởng.”

“Chắc ông đang muốn ám chỉ điều gì, *Me-xù* Poirot, về một sự việc cụ thể nào đó chẳng hạn.”

“Đúng vậy, tôi xin thừa nhận. Vì có người kể với tôi.”

“Ra là vậy! Là ai thế?”

“À, cô Whittaker. Một giáo viên.”

“À phải, tất nhiên rồi. Elizabeth Whittaker. Giáo viên dạy toán ở trường Elms phải không? Đúng là cô ấy đã đến dự bữa tiệc, tôi còn nhớ. Cô ấy thấy gì sao?”

“Không hẳn cô ấy đã thấy gì, mà là cô ấy nghĩ rằng bà hẳn đã thấy gì đó.”

Bà Drake tỏ vẻ ngạc nhiên và lắc lắc đầu.

“Tôi hoàn toàn không thể nhớ được mình có thể đã thấy gì quan trọng,” Rowena Drake nói, “nhưng ai mà biết chắc được chứ?”

“Nó liên quan đến một chiếc bình,” Poirot gợi ý. “Bình cắm hoa.”

“Một chiếc bình cắm hoa sao?” Rowena Drake nhúu mày khó hiểu. Và rồi trán bà giãn ra. “À, tất nhiên rồi, tôi nhớ rồi. Phải, đúng là có một chiếc bình cắm lá vàng và hoa cúc tây đặt trên bàn ở góc ngoặt cầu thang. Một chiếc bình thủy tinh rất đẹp. Đó là quà cưới của tôi. Lá cắm trong đó cũng bắt đầu rụng rồi, cả hoa nữa. Tôi nhớ có để ý nó khi đi qua hành lang - khi đó tiệc sắp kết thúc thì phải, tôi cũng không chắc nữa - tôi thắc mắc sao hoa lá đã héo nhanh vậy, nên tôi quay lên cầu thang và nhúng một ngón tay vào trong bình kiểm tra. Hóa ra là một kẻ ngốc nghếch nào đó đã quên không đổ nước vào khi cắm hoa. Tức giận quá tôi bê cái bình vào nhà tắm để đổ đầy nước vào. Nhưng trong nhà tắm thì tôi có thể thấy gì được chứ? Trong đó chẳng có ai cả. Có thể là một hai cô cậu nào đấy từng dất nhau vào đó để, người Mỹ gọi là âu yếm nhau, trong bữa tiệc, nhưng chắc chắn là khi tôi đem bình vào thì ở đó hoàn toàn

không có ai.”

“Không, không, ý tôi không phải là ở đó,” Poirot nói. “Nhưng tôi không nhầm thì đã có một tai nạn nho nhỏ. Chiếc bình tuốt khỏi tay bà và rơi xuống hành lang bên dưới, vỡ tan tành.”

“Ồ, phải,” Rowena nói. “Nó vỡ tan. Tôi càng tức giận, vì như tôi đã nói đấy, đó là quà cưới của tôi, và chiếc bình hoa ấy rất đẹp và hết sức hoàn hảo, đủ nặng để giữ cả bó hoa và cành lá mùa thu. Tôi thật ngu ngốc, tự dưng tuốt tay. Thế là cái bình rơi ra và vỡ tan tành trên sàn hành lang bên dưới. Elizabeth Whittaker đang đứng gần tôi lúc ấy. Cô ấy đã giúp tôi nhặt các mảnh vỡ và quét dọn vụn thủy tinh để tránh người khác không biết lại giẫm phải. Chúng tôi chỉ quét tạm vào trong góc bên cạnh đồng hồ tử đứng, để dọn sau.”

Rowena nhìn Poirot hỏi:

“Có phải ý ông là vụ tai nạn đó?”

“Phải,” Poirot đáp. “Theo tôi thấy, cô Whittaker đã tò mò không biết vì sao bà đánh rơi chiếc bình ấy. Cô ấy đoán bà bị giết mình vì điều gì đó.”

“Tôi giết mình?” Rowena Drake nhìn ông thám tử, rồi lại chau mày suy nghĩ. “Không, tôi không nghĩ khi ấy tôi bị giết mình. Chỉ là không may cái bình tuốt khỏi tay. Thỉnh thoảng tay chúng ta vẫn bị trơn đấy thôi, theo tôi có lẽ là do người bị mệt quá. Lúc đó tôi đã bắt đầu kiệt sức, sau bao nhiêu công việc lên kế hoạch cho bữa tiệc, rồi lại chuẩn bị bày biện bữa tiệc, rồi bao việc lật vật khác nữa. Tiệc hôm đó đã rất suôn sẻ. Theo cảm nhận của tôi là vậy - ôi dào, chỉ là một phút sơ sẩy khi người mệt quá đó mà.”

“Vậy bà chắc chắn không có gì làm cho bà giết mình khi ấy? Ví

dụ như bất ngờ nhìn thấy điều gì đó chẳng hạn?”

“Nhìn thấy? Ở đâu cơ? Ở hành lang bên dưới? Tôi chẳng thấy gì ở hành lang cả. Nó vắng hoe vì mọi người đang bận chơi trò Ròng táp, ngoại trừ, tất nhiên là cô Whittaker. Mà hình như tôi còn không nhìn thấy cô ấy đứng đó cho đến khi cô ấy chạy đến giúp.”

“Bà có thấy người nào đó, ví dụ như, bước ra khỏi phòng đọc sách chẳng hạn?”

“Ra khỏi phòng đọc... tôi hiểu ý ông rồi. Phải, có thể tôi đã thấy gì đó,” Rowena nghĩ một hồi lâu, rồi nhìn thẳng vào mắt Poirot, quả quyết. “Tôi không nhìn thấy bất cứ ai rời khỏi phòng đọc sách,” bà khẳng định. “Không một ai cả.”

Poirot lấy làm lạ. Thái độ của Rowena Drake khi nói những lời này khiến ông cảm thấy nghi ngờ, rằng bà đang không nói sự thật, mà ngược lại dường như bà đã nhìn thấy điều gì đó hoặc ai đó, có thể là cánh cửa mở hé, hoặc đơn giản là thoáng thấy một cái bóng bên trong. Nhưng Rowena cương quyết phủ nhận, ông tự hỏi, tại sao lại tỏ ra quyết liệt như vậy? Bởi vì bà đã nhìn thấy một người mà mình không thể tin, dù chỉ một giây, có thể dính líu đến tội ác ở bên kia cánh cửa? Một người bà quan tâm, hoặc một người bà muốn bảo vệ - ông nghĩ khả năng này có vẻ cao hơn. Một ai đó, có thể vẫn còn nhỏ dại, một người mà bà cảm thấy chưa thực sự nhận thức được điều kinh khủng mà họ vừa làm.

Poirot đã nghĩ Rowena Drake là người hà khắc nhưng cũng chính trực. Ông đã nghĩ bà cũng giống kiểu tính cách những phụ nữ thường làm quan tòa, hoặc điều hành hội đồng hoặc hội từ thiện nào đó, hay những người nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thường

được gọi là “thiện nguyện”. Những phụ nữ này thường dễ yếu lòng trước các tình tiết giảm nhẹ hình phạt. Thật kỳ lạ là họ sẵn sàng tìm cách bao biện cho những tội phạm trẻ tuổi. Một cậu con trai mới lớn, hay một cô bé tâm thần chậm phát triển. Những đối tượng thuộc diện - là từ gì ấy nhỉ - “cần người bảo hộ”. Nếu đúng là bà ấy đã chứng kiến một người như vậy bước ra khỏi phòng đọc, thì kẻ đó chắc đã tin rằng bản năng che chở của Rowena Drake sẽ giúp hắn ta. Ngày nay trẻ em, thậm chí còn nhỏ tuổi, phạm tội không còn là chuyện lạ. Có những đứa trẻ chỉ tầm bảy tám chín tuổi. Và thường rất khó xử lý những tên tội phạm nhỏ tuổi bẩm sinh này khi đưa chúng ra tòa án vị thành niên. Người ta luôn đưa ra những lý do bao biện cho hành vi của chúng. Gia đình tan vỡ. Cha mẹ bỏ bê hay không đủ khả năng nuôi dạy. Nhưng những người lên tiếng bênh vực nhiệt tình nhất cho những đứa trẻ này, những người sẵn sàng tìm mọi lý lẽ để bào chữa cho chúng, lại thường là những người như Rowena Drake. Một phụ nữ nghiêm khắc và hay chỉ trích người khác, nhưng lại dễ mềm lòng với những đứa trẻ sai trái.

Về phần mình, Poirot không tán thành điều này. Ông thuộc kiểu người luôn đặt công lý lên hàng đầu. Ông nghi ngờ, vẫn luôn luôn nghi ngờ tác dụng của sự khoan dung - hay đúng hơn là khoan dung quá đà. Kiểu khoan dung quá mức ấy, như ông biết từ kinh nghiệm sống cả ở Bỉ và ở Anh, thường dẫn đến hậu quả tội ác ngày càng tăng, gây ra nhiều cái chết của những nạn nhân vô tội mà lẽ ra họ đã không phải mất mạng nếu như công lý được đặt lên hàng đầu và lòng khoan dung xếp sau.

“Tôi hiểu rồi,” Poirot đáp. “Tôi hiểu rồi.”



“Ông không nghĩ là biết đâu cô Whittaker cũng đã nhìn thấy ai đó đi vào phòng đọc sao?” bà Drake gợi ý.

Poirot hào hứng: “À, bà nghĩ như vậy sao?”

“Theo tôi khả năng ấy là có. Cô Whittaker có thể đã thoáng thấy bóng ai đi qua cửa phòng đọc khoảng năm phút trước chẳng hạn, và sau đó, khi tôi làm rơi bình hoa, cô ấy nghĩ rằng tôi cũng nhìn thấy người đó. Rằng có thể tôi đã nhìn rõ đó là ai. Có lẽ cô ấy không muốn vội đổ tội một ai đó mà mình chỉ thấy loáng thoáng, có thể sợ là không công bằng - nhất là khi chưa đủ để khẳng định chắc chắn. Như cái lưng của một đứa trẻ nào, hay một cậu thanh niên nào đó chẳng hạn.”

“Vậy liệu bà có nghĩ rằng đó là một đứa trẻ, một cô bé hoặc một cậu bé chẳng hạn, hay một thiếu niên không, *Ma-đam*? Bà có nghĩ, dù chúng ta chưa khẳng định gì, có khả năng cao đây là đối tượng gây ra tội ác đó không?”

Rowena suy nghĩ hồi lâu, rồi lên tiếng:

“Có, tôi nghĩ là có. Tôi chưa nghĩ kỹ chuyện này lắm. Tôi thấy có vẻ ngày nay tội phạm ngày càng dính líu đến đám trẻ. Những đứa như vậy thường chưa hiểu rõ chúng đang làm gì, những đứa chỉ muốn làm mấy cái trò trả thù ngu ngốc nào đó, hay những đứa có bản tính thích phá hoại. Ngay như những tên phá bót điện thoại, hoặc rạch lốp xe, làm những trò điên rồ ấy chỉ để gây sự với người khác, bởi đơn giản không phải chúng căm ghét một cá nhân nào, mà là căm ghét cả thế giới. Giống như một dạng tính cách thất thường của tuổi vị thành niên vậy. Nên tôi cho rằng khi người ta gặp phải những vụ như một đứa trẻ bị dìm chết trong một bữa tiệc không

vì lý do nào cả, thì người ta thường hay tin là kẻ thủ ác hẳn vẫn chưa thể chịu trách nhiệm cho hành động của bản thân. Tôi nghĩ đây là khả năng lớn nhất trong vụ án này. Ông có đồng ý với tôi không?”

“Tôi nghĩ cảnh sát cũng cùng suy nghĩ với bà - hoặc họ đã từng tin là vậy.”

“Thì họ phải là người rõ nhất. Ở đây chúng tôi có một đội cảnh sát làm việc rất hiệu quả. Họ đã xử lý rất tốt một số vụ, rất chịu xông pha và không bao giờ bỏ cuộc. Tôi tin cảnh sát sẽ phá được vụ án này, nhưng có thể là không nhanh lắm. Những vụ giết người kiểu này thường mất nhiều thời gian phá án. Riêng thu thập chứng cứ cũng mất nhiều công sức rồi.”

“Bằng chứng cho vụ án này không dễ thu thập đâu, *Ma-đam*.”

“Vâng, chắc là không dễ. Khi chồng tôi bị sát hại - ông ấy bị tàn tật, ông biết đấy. Ông ấy đang băng qua đường và bị một chiếc xe đâm gục. Cảnh sát đã không tìm ra kẻ làm chuyện đó. Như ông biết đấy - hoặc cũng có thể ông chưa biết - chồng tôi bị viêm tủy. Căn bệnh làm ông ấy bị liệt một phần cơ thể, từ sáu năm trước. Bệnh tình ông ấy đã có tiến triển, nhưng vẫn tàn phế, thế nên nếu một chiếc xe cố tình lao nhanh về phía chồng tôi thì ông ấy khó có thể tránh kịp. Có lúc tôi đã nghĩ lỗi là do tôi, dù trước đó ông ấy luôn khẳng định rằng mình có thể tự ra ngoài mà không cần tôi hay ai đi cùng, vì chồng tôi rất ghét cảm giác phải dựa dẫm vào y tá riêng, hoặc để vợ làm y tá riêng chăm sóc. Thêm nữa chồng tôi luôn cẩn thận khi băng qua đường. Dẫu sao thì con người ta vẫn luôn tự trách mình mỗi khi có tai nạn xảy ra.”

“Tai nạn đó xảy ra sau cái chết của cô Llewellyn-Smythe của bà?”

“Không. Bà ấy mất không lâu sau đó. Mọi tai họa dường như luôn ập đến cùng một lúc vậy, có phải không?”

“Đúng vậy,” Hercule Poirot nói. “Cảnh sát không thể lần ra dấu vết chiếc xe đã đâm chồng bà hay sao?”

“Tôi nghĩ có thể đó là một chiếc Grasshopper Mark 7. Ông để ý là bây giờ cứ ba chiếc chạy trên đường thì có một chiếc là Grasshopper Mark 7 - hoặc cách đây vài năm là vậy. Đó là dòng xe phổ biến nhất trên thị trường, họ nói với tôi thế. Cảnh sát cũng nói nó đã bị ăn cắp từ chợ đầu mối ở Medchester. Tại bãi đậu xe ở đó. Chiếc xe thuộc sở hữu của một người đàn ông lớn tuổi tên là Waterhouse, chuyên buôn bán các loại hạt ở Medchester. Ông Waterhouse vốn là một người lái xe chậm và cẩn thận. Chắc chắn đó không phải là người gây tai nạn. Rõ ràng đây là trường hợp một gã trai trẻ vô trách nhiệm nào đó đã chôm xe và lái đi. Những tên vô trách nhiệm như vậy, thậm chí phải nói là nhẩn tâm, lẽ ra phải bị trừng trị. Đôi lúc tôi nghĩ rằng cần dùng hình phạt nặng nề hơn hiện nay.”

“Có lẽ nên là một án tù lâu năm. Nếu chỉ đơn thuần bị phạt tiền, mà thường món phạt đó lại do gia đình họ hàng chiều chuộng chi trả cho, thì chẳng có tác dụng lắm.”

“Người ta phải nhớ rằng,” Rowena Drake tiếp lời, “tuổi trẻ là thời điểm quyết định để trau dồi kiến thức và hình thành nhân cách con người nếu như họ muốn có một cuộc sống tốt đẹp sau này.”

“Lại viện đến vai trò thần thánh của giáo dục,” Hercule Poirot nói. “Ý kiến này tôi đã nghe nhiều,” ông nhanh chóng thêm vào, “từ nhiều

người, đặc biệt là những người học thức cao.”

“Có lẽ họ không đủ tiền trợ cấp cho những người trẻ lớn lên trong hoàn cảnh khó khăn. Từ những gia đình tan vỡ.”

“Vậy bà cho rằng những thanh niên đó cần các phương án khác ngoài án tù?”

“Chế độ cải tạo phù hợp,” Rowena Drake nói quả quyết.

“Và như vậy- (thêm một thành ngữ cổ khác) - ít bột vắn gột nên hồ? Bà không tin vào câu châm ngôn ‘số phận con người ai cũng đã được an bài’\* sao?”

Bà Drake tỏ vẻ hết sức nghi hoặc và có phần không hài lòng.

“Đó là một châm ngôn trong đạo Hồi, theo như tôi biết,” Poirot giải thích thêm.

Bà Drake không chút ấn tượng với hiểu biết của ông.

“Tôi hy vọng rằng,” bà cất lời, “chúng ta không phải đi mượn tư tưởng - hay thậm chí là lý tưởng - từ Trung Đông.”

“Chúng ta phải chấp nhận thực tế,” Poirot nói, “và có một thực tế do các nhà sinh vật học hiện đại nêu ra - các nhà sinh vật học của phương Tây...” Ông nhanh chóng thêm vào, “...họ đưa ra giả thuyết rằng nguồn gốc cho các hành vi của một cá nhân xuất phát từ cấu trúc gene của anh ta. Rằng nếu một kẻ giết người năm hai mươi tư tuổi thì hẳn đã là một kẻ sát nhân tiềm ẩn từ lúc hai, ba tuổi. Điều này cũng áp dụng với những cá nhân xuất chúng như các nhà toán học hoặc thiên tài.”

“Chúng ta đang không bàn đến những kẻ giết người,” bà Drake đáp lại. “Chồng tôi chết là do tai nạn. Một vụ tai nạn do hành vi bất

cẩn của một tư cách méo mó. Cậu bé đó, hay chàng trai đó có là ai đi chăng nữa, thì tôi vẫn giữ hy vọng cuối cùng cậu ta sẽ thay đổi, sẽ hiểu rằng một con người sống trên đời phải biết suy nghĩ cho người khác, sẽ được dạy dỗ rằng phải biết cẩn rút lương tâm nếu như mình vô tình giết chết người khác, đơn thuần chỉ là vô ý phạm tội, mà không phải tội cố ý giết người?”

“Vậy là bà chắc chắn đó không phải là cố ý phạm tội?”

“Tôi không tin có kẻ cố tình giết chồng tôi,” bà Drake tỏ vẻ hơi ngạc nhiên. “Tôi nghĩ cảnh sát cũng không thực sự cần nhắc đến khả năng này bao giờ. Tôi chắc chắn là không rồi. Đó là một tai nạn. Một tai nạn hết sức thảm khốc. Nó đã làm thay đổi cuộc đời của rất nhiều người, trong đó có cả tôi.”

“Bà nói vụ việc này không có hung thủ cố ý giết người,” Poirot nói. “Nhưng trong cái chết của Joyce thì chắc chắn phải có kẻ sát nhân rồi. Đó hoàn toàn không phải là một tai nạn. Có kẻ đã cố ý dùng tay ghì chặt đầu cô bé xuống nước cho đến khi nạn nhân chết hẳn. Một hành vi tàn nhẫn có chủ ý.”

“Tôi biết. Tôi biết. Thật kinh khủng. Tôi không muốn nghĩ đến chuyện đó, tôi không muốn ai nhắc đến nó cả.”

Rowena đứng dậy và chuẩn bị bỏ đi, nhưng Poirot vẫn tiếp tục nói:

“Chúng ta ở đây vẫn còn một lựa chọn. Chúng ta vẫn có thể tìm ra động cơ đằng sau hành động đó.”

“Như tôi thấy thì những tội ác thế này chắc chẳng có động cơ nào.”

“Ý bà kẻ thủ ác là một kẻ tâm thần bất bình thường, bệnh loạn

đến mức tìm niềm vui bằng việc giết người khác? Ví như giết chết nạn nhân nào đó còn nhỏ tuổi.”

“Người ta vẫn nghe về những vụ như thế suốt. Khó mà tìm ra được nguyên nhân đằng sau hành động đó. Ngay cả các chuyên gia tâm thần cũng không hiểu được.”

“Bà không muốn chấp nhận một cách lý giải đơn giản hơn sao?”

Rowena Drake nhìn Poirot khó hiểu.

“Đơn giản hơn?”

“Là kẻ đó không bị thần kinh, không phải là một vụ mà các nhà tâm thần học không thể lý giải. Một kẻ nào đó làm vậy chỉ vì muốn bản thân được an toàn.”

“An toàn?Ồ, ý ông là...”

“Trong ngày hôm đó, trước đó chỉ vài giờ, cô bé đã khoe rằng mình từng chứng kiến một người khác giết người.”

“Joyce,” bà Drake đáp lại bằng vẻ chắc chắn và bình tĩnh, “là một cô bé rất ngốc nghếch. Và tôi e rằng không phải lúc nào cũng đáng tin.”

“Mọi người đều nói vậy với tôi,” Hercule Poirot nói. “Tôi bắt đầu tin rằng đó là sự thật,” ông nói thêm, kèm tiếng thở dài. “Thường là vậy.”

Poirot đứng dậy, chuyển giọng dịu xuống:

“Tôi phải xin lỗi, *Ma-dam*. Từ nãy đến giờ tôi toàn gọi cho bà những chuyện đau buồn, dù những chuyện này không có can hệ đến tôi. Nhưng theo lời cô Whittaker nói với tôi thì hình như...”

“Tại sao ông không hỏi thêm cô ấy?”

“Ý bà là...”

“Cô ấy là giáo viên. Cô ấy hẳn hiểu rõ hơn tôi về khả năng có sát nhân tiềm ẩn (như lời ông nói) trong đám trẻ cô ấy dạy.” Rowena ngừng một lúc, rồi tiếp: “Cả cô Emlyn nữa.”

“Cô hiệu trưởng?” Poirot ngạc nhiên hỏi lại.

“Phải. Cô ấy cũng biết nhiều chuyện. Ý tôi là, cô ấy là một chuyên gia tâm lý bẩm sinh, ông nói tôi có thể có những phỏng đoán - những ý nghĩ còn trong trứng nước - về kẻ giết Joyce. Tôi thì không có - nhưng có thể cô Emlyn có đấy.”

“Thật thú vị...”

“Ý tôi không phải là có bằng chứng. Mà cô ấy có thể biết gì đó. Chính cô ấy có thể tiết lộ cho ông - nhưng tôi không nghĩ là cô Emlyn sẽ nói ra đâu.”

“Tôi mới nhận ra,” Poirot nói. “Tôi vẫn còn cả một quãng đường dài phía trước. Mỗi người đều biết cái gì đó - nhưng sẽ chẳng ai chịu nói với tôi cả.” Dứt lời ông nhìn Rowena Drake đầy ẩn ý. “Cô của bà, bà Llewellyn-Smythe, từng có một cô ô-pe bên cạnh chăm sóc, một cô gái người nước ngoài.”

“Có vẻ ông đã nghe ngóng được mọi chuyện đàm tiếu trong vùng rồi,” Rowena lạnh lùng đáp. “Phải, đúng vậy. Cô ta bỏ đi khá đột ngột sau khi cô tôi mất.”

“Lý do có vẻ cũng dễ hiểu.”

“Tôi không biết nói thế này có phải là vu khống hay phỉ báng người khác không - nhưng có vẻ cô ta chắc chắn đã làm giả một bản di chúc bổ sung thay cho bản của cô tôi - hoặc là có người đã

giúp cô ta làm vậy.”

“Có người khác sao?”

“Cô ta từng thân thiết với một anh chàng làm việc cho văn phòng tư vấn pháp luật ở Medchester. Trước đây cậu ta từng dính vào một vụ giả mạo giấy tờ. Vụ việc này chưa ra được đến tòa do cô ta bỗng dưng biến mất. Cô ta nhận ra tờ di chúc đó không được chấp nhận là một bản di chúc có giá trị pháp lý, và sự việc sẽ được đưa ra tòa. Cô gái đó đã bỏ đi và không ai nghe tin tức gì từ đó.”

“Cô ấy, như tôi nghe nói, cũng đến từ một gia đình tan vỡ,” Poirot tiếp lời.

Rowena Drake nhìn ông một cái sắc lẹm, nhưng ông chỉ cười đáp lại.

“Cảm ơn bà đã nói cho tôi biết nhiều điều, *Ma-đam*,” Poirot nói.

Rời khỏi nhà Rowena Drake, Poirot đi bộ một quãng ngắn ra tới đường lớn, rồi lại rẽ vào một con đường nhỏ gần biển tên “Đường Nghĩa trang Helpsly”. Chẳng mấy chốc ông đã đến nghĩa trang ghi trên tấm biển, mất khoảng mười phút đi bộ. Nơi này rõ ràng mới được xây dựng khoảng mười năm trở lại đây, có lẽ là để đáp ứng cho số lượng dân định cư ngày một nhiều ở Woodleigh. Nhà thờ ở đây diện tích vừa đủ, mới được xây dựng khoảng hai, ba thập kỷ trước và khoảng đất rất nhỏ bao quanh nó đã kín chỗ người yên nghỉ. Vậy nên người ta đã mở ra một khu nghĩa trang mới, nối với



nhà thờ cách đó hai cánh đồng bằng một con đường đất nhỏ. Một nghĩa trang hiện đại được sắp xếp khoa học và thực tế, Poirot nghĩ trong đầu, với đá cẩm thạch và granite tạo không gian tôn kính và trầm lắng; với các bình đựng tro cốt, lối đi rải sỏi, các cây bụi nhỏ và hoa. Không có các bia mộ hình thù độc đáo hay các câu khắc trên bia thú vị. Chẳng có gì giá trị cho những nhà nghiên cứu và sưu tầm đồ cổ ở đây. Nghĩa trang này được dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng, ngay ngắn, với không khí thành kính chuẩn mực bao trùm.

Tất cả các ngôi mộ đều đề ngày tháng khoảng hai hoặc ba năm trước. Poirot dừng lại đọc tấm bia dựng trên một ngôi mộ còn mới so với xung quanh. Khắc trên đó dòng chữ đơn giản: *Tưởng nhớ Hugo Edmund Drake, người chồng yêu dấu của Rowena Arabella Drake, đã từ trần vào ngày 20 tháng 3 năm 19...*

Vẫn còn nguyên cảm xúc sau cuộc gặp với người phụ nữ hét ra lửa Rowena Drake ít phút trước, Poirot bỗng có cảm giác có lẽ giấc ngủ ngàn thu này là lối thoát nhẹ nhàng mà ông Drake quá cố đã chờ đợi từ lâu.

Trên mộ là một bình đựng tro bằng thạch cao tuyệt hoa, cạnh đó là những bông hoa đã tàn. Một người làm vườn lớn tuổi, có vẻ được thuê để chăm nom cho ngôi mộ của những công dân khả kính trong vùng, đặt cuốc và chổi xuống, tiến lại gần Poirot bắt chuyện.

“Người mới đến đây,” ông ta cất tiếng, “tôi đoán có phải không, thưa ngài?”

“Đúng vậy,” Poirot đáp. “Tôi là người lạ với ông, cũng như với những người đang an nghỉ trước mặt tôi đây.”

“À, này. Ở đây có câu giống vậy cũng được khắc trên mộ nào đó.

Ở góc bên kia kia.” Rồi ông lão nói tiếp, “Ông Drake là một người tử tế. Bị tàn tật, chắc ông có biết, ông ấy bị bệnh bại liệt trẻ em, ấy là họ gọi như vậy, dù thông thường không chỉ trẻ em mới mắc phải. Cả người lớn cũng bị. Đàn ông hay phụ nữ. Vợ tôi có bà cô cũng bị mắc bệnh ấy ở Tây Ban Nha. Đi du lịch tới đó, bà cô ấy, rồi tắm ở sông nào đấy. Sau đó người ta chẩn đoán là nhiễm trùng từ nước, nhưng tôi không nghĩ mấy người đó bắt được đúng bệnh. Là nói các bác sĩ ấy. Nhưng giờ thì khác rồi. Có mấy thứ thuốc họ chích ngừa cho bọn trẻ con. Giờ không còn nhiều người mắc như ngày xưa nữa. Phải, ông ấy là người rất tử tế và chẳng kêu ca nửa lời, dù rất khổ sở với nó, ý tôi là bại liệt ấy. Ông Drake từng là vận động viên thể thao rất cừ, hồi còn trẻ khỏe ấy. Từng đánh bóng cho đội cricket của làng. Bao nhiêu trái ăn điểm sáu tuyệt đối ông ấy đánh ra đến đường biên sân. Phải, một người đàn ông tốt.”

“Ông ấy mất vì tai nạn, có phải không?”

“Đúng vậy. Băng qua đường, lúc trời chạng vạng tối. Một chiếc xe ô tô lao tới. Lại mấy thằng trẻ du thử du thực lái xe, tốc tai bồm xồm. Ấy là họ kể thế. Chúng nó cũng không thèm ngừng xe. Cứ thế đi tiếp. Không buồn quay lại xem. Rồi bỏ cái xe lại ở một bãi đậu cách đây hai mươi dặm. Cũng chẳng phải xe chúng nó. Chôm chĩa được ở bãi đậu xe nào đó. Ôi cha, thật tệ hại, giờ nhiều tai nạn như vậy quá. Mà cảnh sát thường cũng không làm gì được bọn nó. Bà vợ chăm sóc ông ấy rất chu đáo. Bị như vậy bà ấy suy sụp lắm. Tuần nào bà ấy cũng tới viếng, mang theo hoa đặt lên mộ. Phải, vợ chồng nhà ấy quan tâm nhau lắm. Nếu ông hỏi tôi, thì tôi đoán bà ấy không định ở đây lâu đâu.”

“Vậy sao? Nhưng ở đây bà ấy có ngôi nhà đẹp như vậy.”

“Phải, ồ phải. Và bà ấy cũng năng giúp nhiều việc cho địa phương lắm, ông biết đấy. Máy trò tổ chức này nọ - hội nhóm của các bà các cô, tiệc trà và các buổi giao tế các thứ. Bà ấy đứng ra chỉ đạo tổ chức nhiều công chuyện lắm. Thậm chí chỉ đạo hơi quá mức với nhiều người. Dạng hách dịch, thích ra lệnh cho người khác, hay can thiệp, nhiều người vẫn nói thế. Nhưng mục sư ở đây dựa cả vào bà ấy. Bà ấy khởi xướng nhiều hoạt động. Sinh hoạt cho phụ nữ các thứ. Tổ chức các chuyến dã ngoại và du lịch. À phải. Tôi vẫn thường nghĩ, dù tôi chẳng dám nói với bà vợ ở nhà đâu, là mấy công việc hay ho đẹp đẽ các bà hay làm ấy, chẳng khiến các ông chồng yêu mến thêm gì các bà đâu. Lúc nào cũng đòi biết tuốt. Lúc nào cũng bảo các ông phải làm cái này với không được làm cái kia. Chẳng tự do gì cả. Giờ chẳng đâu có tự do hết.”

“Nhưng ông nghĩ bà Drake có thể sẽ rời khỏi đây sao?”

“Tôi đoán bà ấy sẽ chuyển ra nước ngoài sống. Họ thường thích đi nước ngoài, từng đi du lịch cùng nhau.”

“Tại sao ông nghĩ bà ấy muốn rời đi?”

Một nụ cười ranh mãnh bỗng hiện lên trên gương mặt người đàn ông.

“À thì, tôi thấy bà ấy đã làm mọi thứ ở đây rồi. Nói theo kinh thánh thì bà ấy cần tìm vườn nho khác để chăm. Bà ấy cần thêm công chuyện khác để làm. Vùng này thì chẳng còn nhiều công chuyện cho bà ấy nữa. Bà Drake đã làm tất cả rồi, người ta còn nói là đã làm hơn tất cả những gì cần làm ấy.”

“Bà ấy cần nơi mới để tìm công chuyện sao?” Poirot hỏi lại.

“Ông hiểu rồi đấy. Nên chuyển đến nơi nào còn công chuyện để bà ấy có thể tiếp tục điều hành xuất sắc, bắt nạt được thật nhiều người khác. Bà ấy đã biến nơi đây thành nơi mình muốn rồi, chẳng còn nhiều việc để làm nữa.”

“Có lẽ đúng là vậy,” Poirot nói.

“Thậm chí chẳng còn chồng để mà chăm sóc. Bà Drake chăm chồng được mấy năm rồi cơ đấy. Có thể nói việc chăm sóc ông Drake đã trở thành một công việc chính của bà ấy. Cộng thêm mấy hoạt động bên ngoài nữa, bà Drake cũng đủ bận rộn tối ngày. Bà ấy thuộc kiểu người thích làm việc luôn chân luôn tay. Mà hai người ấy cũng không có con cái, càng thêm tội nghiệp. Thế nên tôi nghĩ bà Drake ấy sẽ chuyển đến nơi khác sống và làm lại từ đầu.”

“Chắc ông có biết chuyện gì đó. Bà ấy sẽ đi đâu mới được?”

“Chuyện đó thì tôi không biết. Có thể đến mấy chỗ ở Rivieri ấy - hoặc là đâu đó ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha, hay Hy Lạp - tôi từng nghe bà Drake nhắc đến Hy Lạp và mấy đảo gì đó. Như bà Butler, bà ấy từng đến Hy Lạp theo mấy tour người ta tổ chức ấy. *Hellenic*, họ đặt tên là thế, tên gì tôi nghe cứ như là lửa đốt lưu huỳnh ấy.” Poirot mỉm cười.

“Đảo của Hy Lạp,” ông lẩm bẩm, rồi hỏi người quản trang: “Ông có quý mến bà ấy không?”

“Bà Drake à? Nói quý mến cũng không hẳn. Bà ấy là một người tốt. Luôn làm tròn trách nhiệm với xóm giềng các thứ - nhưng bà ấy luôn cho mình quyền đứng trên chỉ đạo mọi người - và nếu ông hỏi tôi, thì chẳng ai thích những người luôn nhúng tay vào mọi việc cả. Đòi chỉ tôi cả cách tỉa khóm hồng nhà tôi, mà chuyện đó tự tôi cũng

biết cách làm. Lúc nào cũng nói tôi cần phải trồng các giống rau mới. Với tôi cải bắp là đủ rồi, nên tôi cứ trồng cải bắp thôi.”

Poirot lại mỉm cười, nói: “Tôi phải đi có việc rồi. Ông chỉ cho tôi đi đường nào tới chỗ Nicholas Ransom và Desmond Holland sống được không?”

“Đi qua nhà thờ, nhà thứ ba bên tay trái. Hai tên đó trọ nhà cô Brand, ngày nào cũng đến trường Medchester Technical để học. Giờ chắc về nhà rồi đấy.” Ông già quản trang nhìn Poirot tò mò, nói: “Vậy ra ông cũng nghĩ theo hướng đó, có phải không? Đã có người cũng nghĩ như thế rồi đấy.”

“Không, tôi chưa nghĩ gì cả. Nhưng họ cũng có mặt hôm đó, vậy thôi.”

Poirot rảo bước đi, đầu mãi miết suy nghĩ. “Những người dự tiệc, ta đã đi gặp gần hết danh sách rồi.”



## CHƯƠNG 15

Hai đôi mắt nhìn Poirot khó chịu.

“Cháu không biết chúng cháu còn gì để kể cho ông nữa. Cảnh sát đã phỏng vấn cả hai rồi, *Me-xừ* Poirot.”

Poirot nhìn hai cậu bé. Cả hai đều không còn giống các cậu bé lắm; hành xử đã ra dáng vẻ cẩn trọng của người lớn. Đến mức nếu như nhắm mắt lại, thì cuộc đối thoại này nghe giống như buổi trò chuyện của hội người cao tuổi vậy. Nicholas mới mười tám. Desmond mười sáu.

“Vì muốn giúp đỡ một người bạn,” Poirot lên tiếng. “Ta đang tự mình đi hỏi những người cùng có mặt vào một thời điểm đặc biệt. Không phải là tại bữa tiệc Hallowéen, mà là trước đó, khi chuẩn bị tiệc. Cả hai cậu đều có mặt lúc đó.”

“Đúng vậy.”

“Đến thời điểm này,” Poirot tiếp, “ta đã phỏng vấn các bà các cô dọn dẹp, đã có thông tin từ phía cảnh sát về ý kiến của một bác sĩ - chính là vị bác sĩ đầu tiên khám thi thể - đã nói chuyện với một giáo viên cũng có mặt lúc đó, với hiệu trưởng trường học, với người thân đang rất đau buồn của cô bé, cũng đã nghe những lời đồn đại ở

trong làng - mà tiện thể, nếu ta không làm thì ở đây có phù thủy làng?”

Hai cậu bé cười phá lên.

“Ý ông là Mẹ Goodbody. Phải, bà ấy có đến dự tiệc và đóng vai mẹ phù thủy.”

“Giờ thì ta tìm gặp,” Poirot tiếp tục, “những thanh niên trẻ, những người có óc quan sát nhanh nhạy và khả năng lắng nghe chuẩn xác, có kiến thức khoa học cấp tiến và triết lý sống sắc bén. Ta mong - hết sức thiết tha - được lắng nghe suy nghĩ của hai cậu trong vấn đề này.”

Mười tám và mười sáu tuổi, Poirot nghĩ trong đầu khi nhìn hai cậu bé trước mặt. Cảnh sát coi là các thanh niên, ông coi là các cậu bé, giới báo chí thì gọi là người trẻ. Gọi sao cũng được, đây đều là những sản phẩm của thời đại ngày nay. Theo ông đánh giá, hai con người này không hề ngốc nghếch, dù cũng chưa đến tầm hiểu biết xuất chúng như ông vừa ca ngợi. Poirot đã có chút tăng bốc để lấy lòng hai cậu bé khi mở đầu câu chuyện. Cả hai đã tham dự bữa tiệc. Cả hai cũng có mặt trước đó để phụ giúp bà Drake chuẩn bị.

Họ đã trèo thang, đã giúp sắp đặt bí ngô trang trí, họ cũng làm điện đóm để thấp ánh đèn mờ ảo cho buổi tiệc. Một trong hai cậu bé này đã khéo léo thực hiện hiệu ứng ấn tượng, tạo ra các hình ảnh giả về người chồng tương lai cho các cô bé tuổi mới lớn mơ mộng. Hai cậu bé cũng tình cờ ở đúng độ tuổi bị tình nghi hàng đầu trong đầu của điều tra viên Raglan và, có vẻ cả với người quản trang già. Tỷ lệ những vụ giết người do nhóm tuổi này gây ra đang tăng trong những năm gần đây. Bản thân Poirot không thiên về giả định này,

nhưng chuyện gì cũng có thể xảy ra. Thậm chí vụ giết người xảy ra hai hay ba năm trước kia cũng có thể do một cậu bé, một thanh niên, người trẻ tầm mười hai hay mười bốn tuổi gây ra. Những vụ tương tự như vậy gần đây đang xuất hiện nhiều trên các mặt báo.

Vào lúc này, Poirot gạt mọi phỏng đoán ấy sang một bên, thay vào đó ông tập trung để tự mình đánh giá hai người này, về bề ngoài, trang phục, cách cư xử, giọng nói, vân vân, theo cách riêng của Hercule Poirot. Bên ngoài ông che giấu ánh mắt quan sát bằng vỏ bọc của một người nước ngoài, với những ngôn ngữ tăng bốc và phong thái cầu kỳ kiểu cách quá đà, cho đến khi hai cậu bé bắt đầu có ý coi thường người đàn ông trước mặt họ, dù vẫn tỏ ra lịch sự và nhã nhặn với ông. Cả hai đều cư xử hết sức đúng mực. Nicholas, mười tám tuổi, rất điển trai, để tóc mai dài hai bên, tóc mọc đến gần cổ, và vận đồ đen hơi giống trang phục dự tang lễ. Poirot đoán bộ đồ không phải có ý để tang cho chuyện đau lòng vừa xảy ra, mà chắc hẳn là gu thời trang hiện đại riêng của cậu bé. Desmond trẻ hơn, mặc áo khoác nhung màu hồng, quần màu hoa cà và bên trong là áo sơ mi cổ bèo. Rõ ràng hai cậu bé đã chi một khoản tiền khá khá cho trang phục, chắc chắn không phải mua trong vùng, và có thể do các cậu tự bỏ tiền túi mua, chứ không phải tiền của cha mẹ hay người bảo hộ. Tóc Desmond màu hung và bông xù.

“Như tôi được biết, hai cậu đã ở đó vào buổi sáng hay buổi chiều gì đó trước bữa tiệc, để giúp mọi người chuẩn bị?”

“Đầu giờ chiều,” Nicholas chỉnh lại cho đúng.

“Hai cậu giúp chuẩn bị ở khâu nào? Tôi có nghe nhiều người kể lại, nhưng vẫn chưa rõ lắm. Họ mỗi người nói một kiểu.”



“Thắp sáng, chẳng đèn, là một.”

“Bắc thang để treo những thứ cần bài trí trên cao nữa.”

“Tôi nghe nói các cậu còn làm được cả các hiệu ứng hình ảnh rất ấn tượng.”

Desmond lập tức dứt tay vào túi và lôi ra một tập giấy kẹp, từ đó cậu rút ra một vài tấm nhỏ, vẽ tự hào.

“Tụi cháu làm giả mấy tấm này trước,” cậu giải thích, “hình ảnh chồng của tụi con gái ấy. Con gái đứa nào cũng như nhau, đều thích thứ gì đó hợp một một chút, cắt ghép cũng không tệ lắm, có phải không?”

Cậu đưa cho Poirot vài mẫu, ông thám tử tỏ vẻ thích thú. Một tấm ảnh cắt ghép hơi mờ hình một anh chàng trẻ tuổi, râu màu hung, một tấm hình chàng trai khác có mái tóc xù bông, anh chàng ở tấm thứ ba có vẻ râu tóc đã chuyển xuống chân hết, và còn có một vài tấm khác với đủ kiểu ria mép và các đặc điểm khuôn mặt khác nhau.

“Tụi cháu làm mỗi tấm đều khác nhau hết. Không tệ, có phải không?”

“Vậy tôi đoán các cậu có người mẫu?”

“Ôi, đều là tụi cháu cả đấy. Chỉ là chế tác chỉnh sửa lại thôi, ông biết đấy. Cháu và Nick tự làm hết. Vài tấm là Nick chụp cháu, và ngược lại. Chỉ làm khác phần mà tiếng Pháp ông gọi là *mô-típ*, tóc thôi.”

“Thật thông minh,” Poirot ca ngợi.

“Bà Drake rất hài lòng về các tấm ảnh này. Bà ấy xem xong cười lớn, còn khen ngợi tụi cháu. Các phần việc về điện đóm trong bữa

tiệc đa số là do tội cháu làm. Ông biết đấy, như là lắp đặt đèn để khi một cô gái ngồi xuống trước tấm gương, một trong hai đứa tội cháu sẽ ngồi vào chỗ, và để mình hiện lên tấm màn và cô gái sẽ thấy gương mặt hiện ra trong gương, mỗi người có kiểu tóc, hoặc râu hoặc ria mép riêng.”

“Các cô gái có biết đó là cậu và bạn cậu không?”

“Ôi, lúc đó cháu nghĩ là không. Ở bữa tiệc thì không. Tội con gái có biết cháu với Nick phụ việc gì đó trước bữa tiệc, nhưng cháu không nghĩ họ nhận ra tội cháu trong gương. Tội con gái đó không thông minh đến vậy đâu. Với lại, hai đứa tội cháu còn hóa trang một chút để thay đổi. Đầu tiên là cháu ngồi vào, rồi đến Nicholas. Tội con gái nhìn trong gương rồi đứa nào cũng ré lên xong là hét inh ỏi. Buồn cười lắm.”

“Vậy có những ai cũng ở đó vào buổi chiều? Tôi không có ý hỏi các cậu về những người đến dự tiệc đâu.”

“Hôm ấy cháu đoán phải có đến ba mươi người loanh quanh phụ việc ở đó. Buổi chiều thì có bà Drake, tất nhiên rồi, và bà Butler. Có một giáo viên, hình như tên là cô Whittaker. Cô Flatrerbut hay tên gì đó nữa. Cô em gái hay là vợ của người đánh đàn ấy. Người bào chế thuốc cho bác sĩ Ferguson, cô Lee; buổi chiều hôm đó cô ấy được nghỉ nên qua giúp, và còn một vài đứa nhóc tình nguyện đến phụ một tay nữa. Cháu không thấy tội đó giúp được gì. Mấy đứa con gái chỉ đi lại quanh quẩn với rúc rích nói chuyện thôi.”

“À, phải rồi. Cậu có nhớ các cô gái ấy là những ai không?”

“Thì, chị em nhà Reynolds. Joyce quá cố tội nghiệp, về sau bị xử và chị gái của nó, Ann. Một cô nàng đáng sợ. Nói mãi không ngừng.

Nó cứ nghĩ nó thông minh cao siêu lắm. Chắc nó tin nó sẽ đậu hết mấy kỳ thi trình độ A. Và thằng nhóc Leopold, thằng bé thật kinh khủng,” Desmond nói. “Nó rất hay hót lẻo, hay đi nghe lỏm rồi đi kể ba hoa khắp nơi. Thằng nhóc hư lắm. Rồi còn có Beatrice Ardley và Cathie Grant, nó khờ từ bé, và tất nhiên một số cô bác thạo việc nữa. Ý cháu là các bà các cô dọn dẹp ấy. Và cả nữ tác giả viết tiểu thuyết - bà ấy đã đưa ông xuống đây.”

“Có đàn ông nào không?”

“Ờm, nếu tính thì có mục sư ghé thăm một lúc. Một lão tử tế, hơi khờ. Và cả ông trợ tế mới. Ông này cứ khi nào lo lắng là lại nói lắp. Chưa ở đây lâu. Thế thôi, giờ cháu chỉ nhớ được có vậy.”

“Vậy thì, tôi không nhằm cậu có nghe cô bé Joyce Reynolds nói gì đó về chuyện từng chứng kiến một vụ án mạng.”

“Cháu chưa nghe bao giờ,” Desmond đáp. “Con bé đó có nói sao?”

“À, ấy là họ nói thế,” Nicholas nói. “Cháu không nghe trực tiếp từ Joyce, chắc là khi ấy cháu không ở trong phòng. Nó nói thế ở đâu, à ý cháu là khi nào?”

“Ở trong phòng khách.”

“À phải, thì, đa số mọi người đều tập trung ở đó, trừ khi họ phải làm việc gì đặc biệt ở phòng khác. Dĩ nhiên cháu và Nick,” Desmond nói, “gần như luôn có mặt ở trong phòng, ở đó tụi con gái sẽ nhìn thấy tình yêu đích thực của mình trong gương. Rồi thì sửa dây điện và mấy công việc kiểu vậy. Lúc khác thì tụi cháu có ra cầu thang để sửa đèn nhấp nháy. Có một hai lần tụi cháu vào phòng khách để bài trí đám bí ngô, hoặc treo vài trái đã khoét rỗng và lắp đèn bên trong.

Nhưng lúc ở trong phòng khách cháu không hề nghe thấy chuyện ông vừa kể. Cậu có nghe không, Nick?”

“Tớ không,” Nick đáp. Rồi hào hứng hỏi thêm, “Thế có đúng là Joyce nói từng nhìn thấy người khác giết người không? Thế thì chuyện hay rồi, ông biết đấy, nếu đúng là vậy, phải không ạ?”

“Tại sao lại hay?” Desmond hỏi.

“Thì, như kiểu ngoại cảm ấy, phải không? Ý tớ là, con bé ấy từng chứng kiến một vụ án mạng, và chỉ một hai tiếng sau chính nó bị giết. Tớ đoán là nó linh cảm thấy chuyện chẳng lành. Cũng đáng để nghĩ lắm. Cậu biết mấy thí nghiệm gần đây họ hay làm ấy, trông như họ sắp làm cho người ta có năng lực ngoại cảm bằng cách gắn một điện cực, hay thiết bị điện gì đó, vào tĩnh mạch ở cổ của cậu ấy. Tớ đã đọc về vụ này ở đâu đó.”

“Họ làm gì nghiên cứu được về mấy thứ ngoại cảm đâu,” Desmond khinh khỉnh đáp. “Người ta chỉ ngồi trong các căn phòng khác nhau, nhìn để đoán các lá bài trong một bộ, hoặc các chữ cái với các hình vuông và đủ thứ số hình học trên đó. Nhưng chẳng ai đoán được đúng cả, hoặc là rất hiếm khi.”

“Thì, cậu chắc cần phải rất trẻ tuổi để tham gia thí nghiệm đó. Thanh niên hẳn sẽ làm tốt hơn người già.”

Không có ý định tham gia vào cuộc bàn luận khoa học hàn lâm cao cấp này, Hercule Poirot xen vào:

“Vậy theo trí nhớ của các cậu, khi các cậu có mặt trong căn nhà, không hề xảy ra sự vụ nào có vẻ nguy hiểm hay đáng chú ý gì cả. Như là chuyện gì đó có thể người khác không để mắt tới, nhưng lại vô tình khiến các cậu chú ý chẳng hạn.”

Nicholas và Desmond chau mày, rõ ràng là đang cố gắng nặn óc để nhớ ra sự việc quan trọng nào đó.

“Không, chỉ toàn lọc cọc những việc sắp xếp kê dọn thôi.”

“Các cậu có giả thuyết nào trong chuyện này không?” Poirot quay sang nhìn Nicholas.

“Sao cơ, giả thuyết ai đã hại Joyce á?”

“Phải. Ý tôi là có chuyện gì đó cậu có thể đã để tâm, từ đó đặt ra nghi ngờ nào đó, hoặc đơn giản chỉ là suy đoán về tâm lý thôi chẳng hạn.”

“Rồi, cháu hiểu ý ông. Có thể là có đấy.”

“Cháu đặt cửa hung thủ là Whittaker,” Desmond lên tiếng, phá tan dòng suy nghĩ miên man của Nicholas.

“Cô giáo dạy ở trường sao?” Poirot hỏi lại.

“Vâng. Bà cô không chồng, ông biết đấy. Thèm khát tình dục. Và lại còn phải đi dạy học, phải kìm nén giữa các phụ nữ khác. Ông nhớ từng có một giáo viên bị bóp cổ chết một hai năm trước không. Bà ấy kiểu đồng tính, họ kể lại thế.”

“Đồng tính nữ à?” Nicholas hỏi, giọng vẻ hiểu biết.

“Có lẽ thế. Cậu còn nhớ Nora Ambrose, cô giáo sống chung với cô Whittaker không? Cô ta nhìn cũng đâu có tệ, có một vài anh bạn trai, họ đồn thế, và thế là cô bạn sống cùng nhà ấy mới nổi điên lên. Có người còn nói cô ta không chồng mà sinh con. Cô giáo ấy vắng mặt hai học kỳ, nghỉ ốm, rồi sau đó quay lại dạy. Mà ở cái ổ buồn chuyện này, thứ gì họ chẳng nói.”

“Thì, dẫu sao, Whittaker ở trong phòng khách gần như cả buổi

sáng hôm đó. Có thể cô ấy đã nghe lời Joyce nói. Có thể đã khiến cô ấy giật mình, có phải không?”

“Nghe này,” Nicholas nói, “cứ cho là Whittaker - bao tuổi nhỉ, cậu đoán xem? Hơn bốn mươi? Sắp năm mươi - phụ nữ ai đến tuổi đấy cũng thành đồng tính cả.”

Cả hai cậu trai trẻ quay sang nhìn Poirot, với vẻ mặt hài lòng của những chú cún khi mới mang về được món gì đó theo yêu cầu của chủ nhân.

“Nếu đúng là vậy, cháu cá là cô Emlyn cũng biết chuyện đó. Có chuyện gì mà cô ấy không biết đâu, về những chuyện xảy ra trong trường của cô ấy.”

“Liệu cô Emlyn sẽ chịu nói về chuyện này chứ?”

“Hoặc cũng có thể không, có thể cô Emlyn thấy cần phải trung thành với bạn mình nên che giấu cho cô ấy.”

“Ôi, cháu lại không nghĩ thế. Nếu cô ấy nghĩ Elizabeth Whittaker đầu óc có vấn đề thật thì, ý cháu là, rất nhiều học sinh ở trường có nguy cơ bị xử rồi.”

“Thế còn ông trợ tế thì sao?” Desmond hào hứng la lên. “Biết đâu ông ấy cũng bị khùng khùng, ông biết đấy, mấy thứ tội lỗi nguyên thủy trong Kinh thánh, có nước, có tảo, các thứ - đấy, giờ cháu đã nghĩ ra được một giả thuyết đây! Giả sử ông này hơi gàn dở, sống ở đây chưa lâu. Chẳng ai biết rõ ông ấy là người thế nào. Có thể trò Ròng táp lập lờ đã khơi dậy ý nghĩ trong đầu ông ta. Lửa địa ngục! Và lửa bùng lên! Thế rồi, chắc là ông ta đã lôi Joyce ra và nói: ‘Đi theo ta, ta có cái này cho con xem’, và rồi dắt con bé đến phòng chơi tảo và ra lệnh ‘quỳ xuống’, ông ta sẽ nói: ‘Đây là rửa tội’, và

nhấn đầu con bé vô xô nước. Thấy chưa? Tất cả đều khớp. Adam và Eva và táo và lửa địa ngục và đám chơi Rồng táp và dùng nước để gột rửa tội lỗi của con người.”

“Có thể ông ta còn ‘biến thái’ khoe với con bé trước,” Nicholas thêm vào, hào hứng không kém. “Ý cháu là, thể nào mấy chuyện như thế này cũng có gì đó yếu tố tình dục liên quan.”

Cả hai lại nhìn Poirot, rất hài lòng với những giả thuyết mình vừa đưa ra.

“Chà,” Poirot đáp, “nhờ các cậu mà ta có thêm vài điều để nghĩ rồi.”



## CHƯƠNG 16

Hercule Poirot nhìn gương mặt bà Goodbody, vẻ lạ lẫm. Quả là một gương mặt lý tưởng cho vai phù thủy. Ngay cả tính cách hết sức hòa nhã đáng mến của bà cũng không đủ sức xua tan đi ấn tượng từ vẻ ngoài ấy. Bà Goodbody say sưa thuật lại cho Poirot bằng giọng hào hứng.

“Vâng, đúng là tôi có mặt ở đó. Tôi luôn đóng vai phù thủy trong các dịp lễ tiệc trong vùng. Năm ngoái mục sư còn khen tôi, nói là tôi đã nhập vai quá xuất sắc nên sẽ tặng tôi một chiếc nón gắn chuông mới làm quà. Nón phù thủy cũng sồn cũ như mọi món đồ khác thôi. Phải, hôm tiệc Halowe'en tôi cũng có mặt. Tôi giúp sáng tác các bài thần chú, ông biết đấy. Ý tôi là bài thần chú dành cho từng cô gái một, với tên thánh của các em được nhắc trong đó. Một bài cho Beatrice, một bài cho Ann, cứ thế. Rồi tôi đưa chúng cho người giả giọng linh hồn và họ đọc lớn cho cô gái cầm gương nghe, và hai chàng trai, Nicholas và Desmond bậc thầy, làm cho các tấm ảnh ghép bay ra lơ lửng. Làm tôi suýt chết ngất vì cười, mấy lần liền. Nhìn hai cậu bé thay nhau dính râu tóc lên mặt và tự chụp ảnh cho nhau. Và mấy bộ đồ hai thằng bé mặc nữa! Hôm trước tôi có thấy



cậu Desmond bậc thầy ấy, ông không thể tin nổi cậu ta mặc gì đâu. Áo khoác hồng và quần chèn nâu vàng. Hạ đo ván các cô gái về độ thời trang. Các cô nàng chỉ biết diện mấy cái váy càng ngắn càng tốt, mà thế vẫn chưa đủ, vì bên trong còn phải mặc thêm mấy lớp nữa. Tôi chẳng hiểu sao họ lại thích diện mấy món mà họ gọi là quần tất với áo bó. Ngày xưa chúng tôi chỉ dùng chúng cho các cô biểu diễn hợp xướng - thế mà giờ các cô gái trẻ đổ cả đồng tiền vào đó. Nhưng các cậu thanh niên này - chà chà, họ mặc đồ đẹp rực rỡ như mấy chú chim công và chim bói cá ấy, hay là mấy loài chim đến từ thiên đường vậy. Ôi trời, tôi thích những thứ có màu sắc rực rỡ một chút. Xem mấy tấm hình cổ tôi cứ nghĩ ngày xưa mấy dịp lễ như thế này chắc phải vui lắm. Ông biết đấy, mọi người ai cũng mặc đồ ren, uốn tóc, đội nón rộng vành gắn lông vũ các kiểu. Các cô nàng bây giờ phải xem đấy mà học hỏi. Rồi còn áo bó tay bông đi với quần chèn. Bây giờ nhắc đến ngày xưa các cô chỉ nghĩ được đến váy bông bong bóng thật bự, mà sau này họ gọi là váy phồng, và đeo thêm cổ áo diềm đăng-ten tổ ong! Bà tôi từng kể tôi nghe về các cô chủ của bà ấy - ngày xưa bà tôi là người giúp việc, ông biết đấy, cho một gia đình tử tế thời Nữ hoàng Victoria - và các cô chủ (hình như tôi nhớ là trước cả thời Victoria cơ) - là thời trị vì của vua gì đó đầu trông như quả lê ấy - Billy Ngờ nghịch, có phải không nhỉ, William Đệ tứ - dẫu sao thì các cô chủ, ý là cô chủ của bà tôi, họ phải mặc những chiếc váy trắng bằng vải muslin mỏng, dài xuống tận mắt cá chân, nhìn kiểu đức hạnh và rất cứng nhắc. Nhưng họ có cách là đem thấm nước những chiếc váy ấy để vải dính vào da. Ông biết đấy, như vậy váy sẽ thành xuyên thấu, trưng ra được tất cả những gì bên trong. Thế là họ mặc đồ nhìn có vẻ nhu mì và thùy mị,

nhưng vẫn có thể khiến cánh quý ông nhức mắt.”

“Tôi đưa bà Drake mượn quả cầu phù thủy của tôi cho bữa tiệc,” bà Goodbody tiếp. “Mua quả cầu ấy từ một phiên chợ bán đồ cũ ở đâu đó. Tôi đang treo nó ở đằng kia, cạnh ống hút khói, ông thấy không? Màu xanh dương thẫm rất đẹp. Tôi giữ nó trên cửa ra vào.”

“Bà xem bói được không?”

“Tôi không thể nói là không được, có phải không?” bà Goodbody bật cười. “Giới cảnh sát thường không thích trò này. Không phải là họ không thích những thứ tôi bói ra. Chẳng có gì ghê gớm cả. Ở những nơi như thế này, ông luôn biết ai đang yêu đương qua lại với ai, nên việc bói toán cũng không khó lắm.”

“Bà có thể nhìn vào quả cầu phù thủy của bà, đằng kia, để xem ai đã giết Joyce không?”

“Ông có chút nhầm lẫn rồi,” bà Goodbody nói. “Quả cầu pha lê mới dùng để nhìn ra mọi thứ, chứ không phải quả cầu phù thủy. Nếu tôi nói ông biết tôi nghĩ ai hạ sát cô bé, thì ông sẽ không thích đâu. Ông sẽ nói như vậy là trái tự nhiên. Nhưng thật ra có rất nhiều thứ trên đời này đi ngược lại tự nhiên.”

“Biết đâu bà lại giúp được gì đó.”

“Đây là một nơi sinh sống rất dễ chịu, nhìn chung là vậy. Ý tôi là, mọi người đều tử tế, đa số là vậy, nhưng dù ông có đi đâu chẳng nữa thì quỷ dữ luôn trà trộn vào được. Chúng được sinh ra và nuôi dạy theo cách đó.”

“Ý bà là... tà thuật?”

“Không, không phải.” Bà Goodbody tỏ vẻ khinh bỉ. “Mấy thứ tà

thuật toàn là vớ vẩn cả, chỉ dành cho những phù thủy thích ăn vận khủng điên và làm những trò ngớ ngẩn. Bà trò làm tình tế thần các thứ. Không, ý tôi là những người đã bị quỷ dữ nhập vào. Những kẻ sinh ra đã xấu xa. Chúng giống như môn đồ của Lucifer\* vậy. Sinh ra đã tàn ác nên giết chóc với chúng chẳng có gì là ghê gớm, nhất là khi chúng có thể kiếm lợi từ đó. Chúng muốn gì thì sẽ phải có bằng được. Và để giành được điều đó, chúng sẵn sàng xuống tay không thương xót. Dù bề ngoài mang vẻ đẹp của thiên thần. Có lần một cô bé, chừng bảy tuổi, đã ra tay giết chết em trai và em gái mình. Hai đứa sinh đôi, mới chỉ năm sáu tháng tuổi. Bóp chết hai đứa bé ngay trong nôi.”

“Chuyện như vậy đã xảy ra ở Woodleigh Common rồi sao?”

“Không, không có, không phải ở Woodleigh Common. Tôi từng gặp chuyện như vậy khi còn ở trên xứ Yorkshire, nếu tôi nhớ không nhầm. Một vụ án khủng khiếp. Cô bé ấy cũng rất xinh xắn. Ông có thể gán cho nó đôi cánh trắng và cho lên sân khấu hát mừng Giáng sinh, cô bé trông sẽ rất hợp vai thiên thần ấy. Nhưng thực tế lại trái ngược. Tâm địa bên trong nó đã mục nát rồi. Ông sẽ hiểu ý tôi muốn nói gì. Ông cũng là người từng trải. Ông biết rõ thế giới ngoài kia xấu xa như thế nào mà.”

“Ôi trời!” Poirot nói. “Bà nói không sai. Đúng là tôi hiểu quá rõ. Nếu Joyce quả thật đã chứng kiến hành vi giết người...”

“Ai nói cô bé nhìn thấy?” bà Goodbody hỏi.

“Chính Joyce nói vậy.”

“Vậy thì chẳng đáng tin. Con bé ấy rất hay nói dối.” Bà liếc Poirot sắc lẹm. “Ông cũng đâu có tin điều đó, đúng không?”

“Có chứ,” Poirot đáp, “tôi có tin. Có quá nhiều người đã nói như bà, rằng tôi không nên tin lời cô bé.”

“Các gia đình hay nảy sinh những chuyện kỳ lạ,” bà Goodbody nói. “Cứ nhìn nhà Reynolds mà xem. Ông Reynolds làm về nhà đất. Chưa bao giờ làm nên trò trống gì bằng nghề đó, và chắc chắn là sẽ không bao giờ làm được. Còn bà Reynolds, lúc nào cũng lo lắng buồn rầu vì mấy chuyện không đâu. Ba đứa con nhà ấy không ai giống cha mẹ cả. Ann là đứa có đầu óc thông minh. Cô bé học hành ở trường rất giỏi. Thế nào nó cũng sẽ học đến đại học cho xem, tôi cũng không ngạc nhiên, có thể là học sư phạm làm giáo viên. Mà ông cứ để ý sẽ thấy, con bé ấy khá là tự phụ. Đến nỗi chẳng ai chịu nổi nó. Chẳng cậu thanh niên nào thèm nhìn nó đến lần thứ hai cả. Rồi đến Joyce, không thông minh được như Ann, cũng không bằng cả cậu em Leopold, nhưng lại thích tỏ vẻ ta đây. Lúc nào cũng muốn ra cái điều hiểu biết hơn người và làm được những việc người khác không làm được, sẵn sàng nói mọi chuyện để người khác phải ngồi xuống và nghe nó nói. Nhưng ông chớ tin con bé dù chỉ một lời. Vì mười lần thì đến chín là nói dối.”

“Vậy còn cậu em út?”

“Leopold sao? À, thằng bé mới chỉ chín mười tuổi thì phải, nhưng nó cũng khá sáng láng. Tay chân cũng khéo léo nữa. Nó thích mày mò những môn như vật lý, cũng giỏi môn toán. Các giáo viên ở trường đã khá ngạc nhiên về khả năng của Leopold. Phải, thằng bé rất thông minh. Lớn lên nó sẽ thành nhà khoa học cho mà xem. Mà nói ra, nếu nó làm nhà khoa học thật, thì tôi đoán những thứ nó nghiên cứu hoặc chế tạo ra hẳn sẽ là toàn những thứ khủng khiếp,

cỡ bom nguyên tử ấy! Leopold thuộc kiểu người thích tìm tòi nghiên cứu, và đầu óc quá thông minh đến mức có thể nghĩ ra những thứ hủy diệt được một nửa thế giới này, trong đó có cả những con người tội nghiệp chúng ta nữa. Ông hãy xem chừng thằng bé Leopold ấy. Nó thích chơi tiểu xảo với mọi người, và hay nghe lỏm lăm. Thích bới móc bí mật của người khác. Tôi hết sức tò mò muốn biết tiền tiêu vặt của nó là từ đâu ra. Chắc chắn không phải từ cha mẹ thằng bé rồi. Họ đâu có dư dả mà cho nó nhiều vậy. Thế mà lúc nào nó cũng có nhiều tiền trong túi. Giấu dưới mấy đôi tất để trong ngăn tủ. Thằng bé hay mua sắm nhiều thứ nữa. Toàn những đồ đắt tiền. Chỗ tiền ấy nó lấy từ đâu ra được nhỉ? Tôi rất tò mò. Tôi đoán là nó phát hiện ra bí mật của người khác rồi bắt họ đưa tiền để nó im lặng.”

Bà Goodbody ngừng lại lấy hơi sau một tràng kể lể, rồi tiếp tục:

“Chà, tôi nghĩ mình đã không giúp gì cho ông được rồi.”

“Bà giúp tôi rất nhiều,” Poirot đáp. “Chuyện gì đã xảy ra với cô gái ngoại quốc bị mọi người đồn là đã bỏ trốn?”

“Chắc là không đi được xa, theo tôi là vậy. *Chuông vang đình đoong, chú mèo rơi xuống giếng mất rồi.\** Tôi nghĩ thế.”



## CHƯƠNG 17

“Xin lỗi bà, không biết tôi có thể xin một phút nói chuyện với bà?”

Bà Oliver đang đứng trên hiên nhà bạn, mắt ngóng ra ngoài đường. Bà đang chờ Hercule Poirot đến - ông đã gọi điện thoại nhắn sẽ ghé qua gặp bà chốc lát. Nghe tiếng người hỏi, bà Oliver quay lại.

Một phụ nữ ăn vận gọn gàng đứng gần đó vẻ lo lắng, hai bàn tay bà đeo găng vải bông, đan xoắn chặt vào nhau.

“Vâng?” bà Oliver đáp, âm điệu hơi cao thành một câu hỏi.

“Tôi xin lỗi vì làm phiền, rất xin lỗi, thưa bà, nhưng tôi nghĩ - tôi cứ nghĩ...”

Bà Oliver kiên nhẫn lắng nghe, không có ý thức giục, trong đầu bà tự hỏi không biết điều gì đã khiến người phụ nữ này lo lắng đến vậy.

“Tôi không nhầm thì bà chính là nhà văn viết tiểu thuyết, có phải không? Các truyện về án mạng và tội phạm, kiểu như vậy.”

“Đúng vậy,” bà Oliver đáp, “là tôi đây.” Sự tò mò trỗi dậy. Người phụ nữ này lại đến hỏi xin chữ ký của bà? Hay đưa ra một tấm hình rồi xin bà ký lên? Ai mà biết được. Đến cả những chuyện không ngờ tới nhất cũng đã xảy ra rồi.

“Tôi có chuyện này, tôi nghĩ nói với bà thì tốt hơn cả.”

“Bà ngồi xuống đi,” bà Oliver nói.

Chỉ nhìn thôi bà cũng đoán được Bà Gì-đó này, tay bà ấy đeo nhẫn cưới, nên có thể gọi là bà - thuộc kiểu người phải nói vòng vo một lúc mới đi vào câu chuyện được. Người phụ nữ ngồi xuống, đôi tay đeo găng vẫn xoắn miết.

“Bà có chuyện gì bất an sao?” bà Oliver gắng hỏi, cố gắng hết sức để vào thẳng vào câu chuyện.

“Tôi... tôi muốn xin lời khuyên, và tôi thề là tôi nói thật. Cách đây cũng khá lâu rồi có xảy ra một chuyện, và lúc đó tôi không nghĩ ngợi nhiều lắm. Nhưng bà cũng biết đấy, có những chuyện mà khi ngồi nghĩ lại, bà chỉ ước giá có ai đó để mình đến xin lời khuyên.”

“Tôi hiểu rồi,” bà Oliver đáp, dù vẫn chưa thực sự hiểu gì, chỉ hy vọng câu nói đó sẽ giúp truyền chút tự tin cho người đối diện.

“Chúng kiến những chuyện xảy ra gần đây, bà mới biết là có những thứ không thể lường hết được, đúng không?”

“Ý bà là...”

“Tôi đang nói về bữa tiệc Hallowéen. Ý tôi là, nhờ đó mà bà biết được ở đây có những người không đáng tin cậy, phải không? Nhờ đó bà mới nhận ra những chuyện trước đây hóa ra không như bà tưởng tượng. Ý tôi là, có nhiều chuyện có thể không giống như bà nghĩ về nó, nếu bà hiểu tôi đang nói gì.”

“Vâng?” bà Oliver đáp, lên giọng rõ hơn ở cuối âm để cho người đối diện hiểu đây là một câu hỏi gợi mở. “Tôi chưa biết tên của bà,” bà nói thêm.

“Leaman. Bà Leaman. Tôi thường làm công việc dọn dẹp cho các

bà trong vùng. Tôi đi làm sau khi chồng tôi mất, tức là năm năm trước. Tôi từng làm giúp việc cho bà Llewellyn-Smythe ở trên biệt thự Mỏ Đá, trước khi ông đại tá Weston và vợ chuyển đến. Tôi không rõ trước đây bà có quen biết bà Llewellyn-Smythe hay không.”

“Không,” bà Oliver đáp, “tôi chưa từng gặp bà ấy. Đây là lần đầu tiên tôi đến Woodleigh Common này.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy thì chắc bà cũng không hiểu những chuyện đã xảy ra, và cả những lời đồn khi đó nữa.”

“Tôi có nghe được một vài chuyện từ khi xuống đây chơi,” bà Oliver đáp.

“Bà biết đấy, tôi chẳng biết gì về luật cả, nên nếu gặp chuyện gì dính đến pháp luật thì tôi lo lắm. Ý tôi muốn nói đến các luật sư. Họ cứ làm mọi thứ rối tung lên, mà tôi lại không muốn đi trình cảnh sát. Mấy chuyện tranh chấp pháp lý đâu có liên quan đến cảnh sát, có đúng không?”

“Có thể là không,” bà Oliver thận trọng đáp.

“Có thể là bà có nghe mọi người lúc đó nói về tờ sung - tôi không biết nữa, họ gọi đó là *sung* gì đó.”

“Tờ bổ sung di chúc?” bà Oliver gợi ý.

“Đúng rồi, phải. Ý tôi là tờ ấy đấy. Bà Llewellyn-Smythe ấy, có viết một tờ sung... bổ sung di chúc, là bà ấy để lại toàn bộ số tiền cho cô gái ngoại quốc chăm sóc bà ấy trước khi chết. Ai cũng ngạc nhiên cả, vì bà chủ còn có họ hàng ở đây, và dẫu sao ban đầu bà ấy chuyển đến đây cũng là để được sống gần họ. Bà Llewellyn-Smythe nhiệt tình với họ hàng lắm, nhất là bà Drake. Nên mọi người ai cũng



lấy làm lạ, thật đấy. Và rồi các luật sư, họ bắt đầu lên tiếng. Họ nói bà Llewellyn-Smythe thật ra không hề viết tờ bỏ sung ấy. Rằng chính cô gái nước ngoài kia đã viết nó, để cô ta có thể chiếm được toàn bộ gia sản. Rồi họ nói họ sẽ đưa chuyện này ra tòa. Rằng bà Drake sẽ đấu cật lại tờ di chúc - hình như họ dùng từ đó.”

“Các luật sư sẽ đấu tranh cho tờ di chúc gốc. Phải, hình như tôi có nghe.” Bà Oliver nói, cố động viên bà Leaman nói tiếp. “Và hình như bà biết chuyện gì đó?”

“Tôi không định làm hại ai cả,” bà Leaman rên rỉ đáp.

Giọng điệu than thở này bà Oliver đã nghe trong quá khứ nhiều lần. Bà có cảm giác bà Leaman này không phải là người đáng tin, thậm chí có lẽ còn thích rình mò chuyện người khác, hay nghe lén qua cánh cửa chẳng hạn.

“Lúc đó tôi chẳng dám lên tiếng,” bà Leaman tiếp, “vì bà biết đấy, khi ấy tôi đâu có hiểu gì. Nhưng tôi có cảm thấy chuyện này hơi kỳ lạ, và với những người hiểu chuyện như bà, tôi cũng xin thú thực là tôi cũng tò mò muốn biết sự thật là gì. Dẫu sao tôi đã làm việc cho bà Llewellyn-Smythe được một thời gian, và tôi muốn biết chuyện gì đang xảy ra trong nhà.”

“Hẳn rồi,” bà Oliver đáp.

“Nếu khi ấy tôi biết mình mới làm một chuyện không nên thì, tất nhiên, tôi sẽ đứng ra thú nhận hết với mọi người. Nhưng tôi không nghĩ mình làm gì sai, bà biết đấy. Lúc ấy, thì không,” bà nói thêm.

“Ồ, phải,” bà Oliver đáp, “tôi hiểu mà. Bà nói tiếp đi. Về tờ di chúc bỏ sung ấy.”

“À, phải, là thế này, có một hôm bà Llewellyn-Smythe gọi chúng

tôi vào, cả ngày hôm ấy bà chủ đã thấy không được khỏe lắm. Có tôi, và cậu Jim trẻ tuổi phụ việc dưới vườn, cậu ấy hay giúp bê than củi vào nhà, mấy việc vặt như vậy. Và chúng tôi vào phòng bà chủ, thấy bà để giấy tờ trên bàn trước mặt. Và bà ấy quay sang cô gái ngoại quốc - chúng tôi đều gọi cô ấy là cô Olga - bảo: ‘Cô gái yêu quý, cháu phải ra ngoài rồi, vì riêng chuyện này cháu không tham gia được’, hay đại ý là như vậy. Thế là cô Olga đi ra ngoài, và bà Llewellyn-Smythe bảo chúng tôi tiến lại gần và nói: ‘Đây là tờ di chúc của ta, đây’. Bà ấy làm lem chút mực ở phần trên của tờ giấy nhưng phía dưới chữ viết nhìn vẫn còn rõ ràng. Bà Llewellyn-Smythe nói: ‘Bây giờ ta viết thêm vài dòng vào tờ giấy này, và ta muốn hai người làm chứng cho những điều ta viết và tận mắt thấy ta ký ở bên dưới’. Thế rồi bà ấy bắt đầu viết. Bằng cây viết cào giấy sột soạt mà bà ấy vẫn dùng hàng ngày, bà Llewellyn-Smythe không chịu đổi sang mấy cây bút Biro hay gì đó để viết cho êm hơn. Bà viết thêm khoảng hai ba dòng và ký tên mình ở dưới, sau đó quay sang tôi nói: ‘Giờ thì bà Leaman, bà ghi tên bà vào đây. Ghi tên và địa chỉ’. Rồi nói tiếp với Jim: ‘Và giờ cậu viết tên cậu ở bên dưới đó, và địa chỉ nữa. Thế. Đúng rồi. Giờ thì hai người đã chứng kiến tôi viết thêm những dòng này và đã nhìn thấy chữ ký của tôi, và đã ghi tên cả hai vào đây để xác nhận’. Và rồi bà ấy nói: ‘Vậy là xong rồi. Cảm ơn rất nhiều’. Sau đó chúng tôi ra khỏi phòng. Thú thật, khi đó có một chuyện mà ban đầu tôi không để tâm lắm dù có thắc mắc một chút. Chính là lúc tôi quay đầu ra khỏi phòng. Bà biết đấy, cánh cửa khi đóng thường không chốt ngay được, mà người ta phải kéo mạnh nó một chút, để nghe chốt cửa kêu *cách* một tiếng. Vậy nên khi tôi đang kéo cửa - tôi không định nhìn lên đâu, bà hiểu mà...”

“Tôi hiểu,” bà Oliver đáp, không chắc chắn lắm.

“Và tôi đã nhìn thấy bà Llewellyn-Smythe cố gắng đứng dậy - bà ấy mắc chứng viêm khớp nên cử động hay bị đau - rồi đi đến kệ sách, lôi ra một cuốn sách và kẹp tờ giấy bà ấy mới ký - bà chủ có nhét nó vào một cái phong bì - vào đó. Đó là một cuốn sách dài ở ngăn dưới cùng. Rồi bà ấy đặt nó lại vào kệ. Sau đó tôi không nghĩ đến chuyện này nữa. Không, tôi không nghĩ gì thật. Nhưng sau tất cả những chuyện om sòm vừa rồi, thì, tất nhiên tôi cảm thấy... Ít ra, tôi...” Đến đây bà bỗng im bặt.

Bằng trực giác nhanh nhạy, bà Oliver lập tức hiểu ý, hỏi tiếp:

“Nhưng chắc là bà đã không đợi đến lúc đó mới...”

“Thì, tôi cũng xin nói thật với bà. Đúng là tôi có hơi tò mò. Ý tôi là, nói cho cùng, bà cũng sẽ muốn biết bà vừa mới ký vào cái gì, nội dung là gì, phải không? Cũng là bản năng con người thôi.”

“Phải,” bà Oliver tỏ ý đồng tình, “chỉ là bản năng mà thôi.” Bà trầm nghĩ, rõ ràng tính tò mò chiếm phần lớn “bản năng” con người bà Leaman.

“Vậy nên, xin thú thật là vào ngày hôm sau, khi bà Llewellyn-Smythe đi Medchester và tôi vào dọn giường cho bà ấy như mọi khi - bà ấy có một căn phòng vừa để ngủ vừa dùng tiếp khách, vì bà Llewellyn-Smythe thường xuyên phải nghỉ ngơi. Và tôi chợt nghĩ: ‘Dù là ai chẳng nữa, nếu phải ký vào một tờ giấy, có lẽ cũng cần phải biết nội dung là gì’. Ý tôi là người ta hay dặn nhau khi ký tờ mua bán gì đó, mình cần phải đọc kỹ từng chữ một họ in lên đó.”

“Hoặc là chữ viết tay, trong trường hợp này,” bà Oliver thêm vào.

“Thế nên tôi đã nghĩ, thì, cũng chẳng hại ai - tôi cũng đâu có trộm

cấp hay lấy đi cái gì. Ý tôi là tôi đã đứng ra ký tên vào đó, chắc tôi cũng nên biết nội dung mình đã ký là gì. Vậy nên tôi đã tìm sơ qua kệ sách. Đằng nào nó cũng cần được phủi bụi. Và tôi đã tìm được cuốn sách đó, ở kệ dưới cùng. Đó là một cuốn sách cũ, kiểu từ thời Nữ hoàng Victoria. Tôi thấy phong bì thư có kẹp một tờ giấy gấp lại bên trong đó, tựa đề sách ghi là *Lời giải cho mọi điều\**. Và tựa đó có vẻ hợp, nếu bà hiểu ý tôi nói.”

“Vâng,” bà Oliver nói. “Rõ ràng rất hợp. Và sau đó bà lấy tờ giấy bên trong ra xem.”

“Đúng vậy, thưa bà. Và tôi không biết mình có làm sai hay không nữa. Nhưng dẫu sao, thì tôi cũng đã tìm thấy tờ giấy. Đó là một tờ chứng thư. Ở trang cuối có vài dòng bà ấy viết tay buổi sáng hôm đó bằng cây bút cào giấy hay dùng. Bình thường chữ bà ấy nhọn hoắt rất khó nhìn, nhưng mấy dòng này đủ rõ để tôi đọc được.”

“Và trên đó viết gì?” bà Oliver cũng tò mò theo bà Leaman.

“Thì, trên đó viết, theo như tôi nhớ thì... tôi không nhớ được chính xác từng từ một, nhưng là gì đó liên quan đến một tờ di chúc bổ sung, và rằng sau tất cả tài sản kế thừa bà ấy liệt kê trong bản di chúc chính, bà ấy để lại toàn bộ gia tài cho Olga, tôi không chắc tên lót cô ta là gì, bắt đầu bằng chữ S. Là Semioff, hay đại loại vậy - để ghi nhận lòng tốt và sự tận tụy của cô ấy trong thời gian bà ấy bị bệnh. Và sau đó đến chữ ký của bà ấy, và có tôi ký vào đó và cuối cùng là Jim. Xong tôi đặt tờ giấy vào lại chỗ cũ, vì không muốn bà Llewellyn-Smythe biết tôi tọc mạch đồ đạc của bà ấy.

“Nhưng rồi nghĩ lại, tôi thấy chuyện này thật hết sức ngạc nhiên. Rồi tôi lại thấy mừng thay cho cô ngoại quốc ấy sắp được số tiền

khổng lồ, vì ai cũng biết bà Llewellyn-Smythe giàu có cỡ nào. Chồng bà ấy từng làm đóng tàu và để lại một gia tài khổng lồ. Rồi tôi lại nghĩ, thật đúng là, có nhiều người may mắn hết cả phần người khác. Thú thực, tôi không ưa cô Olga ấy lắm. Cô ta đôi khi hơi ma mĩnh và hay cáu bẳn. Nhưng cũng phải thừa nhận cô Olga luôn rất tận tâm và nhẹ nhàng chăm sóc cho bà lão. Cô ta biết lo cho thân mình, cũng được, và còn sống khỏe nhờ vậy nữa. Tôi lại nghĩ, chà, bà lão để lại tất cả chỗ tiền ấy cho người dưng, không phải cho con cháu trong gia đình mình. Rồi tôi đoán, có lẽ là bà chủ xích mích gì đó với họ và biết đâu sẽ sớm nguôi ngoai làm hòa, nên có thể cuối cùng bà ấy sẽ xé bản mới này đi và viết một di chúc khác, hoặc bổ sung thêm bản khác. Dẫu sao thì, cứ biết thế đã, sau đó tôi cất cuốn sách về kệ, dần dần cũng chẳng nhớ đến nó nữa.

“Nhưng rồi mọi chuyện về bản di chúc âm ỉ lên, và có người nói là nó đã bị làm giả và không đời nào bà Llewellyn-Smythe tự viết bản bổ sung ấy - đấy là mọi người nói vậy, bà nhớ cho, nói là hoàn toàn không phải bà lão viết, mà là người khác...”

“Tôi hiểu rồi,” bà Oliver đáp. “Và sau đó, bà đã làm gì?”

“Tôi chẳng làm gì cả. Thế nên giờ tôi mới thấy bất an... Ngay lúc đấy thì tôi chưa hiểu ra chuyện. Đến khi tôi bắt đầu ngẫm nghĩ lại một chút, tôi lại không chắc mình có thể làm gì được, rồi tôi lại nghĩ, ôi dào, người ta chỉ dọa miệng như vậy, vì các ông luật sư đang muốn chống lại cô ngoại quốc ấy, họ lúc nào chẳng thế. Tôi cũng không quý cô ta lắm, thú thật. Dù sao đi nữa, bản bổ sung đã được công bố, và cô gái trẻ đã được hả hê, lên mặt, dương dương tự đắc, và tôi nghĩ, chà, biết đâu lại có vấn đề luật pháp gì đó ở đây thật, và

họ sẽ tuyên bố cô ta không được nhận chỗ tiền ấy vì không phải quan hệ ruột thịt với bà lão. Rồi mọi chuyện sẽ lại đầu vào đấy. Và về sau đúng là như vậy thật, ở mức độ nào đó, như bà biết đấy, họ đã từ bỏ ý định khởi kiện. Vụ việc không ra đến tòa và cô Olga đã phải bỏ trốn, về lại xó xỉnh nào đó ở châu Âu, chốn xuất thân của cô ta. Hóa ra cô Olga hình như đã dùng trò bịp bợm nào đó. Có thể đã đe dọa bà lão và bắt bà ấy viết. Chuyện đó có ai ngờ, phải không? Tôi có đứa cháu đang học làm bác sĩ, nó nói người ta có thể làm nhiều chuyện ngoài sức tưởng tượng bằng thuật thôi miên. Nên tôi nghĩ có thể cô gái đó đã thôi miên bà Llewellyn-Smythe.”

“Chuyện xảy ra được bao lâu rồi?”

“Bà Llewellyn-Smythe đã mất được khoảng... để tôi xem nào, gần hai năm rồi.”

“Và lúc ấy bà không thấy có gì không ổn sao?”

“Không, tôi không nghĩ ngợi nhiều lắm. Lúc đó thì không. Vì bà hãy hiểu là ngay khi ấy tôi không nghĩ những gì tôi thấy lại quan trọng. Mọi chuyện đều có vẻ ổn thỏa, không có khả năng cô Olga có thể ôm trọn số tài sản đó, nên tôi không thấy mình có can hệ gì đến chuyện này.”

“Nhưng giờ bà lại nghĩ khác?”

“Là vì vụ giết người khủng khiếp kia - cô bé bị dìm đầu vào xô nước. Nó có nói về một vụ án mạng nào đó, là nó đã nhìn thấy gì đó hoặc biết gì đó. Vậy nên tôi mới nghĩ, biết đâu cô Olga đó đã xuống tay giết bà lão thật vì cô ta biết toàn bộ số tiền sắp về tay mình. Rồi cuối cùng vì quá lo sợ khi thấy mọi chuyện bị làm âm ỉ lên, còn có cảnh sát và luật sư tham gia vào, nên cô ta đã bỏ trốn. Vậy là tôi

mới nghĩ, có lẽ tôi nên nói chuyện với ai đó, và tôi thấy bà quen biết nhiều, lẽ đâu bà có bạn bè trong các cơ quan pháp luật. Bạn bè làm cảnh sát chẳng hạn, và bà có thể giải thích với họ rằng khi đó tôi chỉ phỉ bươi kẻ sách thôi, và tờ di chúc ấy được kẹp vào một cuốn sách và tôi đã đặt nó lại vào kệ. Tôi không hề lấy nó đi hay làm gì cả.”

“Nhưng có đúng là chuyện xảy ra như lời bà kể? Bà đã nhìn thấy bà Llewellyn-Smythe viết phần bổ sung ấy vào di chúc của bà ấy. Bà chứng kiến bà lão tự ký tên mình, bà cũng ký và cả anh Jim nào đó nữa cũng chứng kiến và ký tên mình vào. Đúng như vậy, phải không?”

“Đúng thế.”

“Vậy là nếu cả hai người cùng chứng kiến bà Llewellyn-Smythe viết thêm và ký vào đó, thì chữ ký ấy không thể là giả được, phải không? Nếu đúng là bà ấy tự viết bản bổ sung ấy.”

“Tôi đã nhìn thấy bà chủ viết vào tờ giấy, những lời tôi nói đều hoàn toàn là sự thật. Và Jim cũng sẽ nói như vậy, nếu cậu ấy không chuyển sang Australia sống. Cậu ấy đi từ hơn một năm trước, tôi cũng không biết địa chỉ hay liên hệ gì cả. Nói cho cùng, cậu ấy cũng không phải người ở đây.”

“Vậy bà muốn tôi làm gì?”

“Thì, tôi hy vọng bà có thể cho tôi biết mình có thể làm gì, hoặc nói gì lúc này. Cũng xin nói luôn là đã chẳng có ai hỏi tôi gì cả. Không một ai hỏi tôi liệu tôi có biết gì về bản di chúc hay không.”

“Tên của bà là Leaman. Vậy tên thánh của bà?”

“Harriet.”

“Harriet Leaman. Còn Jim, họ của cậu ấy là gì?”

“Chà, là gì nhỉ? Jenkins. Đúng rồi. James Jenkins. Tôi sẽ rất biết ơn nếu bà có thể giúp tôi, vì chuyện này mà tôi lo lắng đến mất ăn mất ngủ. Bao nhiêu chuyện rắc rối từ đó nảy sinh, và nếu đúng cô Olga đó đã làm chuyện ấy, ý tôi là giết bà Llewellyn-Smythe, và cô bé Joyce chứng kiến thì... Cô ta đã mừng quýnh lên lúc biết chuyện, ý tôi là cô Olga ấy, khi nghe luật sư thông báo cô ta sắp được một khoản kénh xù. Nhưng gió lại đổi chiều khi cảnh sát đến và tra hỏi, thế rồi bỗng dưng cô ta biến đi đâu mất. Hồi đó chẳng ai hỏi gì tôi cả. Nhưng giờ tôi cứ thắc mắc liệu hồi đó tôi có nên lên tiếng không.”

“Tôi nghĩ,” bà Oliver đáp, “có lẽ bà phải nói chuyện này với vị luật sư đại diện cho bà Llewellyn-Smythe. Tôi chắc chắn là một luật sư tử tế thì sẽ luôn thấu hiểu cảm xúc và lý do cho hành động của bà.”

“Thật ra thì, tôi mong nếu bà đứng ra nói giúp tôi và kể lại cho họ nghe đầu đuôi sự tình, vì bà cũng là một quý bà hiểu chuyện, và rằng tôi không hề có ý làm gì bất chính ở đây cả. Ý tôi là, tôi chỉ...”

“Bà chỉ không lên tiếng mà thôi,” bà Oliver nói. “Có vẻ là một lời giải thích hợp lý.”

“Và nếu có bà nói đỡ giúp tôi một tiếng trước, bà biết đấy, giải thích cho họ hiểu, thì tôi sẽ hết lòng biết ơn.”

“Tôi sẽ làm những gì có thể,” bà Oliver đáp.

Bà đưa mắt nhìn về phía con đường nhỏ trong vườn, chợt nhận ra một bóng người nhỏ mặc y phục gọn gàng đang tiến đến gần.

“Vậy thì, cảm ơn bà rất nhiều. Tôi đã nghe mọi người nói bà là một người tử tế, tôi chắc chắn sẽ không quên ơn sự giúp đỡ của



bà.”

Bà Leaman đứng dậy, chỉnh lại đôi găng tay bà đã cuộn xoắn trong lúc lo lắng, khẽ gật đầu và nhún nhẹ người tạm biệt và ra về.

Bà Oliver ngồi lại đợi Poirot.



## CHƯƠNG 18

“Đến đây nào,” bà nói, “và hãy ngồi xuống đây. Ông gặp chuyện gì sao? Nét mặt ông rất tệ.”

“Chân tôi đang đau kinh khủng,” Hercule Poirot đáp.

“Là do đôi giày da bóng lộn của ông đấy, chật như thế cơ mà,” bà Oliver nói. “Ngồi xuống đây. Nói tôi nghe ông cần gặp tôi có chuyện gì, rồi tôi sẽ kể cho ông nghe chuyện này, ông sẽ ngạc nhiên cho mà xem!”

Poirot ngồi xuống, giãn căng chân cho thoải mái: “À, đỡ hơn rồi.”

“Cởi giày ra đi,” bà Oliver nói, “cho bàn chân ông nghỉ ngơi một chút.”

“Không, không,” Poirot giật mình, vẻ hoảng hốt. “Tôi không làm thế được.”

“Ồi chà, chúng ta là bạn bao năm nay mà ông còn ngại,” bà Oliver nói, “còn Judith nếu có ra ngoài này cũng không để ý đâu. Mà, đừng phiền nếu tôi nói thẳng, nhưng về miền quê ông không nên đi giày da bóng như thế này. Sao ông không sắm một đôi da lộn tử tế để đi cho thoải mái? Hay là loại mà các cậu thanh niên hippy bây giờ hay diện ấy? Ông biết đấy, loại giày mà chỉ cần xỏ vào, và không bao giờ

phải lau, hình như là chúng tự làm sạch bằng cách kỳ diệu nào đó. Theo mấy mẹo vặt tiết kiệm công sức người ta hay nói ấy.”

“Tôi không bao giờ thèm để mắt tới loại giày đó,” Poirot nhấn mạnh. “Chắc chắn là không!”

“Vấn đề của ông là,” bà Oliver nói, tay bắt đầu mở gói hàng trên bàn, có vẻ như mới mua về, “vấn đề của ông là ông cứ nhất định phải trông thật hào nhoáng, ông quan tâm đến y phục và bộ ria và những thứ bên ngoài hơn là cảm giác thoải mái. Bây giờ thì sự thoải mái mới quan trọng. Một khi ông đã qua tuổi, ví dụ như năm mươi chẳng hạn, thì cảm giác thoải mái là trên hết.”

“*Ma-đam thân mến*, tôi không chắc có đồng tình được với bà không nữa.”

“Thế thì ông nên đồng tình,” bà Oliver đáp. “Bằng không ông sẽ còn phải khổ sở nhiều, cứ năm sau sẽ lại thấy kinh khủng hơn năm trước.”

Bà Oliver lấy từ trong gói hàng ra một chiếc hộp bọc rất đẹp. Nhấc nắp hộp lên, bà nhón một miếng nhỏ trong hộp và cho vào miệng. Đoạn bà cẩn thận liếm đầu ngón tay, và lau lại vào khăn mùi xoa, miệng lầm bầm: “Dính thật.”

“Bà không ăn táo nữa sao? Trước đây tôi gặp bà lúc nào cũng đang ăn một quả táo, hoặc có túi táo trong tay, thỉnh thoảng túi đó bị rách và táo lăn xuống đường nữa cơ.”

“Tôi đã nói ông rồi,” bà Oliver đáp, “tôi đã nói là tôi không bao giờ muốn nhìn thấy một quả táo nào nữa. Không. Tôi căm ghét chúng. Có thể một ngày nào đó tôi sẽ qua cơn ghét táo này và ăn táo trở lại, nhưng giờ thì, tôi không muốn đến gần thứ quả ấy nữa.”

“Vậy giờ bà chuyển sang ăn gì vậy?” Poirot mở nắp hộp màu mè có trang trí hình cây cọ. “Chà là Tunis,” ông đọc to. “À! Giờ là chà là.”

“Đúng vậy,” bà Oliver nói. “Chà là.”

Bà nhón thêm một quả cho vào miệng, nhả hạt ra và ném vào bụi cây, miệng vẫn nhai nhóp nhép.

“Chà là,” Poirot nói. “Thật kỳ lạ.”

“Ăn chà là có gì kỳ lạ? Người ta vẫn ăn đấy thôi.”

“Không, không, ý tôi không phải là vậy. Không phải là ăn. Mà thật kỳ lạ khi bà lại nói với tôi từ ấy - chà là, tức là ngày tháng.”\*

“Tại sao?” bà Oliver hỏi.

“Bởi vì, đã rất nhiều lần bà gợi ý tôi..., tiếng Anh gọi là gì nhỉ, *chemin* mà tôi nên lần theo, hoặc lẽ ra tôi đã nên đi theo. Bà gợi ý hướng mà tôi nên tìm hiểu. Ngày tháng. Tôi đã không hề để ý đến ngày tháng cho đến khi bà nhắc.”

“Tôi chưa hiểu ngày tháng thì có vai trò gì với những chuyện diễn ra ở đây. Ý tôi là, thời gian chẳng có can hệ gì ở đây cả. Chuyện mới xảy ra cách đây có năm ngày.”

“Chính xác là sự việc xảy ra cách đây bốn ngày. Đúng vậy. Nhưng chuyện gì cũng có quá khứ của nó. Một quá khứ mà đến thời điểm này luôn gắn liền với hiện tại, chỉ là nó tồn tại vào ngày hôm qua, hoặc tháng trước, hoặc năm ngoái. Hiện tại gần như lúc nào cũng bắt rễ từ quá khứ. Một năm, hai năm, thậm chí có thể ba năm trước, một vụ án mạng đã xảy ra. Một đứa trẻ đã chứng kiến cảnh tượng ấy. Bởi vì đứa trẻ đã nhìn cảnh giết người ấy vào một ngày nào đó

trong quá khứ, nên bốn ngày trước cô bé phải chết. Không phải sao?”

“Vâng. Đúng là vậy. Ít nhất thì tôi nghĩ là vậy. Hoặc cũng có thể sự thật lại khác, có thể chỉ là một tên điên khùng, thần kinh không ổn định nào đó thích giết chóc, và với hắn nghịch nước tức là nhấn đầu người khác xuống và dìm cho thật lâu. Có thể coi đó là cách mua vui của một kẻ tội phạm tâm thần nào đó ở các bữa tiệc.”

“Ban đầu bà đâu có tin như vậy khi tìm đến nhà tôi, *Ma-đam*.”

“Không,” bà Oliver đáp, “khi ấy tôi không tin là thế. Tôi đã không thích cách suy đoán này chút nào. Đến giờ tôi vẫn không thích.”

“Và tôi đồng tình với bà. Tôi nghĩ bà không sai. Nếu không thích nó, người ta nên tìm hiểu tại sao. Dù bà có thể không tin, nhưng tôi vẫn đang rất cố gắng để tự tìm cách lý giải.”

“Bằng cách đi loanh quanh và nói chuyện với mọi người? Xem họ có tử tế hay không rồi hỏi họ các câu hỏi?”

“Chính xác.”

“Và ông đã tìm được gì?”

“Thông tin về những sự việc,” Poirot đáp. “Những sự việc lần lượt được neo lại theo không gian và thời gian chúng xảy ra.”

“Chỉ vậy thôi sao? Ông còn phát hiện ra được gì nữa không?”

“Rằng không ai tin vào sự trung thực của Joyce Reynolds.”

“Khi cô bé nói mình đã chứng kiến có người bị giết? Nhưng tôi đã nghe lời cô bé ấy nói mà.”

“Đúng, cô bé nói vậy. Nhưng không ai tin đó là sự thật. Vì thế, có khả năng câu chuyện ấy không có thật. Rằng cô bé đã không nhìn

thấy gì cả.”

“Tôi có cảm giác,” bà Oliver nói, “hình như những thông tin ông nắm được đang kéo lùi ông lại thì phải, thay vì giữ ông đúng nơi đúng chỗ, hay giúp thúc đẩy quá trình điều tra.”

“Mọi chuyện diễn ra đều phải khớp với nhau. Lấy hành vi làm giả giấy tờ làm ví dụ đi. Mọi người đều nói rằng một cô gái ngoại quốc, một cô ô-pe, đã khiến cho một bà góa phụ lớn tuổi và giàu có trong vùng yêu mến, đến mức bà ấy sẵn sàng để lại di chúc, hay chính xác hơn một bản bổ sung di chúc, dành toàn bộ gia tài cho cô gái ấy. Liệu cô ta có làm giả tờ di chúc hay không, hay có người khác làm giả?”

“Còn ai khác có thể làm giả nó đây?”

“Trong làng lại có một kẻ giả mạo giấy tờ khác. Hắn từng một lần bị kết tội giả mạo giấy tờ nhưng thoát án nhẹ nhàng vì là lần đầu phạm tội, cộng thêm có tình tiết giảm nhẹ.”

“Đây là một nhân vật mới sao? Tôi có biết hắn không?”

“Không, bà không biết cậu ta. Cậu ấy đã chết rồi.”

“Ồ? Cậu ta chết từ bao giờ?”

“Khoảng hai năm trước. Ngày tháng chính xác thì tôi chưa nắm được. Nhưng tôi sẽ phải biết thôi. Cậu ta từng có hành vi làm giả giấy tờ và từng sống ở đây. Và vì vài rắc rối nho nhỏ nảy sinh, bà có thể gọi đó là chuyện trai gái ghen tuông và mâu thuẫn, một đêm tối cậu ta bị người ta dùng dao đâm chết. Bà thấy đấy, tôi có cảm giác không chừng những sự việc riêng rẽ lại liên quan chặt chẽ đến nhau hơn ta tưởng. Không phải là chuyện nào cũng vậy, nhưng có thể là vài chuyện có.”

“Nghe có vẻ thú vị đấy,” và Oliver đáp, “nhưng tôi không thấy...”

“Tôi cũng chưa,” Poirot nói. “Nhưng tôi nghĩ thông tin ngày tháng có thể giúp ích. Ngày tháng của một số sự kiện, mọi người khi đó ở đâu, đã xảy ra chuyện gì, họ đang làm gì. Tất cả đều nghĩ rằng cô gái ngoại quốc kia đã làm giả di chúc bổ sung, và có thể họ đúng. Xét cho cùng cô ta là người hưởng lợi, có phải không? Khoan, đợi đã...”

“Đợi gì cơ?” bà Oliver hỏi.

“Một ý tưởng mới lướt qua đầu tôi,” Poirot đáp.

Bà Oliver thở dài và ăn thêm một miếng chà là.

“Bà sắp quay về London sao, *Ma-đam*? Hay bà định ở đây lâu?”

“Ngày kia tôi sẽ về,” bà Oliver đáp. “Tôi không thể ở đây lâu. Tôi có quá nhiều chuyện đột xuất phải giải quyết.”

“Nói tôi nghe, nào, trong căn hộ, hay ngôi nhà của bà, tôi chẳng nhớ nổi bà sống ở nơi thế nào nữa, dạo này bà chuyển nhà nhiều quá, có phòng cho khách lưu lại không?”

“Tôi chưa bao giờ nói tôi có phòng riêng cho khách cả,” bà Oliver nói. “Nếu ông tiết lộ cho người khác biết là ông có phòng, thì khác nào ông mời khách đến ở. Bạn bè, mà không chỉ là bạn của ông, còn người quen sơ, thân sơ, hay thậm chí cháu họ ba đời của người quen, thỉnh thoảng sẽ viết thư cho ông và hỏi ông có phiền nếu cho họ ghé lại một đêm. Tôi thì tôi có thấy phiền. Phải chuẩn bị nào là chăn đệm giặt giũ, vỏ gối, hay phải chăm lo nếu khách muốn uống trà buổi sớm, và thường thì ai cũng mong mình sẽ được phục vụ cả các bữa ăn nữa, người ta đến ở mà. Vậy nên tôi không cho ai biết mình có một căn phòng trống cho khách. Bạn bè của tôi có đến chơi

và ở lại với tôi. Những người mà tôi thực sự muốn gặp gỡ ấy, còn những người khác thì, không, tôi chẳng thích hầu hạ. Tôi không thích mình bị lợi dụng.”

“Ai thích chứ?” Hercule Poirot nói. “Bà làm vậy là rất khôn ngoan.”

“Nhưng, có chuyện gì sao?”

“Bà có thể đón một hai khách đến ở nếu cần chứ?”

“Tôi có thể,” bà Oliver nói. “Ông muốn tôi đón ai? Không phải là ông đấy chứ. Ông có một căn hộ nguy nga như vậy. Tối tân, phong cách trừu tượng, khối hộp và khối vuông các thứ.”

“Chỉ là, có thể chúng ta sẽ cần phòng hờ một chuyện.”

“Cho ai cơ? Lại có người sắp bị giết nữa hay sao?”

“Tôi tin và cũng cầu mong là không, nhưng khả năng đó có thể xảy ra.”

“Nhưng là ai vậy? Là ai? Tôi chẳng hiểu gì cả.”

“Bà biết bà bạn Judith đến đâu?”

“Biết đến đâu à? Không nhiều lắm. Ý tôi là cả hai đều quý mến nhau từ lúc gặp trên tàu và sau đó quen đi cùng nhau. Ở bà ấy có cái gì đó - phải nói thế nào nhỉ? - rất thú vị. Khác biệt.”

“Bà có nghĩ sau này bà sẽ đưa bà ấy vào làm nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết mình viết không?”

“Tôi rất ghét câu hỏi đó. Ai cũng nói câu ấy với tôi và nó không hề chính xác. Không đâu. Tôi không đưa ai vào trong truyện của mình cả. Những người tôi gặp, những người tôi biết.”

“Chẳng lẽ là không sao, *Ma-đam*, tôi thấy đôi khi bà có đưa người quen vào sách đó chứ? Những người bà gặp, nhưng không phải là



những người bà quen biết rõ. Vì như thế sẽ không hay.”

“Không sai,” bà Oliver đáp. “Đôi khi ông rất giỏi phán đoán. Đúng vậy. Ý tôi là, giả sử như ông nhìn thấy một bà mập ngồi trên xe buýt, miệng ăn bánh nho mà môi vẫn mấp máy, ông đoán có thể bà ấy đang nói chuyện với ai đó, hoặc đang lăm nhăm tập dượt trước một cuộc điện thoại, hoặc có thể là một bức thư định viết. Rồi ông quan sát bà ấy kỹ hơn, để ý đôi giày và chiếc váy bà ấy đang mặc, cái nón bà ấy đang đội, rồi đoán tuổi bà ấy, và xem có đeo nhẫn không và một vài thứ khác. Và sau đó ông xuống xe. Ông không định gặp lại bà ấy, nhưng trong đầu ông đã có một câu chuyện về một bà, bà Carnaby. Bà ấy đang đi xe buýt về nhà, và vừa mới gặp một người trong một tiệm bánh ở đâu đó và có một cuộc trò chuyện hết sức kỳ lạ, người này khiến bà ấy nhớ đến một người quen khác mà bà mới gặp một lần nhưng nghe nói là đã chết, vậy rõ ràng là người đó chưa chết. Ôi trời ơi,” bà Oliver thốt lên, ngừng lại một chút để thở lách hơi. “Ông biết đấy, ông nói không sai. Đúng là tôi từng ngồi đối diện một bà như vậy trên một chiếc xe buýt ngay trước khi tôi rời London, và đoạn truyện ấy tự nảy ra hết sức mượt mà trong đầu tôi. Tôi chắc chắn sẽ sớm nghĩ ra toàn bộ câu chuyện. Cả một phân cảnh về nhân vật này, như là bà ấy sẽ đáp lại lời người kia như thế nào, liệu cuộc chạm mặt đó có đẩy bà ấy hay ai đó vào nguy hiểm không. Tôi nghĩ thậm chí tôi còn biết tên họ đầy đủ của bà ấy. Tên bà ấy là Constance. Constance Carnaby. Chỉ có điều, cả câu chuyện có thể phải bỏ đi vì một lý do.”

“Là gì vậy?”

“Thì, ý tôi là, nếu chẳng may tôi gặp lại bà ấy trên một chuyến xe

buýt khác, hoặc nói chuyện với bà ấy, hoặc bà ấy bắt chuyện với tôi, hoặc tôi tình cờ biết được điều gì đó về nhân vật này ngoài đời. Vậy thì tất nhiên nó sẽ phá hỏng tất cả.”

“Phải, phải. Câu chuyện thì phải là của bà, nhân vật cũng là của bà. Đó là đứa con tinh thần của bà. Chính bà đã tạo là nhân vật nữ ấy, bà bắt đầu hiểu bà ấy, bà biết cảm giác của bà ấy, biết nơi ở và công việc. Nhưng tất cả đều bắt đầu từ một con người thật bằng xương bằng thịt, và nếu bà lỡ biết được người phụ nữ này ngoài đời như thế nào... thì chẳng còn câu chuyện gì cả, đúng không?”

“Lại đúng nữa rồi,” bà Oliver nói. “Và câu hỏi của ông về Judith, tôi nghĩ nó cũng đúng. Ý tôi là, chúng tôi ở cạnh nhau suốt trên con tàu đó và cùng đi thăm thú nhiều địa điểm, nhưng thực sự tôi không biết nhiều về bà ấy lắm. Bà ấy là một quả phụ, chồng mất, để lại gia cảnh nghèo túng và một đứa con, Miranda, ông đã gặp cô bé rồi đấy. Và đúng là tôi có cảm giác kỳ lạ về gia đình này. Cảm giác như họ có gì đó đặc biệt, như thể họ đã bị vướng phải một chuyện ghê gớm nào đó. Tôi không muốn biết đó là chuyện gì. Tôi không muốn họ kể cho tôi nghe. Tôi muốn tự mình tưởng tượng ra câu chuyện kịch tính đó.”

“Đúng. Đúng vậy, tôi cũng cảm thấy họ là mẫu ứng viên phù hợp để xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết ăn khách khác của Ariadne Oliver.”

“Đôi khi ông cũng thật ác. Ông nói nghe như một chuyện tệ hại đáng khinh bỉ vậy.” Bà Oliver ngừng lời, ngẫm nghĩ một lúc. “Mà có thể là đúng thế thật.”

“Không, không, nó không phải là một chuyện gì xấu xa. Đó chỉ là

bản năng con người thôi.”

“Vậy ông muốn tôi mời Judith và Miranda đến căn nhà căn hộ gì đó của tôi ở London?”

“Chưa phải lúc này,” Poirot nói. “Cho đến khi tôi khẳng định một trong những ý tưởng nho nhỏ của tôi là đúng.”

“Lại là ông và các ý tưởng nho nhỏ của ông! Giờ thì tôi có tin tức cho ông đây.”

“*Ma-đam*, bà lại làm tôi háo hức rồi.”

“Đừng chắc chắn quá như vậy. Tin này có thể phá hỏng các ý tưởng nho nhỏ của ông đấy. Hãy nghĩ xem nếu tôi nói với ông vụ giả mạo mà ông mãi mê kể lể khi này không hề là giả mạo.”

“Bà đang nói chuyện gì vậy?”

“Bà lão Ap Jones Smythe, hay là tên gì đó tôi không nhớ, thực sự đã viết một bản bổ sung di chúc, để lại toàn bộ số tiền cho cô *ô-pe* ấy, và đã có hai nhân chứng ký vào đó, với sự chứng kiến của nhau. Đó, giờ nhét thông tin này vào bộ ria của ông mà nghiền ngẫm đi.”



## CHƯƠNG 19

“Bà... Leaman...?” Poirot nói, tay viết cái tên vừa nghe vào sổ.

“Đúng thế. Bà Harriet Leaman. Và nhân chứng còn lại hình như là James Jenkins. Lần cuối nghe được tin tức là đã đi Australia. Còn cô Olga Seminoff lần cuối nghe nói đã trở lại Tiệp Khắc, hay là chốn quê hương xứ sở nào đó của cô ta. Cả hai hình như đều đã đi khỏi đây hết rồi.”

“Bà nghĩ bà Leaman đáng tin đến cỡ nào?”

“Tôi không tin bà ấy nghĩ ra toàn bộ chuyện này, nếu ý ông là vậy. Tôi nghĩ bà ấy đã ký vào tờ giấy nào đó, và tò mò về nó, rồi sau đó tìm cách đọc được nó ngay khi có thể.”

“Bà ấy biết đọc và viết?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng cũng đồng ý là đôi khi người ta không giỏi dịch chữ viết tay của các bà già, chữ họ cứ nhọn hoắt và rất khó đọc. Nếu có bất cứ tin đồn trái chiều nào xuất hiện sau này, về di chúc hay bản bổ sung, bà ấy có thể đã nghĩ là do mình dịch sai đám chữ viết tay khó đọc đó.”

“Một văn bản có thật,” Poirot nói. “Nhưng đúng là có một bản bổ sung làm giả mà.”

“Ai nói vậy?”

“Các luật sư.”

“Có thể nó không hề là giả mạo.”

“Các luật sư thường hay chính xác về vấn đề này. Họ đã chuẩn bị sẵn sàng các nhân chứng chuyên gia để ra tòa mà.”

“Ờ thì,” bà Oliver nói, “chuyện như thế này cũng dễ xảy ra, có phải không?”

“Cái gì dễ? Chuyện gì xảy ra?”

“Thì, tất nhiên, ngày hôm sau, hay có thể vài ngày sau, hay thậm chí cả tuần sau đó, bà Llewellyn-Smythe không chừng đã có chút cãi cọ với cô ô-pe tận tâm của mình, hoặc đã có cuộc nói chuyện hòa giải ngọt ngào với cháu trai Hugo và cháu dâu Rowena, và bà ấy đã xé bản di chúc hoặc gạch đi đoạn bổ sung kia, thậm chí đốt hết cả văn bản, đại loại vậy.”

“Và sau đó?”

“Thì, sau đó, tôi đoán, bà Llewellyn-Smythe chết, và cô gái nắm lấy cơ hội này và viết một bản bổ sung mới, gần giống như điều kiện cũ, bằng nét chữ giống với chữ viết tay của bà Llewellyn-Smythe, bắt chước chữ ký của hai nhân chứng kia giống nhất có thể. Có lẽ cô ta biết chữ ký của bà Leaman khá rõ. Từ trên thẻ y tế hoặc giấy tờ gì đó tương tự, và cô ấy đã làm giả được tờ giấy đó, tin rằng sẽ có người đứng ra làm chứng cho bản di chúc ấy và mọi thứ sẽ như ý muốn. Nhưng khả năng giả mạo của cô ta chưa tốt lắm, thế là vấn đề bắt đầu phát sinh.”

“Bà cho phép tôi, *Ma-đam*, dùng điện thoại của bà được không?”

“Tôi sẽ cho phép ông dùng điện thoại của Judith Butler, được.”

“Bạn của bà đâu?”

“À, bà ấy đi làm tóc rồi. Còn Miranda thì ra ngoài đi dạo. Ông dùng đi, nó ở trong phòng qua cửa sổ đằng kia.”

Poirot vào nhà và quay lại sau mười phút.

“Sao? Ông có chuyện gì sao?”

“Tôi gọi cho ông Fullerton, luật sư đại diện. Giờ tôi sẽ kể bà nghe chuyện này. Theo như bản bổ sung, hay bản bổ sung giả mạo ấy, thì người ký chứng thực không phải là bà Harriet Leaman. Nó được ký làm chứng bởi một bà tên là Mary Doherty, đã mất, bà này từng phục vụ cho bà Llewellyn-Smythe nhưng gần đây đã qua đời. Người làm chứng còn lại là James Jenkins, mà theo bà bạn Leaman của bà, đã chuyển đến Australia.”

“Vậy đúng là đã có một bản di chúc bổ sung giả mạo,” bà Oliver nói. “Và có vẻ còn một bản thật nữa. Poirot ạ, chuyện đang trở nên ngày càng phức tạp đúng không?”

“Nó đang trở nên hết sức phức tạp,” Hercule Poirot đồng tình. “Phải nói là, quá nhiều thứ giả mạo trong câu chuyện này.”

“Biết đâu tờ di chúc bổ sung thật vẫn đang trong phòng đọc sách ở biệt thự Mỏ Đá, kẹp trong các trang của cuốn sách *Lời giải cho mọi điều*. Tựa sách thật hay, có phải không? Tôi nhớ bà tôi cũng có một cuốn như vậy. Đúng là nội dung bên trong cuốn sách đó giải đáp mọi thứ trên đời thật. Từ thông tin luật pháp cho đến công thức nấu ăn, hay cách tẩy vết mực dính trên vải lanh. Rồi cả cách tự làm phấn trang điểm tại gia mà không làm hại da mặt. Ôi, còn nhiều thứ khác nữa. Phải đấy, giờ ai chẳng muốn có cuốn cẩm nang như vậy

chứ?”

“Hẳn thế rồi,” Hercule Poirot đáp, “trong đó còn cho công thức điều trị bàn chân khi bị mối nữa.”

“Nhiều lắm. Nhưng sao ông không đi một đôi giày hợp với ở quê ấy?”

“*Ma-đam*, tôi muốn bề ngoài của mình thật *soigné*.”

“Thế thì, ông cứ tiếp tục vận vào người mấy thứ đau đớn đó đi, và chắc chắn chịu đựng thôi,” bà Oliver nói. “Dẫu sao, giờ tôi vẫn chẳng hiểu gì cả. Liệu bà Leaman ấy có phải vừa mới ném cho tôi một mớ lời nói dối không?”

“Luôn có khả năng ấy.”

“Hay là có người kể lại với bà ta một mớ dối trá?”

“Khả năng này cũng có.”

“Liệu có ai đó đã trả tiền cho bà ta đi nói dối như vậy không?”

“Tiếp tục đi,” Poirot nói, “cứ tiếp tục đi. Bà đang làm rất tốt.”

“Tôi cho rằng,” bà Oliver ngẫm nghĩ, “rằng bà Llewellyn-Smythe, cũng giống như những bà giàu có khác, rất thích viết di chúc. Tôi đoán bà ấy phải làm hàng tá di chúc khi còn sống. Ông biết đấy, bao nhiêu của cải để ban phát cho người này người kia. Rồi lại thay đổi. Nhà Drakes chẳng nào cũng khá giả mà. Tôi đoán bà ấy luôn để lại cho họ ít nhất một khoản hậu hĩnh, nhưng tôi tò mò liệu bà Llewellyn-Smythe đã bao giờ trao lại khối tài sản lớn như vậy cho ai khác nhiều như cho cô Olga chưa, ít nhất là theo lời bà Leaman và nội dung bản di chúc giả mạo kia. Đúng là tôi muốn biết rõ hơn về cô gái này. Rõ ràng cô ta đã biến mất rất thành công.”

“Tôi cũng mong sớm được biết về cô ấy,” Hercule Poirot nói.

“Bằng cách nào?”

“Thông tin mà tôi sẽ sớm nhận được đây thôi.”

“Tôi biết là ông đã đi hỏi dò khắp nơi ở trong làng.”

“Không chỉ ở đây. Tôi có một đặc vụ ở London chuyên giúp tôi thu thập thông tin ở trong và ngoài nước. Chắc tôi sẽ sớm có tin tức từ Herzegovina thôi.”

“Liệu ông có thể xác nhận được cô ta đã về lại quê hương hay chưa?”

“Có thể tôi sẽ biết, nhưng tôi đoán khả năng cao tôi sẽ nhận được thông tin này dưới dạng khác - ví dụ như thư từ trong thời gian cô ấy lưu lại Anh, nhắc đến các bạn bè có thể cô ấy quen hoặc thân thiết ở đây.”

“Thế còn cô giáo viên kia?” bà Oliver hỏi.

“Bà muốn nói cô giáo viên nào?”

“Cô giáo bị bóp cổ chết ấy, cô Elizabeth Whittaker có kể với ông đấy?” Rồi bà nói thêm: “Tôi không thích cô Elizabeth Whittaker này lắm. Nhìn có vẻ là người khó chịu, nhưng tôi đoán cũng là một phụ nữ thông minh.” Rồi bà lại thêm vào: “Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu cô giáo này từng nghĩ đến chuyện giết người.”

“Là bóp cổ một giáo viên khác?”

“Chúng ta phải cân nhắc mọi khả năng.”

“Như thường lệ, tôi tin vào trực giác của bà, *Ma-dam*.”

Bà Oliver ăn thêm một quả chà là, về mặt tư lự.





## CHƯƠNG 20

Poirot rời khỏi nhà bà Butler theo lối đi tắt Miranda đã chỉ ông. Lối hồng hàng rào ông cảm thấy như hơi lớn hơn lần trước. Có lẽ ai đó có vóc dáng nhỉnh hơn Miranda cũng lách qua lối này. Poirot bước lên con đường trong mỏ đá, phóng tầm mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp cảnh quan nơi đây lần nữa. Một khu vườn tuyệt mỹ, nhưng cũng như lần trước, Poirot thấy nơi này thật u ám. Lẩn quất quanh đây là không khí âm u lạnh lẽo. Như thể dọc theo những con đường quanh co này từng diễn ra những cuộc đi săn lùng và hạ gục nạn nhân của các yêu tinh, hay các cuộc hiến tế theo lệnh của một nữ thần tàn nhẫn nào đó.

Poirot hiểu được tại sao khu vườn này vẫn không thể trở thành một nơi cắm trại. Chẳng ai dám bày trướng luộc, rau diếp và cam ra đây để ngồi và cười đùa vui chơi được. Nơi đây không hợp cho những hoạt động ấy. Ông chợt nghĩ, có lẽ nếu bà Llewellyn-Smythe không yêu cầu biến nơi đây thành tiên cảnh như thế này, thì đã tốt hơn biết bao. Mỏ đá đã có thể trở thành một khu vườn chìm giản dị xinh xắn mà không kèm theo bầu không khí này, nhưng bà ấy vốn là một phụ nữ tham vọng, tham vọng và vô cùng giàu có. Poirot lại

nghĩ đến những bản di chúc kia, đến những dạng di chúc do những bà góa phụ giàu có viết, đến những lời nói dối người ta hay bịa ra về di chúc của những bà góa phụ giàu có, đến những nơi những bản di chúc của bà góa phụ giàu có thường được giấu, và ông cố gắng đặt mình theo lối suy nghĩ của một kẻ giả mạo giấy tờ. Thật không may là bản di chúc dùng để chứng thực đã bị làm giả. Ông Fullerton là một luật sư cẩn trọng và tài giỏi, ông ta đã chắc chắn như vậy. Thêm nữa, một luật sư như Fullerton sẽ không bao giờ tự vấn cho thân chủ đưa ra tòa, hoặc tiến hành các thủ tục pháp lý khi chưa nắm chắc bằng chứng hay lý lẽ thuyết phục trong tay.

Poirot rẽ ở khúc ngoặt trong vườn, trong khoảnh khắc ông bỗng thấy cơn đau choáng váng dưới chân lấn át cả những suy đoán trong đầu. Ông có nên rẽ sang đường tắt về nhà thanh tra Spence hay không? Lối tắt đường chim bay nhanh hơn, nhưng đường chính có lẽ êm ái cho chân ông hơn. Con đường tắt qua vườn này không có cỏ hay phủ rêu, nó vẫn còn giữ nền đá cứng của mỏ cũ. Bỗng ông khựng lại.

Trước mặt Poirot hiện ra hai dáng người. Ngồi trên một phiến đá nhô lên mặt đất là Michael Garfield. Đầu gối kê một tấm bảng, anh ta đang cặm cụi vẽ. Cách anh chàng làm vườn không xa, đứng bên dòng suối chảy róc rách là Miranda Butler. Hercule Poirot chợt quên mất đôi chân đau và thân mình ê ẩm, tâm trí mãi mê ngắm nhìn một vẻ đẹp mẫu mực của con người. Michael Garfield quả thực là một anh chàng tuấn tú. Bản thân Poirot không biết mình quý mến hay khó chịu với Michael Garfield. Trước người đẹp khó ai có thể quyết định được cảm giác của mình. Ai cũng thích nhìn ngắm vẻ đẹp,

nhưng theo lẽ tự nhiên cũng hay ghen tị với những người đẹp. Phụ nữ đẹp thì không bàn đến, nhưng Hercule Poirot lại không chắc mình có thích đàn ông đẹp hay không. Bản thân ông không thích mình là một chàng trai trẻ đẹp, mà ngày xưa ông cũng không có cơ hội được như vậy. Điểm duy nhất mà Hercule Poirot hài lòng về vẻ bề ngoài của mình là cặp ria mép đậm, và kiểu dáng khi chúng được tỉa tốt và chăm sóc cẩn thận. Chúng thật tuyệt mỹ. Poirot chưa từng gặp ai có cặp ria đẹp dù chỉ bằng một nửa. Còn lại ông chưa bao giờ thấy mình là một người điển trai hay ưa nhìn. Và chắc chắn là chưa bao giờ khôi ngô tuấn tú.

Còn về Miranda? Poirot trầm nghĩ, cũng như lần trước, ông thấy cô bé có sức hút thật đặc biệt, ông tò mò không biết trong đầu cô bé suy nghĩ những gì. Có thể là về những điều mà sẽ chẳng ai biết được. Miranda không phải là người dễ chia sẻ suy nghĩ. Thậm chí nếu có được hỏi, chưa chắc cô bé chịu tiết lộ. Hẳn cô bé có một tư duy độc đáo, suy nghĩ sâu sắc. Nhưng ông cũng cảm thấy Miranda mong manh và dễ bị tổn thương. Rất mong manh. Có vài điều Poirot hiểu rõ ở cô bé, hay ông tin là mình hiểu. Đến giờ đó vẫn chỉ là những phỏng đoán, nhưng ông đã gần như chắc chắn đúng.

Michael Garfield ngẩng lên, cất tiếng:

“Ha! *Senor Mostachio*.<sup>\*</sup> Chúc ông một buổi chiều tốt lành, thưa ông.”

“Tôi có thể xem anh đang vẽ gì không? Hay vậy là quấy rầy anh? Tôi không muốn mình đường đột xen ngang.”

“Ông cứ xem,” Michael Garfield nói, “tôi thấy không ảnh hưởng gì cả.” Rồi anh ta nhẹ nhàng nói thêm: “Tôi rất thoải mái.”

Poirot bước ra đứng sau lưng anh. Ông gật gù. Một bức vẽ chì rất tinh tế, các đường nét mỏng manh như tan vào nhau. Anh chàng này biết vẽ đây, Poirot nghĩ. Không chỉ là một anh thợ thiết kế vườn. Ông khẽ thốt lên:

“Thật tinh tế!”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Michael Garfield đồng tình, không rõ ý chỉ bức tranh hay người ngồi làm mẫu.

“Tại sao vậy?” Poirot hỏi.

“Tại sao tôi lại vẽ ư? Ông nghĩ tôi có lý do sao?”

“Biết đâu đấy.”

“Ông nói không sai. Nếu rời khỏi đây, có vài điều tôi muốn ghi nhớ. Miranda là một trong số đó.”

“Anh dễ quên cô bé vậy sao?”

“Rất dễ. Tôi là vậy đấy. Nhưng nếu quên một chuyện gì đó hay một ai đó, không thể nhớ ra một gương mặt, một cái quay lưng, một cử chỉ, một cái cây, bông hoa, đường nét của cảnh vật, dù vẫn nhớ cảm giác nhìn ngắm nó như thế nào, nhưng lại không thể mường tượng lại tất cả trước mắt mình, điều đó đôi khi gây ra, gọi là gì nhỉ, nỗi đau đớn đến cùng cực. Ông biết đấy, ông cố gắng ghi nhớ lại, nhưng tất cả rồi cũng trôi vào lãng quên hết.”

“Không, Vườn Mỏ Đá này thì không, vẻ đẹp của nó không dễ bị trôi đi đâu.”

“Ông nghĩ là không sao? Nó sẽ sớm chìm vào quên lãng thôi, khi không còn ai sống ở đây nữa. Cây cối cỏ dại sẽ chiếm lại không gian này, ông biết đấy. Khu vườn cần có tình thương, bàn tay chăm

sóc, và kỹ năng. Nếu một hội đồng nào đó phụ trách nơi này, như rất nhiều nơi khác hiện nay, thì họ sẽ chỉ làm nhiệm vụ gọi là "giữ gìn" thôi. Họ sẽ trồng thêm các cây bụi mới hợp thời nhất, bổ sung các lối đi, thêm cả ghế ngồi kê giữa các quăng đường nữa. Thùng rác sẽ được đặt rải rác. Ôi, họ sẽ cố gắng thật cẩn thận, thật tử tế bảo tồn khu vườn này. Nhưng chẳng ai có thể bảo tồn nó cả. Vẻ đẹp của nó là tự nhiên. Giữ gìn một nơi như thế này thật tự nhiên còn khó hơn là bảo tồn nó."

"*Me-xù* Poirot," giọng Miranda xen vào.

Poirot tiến lên phía trước, lên tiếng trong tầm nghe của cô bé:

"VẬY là ta đã tìm được cháu ở đây. Cháu đến đây để làm mẫu vẽ chân dung à?"

Cô bé lắc đầu:

"Cháu không định đến làm mẫu. Tự nhiên quyết định vẽ thôi ạ."

"Phải," Michael Garfield đồng tình, "đúng vậy, tự nhiên vậy thôi. May mắn đôi khi xảy đến."

"VẬY là ban đầu cháu đang đi dạo trong khu vườn yêu thích?"

"Đúng hơn là cháu đang tìm cái giếng," Miranda đáp.

"Một cái giếng?"

"Ngày xưa từng có một cái giếng nước trong khu rừng này."

"Trong một mỏ đá cũ như thế này ư? Ta không biết họ lại xây giếng trong mỏ đá đấy."

"Quanh khu mỏ đá ngày xưa là rừng. Thì, luôn có cây cối mọc bao quanh. Michael biết chỗ cái giếng ấy nhưng không chịu chỉ cho cháu."

“Vì như vậy mới có trò vui cho cháu,” Michael Garfield lên tiếng, “khi tự đi tìm nó. Nhất là khi cháu lại không biết chắc cái giếng có tồn tại hay không.”

“Bà Goodbody biết hết về nó.” Rồi cô bé nói thêm: “Bà ấy là một phù thủy.”

“Không sai,” Michael nói. “Bà ấy là phù thủy trong vùng, *Me-xur* Poirot. Vùng nào cũng có một phù thủy án ngữ cả, gần như ở đâu cũng vậy. Không phải lúc nào họ cũng tự gọi mình là phù thủy, nhưng mọi người đều biết. Họ coi bói hoặc bỏ bùa cây hải đường nhà ông hoặc làm quần đấm hoa mẫu đơn của ông, hay làm cho con bò nhà nào đó tắc sữa, hay thậm chí có thể chế tình dục nữa.”

“Nó là một cái giếng ước,” Miranda nói. “Ngày xưa mọi người hay đến đó để ước. Họ phải đi giật lùi ba vòng quanh giếng, mà nó nằm ở sườn đồi dốc, nên rất khó đi ngược như vậy.” Cô bé nhìn thẳng vào Michael Garfield ngồi phía sau Poirot. “Rồi cháu sẽ tìm thấy cho mà xem, dù chú không chỉ cho cháu. Nó chỉ ở đâu đây thôi, nhưng miệng giếng bị bít lại rồi, bà Goodbody nói thế. Ôi! Từ bao nhiêu năm nay. Người ta làm thế vì họ nói nó nguy hiểm. Một đứa bé đã ngã xuống đó cách đây nhiều năm - tên là Kitty gì đó. Có thể đã có thêm người ngã xuống giếng.”

“Thì, cháu cứ nghĩ thế đi,” Michael Garfield nói. “Vùng nào cũng có câu chuyện đồn đại như vậy cả, nhưng đúng là có một cái giếng ước ở Little Belling đấy.”

“Tất nhiên rồi,” Miranda nói. “Cháu biết tất tần tật về cái giếng đó. Đó chỉ là cái giếng hết sức tầm thường. Ai cũng biết về nó cả, và nó cực kỳ ngớ ngẩn. Người ta ném đồng xu vào giếng, nhưng vì nó

chẳng còn tí nước nào nên thậm chí chẳng vọng lại được cả tiếng nước bắn cái tồm.”

“Chà, ta rất tiếc.” Michael nói.

“Cháu sẽ kể cho chú nghe khi nào cháu tìm được cái giếng ước kia,” Miranda quả quyết.

“Cháu không nên tin vào mọi lời nói của một phù thủy. Ta chẳng tin có đứa trẻ nào từng rơi xuống đấy. Có thể là một con mèo rơi xuống và chết đuối dưới giếng.”

*“Chuông vang ding đoong, chú mèo rơi xuống giếng mất rồi!”* Miranda tiếp lời, rồi cô bé đứng dậy. “Cháu phải đi thôi. Mẹ ở nhà chắc đang trông.”

Cô bé cẩn thận trèo xuống khỏi tảng đá, cười chào hai người và đi xuống con đường cứng và gồ ghề hơn ở bên kia dòng nước.

“Chuông vang ding đoong,” Poirot lầm bầm, ngẫm nghĩ. “Người ta tin những gì người ta muốn tin, Michael Garfield ạ. Cô bé nói đúng hay không?”

Michael Garfield đắm chiêu nhìn ông một lúc, rồi mỉm cười.

“Cô bé nói đúng. Đúng là có một cái giếng thật, và đã bị bít lại. Tôi đoán có thể là do nó nguy hiểm. Nhưng tôi không nghĩ nó là giếng ước gì cả. Có lẽ do cách kể chuyện thêu dệt của bà Goodbody thôi. Ở đây có một cây điều ước, đúng hơn là từng có. Một cây sồi lớn mọc giữa sườn đồi, và tôi tin là người ta có đi giật lùi ba vòng quanh nó để ước thật.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cái cây ấy? Người ta không đến ước nữa sao?”

“Không. Tôi không nhầm thì hình như nó bị sét đánh sáu năm trước. Bị xẻ làm đôi. Bẵng một thời gian người ta cũng quên đi câu chuyện ly kỳ về cái cây.”

“Anh có kể cho Miranda nghe không?”

“Không. Tôi nghĩ mình nên để cho cô bé yên với hành trình tìm cái giếng ấy. Một cây sồi bị sét đánh tan tành đâu có gì ly kỳ với Miranda, phải không?”

“Tôi phải đi rồi,” Poirot nói.

“Về nhà ông bạn cảnh sát của ông sao?”

“Đúng vậy.”

“Trông ông có vẻ mệt mỏi.”

“Tôi rất mệt,” Hercule Poirot nói. “Cực kỳ mệt mỏi.”

“Ông sẽ thoải mái hơn nếu đi giày vải hoặc xăng-đan.”

“À, về chuyện đó, không.”

“Tôi hiểu rồi. Ông là người tham vọng trong ăn mặc.” Anh nhìn Poirot. “*Tout ensemble*, bộ này nhìn rất đẹp và nhất là, không biết tôi đã nói chưa, bộ ria oai vệ của ông.”

“Tôi rất vui,” Poirot nói, “là anh có chú ý đến nó.”

“Phải nói là, ai mà không chú ý đến nó cơ chứ?”

Poirot nghiêng đầu sang một bên, rồi nói:

“Anh mới nói anh vẽ bức chân dung này bởi vì anh muốn ghi nhớ cô bé Miranda. Vậy là anh sắp rời đi, phải không?”

“Tôi đã cân nhắc chuyện này, đúng vậy.”

“Nhưng theo tôi thấy, anh đang *bien placé ici* ở xứ này.”



“Ồ, phải, cực kỳ yên ổn. Tôi sống trong một ngôi nhà riêng, dù nhỏ nhưng do tự tay tôi thiết kế, và tôi có công việc, dù không được làm thỏa thích như trước đây. Cũng vì thế mà giờ tôi cứ thấy bồn chồn chân tay.”

“Tại sao anh không được làm thỏa thích như trước?”

“Vì người ta cứ muốn tôi làm những việc hết sức gớm ghiếc. Người thì muốn cải thiện vườn nhà họ, người mua được ít đất và đang xây nhà nên muốn có một khu vườn thiết kế riêng.”

“Anh không làm vườn cho bà Drake nữa sao?”

“Có, bà ấy muốn tôi làm. Tôi có đưa ra một số thiết kế đề xuất và bà ấy có vẻ đồng tình. Nhưng tôi không nghĩ...” Michael nói thêm, về trầm ngâm, “là tôi có thể thực sự tin tưởng bà ấy.”

“Ý anh là bà Drake sẽ không để cho anh làm những điều anh muốn?”

“Ý tôi là bà ấy chắc chắn sẽ đòi làm theo những điều bà ấy muốn. Và dù bà Drake thích những ý tưởng tôi vạch ra, thì bà ta cũng sẽ bỗng dưng đòi hỏi thay đổi theo kiểu khác. Kiểu vườn tầm thường, thực dụng, tốn kém và màu mè chẳng hạn. Tôi tin là bà Drake sẽ đe nẹt tôi, khăng khăng ép tôi thực hiện ý tưởng của bà ấy. Rồi tôi sẽ không đồng ý, và chúng tôi thế nào cũng sẽ cãi vã. Vậy nên tóm lại, tốt hơn tôi nên rời khỏi đây trước khi phải to tiếng. Và sẽ không chỉ cãi vã với bà Drake, mà còn có thể với nhiều hàng xóm khác ở đây. Dù sao tôi cũng khá có tiếng trong nghề. Tôi không cần phải làm mãi một chỗ. Tôi có thể tìm được việc bất cứ nơi nào ở nước Anh, hay biết đâu sang cả cùng Normandy hoặc Brittany của Pháp.”

“Nơi nào đó mà anh có thể cải thiện hay giải cứu thiên nhiên? Nơi

nào đó anh có thể thử nghiệm hoặc đưa vào những giống cây kỳ quặc mà chưa ai dám trồng trước đây, nơi nào mà nắng không quá rát và băng tuyết không quá khắc nghiệt? Một dải đất cần để anh một lần nữa tận hưởng niềm vui được làm chàng Adam đến khai phá? Không phải anh lúc nào cũng luôn chân luôn tay hay sao?”

“Tôi chưa ở chỗ nào lâu cả.”

“Anh đã đi Hy Lạp bao giờ chưa?”

“Rồi. Tôi cũng muốn quay lại Hy Lạp lần nữa. Đúng vậy, có cái gì đấy rất đặc biệt ở đó. Một khu vườn trên triền đồi Hy Lạp. Trong đó có thể có vài cây bách, ngoài ra chẳng có gì nhiều. Thêm chút đá cần nữa. Nhưng nếu ông muốn, thì nó còn có thể hơn thế phải không?”

“Một khu vườn cho các vị thần đi dạo...”

“Đúng rồi. Ông quả là người biết đọc suy nghĩ người khác, đúng không ngài Poirot?”

“Giá mà được như vậy. Có rất nhiều chuyện tôi muốn biết nhưng chẳng thể nào biết được.”

“Ông lại chuyển sang đề tài chán ngắt, có phải không?”

“Không may là vậy.”

“Đốt nhà, giết người và đột tử?”

“Đại loại là vậy. Tôi không nghĩ có chuyện đốt nhà. Nói tôi nghe, anh Garfield, anh đã ở đây lâu, anh có biết một chàng trai tên là Lesley Ferrier?”

“Có, tôi có nhớ anh ta. Anh ta từng làm cho một văn phòng luật sư tư vấn ở Medchester phải không? Fullerton, Harrison và

Leadbetter. Nhân viên cấp dưới trong văn phòng, hay đại khái vậy. Một anh chàng bánh bao.”

“Anh ta mất đột ngột, phải không?”

“Đúng vậy. Bị đâm chết một tối. Dính đến phụ nữ, tôi nghe nói vậy. Có vẻ mọi người đều tin rằng cảnh sát biết rõ ai là hung thủ, nhưng không tìm đủ bằng chứng để buộc tội. Anh ta có dây dưa đến một phụ nữ tên là Sandra, tự nhiên tôi không thể nhớ được họ tên đầy đủ của bà ta, Sandra gì đó. Chồng làm chủ quán rượu trong vùng. Bà ta và cậu Lesley trẻ tuổi ấy dan díu với nhau, thế rồi Lesley chuyển sang một cô gái khác. Hoặc ít nhất là người ta đồn thế.”

“Và Sandra không thích điều đó?”

“Không, tất nhiên là không rồi. Mà ông nên biết, cậu Lesley ấy sát gái lắm, phải qua lại đến hai ba cô ở quanh đây rồi.”

“Tất cả đều là các cô gái Anh?”

“Sao ông lại hỏi vậy? Không, tôi không nghĩ anh chàng ấy chỉ giới hạn trong các cô gái Anh đâu, miễn là có vốn tiếng Anh để cậu ta đủ hiểu, và ngược lại hiểu những gì cậu ta nói là được.”

“Vậy chắc trong vùng thỉnh thoảng có xuất hiện các cô gái ngoại quốc?”

“Tất nhiên rồi. Bây giờ thì ở đâu mà không có? Các cô *ô-pe* - giờ họ trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta rồi. Người xấu, người đẹp, người trung thực, người giả dối, người thì đủ tháo vát để giúp những bà mẹ bận rộn, người thì hoàn toàn vô dụng, người lại không chịu khổ được mà bỏ đi.”

“Giống như cô Olga đó?”

“Như ông nói đây, giống như cô Olga.”

“Lesley có quen biết hay gần gũi với Olga hay không?”

“À, hóa ra ông đang nghĩ theo hướng đó. Có, cậu ta có quan hệ với Olga. Tôi không nghĩ bà Llewellyn-Smythe biết chuyện đâu. Olga khá thận trọng về chuyện này, theo tôi. Cô ấy từng nói rất nghiêm túc rằng có một anh chàng cô ấy hy vọng có thể đưa về quê để kết hôn. Tôi không biết liệu có đúng vậy không, hay chỉ là lời nói dối. Như tôi nói đây, Lesley là một anh chàng hấp dẫn. Tôi không rõ cậu ta thấy gì ở Olga, cô ta không được xinh đẹp lắm. Tuy nhiên...” Michael suy nghĩ vài giây, rồi tiếp. “...có cái gì đó rất mãnh liệt trong con người cô gái này. Một chàng trai người Anh trẻ tuổi có thể thấy như vậy là quyến rũ và hấp dẫn chẳng hạn. Dẫu sao thì, Lesley vẫn tiến tới. Các cô bạn gái khác của anh ta thì không hề vừa lòng chút nào.”

“Thú vị đấy,” Poirot nói. “Tôi nghĩ anh vừa nói cho tôi đúng thông tin tôi cần.”

Michael Garfield nhìn ông khó hiểu.

“Tại sao? Chuyện này là gì vậy? Cậu Lesley thì liên quan gì ở đây? Tại sao ông lại muốn xới lại quá khứ?”

“Thì, có những chuyện tôi muốn biết. Tôi muốn hiểu mọi thứ bắt đầu như thế nào. Nhưng tôi vẫn đang muốn tìm hiểu xa hơn nữa. Trước khi hai người đó, Olga Seminoff và Lesley Ferrier bí mật gặp gỡ mà bà Llewellyn-Smythe không biết kìa.”

“Về lúc ấy thì tôi không chắc lắm. Những gì tôi kể chỉ là... thì, chỉ là những chuyện tôi biết được. Tôi từng bắt gặp hai người họ khá thường xuyên, nhưng Olga chưa bao giờ tin tưởng tôi để kể. Còn về

Lesley Ferrier, tôi gần như chẳng biết gì về cậu ta.”

“Tôi muốn ngược về quá khứ xa hơn thế nữa. Như tôi được biết, anh ta từng có quá khứ không được trong sạch.”

“Tôi cũng nghe vậy. Phải, thì, người dân ở đây họ kể lại như vậy. Ông Fullerton vẫn nhận cậu ta, hy vọng sẽ giúp cải tà quy chính. Ông ấy là một người tử tế.”

“Tội cậu ta mắc phải, tôi không nhầm, là làm giả giấy tờ?”

“Phải.”

“Đó là phạm tội lần đầu, và tôi có nghe còn có tình tiết giảm nhẹ. Cậu Lesley phải nuôi người mẹ bệnh tật hay người cha say xỉn gì đó. Dù sao, cậu ta đã chịu phạt cũng nhẹ nhàng.”

“Tôi chưa từng nghe những thông tin này. Hình như cậu ta lúc đầu đã suýt nữa trót lọt, nhưng các kế toán kiểm tra lại và phát hiện ra cậu ta gian lận. Tôi chỉ biết mờ mờ là vậy, vì chỉ nghe người khác đồn qua lại. Giả mạo giấy tờ. Phải, đó là tội danh khi kết án. Giả mạo.”

“Và khi bà Llewellyn-Smythe qua đời và di chúc của bà ấy chuẩn bị được chứng thực, thì người ta phát hiện ra di chúc ấy là giả.”

“Đúng vậy, tôi hiểu ý ông rồi. Ông đang ghép hai sự việc này thành có liên quan đến nhau.”

“Một anh chàng suýt chút nữa giả mạo giấy tờ thành công. Anh chàng kết thân với một cô gái, một người mà nếu như bản di chúc kia được chứng nhận là thật, và cô ta sẽ nhận được đa phần gia tài khổng lồ.”

“Đúng, đúng vậy, là thế đấy.”

“Và cô gái cùng chàng trai từng phạm tội làm giả giấy tờ này lại thân thiết. Cậu ta thậm chí còn bỏ người tình của mình để đi theo cô gái ngoại quốc ấy.”

“Ý của ông là bản di chúc ấy là do Lesley làm.”

“Có khả năng đó mà, đúng không?”

“Mọi người cho rằng Olga có thể đã bắt chước chữ viết của bà Llewellyn-Smythe khá giống, nhưng tôi luôn thấy điểm này rất đáng ngờ. Cô ta có viết thư tay thay cho bà Llewellyn-Smythe thật, nhưng tôi không thấy hai nét chữ giống nhau đến mức ấy. Chưa đủ để qua mắt. Nhưng nếu cô ta và Lesley kết hợp lại trong vụ này, thì chuyện lại khác. Tôi dám nói là anh chàng đã đóng góp kha khá công sức cho phi vụ này, và có lẽ đã tưởng chắc rằng nó sẽ trót lọt. Nhưng nếu thế thì lần đầu làm giả mạo anh ta hẳn đã tin chắc sẽ ăn, và kết quả là anh ta đã làm, vậy tôi đoán Lesley lại sai lầm lần nữa. Tôi đoán đến khi sự việc trở nên nghiêm trọng, phía các luật sư bắt đầu gây khó khăn và cản trở, rồi các chuyên gia được mời vào thẩm định các thứ và bắt đầu đặt ra các câu hỏi, thì có lẽ Olga là người mất tinh thần và cãi vã với Lesley. Rồi sau đó cô ta bỏ đi, hy vọng anh chàng sẽ là người gánh trách nhiệm.” Michael Garfield bỗng lắc đầu thật mạnh. “Tại sao ông lại đến đây và nói với tôi mấy chuyện này, ở ngay trong khu vườn tuyệt vời của tôi?”

“Tôi muốn biết chuyện.”

“Tốt hơn hết là không biết. Tốt hơn hết là không bao giờ biết. Nên để yên mọi chuyện như vậy. Đừng khơi gợi, đào bới, hay gì điều tra gì nữa.”

“Anh luôn muốn có cái đẹp,” Hercule Poirot đáp. “Muốn có cái đẹp

bằng mọi giá. Còn tôi, tôi muốn sự thật. Luôn luôn là sự thật.”

Michael Garfield cười phá lên. “Ông hãy về nhà với các ông bạn cảnh sát của ông đi, hãy để tôi được yên trong thiên đường nhỏ bé này của tôi. *Hỡi quỷ Satan, hãy cứ bước lên đường trước ta.*”\*



## CHƯƠNG 21

Poirot bước lên đồi. Bỗng dừng, ông không còn cảm thấy đau chân nữa. Suy nghĩ đã choán hết tâm trí ông. Cảm giác các mảnh ghép đã vừa khít lại, những mảnh ghép mà ngay từ đầu ông đã linh cảm và biết chắc rằng chúng có mối liên hệ với nhau, nhưng chưa biết chính xác bằng cách nào. Giờ đây ông nhận ra một mối nguy hiểm đang rình rập. Nó có thể ập xuống một người bất cứ lúc nào, trừ khi có kế hoạch ngăn chặn nó. Nguy hiểm khủng khiếp.

Elsbeth McKay ra cửa đón ông.

“Nhìn ông thật rã rời. Hãy ngồi xuống đây nghỉ một chút.”

“Em trai bà có ở nhà hay không?”

“Không. Cậu ấy đi xuống đồn cảnh sát rồi. Hình như có xảy ra chuyện.”

“Có chuyện gì?” Poirot giật mình. “Sớm vậy sao? Không thể thế được.”

“Hả?” Elspeth nói. “Ý ông là sao?”

“Không có gì. Không có gì cả. Ý bà là có người gặp chuyện sao?”

“Đúng, nhưng tôi không biết là ai. Dù sao thì, khi nãy Tim Raglan gọi điện và mời cậu ấy xuống dưới đó. Tôi sẽ pha cho ông một tách



trà nhé?”

“Không cần,” Poirot đáp, “cảm ơn bà rất nhiều, nhưng tôi nghĩ tôi nên về nhà.” Ông không thể chịu đựng cảnh phải nuốt thêm một giọt trà đen nào nữa, trong đầu có nghĩ một cái cớ để tránh bất lịch sự. “Chân của tôi,” ông giải thích. “Là chân của tôi. Tôi đi giày không hợp lắm với đường xá ở quê. Giờ chỉ mong được thay một đôi khác.”

Elsbeth McKay nhìn xuống. “Phải rồi, tôi có thể thấy là chúng không hợp thật. Giày da bóng thít chân lắm. Mà tiện đây, ông có thư. Tem nước ngoài. Gửi từ nước ngoài, ghi *nhờ thanh tra Spence chuyển giúp, Đôi Quả Thông*. Tôi sẽ đem ra cho ông.”

Lát sau bà trở ra, đưa cho Poirot một phong thư.

“Nếu như ông không cần phong bì này, có thể cho tôi xin lại cho cháu trai - nó thích sưu tầm tem.”

“Tất nhiên rồi.” Poirot mở thư và đưa lại cho bà chiếc phong bì. Elspeth cảm ơn và quay vào nhà.

Poirot mở bức thư gấp ra đọc.

Dịch vụ nước ngoài của ngài Goby cũng xuất sắc như dịch vụ trong nước vậy. Ngài ấy đã không tiếc công sức tiền của và có kết quả rất nhanh chóng.

Chính xác, các kết quả này không giúp được gì nhiều - Poirot từ đầu cũng đã không hy vọng.

Olga Seminoff đã không trở về quê hương. Cô ta không còn người thân thích, nhưng có một người bạn, một phụ nữ lớn tuổi. Hai người từng liên lạc qua lại tuy nhiên không thường xuyên, để cập

nhật cuộc sống của Olga ở Anh. Cô ta có kể mình khá hòa hợp với bà chủ, dù đôi khi bà ấy đòi hỏi hơi cao, nhưng cũng rất hào phóng.

Những bức thư cuối cùng của Olga đề ngày đã từ khoảng một năm rưỡi trước. Trong thư có đề cập đến một chàng trai. Cô có nói bóng gió là hai người đang cân nhắc chuyện kết hôn, nhưng chàng trai này, Olga không nói tên, còn đang bận sự nghiệp, nên chưa thể ổn định ngay. Trong bức thư cuối cùng, cô tỏ ra rất vui khi nói về tương lai tươi đẹp của cả hai. Khi không còn thư từ Olga, bà bạn của cô tin rằng cô đã kết hôn với chàng trai người Anh đó và thay đổi địa chỉ. Chuyện như thế này xảy ra khá thường xuyên với các cô gái sang Anh làm việc. Nếu họ cưới chồng và sống hạnh phúc, thì thường họ sẽ không gửi thư về nữa.

Bà ấy đã không lo lắng gì cả.

Rất trùng khớp, Poirot nghĩ. Lesley đã nhắc đến chuyện kết hôn, nhưng có lẽ không thực sự nghiêm túc. Bà Llewellyn-Smythe được nhắc đến là người "hào phóng". Lesley được ai đó chu cấp tiền, có thể là từ Olga, bằng số tiền ban đầu gia chủ cho cô, để lôi kéo anh ta giả mạo giấy tờ thay cô.

Elsbeth McKay trở lại hiện nhà. Poirot hỏi ý kiến bà về giả thuyết mối quan hệ giữa Olga và Lesley.

Bà Elspeth nghĩ ngợi một lát. Rồi nhà thông thái lên tiếng:

“Nếu vậy, thì họ giữ bí mật thật kín đáo. Chưa bao giờ có lời đồn đại nào về hai người đó. Ở những nơi như thế này, thì bình thường chuyện khó mà lọt được.”

“Cậu Ferrier qua lại với một phụ nữ có chồng. Có thể cậu ta đã dặn cô gái không tiết lộ gì về mình với bà chủ.”

“Cũng có thể lắm. Bà Smythe hẳn đã biết Lesley Ferrier này là một gã tồi tệ, nên chắc sẽ cảnh báo cô ta tránh xa.”

Poirot gấp bức thư lại và cất vào trong túi áo.

“Tôi hy vọng ông có thể để tôi mời ông một ấm trà.”

“Không, không - tôi phải quay lại nhà khách để thay giày. Bà không biết khi nào em trai bà sẽ về sao?”

“Tôi không biết được. Họ còn không nói họ mời cậu ấy lên có việc gì.”

Poirot đi bộ dọc theo con đường về nhà khách cách đó chỉ có vài trăm thước. Khi ông vừa đặt chân lên thềm thì cánh cửa đã mở ra và bà chủ nhà của ông, một quý bà vui vẻ, khoảng hơn ba mươi tuổi, bước ra.

“Một bà đến đây tìm ông,” bà nói. “Đợi cũng đã lâu rồi. Tôi nói với bà ấy tôi không biết chính xác ông đi đâu hay bao giờ ông về, nhưng bà ấy nhất quyết đợi. Là bà Drake. Bà ấy có vẻ lo lắng lắm, tôi nhìn là biết. Bình thường bà ấy vốn luôn bình tĩnh trong mọi tình huống, nhưng giờ tôi nghĩ bà ấy hẳn đang bị sốc hay gì đó. Bà Drake đang ở trong phòng khách đấy. Tôi sẽ pha chút trà cho ông, hay ông muốn uống gì không?”

“Không,” Poirot đáp, “tôi nghĩ là không cần đâu. Để tôi xem bà ấy có chuyện gì trước đã.”

Ông mở cửa bước vào phòng khách. Rowena Drake đang đứng

bên cửa sổ. Cửa đó không hướng ra đường chính phía trước, nên bà không nhìn thấy Poirot về. Bà Drake lập tức quay lại khi nghe tiếng cửa.

“*Me-xừ* Poirot. Cuối cùng ông đã về. Cảm giác lâu thật đấy.”

“Tôi xin lỗi, *Ma-đam*. Tôi ghé qua Vườn Mỏ Đá và còn trò chuyện đôi chút với bạn tôi, bà Oliver. Rồi sau đó tôi có nói chuyện với hai cậu bé. Nicholas và Desmond.”

“Nicholas và Desmond? Có, tôi có biết. Tôi không biết là... Ôi! Người ta có thể nghĩ mọi chuyện.”

“Bà đang hoảng loạn,” Poirot nói khẽ.

Điều này nằm ngoài sức tưởng tượng của Poirot. Rowena Drake hoảng loạn, không còn là bà hoàng của các sự kiện, không còn đứng ra sắp xếp chỉ trở mọi thứ, và không còn áp đặt quyết định của mình lên người khác.

“Ông đã biết chuyện rồi, đúng không?” Bà hỏi. “Ôi trời, có lẽ là chưa.”

“Tôi cần biết chuyện gì cơ?”

“Một chuyện kinh khủng. Cậu bé ấy... cậu bé chết rồi. Ai đó đã giết thằng bé.”

“Là ai chết, *Ma-đam*?”

“Vậy là ông chưa biết chuyện rồi. Đó cũng chỉ là một đứa trẻ, và tôi nghĩ... Ôi trời ơi, tôi đã thật ngu xuẩn. Lẽ ra tôi nên nói cho ông biết mới phải. Giờ tôi thấy thật tội lỗi, tội lỗi khủng khiếp, vì tôi cứ nghĩ mình biết mọi thứ trên đời này và biết mình nên làm gì, và nghĩ rằng... nhưng tôi chỉ có ý tốt mà thôi. *Me-xừ* Poirot, tôi nói thật.”

“Ngồi xuống nào, *Ma-đam*, ngồi xuống nói. Hãy bình tĩnh lại và nói tôi nghe. Có một đứa trẻ bị chết, thêm một đứa nữa sao?”

“Em trai của cô bé,” bà Drake nói. “Leopold.”

“Leopold Reynolds?”

“Đúng thế. Họ tìm thấy thi thể của cậu bé trên một con đường giữa đồng. Chắc là thằng bé đi học về và chạy ra chơi ở con suối gần đó. Có kẻ nào đó đã dìm thằng bé dưới suối - dìm đầu xuống nước.”

“Giống như cách đã làm với Joyce sao?”

“Đúng, đúng vậy. Tôi thấy đây phải là... phải là kẻ điên loạn. Mà không ai biết kẻ đó là ai, nên càng kinh khủng. Không ai biết gì cả. Và tôi đã nghĩ là tôi biết. Tôi đã thực sự nghĩ... và tôi đoán, phải, điều đó thật kinh khủng.”

“Xin bà hãy nói cho tôi biết.”

“Vâng, tôi muốn nói với ông. Tôi đã đến đây chỉ để nói chuyện này với ông. Bởi vì, ông biết đấy, ông đến gặp tôi sau khi từ chỗ cô Elizabeth Whittaker về. Sau khi cô ấy kể với ông rằng hình như tôi bị giết mình vì điều gì đó. Rằng tôi đã nhìn thấy gì đó. Ở hành lang, trong nhà tôi. Tôi đã nói rằng tôi không nhìn thấy gì cả, và không bị giết mình vì gì hết, bởi vì, ông biết đấy, tôi đã nghĩ...” bà dừng lời.

“Bà đã nhìn thấy gì?”

“Lẽ ra tôi nên kể với ông ngay lúc ấy mới phải. Tôi nhìn thấy cửa phòng đọc mở ra, mở một cách khá nhẹ nhàng và - sau đó cậu ta bước ra. Thật ra không phải là đi hẳn ra ngoài, mà cậu ta bước ra, đứng ở lối đi và sau đó nhanh chóng kéo cánh cửa đằng sau lưng

rồi quay trở vào phòng.”

“Là ai vậy?”

“Leopold. Leopold, chính là thằng bé vừa mới bị giết. Nên ông thấy đấy, nếu như tôi kể cho ông ngay, có lẽ, biết đâu ông đã tìm ra sự tình đằng sau đó.”

“Bà nghĩ sao?” Poirot hỏi. “Bà nghĩ Leopold giết chị nó. Có phải như vậy không?”

“Vâng, đúng là tôi đã nghĩ thế. Ngay lúc ấy thì không, tất nhiên rồi, vì tôi đâu biết cô bé bị giết. Nhưng lúc ấy mặt thằng bé nhìn rất ranh mãnh. Từ trước đến nay nó đã luôn là một đứa ranh ma. Theo kiểu khiến ông hơi sờ sợ, vì có cảm giác như nó không được, không được lương thiện lắm. Một đứa trẻ thông minh, IQ cao, nhưng đầu óc không được bình thường. Tôi đã thắc mắc ‘sao Leopold lại từ trong đó bước ra mà không phải ở chỗ trò chơi Rồng táp nhỉ?’ rồi lại tự hỏi ‘thằng bé lại bày trò gì mà nhìn nó có vẻ gian gian?’ và rồi, thì, sau đó tôi không nghĩ đến nữa, nhưng tôi cứ thấy gương mặt Leopold lúc đó khiến tôi khó chịu. Thế nên tôi mới làm rơi bình hoa. Elizabeth đã giúp tôi thu nhặt mảnh thủy tinh, rồi tôi quay lại phòng chơi Rồng táp và không nhớ đến nữa. Cho đến khi chúng tôi tìm ra Joyce. Vậy nên lúc đó tôi đã nghĩ...”

“Bà nghĩ Leopold là thủ phạm?”

“Phải. Đúng vậy, đúng là tôi đã nghĩ vậy. Tôi nghĩ vì chuyện này mà gương mặt Leopold mới gian manh như vậy. Tôi cứ nghĩ là tôi đã biết kẻ giết người là ai. Tôi luôn luôn cho rằng... cả đời tôi cứ nghĩ là mình biết mọi chuyện, rằng tôi luôn luôn đúng. Nhưng thật ra, cũng có lúc tôi sai. Vì, ông biết đấy, thằng bé bị giết chứng tỏ chuyện

có lẽ không như tôi nghĩ. Leopold có lẽ đã vào trong phòng, và hẳn đã nhìn thấy chị gái mình đã chết, nên thằng bé bị sốc khủng khiếp và cực kỳ sợ hãi. Vậy nên cậu ấy muốn ra khỏi phòng mà không bị người khác nhìn thấy. Tôi đoán Leopold ngẩng lên và nhìn thấy tôi nên đã trở vào phòng và đóng cửa lại, đợi cho đến khi lối đi vắng người mới bước ra. Nhưng không phải là vì cậu bé đã giết chị mình. Không. Mà là vì bị sốc vì phát hiện chị mình đã chết?”

“Vậy mà bà đã im lặng? Bà đã không hề nhắc đến chuyện mình nhìn thấy người ra vào, ngay cả sau khi cái chết Joyce được phát hiện.”

“Không. Tôi, ờ, tôi không thể. Thằng bé ấy... Ông thấy đấy, còn quá nhỏ, thực sự là còn quá nhỏ, tôi nghĩ giờ thì tôi có thể nói ra được chuyện này. Cậu ta mới chỉ mười tuổi. Mười, hay cùng lắm là mười một, ý tôi là tôi đã nghĩ thằng bé còn quá nhỏ dại, chưa hiểu hành động mình làm, có thể không phải hoàn toàn là lỗi của thằng bé. Về mặt đạo đức thì thằng bé đâu thể chịu trách nhiệm được. Leopold vốn là một đứa trẻ nghịch ngợm, ranh mãnh, và tôi đã nghĩ cậu bé có thể được đưa đi điều trị. Chứ không phải là giao cho cảnh sát. Không phải là đưa cậu bé vào trường giáo dưỡng. Tôi đã nghĩ thằng nhỏ có thể được đưa đi điều trị tâm lý đặc biệt, nếu cần thiết. Tôi chỉ muốn có ý tốt. Ông phải tin lời tôi, tôi chỉ có ý tốt.”

Những lời này nghe thật đau lòng, Poirot nghĩ, những lời lẽ buồn nhất thế gian.

Dường như đọc được suy nghĩ trong đầu ông, bà Drake lên tiếng:

“Đúng vậy, lại là những lời ‘Tôi đã làm vậy chỉ vì mong điều tốt nhất thôi’, hay ‘Tôi chỉ có ý tốt’. Có những người luôn nghĩ rằng mình

biết điều gì tốt nhất cho người khác, nhưng kỳ thực, họ không hề biết. Bởi vì, lý do cậu bé tỏ ra sợ hãi đến mức ấy chắc chắn là cậu ta đã nhìn thấy kẻ giết người, hoặc nhìn thấy dấu vết nào đó tiết lộ chân tướng kẻ giết người, đến mức khiến kẻ đó cảm thấy bất an. Vậy nên, hắn đã đợi thời cơ khi thằng bé chỉ có một mình và ra tay dìm chết dưới suối nước để bịt miệng nó, để không ai có thể lên tiếng. Giá mà tôi đã nói ra chuyện này, giá mà tôi kể hết cho ông hoặc cảnh sát, hay cho bất cứ ai, nhưng tôi cứ nghĩ mình biết hết mọi thứ.”

Poirot ngồi yên lặng một hồi, nhìn bà Drake đang cố gắng kìm tiếng nức nở, rồi lên tiếng:

“Mới hôm nay thôi, tôi nghe nói cậu Leopold gần đây rất rùng rinh tiền bạc. Chắc chắn ai đó đã trả tiền để cậu bé im lặng.”

“Nhưng ai? Là ai mới được?”

“Chúng ta sẽ tìm ra thôi,” Poirot quả quyết. “Cũng sẽ không lâu đâu.”





## CHƯƠNG 22

Con người Hercule Poirot vốn không quen hỏi ý kiến người khác. Ông thường khá hài lòng với suy đoán của chính mình. Tuy nhiên, cũng đã có vài ngoại lệ. Và lần này cũng vậy. Poirot bàn bạc ngắn gọn cùng Spence, rồi ông liên hệ với một công ty dịch vụ thuê xe ô tô, sau đó ông quay lại bàn tiếp với ông bạn của mình và điều tra viên Raglan rồi lên xe rời đi. Poirot đặt xe đưa mình về London, nhưng trên đường đi có ghé qua một điểm, ông đến trường Elms. Poirot dặn tài xế ông sẽ không ghé lâu, nhiều nhất cũng chỉ mười lăm phút, rồi vào xin gặp cô Emlyn.

“Xin thứ lỗi vì làm phiền cô vào giờ này. Chắc hẳn đây là giờ cô dùng bữa.”

“Không phiền đâu, tôi luôn tin rằng *Me-xừ* Poirot sẽ không bao giờ làm phiền tôi đúng giờ ăn tối nếu như ông ấy không có lý do chính đáng.”

“Cô thật tử tế. Xin thứ thực, tôi đến xin cô lời khuyên.”

“Thật sao?”

Cô Emlyn hơi ngạc nhiên. Đúng hơn cô nhìn vẻ hồ nghi.

“Nghe không giống ông lắm, thưa *Me-xừ* Poirot. Không phải là

ông thường tự suy luận sao?”

“Đúng, tôi thường có suy đoán riêng của mình, nhưng tôi sẽ thấy có chút an lòng nếu những người tôi tôn trọng ý kiến cũng đồng tình với các suy đoán ấy.”

Cô Emlyn không đáp, nhìn ông về chờ đợi.

“Tôi biết ai đã giết Joyce Reynolds,” Poirot nói. “Và tôi tin rằng cô cũng biết đó là ai.”

“Tôi chưa từng nói vậy,” cô Emlyn nói.

“Không. Cô không hề nói ra. Vì thế nên tôi tin rằng đối với cô, đó mới chỉ dừng ở mức suy đoán.”

“Một linh cảm?” cô Emlyn hỏi lại, vẻ lạnh lùng chưa từng thấy.

“Tôi sẽ không dùng từ đó. Tôi dám nói rằng cô đã có suy đoán chắc chắn.”

“Nếu ông đã nói vậy thì tôi xin thừa nhận tôi đã suy đoán chắc chắn về hung thủ. Nhưng như vậy cũng không có nghĩa là tôi phải nói ra suy nghĩ trong đầu của mình cho ông biết.”

“Thưa *mát-đờ-moa-den*, tôi chỉ xin viết bốn từ xuống một tờ giấy, và hỏi liệu cô có đồng ý với bốn từ ấy hay không mà thôi.”

Cô Emlyn đứng dậy, đi đến chiếc bàn giấy ở góc bên kia căn phòng, lấy một tờ giấy trắng và quay lại đưa cho Poirot.

“Ông làm tôi tò mò,” cô nói. “Bốn từ.”

Poirot rút cây bút trong túi ra và viết xuống tờ giấy, rồi cẩn thận gấp lại và đưa cho cô. Cô Emlyn mở ra đọc.

“Vậy là?” Poirot hỏi.

“Có hai từ trong đây tôi đồng tình, đúng vậy. Hai từ còn lại thì khó

hơn. Thú thực tôi không có bằng chứng, và cũng chưa hề nghĩ đến.”

“Nhưng với hai từ đầu tiên, cô đã nắm chắc bằng chứng?”

“Tôi tin là vậy, phải.”

“Nước,” Poirot nói, vẻ nghĩ ngợi. “Ngay khi nghe đến nó, cô đã biết là ai. Tôi cũng vậy. Cô đã biết chắc, tôi cũng chắc chắn. Vậy giờ thì,” Poirot nói, “lại thêm một cậu bé mới bị chết đuối dưới con suối. Cô đã nghe tin rồi chứ?”

“Có, người ta đã gọi điện cho tôi. Em trai của Joyce. Làm thế nào cậu bé lại liên quan ở đây?”

“Cậu bé muốn tiền,” Poirot nói. “Và đã nhận được. Rồi sau đó, khi thời cơ thích hợp, cậu bé bị chết đuối dưới con suối.”

Poirot bình thản nói, giọng không thay đổi, có chăng cũng chỉ gay gắt hơn, chứ không hề dịu đi. Ông tiếp:

“Người nói cho tôi biết chuyện này, lý trí của người đó đã bị lòng trắc ẩn che mờ. Tinh thần bán loạn. Nhưng tôi thì không vậy. Nạn nhân còn nhỏ tuổi, là đứa trẻ thứ hai bị sát hại, nhưng cái chết của thằng bé không phải là một tai nạn. Mà kỳ thực, cũng như mọi sự trên đời, là hậu quả từ các hành động của nó. Cậu ta muốn tiền và đã chấp nhận rủi ro. Cậu ta đủ thông minh, và đủ ranh mãnh để hiểu rằng mình đang mạo hiểm, nhưng cậu ta lại cần tiền. Dù mới chỉ mười tuổi nhưng cũng phải chịu luật nhân quả như những người lớn ba mươi, năm mươi hay chín mươi tuổi. Cô có biết ưu tiên của tôi trong những trường hợp thế này là gì không?”

“Tôi đoán,” cô Emlyn đáp, “ông quan tâm đến công lý hơn là lòng trắc ẩn.”

“Lòng trắc ẩn,” Poirot nói, “theo tôi chẳng giúp đỡ được gì cho Leopold. Cậu ta đã đến mức vô phương cứu giúp rồi. Công lý, nếu như chúng ta lấy lại được công lý, cô và tôi ấy, thì sao? Vì tôi cũng tin rằng cô cũng có cùng cách suy nghĩ với tôi trong việc này. Sẽ có người nói công lý cũng chẳng giúp được gì cho Leopold. Nhưng nó có thể giúp cho những Leopold khác, nó có thể giữ mạng sống cho những đứa trẻ khác, nếu như chúng ta giành được công lý kịp thời. Đây không phải một việc an toàn. Tên sát nhân đã từng xuống tay hơn một lần như vậy. Đối với kẻ đó, giết chóc là một biện pháp đảm bảo an toàn. Giờ tôi đang trên đường trở lại London gặp một vài người để bàn bạc cách xử lý. Đúng hơn là để thuyết phục họ tin theo suy đoán của tôi lần này.”

“Ông sẽ gặp khó khăn đấy,” cô Emlyn nói.

“Không, tôi không nghĩ vậy. Về cách thức và phương tiện để thực hiện thì có thể khó, nhưng tôi tin mình có thể khiến họ thay đổi theo thông tin và suy đoán của tôi về những gì đã diễn ra. Bởi họ cũng hiểu rõ tâm lý tội phạm. Có một chuyện nữa tôi cũng xin hỏi cô. Tôi cần tham khảo ý kiến của cô. Lần này chỉ là quan điểm thôi, không phải là bằng chứng. Quan điểm của cô về tính cách của Nicholas Ransom và Desmond Holland. Theo cô tôi có thể tin được hai anh chàng này không?”

“Tôi dám nói chắc chắn rằng cả hai đều hết sức đáng tin cậy. Đó là đánh giá của tôi. Họ nhiều khi làm những chuyện cực kỳ ngu ngốc, nhưng chỉ là trong những việc vặt vãnh thôi, về cơ bản, cả hai đều là những người biết suy nghĩ và đáng tin. Như một quả táo không hề có sâu vậy.”

“Người ta luôn viện đến táo trong mọi chuyện,” Hercule Poirot buồn bã nói. “Giờ tôi phải đi rồi. Xe đang chờ. Tôi vẫn còn một chỗ cần ghé qua.”



## CHƯƠNG 23

“Bà đã nghe chuyện xảy ra ở Vườn Mỏ Đá chưa?” bà Cartwright nói, tay đặt một gói bánh mì *Fluffy Flakelets and Wonder White* vào giỏ mua hàng.

“Vườn Mỏ Đá sao?” Elspeth Mckay hỏi lại. “Chưa, tôi chưa nghe thấy tin gì đặc biệt cả.” Bà chọn một gói ngũ cốc.

Hai người phụ nữ đang đi mua sắm buổi sáng trong một siêu thị mới mở.

“Họ đang kháo nhau là cây cối ở đó rất nguy hiểm. Một vài nhân viên lâm nghiệp đã có mặt sáng nay. Là ở phía bên kia đồi, dốc ở đó rất cao và một cái cây đang bắt đầu nghiêng xuống. Tôi đoán là cái cây ấy sắp đổ xuống. Trên đó từng có cây bị sét đánh mùa đông năm ngoái, nhưng hình như cách đây xa hơn. Dù sao thì họ đang đào quanh các rễ cây một chút, và đào khá sâu. Thật tiếc. Rồi họ sẽ xới tung chỗ đó cho xem.”

“Ồi, thì,” bà Elspeth Mckay nói, “tôi nghĩ họ biết mình đang làm gì. Hẳn là có người đã gọi họ đến.”

“Họ cũng cử một số cảnh sát đến nữa, hình như để phong tỏa khu đó. Chắc là để giữ mọi người tránh xa. Họ nói gì đó về việc kiểm

tra xem cây nào bị sâu bệnh trước.”

“Tôi hiểu rồi,” Elspeth Mckay đáp.

Có thể là bà đã hiểu thật. Không phải là có người nói cho bà biết chuyện, mà Elspeth là người không cần ai nói cũng hiểu.

Ariadne Oliver vượt thẳng bức điện tín bà mới nhận được từ người giao ở cửa. Thông thường bà hay nhận điện tín qua điện thoại, và phải điên cuồng lục tung khắp phòng để tìm một mẫu bút chì ghi chép lại, sau đó một mực yêu cầu người ta phải gửi thêm cho bà một bản xác nhận nội dung. Vì quá quen với cách làm đó, nên bây giờ bà hơi giật mình khi nhận được mảnh giấy bà gọi là một “bản điện tín thực sự” như ngày xưa.

*“XIN HÃY ĐƯA BÀ BUTLER VÀ MIRANDA LÊN Ở TẠI CĂN HỘ CỦA BÀ NGAY LẬP TỨC. KHÔNG CÒN THỜI GIAN NỮA. QUAN TRỌNG LÀ PHẢI GẶP BÁC SĨ ĐỂ PHẪU THUẬT.”*

Bà Oliver lập tức đi vào bếp. Judith Butler đang bận rộn làm món thạch mộc qua.

“Judy,” bà nói, “hãy để đây và đi gói ghém đồ đạc, tôi về London bây giờ và bà sẽ đi cùng tôi, cả Miranda nữa.”

“Bà thật tử tế khi mời chúng tôi đến nhà, Ariadne ạ, nhưng ở đây tôi còn bao nhiêu việc phải làm. Mà, bà đâu có cần phải đi vội ngay hôm nay như thế?”

“Có, tôi phải lên đường ngay, có người bắt tôi phải đi”, bà Oliver nói.

“Ai bắt bà cơ, người giúp việc gọi bà về sao?”

“Không,” bà Oliver đáp. “Là người khác. Một trong số rất ít người tôi tin tưởng và nghe theo. Nào, nhanh lên.”

“Tôi không muốn ra khỏi nhà bây giờ. Tôi không thể đi được.”

“Bà bắt buộc phải đi,” bà Oliver cương quyết. “Xe đã sẵn sàng. Tôi đợi trước cửa rồi. Chúng ta phải đi ngay bây giờ.”

“Tôi không muốn đưa Miranda theo. Tôi sẽ gửi con bé cho nhà người quen ở đây, sang nhà Reynolds hoặc Rowena Drake.”

“Miranda cũng phải đi cùng,” bà Oliver lập tức ngắt lời. “Đừng làm mất thời giờ nữa, Judy. Chuyện này rất hệ trọng. Tôi không hiểu sao bà có thể để cô bé ở nhà Reynolds. Hai đứa con nhà Reynolds mới bị sát hại đấy, không phải sao?”

“Phải, phải, đúng rồi. Bà nghĩ nhà đó có vấn đề. Ý tôi là ở đó có người đã... Ôi, tôi định nói gì ấy nhỉ?”

“Chúng ta nói nhiều quá,” bà Oliver nói. “Dù sao thì,” bà thêm vào, “nếu có ai sắp bị sát hại nữa, thì tôi thấy khả năng cao nhất là Ann Reynolds.”

“Nhà đó bị làm sao vậy nhỉ? Tại sao mấy đứa trẻ cứ lần lượt bị giết, hết đứa này đến đứa khác? Ôi, Ariadne, thật là đáng sợ!”

“Phải,” bà Oliver nói, “nhưng chuyện sợ hãi đó hãy để lúc khác. Tôi mới nhận được một bức điện tín và tôi phải hành động ngay.”

“Ồ, sao tôi không nghe thấy có chuông điện thoại gọi đến.”

“Không phải qua điện thoại, mà là qua nhân viên giao điện tín.”



Bà Oliver chần chừ một chút, rồi giờ ra cho bạn xem,

“Vậy nghĩa là sao? Phẫu thuật?”

“Có thể là amidan,” bà Oliver đáp. “Tuần trước Miranda bị sưng họng, có phải không? Nếu vậy thì, tốt hơn hết cô bé nên được đưa đi gặp bác sĩ chuyên về họng ở London?”

“Bà có phát điên rồi không, Ariadne?”

“Có thể,” bà Oliver đáp, “điên đến phát cuồng rồi. Nhanh lên. Miranda sẽ thích đi London chơi lắm. Bà không cần phải lo đâu. Cô bé sẽ không phải chịu phẫu thuật gì đâu. Đó chỉ là cái có thôi, gọi là ‘vỏ bọc’ che mắt trong mấy truyện gián điệp ấy. Chúng ta sẽ đưa cô bé đi xem phim, hoặc nghe hát, hay mọi thứ theo khẩu vị nó thích. Nói chung, tôi nghĩ hay nhất là đưa cô bé đi xem ballet.”

“Tôi bắt đầu thấy sợ,” Judith lo lắng nói.

Ariadne Oliver nhìn bạn của mình. Người bà Butler run nhẹ nhẹ. Lúc này trông bà giống một nữ thần nước hơn bao giờ hết, Ariadne Oliver thầm nghĩ, như thể bà ấy đang bước ra khỏi khung cảnh phàm trần xung quanh vậy.

“Đi thôi nào,” bà Oliver giục giã, “tôi đã hứa với Hercule Poirot là tôi sẽ đưa bà đi khi nào ông ấy thông báo. Giờ thì, ông ấy đã báo tin rồi.”

“Chuyện gì đang xảy ra ở chốn này vậy? Judith thốt lên. “Tôi không hiểu sao hồi trước mình lại đến đây nữa.”

“Đôi khi tôi cũng thắc mắc tại sao bà lại chọn chỗ này,” bà Oliver nói, “nhưng chuyện chọn nơi ở cũng khó mà hiểu được. Tôi có một ông bạn hồi trước đã dọn đến một nơi tên là Moreton-ở-giữa-đầm-

lầy\*. Tôi hỏi tại sao ông ta lại muốn sống ở nơi như vậy, thì bạn tôi trả lời rằng ông ấy luôn mong ước và lên kế hoạch cho cuộc sống ở đó. Ngay khi nghỉ hưu, ông ấy sẽ dọn đến ở. Tôi nói dù bản thân chưa đến đó bao giờ, nhưng nghe nó có vẻ ảm thấp lầy lội quá. Ngoài đời có thật là nó như vậy không nhỉ? Bạn tôi nói ông ấy không rõ, nhưng vẫn luôn ao ước đến đó ở. Ông ấy đầu óc cũng khá bình thường.”

“Vậy cuối cùng ông ta có đến đó không?”

“Có.”

“Và ông ta thích ở đó?”

“Cái đó thì tôi vẫn chưa nghe tin gì,” bà Oliver nói. “Nhưng con người đúng là kỳ quặc, phải không? Có những thứ người ta muốn làm, có những thứ họ lại nhất định phải làm bằng được...”

Bà Oliver ra vườn và gọi lớn: “Miranda, chúng ta sắp sửa đi London.”

Miranda từ từ tiến lại gần.

“Đi London sao ạ?”

“Bà Ariadne sẽ lái xe đưa chúng ta lên đó,” mẹ cô bé nói. “Chúng ta sẽ đi chơi và xem kịch. Bà Oliver nghĩ cần mua vé xem múa ballet nữa. Con có muốn đi xem múa ballet không?”

“Con thích lắm,” Miranda nói. Mắt cô bé sáng bừng lên. “Con phải đi để chào tạm biệt một người bạn trước đã.”

“Chúng ta sẽ đi ngay bây giờ.”

“Ôi, con sẽ không đi lâu đâu, nhưng con phải thông báo cho bạn. Có vài chuyện con đã hứa là sẽ làm.”

Cô bé chạy vào vườn và biến mất sau cánh cổng.

“Bạn Miranda là ai vậy?” bà Oliver hỏi, vẻ tò mò.

“Tôi chẳng bao giờ biết được,” Judith trả lời. “Con bé chẳng bao giờ kể chuyện gì cả, bà biết đấy. Nhiều lúc tôi nghĩ có khi đám bạn con bé nói là lũ chim nó gặp trong rừng. Hoặc con sóc nào đó. Tôi thấy ai cũng có vẻ quý con bé, nhưng nó không thực sự có bạn. Ý tôi là chẳng bao giờ thấy nó đưa cô bé nào về nhà dùng trà hay gì cả. Cũng không có bé gái nào rủ nó đi chơi. Tôi nghĩ bạn thân nhất của Miranda có lẽ là Joyce Reynolds.” Bà Butler ngừng lại, rồi mơ hồ nói thêm. “Joyce thường hay kể cho con bé nghe những chuyện kỳ quái thú vị về đám voi và hổ.”

Rồi bà đứng dậy.

“Giờ thì, có lẽ tôi phải đi chuẩn bị hành lý, như bà nói. Nhưng tôi vẫn không muốn đi xa lúc này. Còn có rất nhiều việc tôi đang làm dang dở, như món thạch và...”

“Bà phải đi,” bà Oliver cương quyết.

Judith lên lầu rồi quay trở xuống với mấy chiếc vali hành lý. Đúng lúc đó, Miranda cũng chạy vào nhà từ cửa bên, gần như hụt hơi.

“Chúng ta không ăn trưa trước sao ạ?” cô bé hỏi.

Dù bề ngoài Miranda nhìn mảnh mai như một yêu tinh rừng, nhưng cô bé vẫn là một đứa trẻ khỏe mạnh và ham ăn uống.

“Chúng ta sẽ dừng để ăn trưa ngang đường,” bà Oliver nói. “Chúng ta sẽ dừng ở quán The Black Boy ở Haversham. Đến đó là vừa đúng giờ ăn, cách đây chỉ khoảng bốn mươi lăm phút thôi, và họ phục vụ bữa trưa khá ngon. Đi nào, Miranda, chúng ta phải đi

bây giờ.”

“Cháu không kịp nói với Cathie ngày mai cháu không cùng bạn ấy đi xem tranh được. À, cháu sẽ gọi điện cho bạn ấy vậy.”

“Nào, nhanh lên,” mẹ cô bé thúc giục.

Miranda chạy đến chiếc điện thoại đặt trong phòng khách. Judith và bà Oliver chuyển vali vào trong xe. Cô bé chạy ra khỏi phòng khách.

“Con để lại lời nhắn rồi,” cô bé vừa nói vừa thở hổn hển. “Giờ đã xong.”

“Tôi nghĩ bà phát điên rồi, Ariadne ạ,” bà Judith nói khi hai người ngồi vào xe. “Điên thật rồi. Tất cả những chuyện này là sao?”

“Đến lúc đó, chúng ta sẽ biết thôi, tôi nghĩ vậy,” bà Oliver đáp. “Tôi không biết là tôi điên hay ông ấy nữa.”

“Ông ấy? Ai cơ?”

“Hercule Poirot,” bà Oliver nói.

Ở London, Hercule Poirot ngồi trong một căn phòng cùng bốn người đàn ông khác. Một là điều tra viên Tim Raglan, ngồi nghiêm chỉnh và gương mặt không biểu cảm, như bản tính từ trước đến nay của anh chàng mỗi khi có mặt cấp trên; người thứ hai là thanh tra Spence. Nhân vật thứ ba là Alfred Richmond, Cảnh sát trưởng hạt và cuối cùng là một người đàn ông gương mặt góc cạnh, đại diện luật pháp đến từ văn phòng ủy viên công tố. Mỗi người nhìn Hercule Poirot với

về mặt khác nhau, nhưng tựu trung, có thể mô tả là đều vô cảm.

“Ngài có vẻ chắc chắn, *Me-xừ* Poirot.”

“Tôi thực sự chắc chắn,” Hercule Poirot đáp. “Khi sự việc đã diễn ra theo một trình tự nhất định, và chúng ta tìm ra đúng trình tự đó, thì ta chỉ cần tìm những lý lẽ phản biện lại nó. Nếu không tìm được, tức là có thể chắc chắn phán đoán của mình là đúng.”

“Tôi phải nói là, các động cơ này có vẻ hơi phức tạp.”

“Không hề,” Poirot đáp, “thực sự không hề phức tạp. Mà ngược lại, quá đơn giản khiến người khác không nhìn ra rõ ràng được.”

Vị đại diện pháp lý tỏ vẻ nghi ngờ.

“Chúng ta sẽ sớm có chứng cứ chắc chắn ngay thôi,” điều tra viên Raglan nói. “Tất nhiên, nếu có sai lầm ở đây...”

“*Chuông vang đình đoong, chẳng có chú mèo nào rơi xuống giếng?*” Poirot nói. “Ý ông là ở đó?”

“Thì, ông chắc cũng thấy nó nghe giống như đoán mò thật.”

“Các bằng chứng đều chỉ hết về hướng ấy. Khi một cô gái mất tích, thường lý do không nhiều. Một là cô ấy bỏ đi theo đàn ông. Hai là cô ấy đã chết. Các nguyên nhân còn lại thường hãn hữu và gần như chẳng bao giờ xảy ra.”

“Không có căn cứ cụ thể nào ông có thể cung cấp cho chúng tôi sao, *Me-xừ* Poirot?”

“Có. Tôi đã liên hệ với một hãng bất động sản nổi tiếng. Họ là bạn bè của tôi, chuyên phụ trách kinh doanh nhà đất ở các khu vực West Indies, bờ biển Aegean, biển Adriatic, Địa Trung Hải và một vài nơi khác. Họ chuyên về những vùng đất nắng gió ngập tràn và khách

hàng của họ thường rất giàu có. Đây là một phi vụ mua bán mà các ngài có thể quan tâm.”

Poirot đưa ra một tờ giấy gấp làm đôi.

“Ông nghĩ cái này có liên quan đến vụ án?”

“Tôi chắc chắn là có.”

“Tôi tưởng chính quyền ở đây nghiêm cấm việc mua bán đảo?”

“Tiền thường luôn biết cách tìm được lối đi riêng.”

“Ông không để tâm tìm hiểu đến đầu mối nào khác nữa sao?”

“Nếu được thì trong vòng hai mươi tư giờ tới tôi sẽ có thêm một bằng chứng xác nhận nữa cho các ông.”

“Và đó là...?”

“Một nhân chứng.”

“Ý của ông...”

“Một nhân chứng có mặt tại hiện trường một vụ án.”

Đại diện pháp lý nhìn Poirot với vẻ hoài nghi ngày càng hiện rõ.

“Nhân chứng đó giờ đang ở đâu?”

“Đang trên đường đến London, tôi hy vọng, và cũng tin là vậy.”

“Ông có vẻ... bất an.”

“Đúng vậy. Tôi đã làm những gì có thể để sắp xếp mọi chuyện đầu vào đây, nhưng xin thú thực với các ngài, tôi đang rất lo sợ. Đúng vậy, tôi vẫn rất sợ, bất kể đã dùng mọi biện pháp phòng ngừa. Bởi vì, các ngài thấy đấy, chúng ta... phải nói thế nào nhỉ? Chúng ta đang chống lại một kẻ hết sức tàn nhẫn và xuống tay rất mau lẹ, với lòng tham vượt giới hạn xa nhất của con người, và có lẽ... tôi không biết điều này có đúng không, nhưng đầu hấn còn có chút, chúng ta

phải gọi là, điên cuồng. Tất cả đều không phải là bản tính từ khi sinh ra, mà được dung dưỡng từ từ. Một hạt mầm xấu xa đã cắm rễ và lớn rất nhanh. Và giờ nó đã chiếm trọn và điều khiển con người ấy, lan tỏa trong đầu óc kẻ đó một lối suy nghĩ phi nhân tính đối với mạng sống.”

“Việc này chúng ta sẽ cần phải bàn bạc, tìm hiểu thêm,” vị đại diện pháp lý nói. “Chúng ta không thể vội vã được. Tất nhiên, còn phụ thuộc rất nhiều vào, ờ, công tác lâm nghiệp kia. Nếu kết quả là đúng, chúng ta sẽ phải xem xét lần nữa.”

Hercule Poirot đứng dậy.

“Giờ tôi phải đi. Tôi đã cho các ngài biết mọi chuyện tôi biết và mọi điều tôi lo sợ và đang phải đương đầu, tôi chắc chắn sẽ giữ liên lạc với các ngài.”

Ông trình trọng bắt tay từng người, lịch thiệp theo phong thái châu Âu, rồi rời đi.

“Ông thám tử này có vẻ là một tay lang băm lừa đảo,” đại diện ủy viên công tố lên tiếng. “Các ngài có thấy ông ta hơi không bình thường không? Ý tôi là về đầu óc ấy? Dù sao ông ta cũng có tuổi rồi. Tôi không nghĩ chúng ta có thể dựa vào đầu óc của một ông lớn tuổi như vậy.”

“Tôi nghĩ ngài có thể tin cậy ông ấy,” vị Cảnh sát trưởng nói. “Ít nhất, thì theo kinh nghiệm của tôi. Spence, tôi biết ông đã lâu. Ông cũng là bạn của ông ấy. Ông có thấy ông ấy bắt đầu lảm cẩm rồi không?”

“Không, không hề,” thanh tra Spence nói. “Còn anh nghĩ sao, Raglan?”

“Tôi chỉ mới gặp ông ấy gần đây thôi, thưa ngài. Ban đầu tôi nghĩ ông ấy... thì, cách ông ta nói chuyện, những ý tưởng của ông ấy, có phần hơi quái dị. Nhưng xét cho cùng, tôi đã bị thuyết phục. Tôi tin tiếp tục sẽ có bằng chứng chứng minh ông ấy đúng.”





## CHƯƠNG 24

Bà Oliver ngồi thu mình bên bàn ăn sát cửa sổ trong quán The Black Boy. Vì vẫn còn sớm nên phòng ăn chưa đông lắm. Lúc này, Judith Butler trở lại bàn sau khi đi trang điểm lại và ngồi xuống ghế đối diện bà, bắt đầu mở thực đơn chọn món.

“Miranda thích món gì?” Oliver hỏi. “Chúng ta có thể gọi món cho con bé luôn. Tôi nghĩ nó sẽ sớm quay lại ngay thôi.”

“Con bé thích món gà quay.”

“Thế thì dễ rồi. Còn bà thì sao?”

“Tôi cũng sẽ gọi món đó.”

“Vậy là ba phần gà quay,” bà Oliver gọi món.

Rồi bà dựa lưng ra đằng sau, nhìn như xoáy vào người bạn trước mặt.

“Sao lại nhìn tôi chằm chằm như vậy?”

“Tôi đang nghĩ,” bà Oliver đáp.

“Nghĩ gì cơ?”

“Rằng thực ra tôi biết về bà rất ít.”

“Thì, ai mà chẳng vậy, có phải không?”

“Ý bà là không ai thực sự biết tất cả về người khác.”

“Đúng vậy.”

“Có lẽ là bà nói đúng,” bà Oliver nói.

Cả hai người phụ nữ ngồi im lặng một lúc.

“Ở đây họ phục vụ thật chậm chạp.”

“Món ăn chắc là sắp lên rồi,” bà Oliver nói.

Cô bồi bàn bưng đến một khay đầy đĩa thức ăn.

“Miranda lâu thật đấy. Con bé có biết phòng ăn ở đâu không?”

“Có, chắc chắn là có. Chúng tôi đã nhìn thấy khi vào đây.” Judith vội vàng đứng dậy. “Tôi phải đi lời nó về mới được.”

“Tôi không biết cô bé có bị say xe không.”

“Hồi nó còn nhỏ thì có.”

Judith quay lại sau vài phút.

“Con bé không có ở trong nhà vệ sinh nữ. Trong đó có một cánh cửa dẫn ra vườn. Có lẽ con bé lại ra ngoài đó coi chim chóc hay gì đó. Nó hay vậy lắm.”

“Hôm nay không có thời giờ để ngắm chim chóc rồi,” bà Oliver nói. “Bà đi gọi con bé về đi. Chúng ta phải đi sớm.”

Elspeth McKay dùng nĩa đục lỗ lên mấy miếng xúc xích, rồi đặt chúng vào khay nướng, cho vào tủ lạnh. Xong xuôi, bà quay lại gọt khoai tây.

Chuông điện thoại reo.

“Bà McKay? Tôi hạ sĩ Goodwin đây. Em trai bà có nhà không?”

“Không. Hôm nay em tôi đã đi London.”

“Tôi gọi cho ông ấy ở đó, nhưng ông ấy đã đi mất rồi. Khi nào em trai bà trở lại, xin hãy báo với ông ấy chúng tôi đã có kết quả, và đúng là vậy.”

“Ý ông là, đã tìm thấy một thi thể trong giếng nước?”

“Xem ra giữ kín miệng chẳng được ích gì. Tin tức đã lan ra rồi.”

“Là ai vậy? Cô ô-pe đó à?”

“Có vẻ là thế.”

“Thật tội nghiệp,” bà Elspeth nói. “Cô ấy tự nhảy xuống đó hay sao?”

“Không phải là tự tử... cô ta bị dao đâm. Có vẻ chắc chắn là một vụ giết người”

Thấy mẹ mình rời khỏi nhà vệ sinh nữ, Miranda đợi thêm một hai phút nữa. Sau đó cô bé cẩn thận mở cửa, rón rén bước ra, mở cánh cửa hông dẫn ra khu vườn ngay bên cạnh và chạy xuống con đường trong vườn, băng qua sân sau của một ngôi nhà trước đây từng là nhà trọ qua đêm, và giờ là một garage. Cô bé trốn ra bằng lối cửa nhỏ cho phép người đi bộ bước xuống con đường bên ngoài. Xa phía cuối đường có một chiếc xe ô tô đang đậu. Một người đàn ông với cặp lông mày xám và hàng râu quai nón ngả bạc đang ngồi

bên trong đọc báo. Miranda mở cửa và trèo vào ghế bên cạnh tài xế. Cô bé cười phá lên.

“Nhìn tức cười quá!”

“Cứ cười cho đã đi, chẳng ai cấm đâu.”

Xe bắt đầu chạy, xuôi theo con đường, rẽ phải, rồi rẽ sang trái, rẽ phải lần nữa rồi đi xuống con đường nhỏ.

“Chúng ta vẫn còn thời gian,” người đàn ông râu xám nói. “Đến lúc đó, cháu sẽ được thấy cặp rìu ấy. Và Kilterbury Down nữa. Cảnh đẹp tuyệt vời.”

Một chiếc ô tô lao vượt họ sát đến nỗi cả hai bị ép gần sát lề.

“Mấy thằng oắt con ngu xuẩn,” người đàn ông la lên.

Trong xe một thanh niên tóc dài chấm vai và đeo một cặp kính tròn lớn như mắt cú. Gã còn lại nhìn có nét Tây Ban Nha với tóc mai dài.

“Lỡ mẹ cháu lo thì sao ạ?” Miranda nói.

“Bà ấy không có thời gian để lo đâu. Khi đó, cháu đã đến được nơi cần đến rồi.”

Ở London, Hercule Poirot nhắc máy. Giọng bà Oliver vang lên:

“Chúng tôi để lạc mất Miranda rồi.”

“Lạc mất, ý bà là sao?”

“Chúng tôi ăn trưa ở The Black Boy. Cô bé vào nhà vệ sinh rồi

không thấy trở ra. Có người nói thấy cô bé leo lên xe ô tô của một người đàn ông lớn tuổi. Nhưng cũng có thể đó không phải là cô bé. Có thể là một người khác. Có...”

“Lẽ ra luôn phải có người ở bên cạnh cô bé chứ. Cả hai người lẽ ra không nên để cô bé khuất tầm mắt. Tôi đã nói với bà là đang có nguy hiểm. Bà Butler có lo lắng lắm không?”

“Tất nhiên là bà ấy lo cuống lên rồi. Chứ ông nghĩ sao? Bà ấy đang phát điên lên. Bà ấy nhất quyết đòi gọi cho cảnh sát.”

“Đúng vậy, nên làm như thế. Tôi cũng sẽ gọi cho họ.”

“Nhưng tại sao Miranda lại gặp nguy hiểm?”

“Bà không biết sao? Giờ thì bà phải biết rồi chứ.” Ông nói thêm: “Người ta đã tìm thấy thi thể. Tôi mới nghe...”

“Thi thể nào?”

“Thi thể trong một cái giếng.”



## CHƯƠNG 25

“Đẹp quá đi mất,” Miranda nói, nhìn cảnh vật xung quanh.

Vòng tròn đá Kilterbury là một thắng cảnh trong vùng, dù không mấy người biết đến những tàn tích của nó. Công trình này đã bị tàn phá từ nhiều thế kỷ trước. Nhưng nó vẫn còn lác đác vài tảng cự thạch cao khổng lồ, đứng vững chãi vươn thẳng lên bầu trời, để kể lại lịch sử một nghi lễ thờ cúng đã biến mất từ lâu trong quá khứ.

Miranda bắt đầu đặt câu hỏi:

“Sao họ lại dựng mấy hòn đá này lên làm gì ạ?”

“Để phục vụ cho lễ nghi. Họ thờ cúng và hiến tế theo lễ nghi ở đây. Cháu hiểu về hiến tế, đúng không, Miranda?”

“Cháu nghĩ là có ạ.”

“Đó là việc bắt buộc phải làm, cháu biết đấy. Nó rất quan trọng.”

“Ý là, không phải là một dạng trừng phạt sao? Mà cho một mục đích khác?”

“Đúng, là mục đích khác. Cháu chết đi để những người khác được sống. Cháu chết đi để vẻ đẹp có thể sống. Nó phải diễn ra. Nó rất quan trọng.”

“Cháu cứ tưởng...”

“Ừ, sao, Miranda?”

“Cháu cứ nghĩ nếu một người phải chết, thì sẽ là vì những gì họ làm đã cướp đi sinh mạng của người khác.”

“Ai nhét vào đầu cháu suy nghĩ đó?”

“Cháu đang nghĩ đến Joyce. Nếu như cháu không kể cho bạn ấy nghe một chuyện, thì bạn ấy đã không chết, có phải không?”

“Có thể là không.”

“Cháu cứ thấy lo kể từ khi Joyce chết. Lẽ ra cháu đâu cần phải kể cho bạn ấy, có đúng không ạ? Cháu đã kể vì cháu muốn tìm câu chuyện nào đó đáng giá để kể cho bạn ấy. Bạn ấy đã đi Ấn Độ và cứ kể mãi về nó - về đám hỏa, về đàn voi và những tấm rèm vàng ròng và các món trang trí bằng vàng khác, cả những hoa văn của chúng nữa. Và cháu cũng nghĩ - bỗng dưng cháu muốn có ai đó khác biết chuyện này, bởi vì trước đây cháu chưa từng nghĩ kỹ về nó.” Rồi cô bé nói thêm: “Liệu... liệu đó cũng là hiển tế không ạ?”

“Theo một cách nào đó thì đúng.”

Miranda tiếp tục suy tư, rồi cô bé cất lời: “Đã đến lúc chưa ạ?”

“Mặt trời vẫn chưa đúng vị trí. Cần thêm khoảng năm phút nữa, có lẽ vậy, rồi sau đó mặt trời sẽ hạ dần vào giữa tảng đá kia.”

Hai người lại tiếp tục im lặng bên chiếc xe.

“Đến giờ rồi,” người đi cùng Miranda nói, nhìn thẳng về phía mặt trời bắt đầu lặn xuống đường chân trời. “Bây giờ chính là thời khắc tuyệt vời nhất. Không có ai ở đây. Không có ai đến đây giờ này và leo bộ đến đỉnh Kilterbury Down để ngắm vòng tròn Kilterbury.

Tháng 11 thời tiết quá lạnh và mùa quả mâm xôi cũng đã hết. Để ta chỉ cho cháu cặp rìu trước. Cặp rìu trên tảng đá. Được tạc vào đó khi con người bắt đầu chuyển đến đây từ Mycenae hoặc từ Crete vài trăm năm trước. Thật là tuyệt vời, phải không Miranda?”

“Đúng vậy,” Miranda nói. “Chỉ cho cháu xem nào.”

Họ đi bộ đến tảng đá cao nhất. Nằm cạnh nó là một tảng đá đổ, và xa phía dưới sườn đồi là một tảng đá hơi nghiêng, như thể nó bị năm tháng bề oằn.

“Cháu có vui không, Miranda?”

“Có, rất vui ạ.”

“Ký hiệu ấy ở ngay đây.”

“Đây có đúng là cặp rìu không ạ?”

“Có, nó đã bị thời gian bào mòn, nhưng đúng là nó đấy. Đó là biểu tượng. Đặt tay lên đó đi. Và giờ thì, giờ thì chúng ta sẽ uống mừng vì quá khứ và tương lai, và vì cái đẹp.”

“Ồ, thật tuyệt,” Miranda nói.

Một chiếc ly vàng được nhét vào tay cô bé, và người đồng hành rót vào đó thứ chất lỏng màu vàng từ một bình rượu.

“Nó có vị trái cây, vị đào. Uống đi, Miranda, và cháu sẽ thấy vui vẻ hơn.”

Miranda cầm chiếc ly mạ vàng, đưa lên mũi ngửi.

“Vâng. Đúng là nó có mùi đào.Ồ, nhìn này, mặt trời kìa. Đỏ sáng rực rỡ - như đang nằm trên bờ vực của thế giới vậy.”

Người đàn ông xoay người cô bé về phía mặt trời.

“Hãy nâng ly lên và uống.”



Cô bé ngoan ngoãn xoay người. Một tay vẫn đặt trên thân tảng cự thạch và ký hiệu đã mờ trên đó. Người đi cùng đứng đằng sau cô bé. Từ phía dưới tảng đá nghiêng ở sườn đồi, hai bóng người lén bò ra, thân mình cúi gập xuống. Miranda và người đàn ông trên đỉnh đồi quay lưng về phía họ và thậm chí không hề biết có người ở gần mình. Nhanh chóng, nhưng rón rén, cả hai chạy lên đồi.

“Hãy uống vì cái đẹp, Miranda.”

“Còn lâu con bé mới uống!” một giọng nói phía sau vang lên.

Một chiếc áo khoác nhung màu hồng bay đến trùm lên đầu, một con dao đang từ từ giơ lên bị đánh rớt xuống. Nicholas Ransom lao đến ôm Miranda, giữ chặt cô bé và lôi ra, kéo xa khỏi hai người đang vật lộn.

“Em thật ngu hết sức,” Nicholas Ransom gào lên. “Leo lên đây với một tên sát nhân điên khùng. Lẽ ra em phải biết mình đang làm gì chứ.”

“Em có biết,” Miranda nói. “Em đang sắp làm người hiến tế, em nghĩ thế, vì anh không biết đâu, tất cả đều là do lỗi của em. Vì em mà Joyce bị giết. Thế nên đúng là em phải thành vật hiến tế, phải không? Đó sẽ giống như nghi lễ giết để tế thần.”

“Đừng có làm nhảm về mấy cái tế lễ nữa. Người ta đã tìm thấy cô gái kia rồi. Em biết đó, cô ô-pe mất tích từ lâu ấy. Chắc khoảng vài năm trước. Họ đều nghĩ cô ta bỏ trốn vì làm giả một bản di chúc. Nhưng cô ta không hề đi đâu cả. Thi thể cô gái đã được tìm thấy dưới giếng.”

“Ôi!” Miranda đau đớn thốt lên. “Không phải là trong cái giếng ước đó chứ? Không phải là trong cái giếng ước mà em đang cố tìm mãi

chưa thấy chứ? Ôi, em không muốn cô gái ấy ở trong giếng ước.  
Ai... là ai đã để xác cô ấy ở đó?"

“Chính là gã đã đưa em đến đây đây.”



## CHƯƠNG 26

Một lần nữa bốn người đàn ông ngồi trước mặt nhìn Poirot chăm chăm. Tim Raglan, thanh tra Spence và Cảnh sát trưởng đều tỏ vẻ vô cùng háo hức, như những chú mèo đang ngóng chờ chiếc đĩa nhỏ sẽ được đổ đầy kem sữa bất cứ lúc nào. Người thứ tư giữ vẻ mặt của một người đang cố gắng không tin vào sự thật.

“Vậy là, *Me-xừ* Poirot,” vị Cảnh sát trưởng lên tiếng, đứng ra điều khiển buổi làm việc và để cho vị đại diện Viện công tố xem xét một bản tóm tắt hồ sơ. “Chúng tôi đều đã ở đây...”

Poirot giơ tay ra hiệu. Điều tra viên Raglan rời khỏi phòng và quay lại cùng với một phụ nữ ngoài ba mươi tuổi, một cô bé, và hai thanh niên trẻ.

Raglan giới thiệu họ với Cảnh sát trưởng: “Bà Butler, cô Miranda Butler, anh Nicholas Ransom và anh Desmond Holland.”

Poirot đứng dậy và cầm tay Miranda. “Hãy ngồi đây cạnh mẹ của cháu, Miranda - ông Richmond đây là Cảnh sát trưởng, ông ấy muốn hỏi cháu một số câu. Ông ấy muốn cháu trả lời, đều là về một chuyện cháu từng nhìn thấy - khoảng hơn một năm, gần hai năm trước. Cháu đã từng đề cập nó với một người, và, như ta hiểu, chỉ

một người đó. Có đúng không?”

“Cháu đã kể cho Joyce.”

“Và chính xác cháu đã kể cho Joyce chuyện gì?”

“Rằng cháu đã nhìn thấy một vụ giết người.”

“Cháu còn kể cho ai nữa không?”

“Không ạ. Nhưng cháu nghĩ Leopold đã đoán được. Cậu ấy hay nghe lỏm, ông biết đấy. Qua cánh cửa. Kiểu vậy. Cậu ấy thích nghe trộm bí mật của người khác.”

“Cháu đã nghe chuyện Joyce Reynolds vào buổi chiều trước bữa tiệc Halloween nói là chính cô bé đã nhìn thấy một vụ giết người diễn ra. Có đúng như vậy không?”

“Không đâu ạ. Bạn ấy chỉ kể lại những gì cháu nói thôi - nhưng giả vờ là chuyện đó do bạn ấy nhìn thấy.”

“Giờ cháu có thể kể lại những gì cháu đã nhìn thấy.”

“Ban đầu cháu không biết đó là giết người. Cháu cứ nghĩ đó là một tai nạn. Cháu nghĩ cô ấy bị rơi từ đâu đó trên cao xuống.”

“Ở đâu vậy?”

“Trong Vườn Mỏ Đá chìm - ở trong cái hồ ngày xưa đặt đài phun nước ấy ạ. Cháu đang ngồi trên cây. Cháu hay quan sát tụi sóc, và phải giữ im lặng hết sức, nếu không chúng sẽ chạy mất. Tụi sóc nhanh lắm.”

“Hãy kể cho mọi người nghe cháu đã thấy gì.”

“Một người đàn ông và một phụ nữ nâng cô ấy dậy và bế cô ấy đi lên con đường bên trên. Cháu đã nghĩ họ đưa cô ấy đi bệnh viện hoặc vào biệt thự Mỏ Đá. Rồi người phụ nữ bỗng dừng lại và

nói: ‘Có người đang theo dõi chúng ta’, và nhìn chăm chăm vào cái cây cháu đang ngồi. Tự nhiên cháu thấy cực kỳ hoảng sợ. Cháu cố gắng ngồi im. Người đàn ông nói: ‘Không có chuyện đó đâu’, và họ đi tiếp. Cháu nhìn thấy có máu vương trên một chiếc khăn và cả một con dao cũng dính máu - và cháu đã nghĩ có lẽ ai đó định tự tử - và cháu tiếp tục ngồi im.”

“Bởi vì cháu hoảng sợ?”

“Vâng, nhưng cháu không biết tại sao cháu lại sợ.”

“Cháu đã không kể cho mẹ cháu?”

“Không ạ. Cháu đã nghĩ có lẽ cháu không được phép ngồi ở đó quan sát. Và rồi ngày hôm sau không có ai nói gì về vụ tai nạn đó, nên lâu dần cháu quên mất. Cháu chẳng bao giờ nhớ đến nó cho đến khi...”

Cô bé chợt dừng bật. Cảnh sát trưởng mở miệng định nói gì đó, nhưng rồi im lặng. Ông nhìn Poirot và khẽ hất đầu ra hiệu.

“Phải, Miranda,” Poirot vội nói, “cho đến chuyện gì?”

“Như thể chuyện đó lại lặp lại y hệt vậy. Lần này là một con chim gõ kiến xanh, và cháu đang cố ngồi thật yên để nhìn nó từ đằng sau mấy bụi cây. Và hai người ấy ngồi ngay gần đó nói chuyện - về một hòn đảo - một hòn đảo ở Hy Lạp. Cô ấy nói gì mà: ‘Mọi giấy tờ đã ký xong rồi. Nó là của chúng ta, chúng ta có thể đến đó bất cứ khi nào chúng ta muốn. Nhưng ta vẫn phải kiên nhẫn - đừng vội vàng’. Và rồi con chim gõ kiến bay mất, và cháu cử động. Và cô ấy nói: ‘Suýt, yên lặng nào - có ai đó đang theo dõi chúng ta’. Và nó giống y hệt như giọng cô ấy nói lần trước, và gương mặt cô ấy nhìn cũng như vậy, và cháu lại cực kỳ hoảng sợ, và thế là cháu nhớ ra. Và lần này

thì cháu đã hiểu. Cháu hiểu ra lần trước cháu đã nhìn thấy một vụ án mạng, và đó là một xác chết, hai người này đã bê đi đem giấu đâu đó. Ông thấy đấy, cháu không còn là một đứa trẻ nữa. Cháu đã hiểu - về những chuyện xảy ra và chúng có ý nghĩa gì - về các vết máu và con dao và xác chết đã rũ xuống...”

“Đó là khi nào vậy?” vị Cảnh sát trưởng hỏi. “Cách đây bao lâu rồi?”

Miranda suy nghĩ một chút, rồi đáp:

“Tháng 3 vừa rồi, ngay sau Lễ Phục sinh ạ.”

“Cháu có nhận ra một cách chắc chắn những người đó là ai không, Miranda?”

“Tất nhiên là có chứ ạ.” Miranda vẻ khó hiểu.

“Cháu nhìn thấy mặt họ?”

“Tất nhiên rồi ạ.”

“Họ là ai?”

“Bà Drake và Michael...”

Lời tố cáo cất lên một cách dứt khoát. Giọng nói cô bé nhẹ nhàng, hàm chứa chút khó hiểu, nhưng hết sức dứt khoát.

Cảnh sát trưởng nói: “Cháu đã không kể với ai. Tại sao vậy?”

“Cháu đã nghĩ... cháu đã nghĩ đó có thể là một lễ hiến tế.”

“Ai nói với cháu vậy?”

“Michael nói... chú ấy nói các nghi lễ hiến tế là rất cần thiết.”

Poirot nhẹ nhàng nói: “Cháu rất yêu Michael?”

“Ồ, vâng ạ,” Miranda đáp, “cháu rất yêu quý chú ấy.”



## CHƯƠNG 27

“Cuối cùng thì tôi đã tìm được ông,” bà Oliver nói. “Tôi muốn nghe tất cả mọi chuyện.”

Bà nhìn Poirot, hết sức kiên quyết, rồi hỏi giọng gay gắt:

“Tại sao ông không đến sớm hơn?”

“Xin thứ lỗi, *Ma-đam*, tôi quá bận bịu giúp cảnh sát lấy lời khai.”

“Những kẻ làm chuyện này thật là tội phạm tàn nhẫn. Làm thế nào ông có thể nghĩ được là Rowena Drake vướng vào một vụ giết người? Có nằm mơ cũng chẳng ai đoán được như vậy?”

“Chuyện trở nên rất đơn giản ngay khi tôi nắm được đầu mối quan trọng.”

“Đầu mối quan trọng gì?”

“Nước. Tôi cần tìm một người có mặt tại bữa tiệc và bị ướt, dù lẽ ra người đó không nên bị ướt. Bất cứ ai đã giết Joyce Reynolds chắc hẳn phải bị ướt quần áo. Nếu bà phải giữ đầu một đứa trẻ khỏe mạnh chìm xuống một xô nước đầy, thì chắc chắn sẽ có giằng co làm tung tóe nước, nên bà không thể tránh khỏi bị ướt. Vì thế phải có một cái cớ nào đó để giải thích hợp lý cho việc người bà bị ướt. Khi mọi người đang chen nhau vào phòng ăn chơi trò Rồng táp,

bà Drake đã đưa Joyce vào phòng đọc sách. Nếu bà chủ bữa tiệc yêu cầu bà đi cùng bà ấy, lẽ tự nhiên bà sẽ đi theo. Và chắc chắn Joyce không hề nghi ngờ bà Drake. Miranda chỉ kể với Joyce rằng mình từng chứng kiến một vụ giết người. Và thế là Joyce bị giết và kẻ giết cô bé bị ướm không ít. Chắc chắn phải viện ra một lý do nào đó để biện minh và bà ấy bắt đầu tìm cách tạo cái cớ. Bà ấy phải có một nhân chứng để nhìn thấy mình bị dính nước như thế nào. Bà ấy đã đợi ở đầu cầu thang với một bình hoa khổng lồ đầy nước. Đúng lúc đó cô Whittaker bước ra khỏi phòng chơi Rong táp - trong đó quá nóng bức. Và bà Drake giả bộ ra vẻ lo lắng và buông rơi chiếc bình, cố gắng đảm bảo nó đổ nước xuống khắp người mình trước khi vỡ tan tành ở hành lang bên dưới. Bà ấy chạy xuống cùng cô Whittaker nhặt nhanh các mảnh vỡ và hoa cắm, đồng thời kêu than mình đã làm vỡ mất chiếc bình đẹp. Bà ấy cũng biết cách khiến cho cô Whittaker nghĩ rằng mình đã nhìn thấy cái gì đó hoặc ai đó bước ra khỏi căn phòng xảy ra vụ án mạng. Cô Whittaker đã kể lại theo đúng những gì mình nhìn thấy, nhưng khi nói lại với cô Emlyn, thì cô Emlyn lại nhận ra điều hết sức thú vị ở đây. Vì thế nên cô ấy đã thúc giục cô Whittaker kể lại với tôi câu chuyện này. Và thế là,” Poirot nói tiếp, tay xoắn ria mép, “tôi cũng nhận ra kẻ đã giết Joyce là ai.”

“Vậy là từ đầu đến cuối Joyce không hề chứng kiến bất cứ vụ giết người nào cả!”

“Bà Drake đã không biết điều đó. Nhưng bà ấy vốn luôn nghi ngờ có người đã có mặt ở Vườn Mỏ Đá khi mình cùng Michael Garfield giết chết Olga Seminoff, và có thể đã đoán được chuyện này sớm muộn sẽ xảy ra.”



“Từ khi nào ông biết đó là Miranda chứ không phải là Joyce?”

“Ngay khi lý trí cơ bản buộc tôi phải chấp nhận điều tất cả mọi người cùng thống nhất kia là đúng, rằng Joyce là một đứa trẻ hay nói dối. Từ đó rõ ràng chỉ còn Miranda. Cô bé thường xuyên ghé Vườn Mỏ Đá, ngắm chim chóc và sóc. Cô bé từng nói: ‘Bọn cháu kể cho nhau nghe mọi chuyện’. Miranda cũng không đến dự bữa tiệc, nên cô bé hay nói dối Joyce được dịp sử dụng câu chuyện của bạn mình, rằng đã từng nhìn thấy một vụ giết người, có thể là để gây ấn tượng với bà, *Ma-đam*, tiểu thuyết gia trinh thám nổi tiếng.”

“Phải rồi, cứ đổ hết tội lỗi lên tôi.”

“Không, không.”

“Rowena Drake,” bà Oliver dăm chiêu. “Tôi vẫn không thể tin lại là bà ấy.”

“Bà ấy có mọi yếu tố cần thiết. Tôi đã luôn thắc mắc,” ông nói thêm, “chính xác Lady Macbeth\* là người như thế nào. Nếu như gặp ở ngoài đời, thì bà ấy sẽ như thế nào? Chà, tôi nghĩ tôi đã gặp bà ấy rồi.”

“Còn Michael Garfield thì sao? Họ chẳng có vẻ gì là một đôi cả.”

“Thú vị đây... Lady Macbeth và chàng Narcissus,\* một sự kết hợp bất thường.”

“Lady Macbeth,” bà Oliver lẩm bẩm, vẻ suy tư.

“Bà ấy là một phụ nữ xinh đẹp - tháo vát và tài giỏi - một nhà quản lý bẩm sinh - một diễn viên xuất sắc đến bất ngờ nữa. Bà nên nhìn thấy bà Drake than khóc về cái chết của cậu bé Leopold, bà ấy lau nước mắt đến sưng ửng cả chiếc khăn mùi xoa.”

“Thật đáng ghê tởm.”

“Bà còn nhớ tôi đã từng hỏi, theo bà, ai là người tốt và ai không tốt không?”

“Michael Garfield có yêu bà ấy không?”

“Tôi không nghĩ Michael Garfield từng yêu bất cứ ai ngoài bản thân hắn. Hắn muốn tiền - rất nhiều tiền. Có lẽ ban đầu hắn ta tin rằng mình có thể khiến bà Llewellyn-Smythe say mê hắn đến mức để lại một bản di chúc có lợi cho hắn - nhưng bà Llewellyn-Smythe lại không phải là phụ nữ kiểu ấy.”

“Thế còn vụ làm giả giấy tờ? Tôi vẫn không hiểu. Xét cho cùng để làm gì?”

“Ban đầu tôi cũng thấy khó hiểu. Quá nhiều sự giả mạo. Nhưng nếu suy nghĩ kỹ, thì mục đích của nó lại hết sức rõ ràng. Bà chỉ cần cân nhắc những gì đã xảy ra mà thôi. Tất cả tài sản của bà Llewellyn-Smythe để lại cho Rowena Drake.” Poirot giải thích. “Bản bổ sung được đưa ra rõ ràng là làm giả, đến mức luật sư nào cũng có thể nhìn ra. Nó sẽ bị phản bác, và bằng chứng từ các chuyên gia sẽ dẫn đến việc nó bị bãi bỏ và bản di chúc ban đầu được giữ nguyên. Vì chồng của Rowena Drake đã qua đời, nên bà ấy được thừa hưởng mọi thứ.”

“Nhưng còn bản bổ sung có bà dọn dẹp làm chứng?”

“Theo phỏng đoán của tôi, bà Llewellyn-Smythe phát hiện ra Michael Garfield và Rowena Drake đan díu cùng nhau - có thể là trước khi chồng của bà Drake qua đời. Quá tức giận nên bà Llewellyn-Smythe đã viết một bản di chúc bổ sung, để lại toàn bộ tài sản cho cô *ô-pe* của mình. Có lẽ cô gái đã kể lại cho Michael, cô ấy

đã hy vọng sẽ cưới anh ta.”

“Tôi cứ tưởng người tình của cô ta là cậu Ferrier?”

“Đó là câu chuyện mà Michael kể với tôi, nghe rất hợp lý. Nhưng không có thông tin nào xác nhận nó.”

“Vậy nếu anh ta đã biết có bản bổ sung ấy, tại sao không cưới luôn Olga để sở hữu gia tài khổng lồ đó?”

“Bởi vì anh ta nghi ngờ cô ấy có thực sự lấy được số tiền đó hay không. Trong luật có một cái gọi là gây tác động tinh thần không chính đáng đến người viết di chúc. Bà Llewellyn-Smythe đã lớn tuổi và đang bệnh tật. Tất cả các di chúc trước đây của bà ấy đều dành cho người thân ruột thịt của mình, những di chúc hợp lý mà tòa án sẽ đồng thuận. Còn cô gái ngoại quốc này mới chỉ biết bà ta được một năm và chẳng có quan hệ thân thích gì với bà ấy. Bản bổ sung dù có đúng là thật, thì vẫn có thể bị bác bỏ. Thêm nữa, tôi nghi Olga cũng sẽ không chịu mua một hòn đảo Hy Lạp, thậm chí không buồn cân nhắc chuyện đó. Cô ấy không có những người bạn quyền thế, và cũng không quen ai trong kinh doanh. Olga bị Michael quyến rũ, nhưng chỉ muốn ở anh ta một cuộc hôn nhân tốt đẹp trong tương lai, một người sẽ giúp cô ta ở lại nước Anh này - đó cũng chính là mục đích của cô ấy.”

“Thế còn Rowena Drake?”

“Bà ta say mê Michael đến cuồng dại. Chồng bà ấy đã bị tàn phế nhiều năm trời. Dù là phụ nữ trung niên, nhưng bà ấy vẫn còn rất nồng nhiệt, và trong tâm mắt của bà ta bỗng dưng xuất hiện một chàng trai trẻ tuổi với vẻ đẹp hơn người. Phụ nữ rất dễ mê đắm Michael - nhưng điều anh ta muốn lại không phải là phụ nữ đẹp, mà

là khả năng hiện thực hóa những khao khát sáng tạo cho cái đẹp của anh ta. Vì thế Michael chỉ cần tiền - rất nhiều tiền. Còn về tình yêu - anh ta chỉ yêu bản thân mình. Anh ta là một chàng Narcissus. Có một bài hát Pháp ngày xưa tôi từng nghe nhiều năm trước...”

Poirot khe khẽ hát.

*Regarde, Narcisse*

*Regarde, clansFeau...*

*Regarde, Narcisse, que to est beau*

*Il nyau monde*

*Que la Beaute*

*Et la Jeunesse,*

*Helas! Et la Jeunesse...*

*Regarde, Narcisse...*

*Regarde clans l'eau...*

*Hãy nhìn kìa, chàng Narcissus*

*Nhìn, xuống dưới nước...*

*Nhìn kìa, chàng Narcissus, thật đẹp biết bao*

*Trên thế giới này*

*Vẻ Đẹp,*

*Và Tuổi trẻ*

*Và Tuổi trẻ...*

*Nhìn kìa, chàng Narcissus...*

*Hãy nhìn xuống...*

“Tôi không dám tin - tôi không thể tin nổi là có người sẵn sàng giết người khác chỉ để xây một khu vườn trên một hòn đảo ở Hy Lạp,” bà Oliver ngỡ ngàng.

“Thật sao? Bà không thể hình dung anh ta giữ suy nghĩ này trong đầu như thế nào sao? Có thể chỉ như những hòn đá thô, nhưng cũng sắc cạnh đến nhức nhối. Đất và phân bón phủ lên để che đi góc cạnh của những tảng đá - và sau đó đến cỏ rêu, hạt giống, bụi cây và cây cối được trồng lên trên. Có lẽ anh ta đọc được trên báo về một triệu phú đóng tàu đã xây dựng cả một khu vườn trên đảo cho người tình. Và thế là ý tưởng đã len lỏi vào đầu Michael, rằng chính anh ta sẽ xây một khu vườn như vậy, không phải cho người phụ nữ nào cả, mà là cho chính mình.”

“Nhưng tôi vẫn thấy nó thật điên rồ.”

“Đúng vậy. Nhưng chuyện đã xảy ra. Tôi nghĩ Michael thậm chí còn không nhận thấy động cơ đó của mình là bản thiêu. Anh ta chỉ nghĩ được rằng những gì mình làm là cần thiết cho việc sáng tạo cái đẹp. Anh ta phát cuồng với công việc sáng tạo về đẹp của Vườn Mỏ Đá, về đẹp của những khu vườn khác mà anh ta đã phác họa và xây tạo nên - và giờ đây, Michael tính toán xa hơn và lớn hơn nữa - cả một hòn đảo dành riêng cho vẻ đẹp ấy. Và rồi Rowena Drake xuất hiện, si mê anh ta đến cuồng dại. Với Michael, bà ta không có ý nghĩa gì hơn một mỏ tiền khổng lồ để anh ta có thể thực hiện giấc mơ về cái đẹp. Đúng, có lẽ anh ta đã phát điên. Khi thần thánh muốn hủy hoại ai, họ sẽ khiến kẻ đó phát điên trước.”

“Anh ta muốn hòn đảo đó đến vậy sao? Sẵn sàng để Rowena Drake trèo lên đầu lên cổ như vậy sao? Luôn luôn chỉ huy anh ta

làm hết thứ này đến thứ khác?”

“Tai nạn có thể xảy ra. Tôi đoán có khả năng có một tai nạn đã xảy ra với bà Drake trong quá trình đó.”

“Một vụ giết người nữa?”

“Đúng vậy. Bắt đầu rất đơn giản. Olga phải bị thủ tiêu vì cô ta biết về bản đồ sung kia - và họ còn cần cô ấy làm người chịu tội thay, bị gắn mác kẻ lừa đảo. Bà Llewellyn-Smythe đã giấu bản đồ sung gốc, nên tôi nghĩ cậu Ferrier đã được trả tiền để làm một bản giả mạo. Và phải làm giả lộ liễu đến mức ai nhìn thấy cũng lập tức nghi ngờ. Vì việc này, bản án tử hình cho cậu ta đã ký. Ngay từ đầu tôi đã xác định rằng Lesley Ferrier không có mối quan hệ làm ăn hay tình cảm gì với Olga. Đó chỉ là lời kể của Michael Garfield, nhưng tôi nghĩ chính Michael mới là người thuê Lesley. Cũng chính Michael Garfield là người cảm dỗ cô nàng *ô-pe* có tình cảm với mình, dặn dò cô ấy giữ bí mật, không tiết lộ với bà chủ, hứa hẹn về một đám cưới trong tương lai, nhưng cũng chính là kẻ đã nhẫn tâm đưa cô ta vào danh sách nạn nhân mà anh ta và Rowena Drake cần thủ tiêu nếu có thể chiếm được số tiền đó. Không cần Olga Seminoff phải bị kết tội là kẻ làm giả bản đồ sung, hay đến mức lãnh án. Cô ấy chỉ cần bị nghi ngờ mà thôi. Việc làm giả di chúc bề ngoài rõ ràng có lợi cho cô ấy. Và Olga có thể dễ dàng viết mạo danh bà chủ, đã có bằng chứng thực tế là cô ấy từng bắt chước chữ viết tay của bà Llewellyn-Smythe. Và nếu cô ấy bỗng dưng biến mất, thì mọi người sẽ nghi ngờ rằng cô *ô-pe* không chỉ giả mạo di chúc, mà có thể đã nhúng tay vào cái chết đột ngột của chủ nhân. Vậy nên chỉ cần chờ đến thời cơ hợp lý để Olga Seminoff chết. Lesley Ferrier đã bị đâm chết trong

một vụ án nhìn có vẻ như thanh toán bằng đảng, hoặc trả thù tình. Nhưng lưỡi dao được tìm thấy trong cái giếng rất trùng khớp với đầu dao chí mạng mà cậu ta đã lãnh. Tôi biết chắc thi thể của Olga chỉ giấu đâu đó trong vùng, nhưng tôi không hề biết chính xác địa điểm cho đến khi Miranda nói về một cái giếng ước và đòi Michael Garfield đưa mình đến. Và anh ta từ chối. Ngay sau đó khi tôi trò chuyện cùng bà Goodbody, tôi có nhắc rằng không hiểu cô ô-pe có thể đi đâu được, thì bà ấy đã nói: 'Chuông vang đình đoong, chú mèo rơi xuống giếng mất rồi.' Và từ đó tôi gần như chắc chắn rằng thi thể của cô gái xấu số ở trong chính cái giếng ước đó. Tôi phát hiện ra nó ở trong khu rừng cây, bên trong Vườn Mỏ Đá, trên một sườn đồi không xa căn nhà nhỏ của Michael Garfield, và tôi suy đoán Miranda có thể đã nhìn thấy vụ giết người hoặc quá trình thủ tiêu xác chết sau đó. Bà Drake và Michael đã lo sợ rằng có người nhìn thấy họ - nhưng không biết chắc chắn là ai - và vì những ngày sau không có chuyện gì xảy ra, nên họ đã bị ru ngủ rằng mình an toàn. Hai người lên kế hoạch, không hề vội vã, mà sắp xếp từng thứ một thật chắc chắn. Bà ta công khai nói về việc mua đất nghỉ dưỡng ở nước ngoài, khiến cho mọi người ở Woodleigh Common tin rằng bà ta muốn chuyển đi nơi khác sống. Luôn tỏ ra Woodleigh Common chứa đựng quá nhiều kỷ niệm buồn, gợi nhắc đến nỗi đau mất chồng của mình. Mọi việc đang tiến triển rất êm đẹp cho đến cú sốc ngày Hallowe'en, khi Joyce bỗng dưng tuyên bố mình từng chứng kiến một vụ giết người. Và đến lúc này Rowena biết ra, hoặc tưởng mình biết, ai đã có mặt trong khu vườn ngày hôm đó. Vậy nên bà ta phải nhanh chóng hành động. Nhưng chuyện không chỉ dừng ở đó. Cậu bé Leopold đến đòi tiền để mua sự im lặng, nói rằng cậu ta

muốn mua vài thứ. Cậu bé biết được, hay đoán được đến đâu thì ta vẫn chưa thể chắc chắn, nhưng cậu ấy là em trai của Joyce, nên có lẽ họ nghĩ cậu ấy biết nhiều hơn thực tế. Và thế là - cậu bé cũng phải chết.”

“Ông nghi ngờ bà ta do manh mối là nước,” bà Oliver nói. “Còn Michael Garfield, từ đâu ông bắt đầu nghi ngờ anh ta?”

“Michael khớp với câu chuyện,” Poirot nói đơn giản. “Và rồi, trong lần cuối tôi nói chuyện với anh ta, tôi đã có thể chắc chắn. Anh ta đã cười lớn và nói với tôi rằng: ‘Hỡi quỷ Satan, hãy cứ bước lên đăng trước ta. Hãy đi và nhập hội với đám bạn cảnh sát của ông đi’. Và từ đó tôi biết, khá chắc chắn. Cậu nói chính xác phải là ngược lại. Tôi đã thầm nghĩ: Ta sẽ để người đăng sau ta, Satan. Một tên quỷ Satan còn quá trẻ và quá đẹp, như Lucifer xuất hiện dưới trần gian vậy...”

Trong phòng khi đó còn có một phụ nữ khác. Ngay từ đầu, bà ấy vẫn ngồi im trên ghế và không hề lên tiếng, cho đến lúc này bà mới đứng dậy.

“Lucifer,” bà nói. “Đúng, giờ thì tôi hiểu rồi. Anh ta luôn luôn như vậy.”

“Michael rất đẹp,” Poirot nói, “và luôn yêu cái đẹp. Vẻ đẹp mà anh ta tạo nên bằng trí óc, trí tưởng tượng sáng tạo và đôi bàn tay. Vì nó anh ta sẵn sàng làm mọi thứ. Tôi nghĩ, Michael yêu cô bé Miranda theo cách riêng - nhưng anh ta vẫn sẵn sàng hy sinh cô bé để cứu bản thân. Anh ta đã lên kế hoạch cho cái chết của Miranda rất cẩn thận - biến nó thành một nghi lễ và, ta có thể gọi là truyền giáo tư tưởng đó vào đầu cô bé. Miranda báo cho anh ta biết mình sắp đi khỏi Woodleigh Common - anh ta hướng dẫn cô bé trốn khỏi quán



trợ nơi bà và bà Oliver dừng lại ăn trưa ra gặp mình. Theo kế hoạch cô bé sẽ được tìm thấy trên vòng tròn Kilterbury - ngay bên cạnh ký hiệu cặp rìu, với một chiếc ly vàng bên cạnh - như một lễ hiến tế.”

“Thật điên rồ,” Judith Butler nói. “Hắn ta hẳn là điên rồ.”

“*Ma-đam*, con gái của bà đã an toàn - nhưng vẫn còn một chuyện tôi rất muốn biết.”

“Tôi nghĩ ông xứng đáng biết mọi điều ông muốn, *Me-xù* Poirot.”

“Cô bé là con gái của bà - liệu cô bé có phải cũng là con gái của Michael Garfield?”

Judith im lặng một lúc, rồi lên tiếng: “Đúng vậy.”

“Nhưng cô bé không hề biết?”

“Không. Con bé không hay biết. Gặp lại anh ta ở đây hoàn toàn là ngẫu nhiên. Tôi biết Michael khi tôi còn rất trẻ. Tôi đã yêu anh ta đến cuồng dại và rồi... và rồi tôi thấy lo sợ.”

“Lo sợ?”

“Đúng vậy. Tôi không biết tại sao. Anh ta không làm gì cả, cũng không có chuyện gì xảy ra, chỉ là lo sợ về con người của anh ta. Dịu dàng, nhưng đằng sau đó là sự lạnh lùng và tàn nhẫn. Tôi thậm chí còn sợ hãi niềm si mê của anh ta với cái đẹp và với sáng tạo trong công việc nữa. Tôi đã không cho Michael biết mình đang mang thai. Tôi đã rời bỏ anh ta - ra đi và sinh con một mình. Tôi bịa ra câu chuyện về người chồng phi công bị chết trong tai nạn máy bay. Tôi di chuyển khá nhiều nơi, và đến Woodleigh Common cũng tình cờ. Tôi có người quen ở Medchester và biết mình có thể tìm công việc văn thư ở đây. Và rồi một ngày Michael Garfield chuyển đến đây làm

việc ở Vườn Mỏ Đá. Tôi đã nghĩ mình sẽ chẳng cảm thấy phiền. Anh ta cũng vậy. Mọi chuyện xảy ra từ rất lâu, nhưng rồi, dù không nhận ra Miranda thường xuyên sang chơi ở vườn, tôi vẫn lo lắng...”

“Đúng vậy,” Poirot nói, “giữa hai người đó có một mối liên hệ đặc biệt. Mối dây thâm tình tự nhiên. Tôi đã nhìn thấy nét giống nhau giữa họ, nhưng chỉ có Michael Garfield, tín đồ của vẻ đẹp Lucifer, là kẻ tàn ác, còn con gái bà thì hoàn toàn trong sáng và hiểu biết nhiều, cô bé không hề có một chút mảnh ác quỷ nào trong người.”

Ông bước đến bàn làm việc và lấy một phong bì, từ trong đó ông rút ra một bức vẽ chì tuyệt đẹp.

“Con gái của bà,” ông nói.

Judith nhìn bức vẽ. Trên đó ghi một chữ ký: *Michael Garfield*.

“Anh ta đã vẽ cô bé bên dòng suối,” Poirot kể lại, “trong khu Vườn Mỏ Đá. Michael nói muốn vẽ bức tranh này để mình không quên Miranda. Anh ta sợ sự lãng quên. Nhưng như vậy vẫn không ngăn anh ta giết cô bé.”

Rồi ông chỉ vào một chữ viết bằng bút chì trên góc trái bức tranh.

“Bà có đọc được nó không?”

Judith đánh vần chậm chậm.

“*Iphigenia*.”\*

“Đúng vậy,” Poirot nói. “Công chúa Iphigenia. Vua Agamemnon đã hy sinh con gái để có được ngọn gió đẩy các con thuyền của mình đến Troy. Michael sẵn sàng hy sinh con gái của mình để anh ta có thể có được một khu vườn Địa đàng mới.”

“Vậy là anh ta biết mình đang làm gì,” Judith nói. “Tôi tự hỏi... liệu

có bao giờ anh ta thấy hối hận?”

Poirot không trả lời. Trong đầu ông dần hiện lên một khung cảnh: một chàng trai trẻ với vẻ đẹp phi thường nằm dưới chân một tảng cự thạch khắc hình cặp rìu, những ngón tay không còn sự sống vẫn siết chặt chiếc ly vàng mà chính anh ta đã giật lấy và uống cạn khi sự cứu rỗi bất ngờ xuất hiện cứu nạn nhân của anh ta và đưa anh ta ra trước công lý.

Vậy là Michael Garfield đã chết, một cái chết hợp tình hợp lý, Poirot nghĩ, nhưng, hỡi ôi, đâu đó trên một hòn đảo biển Hy Lạp, sẽ không có khu vườn tuyệt mỹ nào khoe sắc...

Thay vào đó sẽ là Miranda - còn sống, tươi vui và xinh đẹp.

Poirot nâng tay Judith lên hôn.

“Xin chào từ biệt, *Ma-đam*, và xin cho tôi gửi lời chào đến con gái bà.”

“Con bé chắc chắn sẽ luôn nhớ đến ông và những gì con bé chịu ơn ông.”

“Có lẽ là không nên - có những ký ức cần được chôn vùi.”

Ông tiến đến bên bà Oliver.

“Buổi tối tốt lành, *chère Ma-đam*. Lady Macbeth và chàng Narcissus. Một câu chuyện hết sức thú vị. Tôi xin cảm ơn bà đã đưa tôi đến với nó...”

“Phải rồi,” bà Oliver cúi kính nói, “hãy cứ đổ lỗi cho tôi như mọi lần!”

